

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**

PHAN DOÃN THOẠI – NGUYỄN PHƯƠNG ANH
NGUYỄN THỊ HẠNH – NGUYỄN THỊ MỸ LỘC
HUỖNH VĂN SƠN – NGUYỄN THANH HUÂN – PHAN THANH HÀ

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN DẠY HỌC
THEO SÁCH GIÁO KHOA MỚI
CÁC MÔN**

**TOÁN - TIẾNG VIỆT
ĐẠO ĐỨC**

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

LỚP 1

BỘ SÁCH CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG TÀI LIỆU

Học sinh: HS

Giáo viên: GV

Sách giáo khoa: SGK

Sách giáo viên: SGV

Tiếng Việt 1: TV1

Vở bài tập: VBT

Ví dụ: VD

Hoạt động: HĐ

Năng lực: NL

Phương pháp dạy học: PPDH

Chương trình giáo dục phổ thông: CTGDPT

A – GIỚI THIỆU CHUNG VỀ BỘ SÁCH GIÁO KHOA CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA SÁCH GIÁO KHOA PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

1.1. Quan niệm về sách giáo khoa

- Giáo dục phổ thông phụ thuộc vào chương trình, không phụ thuộc vào SGK;
- SGK cụ thể hoá chương trình; SGK là một trong những tài liệu hướng dẫn dạy học quan trọng;
- SGK cung cấp kiến thức nền tảng, làm cơ sở phát triển những phẩm chất và năng lực người học.

1.2. Trình bày trong sách giáo khoa

Trình bày các sự kiện, cung cấp các tình huống cụ thể, cân nhắc các quá trình học tập của HS.

1.3. Cấu trúc của một đơn vị kiến thức

Có nhiều cấu trúc đa dạng phụ thuộc vào các đặc trưng của các chủ đề được đưa ra.

1.4. Lựa chọn nội dung

- Các khái niệm quan trọng đều được liên hệ đến những kinh nghiệm của cuộc sống thực;
- Nội dung dựa trên nền tảng kiến thức, thiết kế cho người học;
- Khi lựa chọn nội dung cần xem xét về tiện ích.

Dựa trên những đặc trưng cơ bản về SGK phát triển năng lực để định hướng phát triển SGK Cùng học để phát triển năng lực.

2. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỘ SÁCH GIÁO KHOA CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

2.1. Nguyên tắc cơ bản

- Thực hiện nhiệm vụ nêu trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể: Đổi mới chương trình và SGK theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực; đảm bảo tính thống nhất trong toàn quốc và phù hợp với đặc thù mỗi địa phương;
- SGK cần tuân thủ và cụ thể hoá Chương trình (Định hướng tiếp cận, Mục tiêu, Yêu cầu cần đạt, Đổi mới phương pháp dạy – học và Đánh giá);
- Đảm bảo kế thừa những yếu tố tích cực của SGK Việt Nam và vận dụng hợp lý kinh nghiệm quốc tế về phát triển SGK hiện đại: *Sách giáo khoa là một kế hoạch cho những hoạt động học tập tích cực của HS, giúp phát triển năng lực chuyên môn, góp phần*

hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực chung. SGK tạo điều kiện để HS tự học và chứng tỏ khả năng vận dụng sáng tạo. SGK góp phần đổi mới phương pháp dạy học, giúp GV tổ chức tốt các hoạt động học tập của HS.

2.2. Định hướng phát triển

Việc phát triển từ Chương trình đến SGK cần được nghiên cứu và thực hiện một cách bài bản, khoa học.

- SGK phải chứa đựng nội dung môn học giúp cho mỗi HS có thể phát triển năng lực đặc thù của môn học, góp phần phát triển năng lực chung;
- SGK phải thể hiện nội dung môn học sao cho có thể cải thiện hiệu quả việc học và vận dụng kiến thức môn học vào thực tiễn và các môn học khác;
- SGK phải dễ hiểu, hấp dẫn và thân thiện với HS;
- SGK cần linh hoạt theo cách mà GV có thể vận dụng tùy theo đặc điểm của trường học hoặc địa phương của họ. SGK không phải là tài liệu duy nhất cần tuân thủ mà được xem như một minh họa của quan điểm tích hợp của Chương trình;
- SGK và tài liệu tham khảo bổ trợ (sách và học liệu điện tử, thiết bị, đồ dùng dạy học,...) cần được xây dựng đồng bộ, hỗ trợ phát triển tốt nhất những năng lực cần có của HS.

3. CẤU TRÚC SÁCH GIÁO KHOA VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO BỔ TRỢ

3.1. Mô hình cấu trúc sách giáo khoa là mô hình hoạt động

Nội dung mỗi bài trong SGK được thể hiện dưới dạng một hệ thống các hoạt động học. Theo đặc trưng mỗi môn học, cấp học, các tác giả nghiên cứu tìm ra các loại hình hoạt động học thích hợp; sử dụng các loại hình hoạt động đó để thể hiện nội dung mỗi đơn vị kiến thức một cách hợp lí.

SGV có cấu trúc hai trong một: Mỗi bài trong SGV có những bài tương ứng thu nhỏ của SGK. Nội dung chính của mỗi bài tương ứng trong SGV là hướng dẫn tổ chức các HĐ học tập của HS. Có ba hình thức tổ chức HĐ học tập cơ bản: HĐ cá nhân, HĐ nhóm, HĐ cả lớp. SGV gợi ý lựa chọn loại hình tổ chức HĐ cho mỗi HĐ tương ứng trong SGK. Khi dạy học, tùy theo đối tượng cụ thể, GV thực hiện tổ chức HĐ học tập một cách linh hoạt, tạo một không khí học tập sôi nổi để HS cùng học, cùng trải nghiệm.

3.2. Hệ thống sách và tài liệu tham khảo bổ trợ

Bộ sách Cùng học để phát triển năng lực gồm 3 loại tài liệu:

- (a) Sách in giấy: SGK, SGV, Vở hoặc sách bài tập.
- (b) Thiết bị giáo dục. Mỗi môn học có đủ thiết bị, đồ dùng dạy học đi kèm. Về cơ bản, thiết bị, đồ dùng dạy học phù hợp Danh mục thiết bị tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Riêng với ba môn Toán, Tiếng Việt và Tự nhiên và Xã hội lớp 1 có bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp.

(c) Học liệu điện tử. Ở Tiểu học, mỗi môn học ở mỗi lớp có 3 học liệu điện tử:

- Sách mềm – Vở bài tập. Chuyển thể từ VBT sang dạng tương tác.
- Sách mềm – Tự kiểm tra, đánh giá. Với mỗi bài trong SGK, có một số câu hỏi, bài tập để HS tự thực hiện, qua đó tự đánh giá về khả năng nắm vững nội dung cơ bản của bài.
- Tư liệu bài giảng dành cho GV. Phân loại các loại hình bài học trong SGK. Với mỗi loại bài học, thiết kế bài giảng mẫu, kèm theo các tư liệu hỗ trợ để GV có thể sử dụng khi dạy học.

Ngoài ra, còn có những trang học liệu khác như: ngân hàng câu hỏi, tài liệu tập huấn giáo viên,... để GV, HS tham khảo.

4. NHỮNG ĐẶC TRƯNG CỦA BỘ SÁCH GIÁO KHOA CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bộ sách Cùng học để phát triển năng lực đã được biên soạn ở lớp 1 có nhiều ưu điểm nổi bật:

4.1. Mức độ tiếp cận kiến thức hợp lí, vừa đáp ứng yêu cầu của Chương trình, vừa phù hợp với sức học của đại đa số HS ở tất cả các vùng miền, đảm bảo sự thân thiện, gần gũi với mọi HS, GV.

Ở mỗi môn học, sách đảm bảo sự hài hoà giữa các HĐ hình thành kiến thức, rèn kĩ năng với HĐ thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống.

4.2. Sách dễ sử dụng, phù hợp cho việc tự học của HS, cho việc giảng dạy của GV và việc theo dõi, phối hợp của phụ huynh HS.

Việc phát triển từ Chương trình đến SGK được nghiên cứu và thực hiện một cách bài bản, khoa học để đảm bảo rằng SGK phải dễ sử dụng, hấp dẫn và phù hợp để HS tự học hiệu quả.

4.3. Sách có độ mở thích hợp, thuận tiện cho việc cập nhật thông tin và bổ sung kiến thức theo vùng miền.

Bộ sách được biên soạn giúp GV có thể vận dụng linh hoạt theo đặc điểm của từng trường học hoặc địa phương.

4.4. Bộ sách góp phần đổi mới phương pháp dạy và học; giúp HS thực hiện nhiệm vụ học hiệu quả, giúp GV tổ chức tốt các HĐ học tập cũng như các HĐ kiểm tra, đánh giá năng lực của HS.

Bộ sách được thiết kế theo mô hình HĐ. Trong đó, nội dung mỗi bài trong SGK được thể hiện qua các HĐ học; SGK hướng dẫn tổ chức các HĐ đó. Cách thiết kế này tạo điều kiện cho HS học tích cực, chủ động, GV dạy học linh hoạt và sáng tạo.

4.5. Bộ sách có một thiết kế mỹ thuật tổng thể, nhất quán và khoa học. Mỗi cuốn sách được thiết kế đẹp, hấp dẫn, hiện đại, giàu tiện ích và dễ dàng sử dụng cho mỗi HS, GV.

4.6. Bộ sách là một bộ tài liệu dạy học hoàn chỉnh, bao gồm: sách giấy (SGK, SGV, VBT); thiết bị, đồ dùng dạy học; sách mềm (sách điện tử). Hệ thống phần mềm và học liệu điện tử dành cho GV và HS sẽ hỗ trợ việc dạy – học, giúp nâng cao hiệu quả dạy – học, đáp ứng kì vọng của GV, HS và phụ huynh HS.

Trên đây là tóm tắt những vấn đề chung của bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực. Với mỗi môn học, sẽ có phần trình bày cụ thể cho từng cuốn SGK của môn học đó.

B – TÀI LIỆU TẬP HUẤN DAY HỌC CÁC MÔN HỌC LỚP 1

TÀI LIỆU TẬP HUẤN Môn TOÁN

PHẦN MỘT HƯỚNG DẪN CHUNG

1. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 1

1.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa môn Toán cấp Tiểu học

(a) *Quan điểm phát triển phẩm chất và năng lực.*

SGK trang bị những kiến thức nền tảng mà có thể phát triển phẩm chất và năng lực HS nêu trong CTGDPT tổng thể.

Những nhiệm vụ học tập trong từng chủ đề/bài góp phần phát triển NL chung và NL Toán học, trong đó lấy *NL giải quyết vấn đề toán học là trục chính*.

(b) *Quan điểm tích cực hoá hoạt động học của HS.*

- Tập trung thể hiện nội dung mỗi bài trong sách học sinh (SHS) qua các hoạt động học. Sách giáo viên (SGV) hướng dẫn tổ chức các hoạt động học đó.
- Đa dạng hoá các loại hình hoạt động học, góp phần đổi mới phương pháp dạy học – mục tiêu quan trọng trong đổi mới giáo dục lần này.
- Đổi mới môi trường học tập của HS: SHS, SGV giúp GV tạo một môi trường học tập thân thiện, tích cực và hợp tác.
- Tạo điều kiện cho HS trải nghiệm qua các trò chơi, thử sức, bạn có biết, đồ,...

(c) *Thể hiện quan điểm đánh giá năng lực HS.*

- Coi trọng đánh giá thường xuyên và định kì.
- Thực hiện một số kĩ thuật đánh giá thường xuyên trong từng bài học.

(d) *Thể hiện tinh thần tôn trọng HS, khai phóng tiềm năng mỗi cá nhân, tránh cách dạy áp đặt từ người lớn.*

- Nhiều hoạt động tạo cơ hội cho HS thể hiện mình.
- Nhiều hoạt động khuyến khích HS độc lập suy nghĩ, đánh thức tiềm năng sáng tạo.
- Hình ảnh, nội dung thể hiện sự tôn trọng đặc điểm giới tính, hoàn cảnh sống,...

(e) *Quan điểm tích hợp.*

- Tích hợp nội môn: cấu trúc sách theo phần, mỗi phần gồm một số chủ đề để tập trung hướng tới một số năng lực cốt lõi; tích hợp số với hình, thể hiện toán qua các tình huống thực tế.
- Tích hợp liên môn: tích hợp, lồng ghép một số nội dung học tập các môn khác, như Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Mĩ thuật, Tiếng Việt vào nội dung các hoạt động luyện tập và vận dụng.

1.2. Những điểm mới của sách giáo khoa Toán 1

SGK *Toán 1* có những điểm mới sau:

- (a) Nội dung mỗi bài học được thể hiện bằng một chuỗi các hoạt động học của HS gồm các nhóm hoạt động như sẽ nêu ở mục **2.3.** dưới đây. Chuỗi hoạt động này ***có lớp lang theo thứ tự bảo đảm tiến trình bài học chặt chẽ, tối giản.***
- (b) Thể hiện các tình huống, vấn đề cần giải quyết trong SHS qua hình ảnh hoặc câu chuyện nhỏ ***hấp dẫn, thực tế, thân thiện*** với HS. Do đó cuốn hút HS, làm cho HS hình dung như đang chứng kiến hoặc đang sống trong tình huống đó. Từ đó HS dễ dàng tìm ra phương án giải quyết vấn đề.
- (c) Cùng với tiến trình về nội dung, tiến trình ***hình thành, củng cố và nâng cao các kĩ năng luôn được chú trọng*** và được chỉ rõ trong SGK, nhằm ***hướng tới phát triển năng lực, đặc biệt là năng lực giải quyết vấn đề.***
- (d) Trong từng bài học, SGK luôn hướng dẫn việc đánh giá quá trình (hay đánh giá thường xuyên), ***bảo đảm mục tiêu vì sự tiến bộ của học sinh.***
- (e) SGK có cấu trúc hai trong một. Mỗi bài trong SGK bao gồm bài tương ứng trong SHS thu nhỏ nhúng vào giữa trang. Cùng với ***SHS thiết kế HĐ rành mạch, đơn giản, SGK hướng dẫn tổ chức rõ ràng các bước hoạt động,*** tạo điều kiện cho HS thực hiện các hoạt động học dễ dàng, chủ động; GV tạo được môi trường học tập thân thiện, giúp dạy học hiệu quả, linh hoạt; phụ huynh học sinh cũng dễ dàng theo dõi và đồng hành cùng con em mình.

2. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

2.1. Cấu trúc chung và cách tiếp cận nội dung

2.1.1. Cấu trúc chung

SGK *Toán 1* được chia thành 6 phần (3 phần cho mỗi học kì). Mỗi phần gồm 2 chủ đề. Cuối mỗi phần có bài ôn tập chung. Các chủ đề được đánh số bằng số tự nhiên nối tiếp từ 1 đến 12 như sau:

Tập một	Tập hai
Tiết học đầu tiên (1 tiết). 1. Các số đến 10 (8 tiết). 2. So sánh các số trong phạm vi 10 (5 tiết). Ôn tập chung (2 tiết).	7. Hình phẳng (4 tiết). 8. Hình khối (3 tiết). Ôn tập chung (1 tiết).
3. Cộng trong phạm vi 10 (11 tiết). 4. Trừ trong phạm vi 10 (8 tiết). Ôn tập chung (2 tiết).	9. Các số đến 100 (9 tiết). 10. Cộng, trừ các số trong phạm vi 100 (12 tiết). Ôn tập chung (2 tiết).

5. Các số đến 20 (4 tiết).	11. Độ dài (5 tiết).
6. Cộng, trừ các số trong phạm vi 20 (4 tiết). Ôn tập chung (2 tiết).	12. Thời gian (4 tiết). Ôn tập chung (2 tiết).
Ôn tập, kiểm tra đánh giá học kì 1 (5 tiết). Hoạt động trải nghiệm (2 tiết).	Ôn tập, kiểm tra đánh giá cuối năm học (6 tiết). Hoạt động trải nghiệm (3 tiết).

2.1.2. Cách tiếp cận nội dung

Chương trình môn Toán lớp 1 gồm hai mạch kiến thức chính: Số và Phép tính, Hình học và Đo lường.

(a) Mạch Số và Phép tính chiếm 80% thời lượng của cả năm học, được xây dựng với quan điểm tiếp cận là đếm. Cấu trúc xoắn ốc lần lượt các vòng là

Vòng 1: Các số đến 10 và cộng, trừ trong phạm vi 10;

Vòng 2: Các số đến 20 và cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 20;

Vòng 3: Các số đến 100 và cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 100.

Đếm để hình thành số là phương pháp đơn giản và rất gần gũi, quen thuộc với HS. Đếm cũng là cơ sở để HS tìm được kết quả các phép tính cộng, trừ. Với cấu trúc xoắn ốc, HS sẽ vận dụng các phương pháp ở vòng trước vào vòng sau. Đó là điều kiện để HS rèn luyện tính tự chủ, tự học.

Vòng 1 được trình bày một cách thông thả và kĩ lưỡng, giúp HS làm quen với các khái niệm ban đầu về số và nắm vững các phương pháp cơ bản về: so sánh các số; phép tính cộng, trừ.

(b) Mạch Hình học và đo lường. HS nhận biết hình phẳng (hình chữ nhật, hình vuông; hình tam giác, hình tròn); hình khối (khối lập phương, khối hộp chữ nhật) thông qua việc quan sát các đồ vật, đồ dùng học tập. Cũng vậy, việc hình thành ý niệm về độ dài, thời gian,... đều được thông qua các hình ảnh, tình huống thực tế.

(c) Về logic sắp xếp thứ tự các chủ đề. Vòng 1 và vòng 2 của mạch Số và Phép tính được chia thành 6 chủ đề, chiếm trọn thời lượng của học kì 1. Sau 6 chủ đề này HS đã tương đối nhuần nhuyễn kĩ năng cơ bản về số và hai phép tính cộng, trừ. Đến lúc này đưa hai chủ đề 7, 8 với nội dung hình phẳng và hình khối cho HS thay đổi trạng thái một chút. Tiếp theo là vòng 3 của mạch Số và Phép tính (hai chủ đề 9, 10): mở rộng các vấn đề về số và tính cộng, trừ ra phạm vi 100. Còn lại là hai chủ đề về đo lường. Như vậy, SGK Toán 1 đã được thiết kế theo các chủ đề rất rành mạch, hợp lí để đảm bảo:

- Sự tích hợp, liên mạch về kiến thức. HS được tập trung và nhận thức tốt, được khắc sâu về kiến thức và kĩ năng của từng mạch nội dung, tạo điều kiện cho HS bước đầu chủ động được trong những hoạt động học.
- Tổng thời lượng của các chủ đề trong mỗi học kì khớp với số tiết học có trong học kì đó.

- Chủ đề đã học hỗ trợ được cho những chủ đề sau đó, đồng thời cũng là vận dụng kiến thức ở chủ đề trước vào giải quyết những vấn đề ở chủ đề sau. Ví dụ: Sau khi học xong các số đến 20 và cộng, trừ các số trong phạm vi 20, HS mới đếm và lấy được đúng số hình cần thiết (số hình có thể đến 20) để thực hành xếp, ghép hình; Sau khi học xong các số đến 100 và cộng, trừ các số trong phạm vi 100, HS mới đọc và viết được số đo độ dài đến 100cm.

2.2. Vấn đề tích hợp

Tích hợp là một yêu cầu trong CTGDPT mới cũng như trong CT mỗi bộ môn. Tích hợp là một yếu tố thúc đẩy, đồng thời cũng là điều kiện để HS phát triển các phẩm chất và năng lực.

SGK Toán 1 đã chú trọng tích hợp mỗi khi có thể, bao gồm:

- *Tích hợp theo các mạch kiến thức, chủ đề như đã nêu ở trên (mục 1.(e));*
- *Tích hợp Toán với Giáo dục đạo đức lối sống:* bồi dưỡng tình yêu của học sinh với người thân, thầy cô giáo, bạn bè, biết quan tâm đến những ngày lễ, những sự kiện trong cộng đồng; Bồi dưỡng ý thức quan tâm việc nhà, tham gia việc nhà tùy theo sức của mình; Bồi dưỡng ý thức tìm tòi khám phá; Bồi dưỡng lòng nhân ái; Giáo dục ý thức thực hiện luật giao thông; Biết ơn người có công với đất nước; Ý thức bảo vệ môi trường sống; ...
- *Tích hợp Toán với những kiến thức về tự nhiên, xã hội, nghệ thuật, khơi gợi sự ham mê tìm hiểu:* tìm hiểu về những chiếc xe đạp có từ 1 đến 4 bánh; tìm hiểu về những loại hoa có 5, 6, 8 cánh; tìm hiểu về con xúc xắc trong trò chơi cá ngựa; tìm hiểu về các phím đàn piano, ...
- *Tích hợp Toán với việc rèn khả năng giao tiếp, diễn đạt.*

Ngay từ đầu cuốn sách, các lệnh, các bóng nói đều được viết thành một câu đơn giản nhất nhưng đầy đủ, để khi nghe GV đọc, HS dễ dàng hiểu được. Khi HS chưa đọc thông thạo, GV cần phải đọc cho HS nghe các lệnh, bóng nói có trong sách.

Luôn chú ý yêu cầu HS trả lời câu hỏi, rèn kĩ năng diễn đạt.

- *Tích hợp dạy kiến thức Toán với việc hình thành và phát triển khả năng tự học, tự chủ và hợp tác cho HS.*

SGK thiết kế các hoạt động học đơn giản phù hợp cho học sinh tự học. SGV hướng dẫn tổ chức các hoạt động học. Trong chuỗi các bước hoạt động học thì luôn có *bước đầu tiên* là học sinh tự suy nghĩ và thực hiện giải quyết vấn đề theo suy nghĩ của mình, giáo viên tôn trọng suy nghĩ cách làm của học sinh nhưng vẫn kịp thời uốn nắn khi cần, từ đó góp phần hình thành cách tự học, tự chủ trong học tập.

Vẫn trong *bước đầu tiên*, khi có cơ hội thích hợp, học sinh thảo luận, kết hợp theo cặp đôi hoặc nhóm nhiều hơn hai người cùng nhau tìm cách giải quyết vấn đề (với sự gợi ý

của giáo viên nếu cần). Đó là học sinh đã được dần hình thành ý thức và kĩ năng cùng nhau hợp tác làm việc trong quá trình học tập. Ở *bước thứ hai* của mỗi hoạt động, sau khi một số cá nhân trình bày cách tự giải quyết vấn đề và kết quả, học sinh cả lớp cùng với giáo viên nhận xét góp ý để đi đến hoàn thiện cách giải quyết và kết quả đúng, đó cũng là góp phần dần hình thành ý thức và kĩ năng cùng nhau hợp tác làm việc trong quá trình học tập.

2.3. Cách thể hiện

Hầu hết HS có ấn tượng Toán là một môn học khô khan và khó. Một trong những nguyên nhân dẫn tới điều đó là các em được tiếp nhận kiến thức từ những mô hình toán mà không chứa đựng tình huống thực tế quen thuộc.

Cách tốt nhất để HS nhận biết và hiểu được kiến thức mới (khái niệm mới / tính chất mới / phương pháp mới) là thể hiện kiến thức mới đó bằng tranh ảnh hoặc bằng những tình huống gần gũi đã biết - *tình huống điển hình*. Hiểu biết kiến thức qua *tình huống điển hình*, HS cũng dễ dàng liên hệ và vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề với những tình huống tương tự. HS sẽ thấy rằng việc học toán không khó mà lại lí thú và cần thiết. Dần dần HS sẽ tự tin và chủ động trong học tập.

Với những chiêm nghiệm như vậy, sách Toán 1 đã được thiết kế theo quy trình: Bắt đầu từ một *tình huống thực tế điển hình*, *mô hình hoá* thành kiến thức toán; *Thực hành* kiến thức với mức độ nâng dần từ trực quan đến hoàn toàn là mô hình, kí hiệu toán; *Vận dụng* kiến thức để giải quyết vấn đề có liên quan. **Các nội dung này được thể hiện dưới dạng những hoạt động học của HS.** Nói chung có 4 nhóm hoạt động: *Hoạt động khởi động* (gợi ý trong sách giáo viên); *Hoạt động khám phá* (nhận biết *tình huống điển hình*, hình dung *mô hình toán học* của tình huống này); *Hoạt động luyện tập* (thực hành kiến thức để hiểu và nhớ, hình thành kĩ năng); *Hoạt động vận dụng* (vận dụng kiến thức, kĩ năng đã hình thành sau khi luyện tập để giải quyết vấn đề có liên quan).

2.4. Sách giáo viên và sách học sinh là một thể thống nhất để tạo nên bộ SGK Toán 1 chất lượng tốt

Khi viết SHS, các tác giả luôn đặt ra những câu hỏi “HS sẽ hoạt động thế nào thì dễ dàng và hiệu quả nhất để lĩnh hội kiến thức này?”, “Hình thức hoạt động nào sẽ nhấn mạnh được mấu chốt của vấn đề để HS không mắc sai lầm?”, “HS sẽ từng bước hình thành và phát triển mỗi kĩ năng thế nào?”, ... Giải đáp được điều đó có nghĩa là đồng thời thiết kế được SHS và hoạch định được các bước hướng dẫn tổ chức hoạt động của HS trong SGK.

2.5. Cấu trúc phần, chủ đề, bài

2.5.1. Cấu trúc một phần

Mỗi phần gồm 2 chủ đề. Cuối phần là bài Ôn tập chung với sự kết hợp nhuần nhuyễn nội dung kiến thức và kĩ năng của cả hai chủ đề.

Ví dụ: Phần A gồm 2 chủ đề: **1. Các số đến 10**, **2. So sánh và sắp thứ tự các số trong phạm vi 10**; Cuối phần A là bài Ôn tập chung nhằm cho HS vận dụng các kiến thức, phương pháp và kĩ năng có được sau khi học hai chủ đề đó để giải quyết những vấn đề có liên quan trong môn học và trong thực tế.

Nêu các kiến thức, kĩ năng HS đã được học trong cả 2 chủ đề.

Ôn luyện các kiến thức, kĩ năng cơ bản.

Vận dụng nhuần nhuyễn các phương pháp, kĩ năng so sánh hai số, so sánh số lượng các nhóm đối tượng.

2.5.2. Cấu trúc một chủ đề

Mỗi chủ đề gồm:

- Trang mở đầu chủ đề nêu số thứ tự của chủ đề, tên chủ đề và một bức tranh sinh động thu hút HS tìm hiểu nội dung chủ đề đó.
- Các bài học.
- Bài ôn tập chủ đề được đánh số theo số thứ tự của chủ đề, nhằm cho HS nhớ và vận dụng hệ thống kiến thức, kĩ năng đã học trong chủ đề. Ví dụ: Bài ôn tập chủ đề 1 là Ôn tập 1, nhằm cho HS ôn luyện kĩ năng phân loại rồi đếm, xác định số lượng một nhóm đối tượng, trả lời câu hỏi “Có bao nhiêu?”.
- Trang cuối chủ đề thường là hoạt động trải nghiệm như Cùng chơi, Đố, Bạn có biết, ... HS được vận dụng, tìm hiểu thêm những kiến thức liên quan đến nội dung, kĩ năng có được khi học chủ đề đó.



Trang mở đầu
chủ đề 3.

Trang cuối
chủ đề 3.

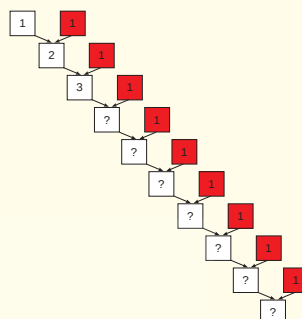


Tìm số thay vào mỗi ?

a.

4	+	2	+	1	=	?
+		+		+		+
0	+	1	+	1	=	?
+		+		+		+
1	+	0	+	?	=	?
=		=		=		=
?	+	?	+	?	=	10

b.



2.5.3. Cấu trúc một bài học

Nói chung, Toán 1 chủ yếu có hai dạng bài: Bài hình thành kiến thức mới (chiếm đa số); Bài luyện tập, ôn tập. Cấu trúc mỗi bài đều là *cấu trúc hoạt động*.

2.5.3.1. Cấu trúc của bài hình thành kiến thức mới

(a) Cấu trúc chung của bài hình thành kiến thức mới.

Ví dụ: Bài **Cộng ba số**

Bắt đầu
hoạt động
khám
phá bằng
một tình
huống
điển hình.

Từ tình
huống
điển hình,
mô hình
hoá, hình
thành kiến
thức.

Cộng ba số

Đã có bao nhiêu bạn đến thư viện?
Bạn đến sớm nhất!
Các bạn kia đến sớm hơn chúng mình.

1 + 1 = 2
2 + 3 = 5

1 + 1 + 3 = 5

Tính.

2 + 3 + 1 =
4 + 2 + 3 =
1 + 5 + 2 =
5 + 1 + 2 =
1 + 7 + 2 =
4 + 2 + 4 =

Tính.

$$3 + 4 = 7$$

$$7 + 1 = 8$$

$$3 + 4 + 1 = 8$$

Xem tranh rồi nêu số.



VUI MỘT CHÚT

1 + 2 + 1 = 4, con thỏ sẽ ăn củ cà rốt nào?

Mỗi con thỏ sẽ ăn củ cà rốt nào?



Luyện tập

kiến thức
toán học
(không
còn hình
ảnh trực
quan),
hình
thành kĩ
năng.

Vận dụng

kiến thức
giải quyết
vấn đề
thực tế.

Thực hành kiến thức mới trên tình
huống tương tự tình huống điển hình
để hiểu rõ việc cộng ba số.

Vận dụng kiến thức trong
một trải nghiệm vui để nâng
cao kĩ năng cộng ba số.

(b) Phân tích cụ thể cách thể hiện một bài hình thành kiến thức mới.

Ví dụ: Bài **Bớt đi. Phép trừ, dấu –**

Khám phá. Từ hai tình huống điển hình, mô hình hoá thành kiến thức toán.

Tình huống bên trái: Lúc đầu có 7 con vịt dưới ao, 2 con đi chuyển lên bờ. *Hỏi:* Còn lại bao nhiêu con dưới ao?

Tình huống bên phải: Lúc đầu có 7 quả táo, ăn 2 quả. *Hỏi:* Còn lại bao nhiêu quả?

Còn lại bao nhiêu con vịt dưới ao?



Có 7 , bớt đi 2 , còn lại 5 .

Có 7 , bớt đi 2 , còn lại 5 .

Còn lại bao nhiêu quả táo trên đĩa?



Có 7 , bớt đi 2 , còn lại 5 .

Bảng trừ hai bằng năm
 $7 - 2 = 5$
Dấu – đọc là **trừ**



Hai tình huống và câu hỏi đặt ra cùng chung một vấn đề : *Lúc đầu có 7 vật, bớt đi 2 vật. Phải tìm xem còn lại bao nhiêu vật.* Vấn đề này cùng với cách giải quyết được mô hình hoá như ở khung dưới tình huống điển hình.

Thực hành.

Thực hành này củng cố cho HS nhận ra tình huống “bớt đi”, hiểu rõ:

- Vấn đề *Có ... bớt đi ... thì còn lại ...*
- Để trả lời câu hỏi “*Còn lại bao nhiêu?*” thì phải xác định và đếm số vật *còn lại*.

Thực hành này cho HS:

- Củng cố ý niệm về phép trừ, dấu –;
- Biết chuyển từ tình huống “*Có ... bớt đi ... thì còn lại ...*” thành phép tính trừ.

1 Bớt đi thì còn lại bao nhiêu?



Có 6 tờ giấy, bớt đi  tờ, còn lại  tờ.



Có 5 bút chì, bớt đi  bút chì, còn lại  bút chì.

2 Nêu số.

a.



Có 4  bớt đi 2  còn 

$4 - 2 = ?$

b.



Có 8  bớt đi 3  còn 

$? - ? = ?$

c.



Có 7  bớt đi 3  còn 

$? - ? = ?$

d.



Có 9  bớt đi 1  còn 

$? - ? = ?$

Vận dụng.

HS lần đầu được *tập vận dụng* phép tính trừ để giải quyết vấn đề: tìm câu trả lời cho câu hỏi “*còn lại bao nhiêu?*” đặt ra với *tình huống “bớt đi”* qua hình ảnh trực quan.

Sau bài này, HS sẽ có nhiều lần được vận dụng phép tính trừ để giải quyết vấn đề như

trên với *tình huống thực tế* mà mức độ trực quan giảm dần để HS có kĩ năng nhuần nhuyễn, có thể phân tích một tình huống phức tạp hơn đưa về tình huống cơ bản như trên để giải quyết.

(c) *Thêm một chức năng của hoạt động **thực hành, vận dụng** trong bài hình thành kiến thức mới.*

Trong nhiều bài học, những hoạt động thực hành và hoạt động vận dụng cũng có thêm mục đích *chú ý* hoặc *hoàn thiện vấn đề của bài học* đó sau khi đã có được phần cốt lõi ở hoạt động khám phá.

Ví dụ 1, bài **Lớn hơn, bé hơn. Dấu >, <**: Ở hoạt động khám phá HS mới được biết rằng *nhóm nào có nhiều vật hơn thì ta nói nhóm đó có số vật lớn hơn* và mới thực hành điều đó **theo hình ảnh trực quan**, so sánh được $6 > 5$ cũng trên hình ảnh trực quan. Hoạt động 2 dưới đây **để gợi ý cho HS biết cách so sánh hai số trong phạm vi 10 khi không có sẵn hình ảnh trực quan**.

3 Xem tranh rồi nêu số.



$$8 - \boxed{?} = \boxed{?}$$

Còn lại $\boxed{?}$ con chim đậu trên cành.

2 Hãy xếp que tính rồi chọn > hoặc <.



Ba que tính ít hơn bốn que tính. Ba bé hơn bốn. Viết dấu < ở ô tròn.

$$2 \text{ (?) } 5$$

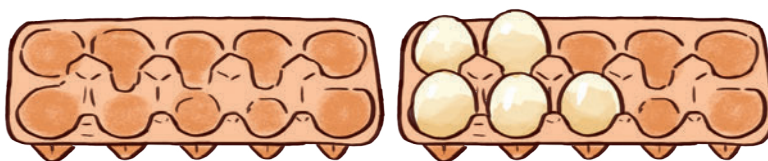
$$5 \text{ (?) } 4$$

$$7 \text{ (?) } 3$$

Ví dụ 2, bài **Cộng trong phạm vi 6**: Ở hoạt động khám phá và hoạt động thực hành, HS mới lập được bảng các phép tính cộng với các số hạng là số khác 0 (nhờ hình ảnh trực quan là các hình vuông). Hoạt động 5 vừa là vận dụng ý nghĩa phép tính cộng, đồng thời bằng tình huống thực tế **cho HS thấy rằng có phép tính cộng một số với 0, tìm được kết quả phép tính đó**. Điều đó đã hoàn thiện được vấn đề về các phép tính cộng có kết quả trong phạm vi 6.

5 Xem tranh rồi nêu số.

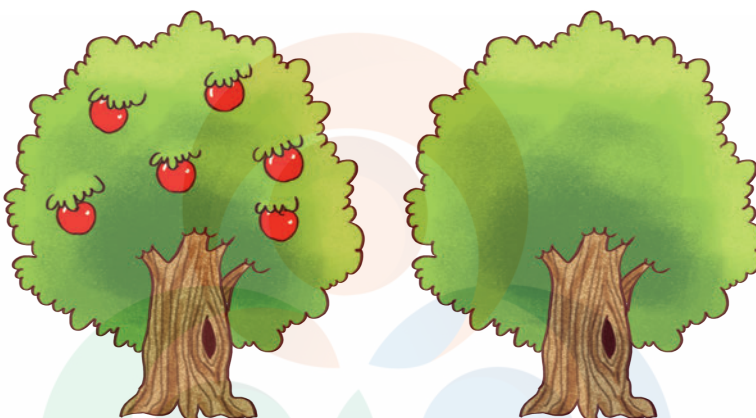
b.



$$0 + 5 = \boxed{?}$$

Cả hai khay có $\boxed{?}$ quả trứng.

c.

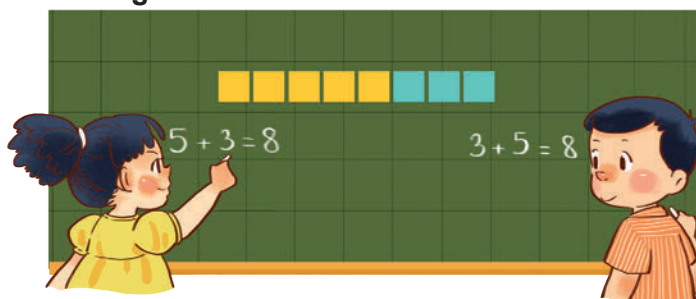


$$6 + 0 = \boxed{?}$$

Hai cây có tất cả $\boxed{?}$ quả.

Ví dụ 3, bài **Phép cộng**. Dấu **+**, dấu **=**: Với hoạt động thực hành dưới đây, bằng hình ảnh trực quan, **HS được chú ý rằng: trong phép tính cộng, viết hai số theo thứ tự nào cũng được (tuy chưa nói thành tính chất giao hoán)**.

b. Ai viết đúng?



Từ đó với mỗi tình huống trực quan, **học sinh viết được hai hình thức phép tính cộng và biết kết quả hai cách viết đó như nhau**, ví dụ hoạt động thực hành dưới đây:

3. Nêu kết quả phép tính.



$$2 + 4 = \boxed{?}$$

$$4 + 2 = \boxed{?}$$



$$1 + 5 = \boxed{?}$$

$$5 + 1 = \boxed{?}$$



$$1 + 3 = \boxed{?}$$

$$3 + 1 = \boxed{?}$$

2.5.3.2. Cấu trúc của bài luyện tập, ôn tập

Mỗi bài luyện tập, ôn tập gồm một số hoạt động luyện tập và vận dụng. Các hoạt động này thường được **tích hợp những kiến thức, kĩ năng đã biết để giải quyết một vài vấn đề của bộ môn hoặc vấn đề thực tế liên quan đến chủ đề ôn, luyện**. Đó là để HS vừa được ôn luyện hệ thống kiến thức, kĩ năng đã học vừa được **thể hiện mức độ nhuần nhuyễn về các kiến thức kĩ năng** đó.

Ví dụ 1. Bài Ôn tập 2

Ôn tập 2

1. Nói **nhiều** hoặc **ít** ở ?

Số ba lô ? hơn số mũ. Số mũ ? hơn số ba lô.

2. Nói **nhiều hơn**, **ít hơn** hoặc **bằng**.

Số chai nước ? số chuối. Số chuối ? số bánh.

Số bánh ? số chai nước.

3. Có bao nhiêu ?

b. Chọn > hoặc <.

7 ? 5 4 ? 5

4. Nêu số theo đúng thứ tự.

a. 0 1 2 ? ? 5 ? ? 8 ? 10

b. 10 9 8 ? ? ? 4 ? ? ? 0

CÙNG CHƠI

Trò chơi "Tìm số, sắp thứ tự các số".

Hình thức: thi đua giữa các nhóm.
Chuẩn bị: mỗi nhóm một bộ thẻ số từ 0 đến 10.

- Nghe lệnh, ví dụ: "Tìm các số lớn hơn 6, sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé".
- Tìm các thẻ số lớn hơn 6.
- Xếp các thẻ số lần lượt đúng thứ tự từ lớn đến bé, ví dụ:

- Nhóm nào chọn đủ và sắp xếp đúng thứ tự thì được khen. Trong các nhóm được khen, nhóm nào nhanh nhất là nhóm thắng cuộc.

Các vấn đề ôn tập chính gồm: Hai điều kết luận về hai nhóm vật "Nhóm này có **nhiều vật hơn / ít vật hơn** nhóm kia", "Số vật của nhóm này **lớn hơn / bé hơn** hoặc **bằng** số vật của nhóm kia"; Hai cách xét để dẫn tới kết luận trên là: nối tương ứng 1 – 1 (khi trực quan) hoặc dựa vào thứ tự **từ bé đến lớn / từ lớn đến bé** của các số trong phạm vi 10.

Với các hoạt động ①, ②, HS đều được thể hiện mức độ thành thạo hai cách xét và dùng từ chính xác khi kết luận. Hoạt động ③ cũng như vậy, để so sánh 7 và 5, 4 và 5 thì có hai cách: Dựa vào thứ tự từ bé đến lớn “0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10” thấy 7 đứng sau 5 nên biết $7 > 5$, 4 đứng trước 5 nên $4 < 5$; Liên hệ với ba cành dâu tây ở phần a, nối tương ứng 1 – 1 mỗi quả ở cành 7 quả với một quả ở vị trí tương tự trên cành 5 quả thì thấy trên cành 7 quả còn “thừa” quả nên cành 7 quả nhiều quả hơn hay 7 lớn hơn 5 (xét tương tự như vậy với cành 4 quả và cành 5 quả). Hoạt động ④ để HS ôn vấn đề tổng quát nhất của chủ đề là sắp thứ tự các số trong phạm vi 10, đó cũng là cơ sở chính để so sánh và sắp thứ tự các số từ thời điểm này về sau. **Củng cố** là hoạt động vận dụng các kiến thức, kĩ năng so sánh và sắp thứ tự các số sao cho nhuần nhuyễn.

Ví dụ 2. Bài Ôn tập chung (Ôn tập phần B)

Hoạt động ① cho HS ôn luyện ý nghĩa hai phép tính cộng, trừ: Từ tình huống và câu hỏi, HS xác định vấn đề cần giải quyết; Cách giải quyết là chọn đúng phép tính cộng hoặc trừ và tính đúng; Trả lời câu hỏi (kết luận vấn đề). Hoạt động ② nhằm cho HS tự kiểm tra mức độ thuộc bảng cộng, trừ (nhẩm theo hàng, cột... của mỗi bảng); nếu quên kết quả phép tính nào thì dùng cách tính cộng bằng đếm tiếp và trừ bằng đếm lùi để tìm lại kết quả, từ đó thêm nhớ rồi thuộc các bảng cộng, trừ. Hoạt động ③ cho học sinh ôn luyện tính dãy tính cộng hoặc trừ. Các hoạt động ④, ⑤, ⑥ là luyện tập nâng cao kĩ năng cộng, trừ và tích hợp với những phần nội dung khác: so sánh số nhờ vào suy luận (⑤), bước đầu nhận biết mối quan hệ cộng – trừ qua một bộ ba số (⑥).

THỰC HÀNH là một vận dụng nhuần nhuyễn kĩ năng về hai phép tính cộng, trừ trong phạm vi 10 để xác định đặt mỗi số đã cho vào ô nào.

ÔN TẬP CHUNG

BẠN ĐÃ HỌC

- ❖ Tìm số lượng vật của cả hai nhóm bằng phép tính cộng.
- ❖ Tìm số vật còn lại sau khi bớt đi bằng phép tính trừ.
- ❖ Cộng bằng cách đếm tiếp. Trừ bằng cách đếm lùi.
- ❖ Cộng, trừ trong phạm vi 10. Kết quả phép tính cộng một số với 0; Kết quả phép tính trừ một số với 0, trừ một số với chính nó.

① Nêu phép tính rồi trả lời câu hỏi.
Có tất cả bao nhiêu quả bóng màu đỏ, vàng?

5

+

1

=

Có tất cả 6 quả bóng màu đỏ và vàng.



a. Có tất cả bao nhiêu quả màu đỏ, vàng, xanh?

?

+

?

=

b. Nếu bớt bớt 2 quả màu xanh thì còn bao nhiêu quả cả ba màu?

?

+

?

=

② Tính nhẩm.

a. $3 + 3 =$ $5 + 4 =$
 $2 + 7 =$ $2 + 8 =$

b. $9 - 3 =$ $10 - 3 =$
 $8 - 6 =$ $10 - 8 =$

③ Tính.



$4 + 5 = 9$
 $9 - 3 = 6$



+ 5



- 3



4 + 5 - 3 = 6

3 + 6 - 7 =

6 - 0 + 4 =

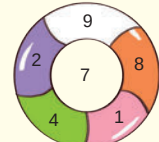
1 + 8 - 9 =

5 - 5 + 10 =

④ Với mỗi hình dưới đây:

a. Chọn hai số để số lớn trừ số bé được số ở giữa hình.

b. Chọn ba số để cộng với nhau được số ở giữa hình.

5 Chọn >, = hoặc <.

$$5 \text{ ? } 3 + 2 - 1$$

$$7 \text{ ? } 7 + 1 - 1$$

$$4 \text{ ? } 8 - 1 + 2$$

$$5 - 3 \text{ ? } 3 + 2 - 1$$

7 Nêu số.

5	$3 + 2 = 5$	$5 - 3 = 2$
3 2	$2 + 3 = 5$	$5 - 2 = 3$

?
5 2

7
4 ?

9
4 ?

?
3 6

6
? 3

8
? 5



Đi hai đường, đến cùng một đích.

Chọn mỗi số sau đây đặt vào một ?.
1, 2, 3, 4, 5, 7.

9	-	?	→	?
-				+
?				?
↓				↓
?	+	?	→	8

82

Ví dụ 3. Bài Ôn tập chung (Ôn tập phần G)

Mỗi hoạt động 1, 2, 3, 4 đều tích hợp những vấn đề về độ dài và thời gian trong một câu chuyện trong đó có những vấn đề để HS giải quyết. Trong các hoạt động 2, 4, 5 HS được ước lượng về độ dài xem: Thiếp chúc mừng nào cho được vào phong bì; Đường vòng dài hơn hay ngắn hơn đường thẳng; Băng giấy màu xanh dương dài hơn băng giấy màu xanh lá khoảng bao nhiêu xăng - ti - mét, từ đó biết băng giấy xanh lá dài khoảng bao nhiêu xăng - ti - mét. Trong các hoạt động 1, 4 HS được vận dụng kinh nghiệm trong cuộc sống thường ngày của các em cùng với suy luận để trả lời câu hỏi liên quan đến thời gian.

ÔN TẬP CHUNG

BẠN ĐÃ HỌC

- ✧ Nhận biết và nói: trong hai vật, vật nào dài hơn hoặc ngắn hơn vật kia; vật nào cao hơn hoặc thấp hơn vật kia.
- ✧ Đo để biết một vật dài hoặc cao bằng bao nhiêu que tính, gang tay, bước chân ...
- ✧ Biết xăng-ti-mét (cm) là một đơn vị đo độ dài. Biết dùng thước thẳng có chia vạch xăng-ti-mét để đo và nói kết quả: một vật dài hoặc cao bằng bao nhiêu xăng-ti-mét.
- ✧ Đọc giờ đúng trên đồng hồ, đọc đúng lịch tuần và liên hệ với thời gian sinh hoạt và học tập.

1 Quan sát tranh, trả lời câu hỏi.

- a. Kim đồng hồ đang chỉ mấy giờ?
- b. Cảnh trong tranh là đang buổi sáng hay đêm?



2 Quan sát tranh, trả lời câu hỏi.

- a. Hôm nay là thứ ba. Thứ sáu tuần này là sinh nhật bạn An. Còn mấy ngày nữa sẽ tới sinh nhật An? Bạn hãy kể tên những ngày đó.
- b. Mai sẽ chọn tấm thiệp nào để gửi chúc mừng An?



88

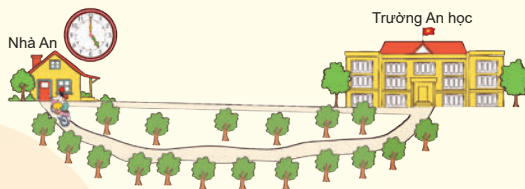
3 Trả lời câu hỏi.

Bốn bạn cần phải xếp hàng dọc sao cho bạn đứng trước thấp hơn bạn đứng sau. Mỗi bạn ở vị trí ở nào trong các ô sau?

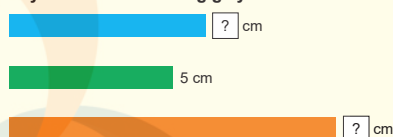


4 Trả lời câu hỏi.

- a. Từ trường về nhà An có hai đường đi là đường thẳng không có cây và đường vòng có nhiều cây. Đường nào dài hơn?
- b. Hôm nay trời nắng nhiều nên mẹ đón An về nhà đi theo đường nhiều cây cho mát. An và mẹ về đến nhà thì đồng hồ chỉ mấy giờ?



5 Hãy đoán xem mỗi băng giấy màu dài bao nhiêu xăng-ti-mét?



89

2.5.4. Cấu trúc mỗi bài học trong sách giáo viên

Mỗi bài học trong SHS đã được viết theo cấu trúc hoạt động. Học sinh từng bước tiếp nhận kiến thức, hình thành và phát triển những kỹ năng cần thiết qua trải nghiệm lần lượt các hoạt động trong bài học. Bài tương ứng trong SGK có nội dung chủ yếu là: Hướng dẫn tổ chức các hoạt động học đó.

Cấu trúc mỗi bài SGK như sau:

(a) Để thuận tiện cho GV theo dõi, các trang SHS được thu nhỏ và nhúng vào trang tương ứng của SGK.

(b) Mỗi bài SGK đều nêu mục tiêu, yêu cầu cần đạt của bài học và thường có bốn nhóm tổ chức hoạt động học tập:

- Tổ chức hoạt động khởi động, ■ Tổ chức hoạt động khám phá
- Tổ chức hoạt động luyện tập, ■ Tổ chức hoạt động vận dụng.

Hoạt động khởi động không được thiết kế trong SHS với mục đích để GV linh hoạt, sáng tạo phù hợp với đối tượng HS của mình. Tuy nhiên, SGK cũng gợi ý tổ chức: *một hoạt động vui vẻ để HS hào hứng, phấn khởi bước vào tiết học, đồng thời cũng để HS nhớ lại kiến thức, kỹ năng cần thiết cho các hoạt động học trong bài học mới.*

(c) Mỗi hoạt động thường nêu ba nội dung cơ bản:

- **Mục tiêu của hoạt động, cơ sở kiến thức kĩ năng;**
- **Các bước tiến hành** – một kịch bản ngắn gợi ý về hoạt động của HS và xen kẽ là những gợi ý dẫn dắt của GV;
- **Kết quả.**

Ví dụ, SGK Bài **Bớt đi. Phép trừ, dấu –**



- Nhận biết được tình huống bớt đi. Biết dùng dấu – để biểu thị tình huống này về số lượng.
- Trả lời được câu hỏi “Còn lại bao nhiêu?”.



là những nội dung và kĩ năng cụ thể HS phải đạt được để hướng tới đạt mục tiêu.

- Nhận biết được tình huống: Lúc đầu có ..., bớt đi...
- Biết biểu thị tình huống bớt đi b vật từ một nhóm có a vật dưới dạng $a - b$.
- Trả lời được câu hỏi “Còn lại bao nhiêu?”. Biết rằng sau khi bớt đi, thì số vật còn lại là kết quả của phép trừ $a - b$ và là câu trả lời cho câu hỏi “Còn lại bao nhiêu?”.

Bớt đi. Phép trừ, dấu – MỤC TIÊU • Nhận biết được tình huống bớt đi. Biết dùng dấu – để biểu thị tình huống này về số lượng. • Trả lời được câu hỏi “Còn lại bao nhiêu?”. THUYẾT SUẤT TOÁN HỌC Phép trừ, dấu – Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (Cả nhân) HS trả lời câu hỏi “Còn lại bao nhiêu?”. Ví dụ: GV yêu cầu và HS thực hiện lần lượt từng việc: HS đếm và dán vào bảng con 7 hình, nói: “Có 7 hình”. HS thực hiện theo lệnh của GV: “Bớt bớt ra 2 hình”, nói: “Bớt đi 2 hình”. HS trả lời câu hỏi “Còn lại bao nhiêu hình?”. GV giới thiệu bài mới: Từ tình huống “Góp lại” hoặc tình huống “Thêm vào” chúng ta có phép tính gì? (Trả lời: phép tính cộng). Từ tình huống “Bớt đi” như vừa làm thì chúng ta có phép tính gì? Bài học hôm nay ta sẽ biết điều đó. Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ 1. (Cả nhân) Tìm hiểu nội dung tranh và liên hệ với tình huống “bớt đi”. GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung. Các bước: – HS quan sát tranh, mô tả nội dung từng tranh. – HS trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh. – Sau khi một số HS được chỉ định trả lời trước lớp, GV gợi ý để HS hiểu hai tình huống trong tranh đều là “bớt đi”.	Bớt đi. Phép trừ, dấu – Còn lại bao nhiêu con vịt dưới ao? Còn lại bao nhiêu quả táo trên đĩa? Có 7 vịt, bớt đi 2 còn lại 5. Có 7 quả táo, bớt đi 2 còn lại 5. Bây trừ hai bảng nam $7 - 2 = 5$ Dấu – đọc là trừ 1 Bớt đi thì còn lại bao nhiêu? Có 6 tờ giấy, bớt đi 2 tờ, còn lại 4 tờ. Có 5 bút chì, bớt đi 2 bút chì, còn lại 3 bút chì. Ở tranh vẽ “bớt đi” là đi chuyển đi, ở tranh đĩa táo “bớt đi” là để ăn. GV yêu cầu HS nói: Dưới ao có 7 con vịt, bớt đi 2 con (để lên bờ), còn lại 5 con; Trong đĩa có 7 quả táo, bớt đi 2 quả (để ăn), còn lại 5 quả. HS nhắc lại nhiều lần mỗi câu trên. 2. (Hoạt động chung cả lớp) Khám phá và ghi nhận cách biểu thị tình huống “bớt đi” bằng mô hình số và bằng phép tính trừ. Các bước: – HS quan sát các hình vuông với sự chú thích của GV: Lúc đầu có 7 hình vuông; Có 2 hình vuông bị gạch chéo thể hiện bớt đi 2 hình vuông. – HS mô tả tình huống “bớt đi” hình vuông. Sau khi một số HS mô tả trước lớp, GV gợi ý để HS trả lời được như câu dưới mô hình. – HS nghe GV giới thiệu cách nói và cách viết phép tính trừ tương ứng với mô hình vuông bớt đi (hình vuông, vật, táo): “Có 7 ... (tên vật), bớt đi 2 ... (tên vật)” ta nói “7 trừ 2”; “còn lại 5 ... (tên vật)” ta nói “bằng 5 ... (tên vật)”. GV viết lên bảng (được các tranh tình huống): 7 trừ 2 bằng 5. – HS nói lại từng tình huống rồi nói 7 trừ 2 bằng 5.	Nêu số. a. Có 4 bớt đi 2 còn ? b. Có 8 bớt đi 3 còn ? c. Có 7 bớt đi 3 còn ? d. Có 9 bớt đi 1 còn ? 3 Xem tranh rồi nêu số. 8 = ? + ? Còn lại ? con chim đậu trên cành. YÊU CẦU CẦN ĐẠT • Nhận biết được tình huống bớt đi. • Biết biểu thị tình huống bớt đi b vật từ một nhóm có a vật dưới dạng $a - b$. • Trả lời được câu hỏi “Còn lại bao nhiêu?”. Biết rằng sau khi bớt đi, thì số vật còn lại là kết quả của phép trừ $a - b$ và là câu trả lời cho câu hỏi “Còn lại bao nhiêu?”. định viết kết quả trên bảng, giải thích theo tình huống trong tranh kèm theo, GV gợi ý để HS nói được nhận mạch như a. 4 trừ 2 có nghĩa là lúc đầu có 4 khúc xương, hai chú cún gặm mất 2 khúc, còn lại 2 khúc nên $4 - 2 = 2$ viết phép tính $4 - 2 = 2$. HS sai thì sửa bài trong vở của mình. 3. (Cả nhân) HS tập viết dấu – trong vở theo hướng dẫn của GV. 4. (Cả nhân) HS thực hiện HD3 trong SHS. HD3 nhằm để HS thể hiện đã tiếp thu đến đâu những kiến thức, kĩ năng trong bài học này: nhận ra trong tranh tình huống lúc đầu có bao nhiêu vật, bớt đi bao nhiêu vật; phép tính trừ để tìm số vật còn lại; trả lời câu hỏi. Các bước: HS tự viết số vào trong vở sau khi tìm hiểu tình huống và nghe GV nói yêu cầu của HD. GV đánh giá từng HS qua sản phẩm học tập này cùng với trả lời câu hỏi của tình huống. Kết quả đúng: $8 - 5 = 3$ Còn lại 3 con chim đậu trên cành. Chốt bài: GV đưa ra một tình huống “bớt đi” cùng câu hỏi “còn lại bao nhiêu?”, yêu cầu HS viết phép tính, dùng các hình vuông để thực hiện bớt đi tìm kết quả còn lại, trả lời câu hỏi.
--	--	---



(Cá nhân) HS trả lời câu hỏi “Còn lại bao nhiêu?”. Ví dụ: GV yêu cầu và HS thực hiện lần lượt từng việc: HS đếm và dán vào bảng con 7 hình, nói : “Có 7 hình”. HS thực hiện theo lệnh của GV: “Bỏ bớt ra 2 hình”, nói: “Bớt đi 2 hình”. HS trả lời câu hỏi “Còn lại bao nhiêu hình?”.

[GV có thể tạo một hoạt động khác vui hơn nhưng phải đúng mục tiêu của khởi động: trải nghiệm qua một tình huống “bớt đi” rồi trả lời câu hỏi “Còn lại bao nhiêu?” – một câu hỏi quen thuộc trong thực tế. Qua đó, GV thăm dò mức độ hiểu tình huống và câu hỏi của HS, từ đó biết mức độ cần gợi ý hướng dẫn].



1. (Cá nhân) Tìm hiểu nội dung tranh và liên hệ với tình huống “bớt đi”. Các bước:

- HS quan sát tranh, mô tả nội dung từng tranh.
- HS trả lời câu hỏi trên mỗi tranh.
- Sau khi một số HS được chỉ định trả lời trước lớp, GV gợi ý để HS hiểu hai tình huống trong tranh đều là “bớt đi”. Ở tranh vịt “bớt đi” là di chuyển đi, ở tranh đĩa táo “bớt đi” là đã ăn. GV yêu cầu HS nói: Dưới ao có 7 con vịt, bớt đi 2 con (đã lên bờ), còn lại 5 con; Trong đĩa có 7 quả táo, bớt đi 2 quả (đã ăn), còn lại 5 quả. HS nhắc lại nhiều lần mỗi câu trên.

2. (Hoạt động chung cả lớp) Khám phá và ghi nhận cách biểu thị tình huống “bớt đi” bằng mô hình số và bằng phép tính trừ. Các bước:

- HS quan sát các hình vuông với sự chú thích của GV: Lúc đầu có 7 hình vuông; Có 2 hình vuông bị gạch chéo thể hiện bớt đi 2 hình vuông.
- HS mô tả tình huống “bớt đi” hình vuông. Sau khi một số HS mô tả trước lớp, GV gợi ý để HS trả lời được như câu dưới mô hình.
- HS nghe GV giới thiệu cách nói và cách viết phép tính trừ tương ứng với mỗi tình huống bớt đi (hình vuông, vịt, táo): “Có 7 ... (tên vật), bớt đi 2 ... (tên vật)” ta nói “7 trừ 2”; “còn lại 5 ... (tên vật)” ta nói “bằng 5 ... (tên vật)”. GV viết lên bảng (dưới các tranh tình huống): 7 trừ 2 bằng 5.
- HS nói lại từng tình huống rồi nói 7 trừ 2 bằng 5.
- HS quan sát dòng viết: $7 - 2 = 5$ trong sách, GV viết như vậy trên bảng. GV có thể hỏi HS mỗi dấu $-$, $=$ nghĩa là gì rồi chính thức giới thiệu nghĩa của hai dấu đó.

GV chốt: Từ tình huống “bớt đi” ta có phép tính trừ, còn lại bao nhiêu chính là kết quả (sau dấu $=$) của phép tính trừ đó.

[Khám phá gồm hai hoạt động: 1. Tìm hiểu nội dung tình huống; 2. Mô hình hoá tình huống dẫn tới kiến thức toán].

1. (Cặp đôi) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm để HS nhận ra tình huống “bớt đi” và còn lại bao nhiêu. Từng cặp đôi HS thảo luận để tìm số thay vào . Sau khi một số cặp đôi HS được chỉ định nói số ở , cả lớp xác nhận kết quả đúng, GV yêu cầu HS nói lại đầy đủ mỗi tình huống, có thể hỏi thêm về phép tính theo mỗi tình huống đó (chỉ nói).
2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ2 nhằm củng cố ý niệm phép trừ và các dấu $-$, $=$. Các bước: HS quan sát tranh rồi tự viết số vào trong vở (GV theo sát từng HS để biết tình hình và giúp đỡ HS chưa vững); Một số HS được chỉ định viết kết quả trên bảng, giải thích theo tình huống trong tranh kèm theo, GV gợi ý để HS nói được rành mạch, ví dụ: a. 4 trừ 2 có nghĩa là lúc đầu có 4 khúc xương, hai chú cún gặm mất 2 khúc, còn lại 2 khúc nên 4 trừ 2 bằng 2, viết phép tính $4 - 2 = 2$. HS sai thì sửa bài trong vở của mình.
3. (Cá nhân) **HS tập viết dấu $-$** trong vở theo hướng dẫn của GV.
4. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HĐ3 nhằm để HS thể hiện đã tiếp thu đến đâu những kiến thức, kĩ năng trong bài học này: **nhận ra trong tranh tình huống lúc đầu có bao nhiêu vật, bớt đi bao nhiêu vật; phép tính trừ để tìm số vật còn lại; trả lời câu hỏi.** Các bước: HS tự viết số vào trong vở sau khi tìm hiểu tình huống và nghe GV nói yêu cầu của HĐ. GV đánh giá từng HS qua sản phẩm học tập này cùng với trả lời câu hỏi của tình huống. Kết quả đúng: $8 - 5 = 3$, Còn lại 3 con chim đậu trên cành.

Chốt bài: GV đưa ra một tình huống “bớt đi” cùng câu hỏi “còn lại bao nhiêu?”, yêu cầu HS viết phép tính, dùng các hình vuông để thực hiện bớt đi tìm kết quả còn lại, trả lời câu hỏi.

[Nhóm hoạt động luyện tập gồm những hoạt động đã thiết kế trong SHS, có thể có một số hoạt động bổ sung. SGV luôn nêu mục tiêu của mỗi hoạt động và các bước tổ chức hoạt động – chỉ ra một chuỗi việc làm của HS cùng với sự nhắc GV theo dõi và gợi ý. Các bài học dạng bài hình thành kiến thức mới thường có đủ bốn nhóm hoạt động như đã nêu. Ở bài **Bớt đi. Phép trừ, dấu $-$** , mục 4 cũng có thể xem là thuộc nhóm hoạt động vận dụng. Các bài học dạng bài luyện tập không có nhóm hoạt động khám phá.

Với mỗi hoạt động, có 3 bước:

- Bước 1: HS nhận biết yêu cầu của hoạt động rồi **tự thực hiện**, GV theo dõi từng HS để biết tình hình và có thể hỗ trợ khi cần thiết;
- Bước 2: HS được chỉ định **trình bày cách thực hiện và kết quả** (GV chỉ định HS nào trình bày là theo ý đồ kịch bản sự phạm của mình, sau khi đã nắm được tình hình tự thực hiện của HS);
- Bước 3: HS cả lớp **thảo luận về ý kiến của HS đã trình bày và có thể đưa ra ý kiến khác**; GV khéo léo dẫn dắt HS tới các cách thực hiện đúng và nhận ra cách tốt nhất, chốt kết quả đúng (trong SGV là chữ màu đỏ).

Trong mỗi bài học, SGK đều chỉ ra một hoặc hai hoạt động mà GV cần đánh giá kết quả đạt được về kiến thức cũng như kĩ năng của từng HS qua sản phẩm học tập sau hoạt động đó.

Như vậy, SGK đã theo SHS **hướng dẫn tổ chức một chuỗi các hoạt động** học của HS có lớp lang theo thứ tự; **đã chỉ ra mục tiêu, cơ sở về kiến thức, kĩ năng và các bước cơ bản tổ chức hoạt động** để hướng tới mục tiêu của bài học. Mỗi GV hoàn toàn vận dụng được kinh nghiệm và phát huy được khả năng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với đối tượng HS của mình để dẫn dắt HS hào hứng, tự tin trải nghiệm mà tiếp thu kiến thức và luyện kĩ năng.

3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

3.1. Các yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Toán lớp 1

Hiện nay, “Lấy việc học của HS làm trung tâm” là một phương châm dạy học đã được các thầy cô giáo và các nhà trường luôn hướng tới. Cách dạy học “Thầy giảng – trò nghe” được thay thế bằng cách áp dụng những phương pháp dạy học tích cực: Dạy học giải quyết vấn đề, Dạy học kiến tạo,... nhằm nâng cao hiệu quả học tập của HS. Điểm chung của các phương pháp này là: Tăng cường cho HS hoạt động trải nghiệm, để từ đó lĩnh hội kiến thức và luyện được kĩ năng một cách tích cực, giảm thụ động; GV tổ chức và hướng dẫn HS hoạt động học hiệu quả.

Hiện nay, có nhiều kĩ thuật dạy học phổ biến để hỗ trợ các phương pháp dạy học tích cực, GV cần lựa chọn kĩ thuật dạy học thích hợp với từng hoạt động học đã chỉ ra trong SGK. Tuy nhiên, không nên “gò” HS hoạt động theo một kĩ thuật nào đó một cách cứng nhắc, mà phải linh hoạt và nhuần nhuyễn để tổ chức được hoạt động học của HS thật **đơn giản, mạch lạc và đúng trọng tâm**. Trên hết là đảm bảo:

- HS hoạt động với không khí học tập vui vẻ, nhẹ nhàng và hấp dẫn.
- HS phải có cơ hội chủ động tìm cách giải quyết vấn đề trong mỗi hoạt động (từ vấn đề rất đơn giản, rồi nâng dần mức độ). GV không “cầm tay chỉ việc” để HS làm theo một cách thụ động mà gợi ý ở mức độ vừa đủ.
- HS phải được tạo điều kiện để tự tin, tự chủ trong mỗi hoạt động học: GV luôn khuyến khích, động viên và tôn trọng ý kiến HS; Từ ý kiến trình bày của HS, GV khéo léo gợi ý, dẫn dắt để HS nhận ra hướng giải quyết đúng và vận dụng kiến thức kĩ năng đã có để tìm được kết quả.
- Mỗi HS phải luôn được GV quan tâm theo dõi, hướng dẫn khi cần. Như vậy, HS chậm hoặc thiếu tập trung sẽ không bị “bỏ rơi”, HS khá giỏi được khích lệ kịp thời và được tạo điều kiện nâng cao kĩ năng thêm nữa.

3.2. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động học

Tổ chức hoạt động học là một đổi mới căn bản trong dạy học nhằm mục tiêu phát triển năng lực. GV nên nghiên cứu kĩ hướng dẫn **Tổ chức HOẠT ĐỘNG** trong SGK để dạy

học đạt hiệu quả. Mấu chốt để GV tổ chức hoạt động học cho HS được gọn nhẹ, vui, hiệu quả là GV phải thấu hiểu mục tiêu của mỗi hoạt động và cơ sở kiến thức, kĩ năng của HS cho hoạt động đó; từ đó tổ chức hoạt động hợp lí, linh hoạt.

Ví dụ, Bài **Bớt đi. Phép trừ, dấu –** (xem bài SGK trong mục 2.5.4.)

- *Tạo cho HS một không khí học tập vui vẻ, nhẹ nhàng và hấp dẫn.* Ngay từ những HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (HĐKD), đến các hoạt động tiếp theo trong bài học, GV không nên nói lệnh một cách khô cứng mà khai thác nội dung hoạt động để HS hoạt động như tham gia chơi một trò chơi hoặc thi đua. Như vậy HS luôn thấy hào hứng, hoạt động sôi nổi.

Ví dụ, ở HĐKD, GV hiểu mục tiêu của hoạt động là cho HS *trải nghiệm qua một tình huống “bớt đi” rồi trả lời câu hỏi “Còn lại bao nhiêu?”* và biết HS đã quen thuộc tình huống dạng này trong cuộc sống thường ngày. Vậy có thể nói với HS: “Cả lớp cùng thi đua làm nhanh, trả lời đúng nhé! Mỗi lần làm đúng và nhanh (khi cô gõ thước là đã xong rồi) thì được thưởng 1 ngôi sao, trả lời đúng được 2 ngôi sao”. Tiếp theo GV lần lượt nói lệnh và câu hỏi như đã nêu trong SGK.

Lưu ý rằng: Khi GV muốn kiểm tra xem HS nắm bài cũ như thế nào, không nên tuyên bố: “Kiểm tra bài cũ” mà đưa ra hình thức hoạt động nhẹ nhàng, vui để qua đó biết được tình hình từng HS; Khi HS làm việc chưa hiệu quả, GV không nên chê trách HS mà hãy tìm một điều tốt (dù rất nhỏ) để khen động viên HS rồi gợi ý, hướng dẫn HS làm lại cho đúng. Như thế HS không sợ, không chán học, không khí lớp học không căng thẳng.

- *Tạo cơ hội cho HS chủ động tìm cách giải quyết vấn đề trong mỗi hoạt động.* SGK hướng dẫn, trong chuỗi các bước hoạt động học thì luôn có *bước đầu tiên là học sinh tự suy nghĩ và thực hiện giải quyết vấn đề theo suy nghĩ của mình*, khi đó **GV bao quát lớp và theo dõi để nắm được mức độ kiến thức, kĩ năng của từng HS**. Như vậy, HS được luyện tính chủ động, hơn nữa HS sẽ tìm hiểu kĩ vấn đề cần giải quyết. Khi đó, nếu HS không tìm được cách giải quyết tốt thì GV kịp thời gợi ý phù hợp với từng HS, HS sẽ dễ dàng nhận ra hướng giải quyết, sẽ thấy hứng thú hơn. GV không nên vì muốn nhanh mà “cầm tay chỉ việc”, sẽ làm cho HS thụ động, hơn nữa không đảm bảo mỗi HS đều đạt yêu cầu ở hoạt động đó.

Ví dụ: Ở hoạt động khám phá, với các bước hoạt động như đã nêu trong SGK thì HS tự quan sát tranh, mô tả tranh rồi trả lời câu hỏi “Còn lại bao nhiêu con vịt dưới ao?”, “Trên đĩa còn lại bao nhiêu quả táo?”. Khi GV gợi ý, HS nhận ra ngay được hai tình huống trong tranh đều là “Có 7 vật, bớt đi 2 vật, còn lại 5 vật” do HS đã quan sát kĩ tranh để mô tả và tìm kết quả trả lời câu hỏi. Nếu GV ngay từ đầu đã nói cho HS về từng bức tranh thì có thể có HS không theo dõi kịp hoặc không tập trung mà GV lại không bao quát được do đang tập trung vào việc nói cho cả lớp nghe, vì vậy những HS đó không nhận ra tình huống dạng “có ..., bớt đi ..., còn lại ...” và sẽ không tiếp tục được ở những hoạt động sau. Với mỗi hoạt động tiếp theo cũng tương tự như vậy.

- *Tạo điều kiện để HS tự tin, tự chủ trong mỗi hoạt động học.* Điều đó có nghĩa là SGK cùng với GV phải tạo cho mỗi HS có niềm tin rằng HS sẽ giải quyết được vấn đề trong mỗi hoạt động, khi tự tin thì HS mới tự chủ.

Ví dụ: Ở hoạt động **2. HS thực hiện HĐ2 trong SHS**, phần **a.** là một hoạt động có hướng dẫn để HS biết chuyển từ tình huống “*có ..., bớt đi ..., còn lại ...*” thành viết phép tính trừ và tính được kết quả phép tính trừ nhờ hình ảnh trực quan của tình huống đó. Đó là SGK đã tạo điều kiện để HS dễ dàng đi đến mục tiêu: hiểu rõ ý nghĩa phép tính trừ và cách tìm kết quả phép tính trừ. Sau khi HS quan sát tranh và tự thực hiện phần **a**, GV hướng dẫn để HS nhớ rõ: *Có 4 khúc xương, bớt đi 2 khúc xương* thì viết thành phép tính $4 - 2$; *Có 4 khúc xương, bớt đi 2 khúc xương, còn lại 2 khúc xương* thì viết thành $4 - 2 = 2$. Khi đó HS tự quan sát tranh và thực hiện được các phần **b, c, d**.

- *Mỗi HS phải luôn được GV quan tâm theo dõi, hướng dẫn khi cần.* Ví dụ: Ở hoạt động luyện tập **2.**, khi HS tự thực hiện, có thể có HS vẫn mắc một chỗ nào đó, chẳng hạn, không nhận ra *có bao nhiêu và bớt đi bao nhiêu* nên không thể nêu được số thay vào mỗi ?; hoặc không biết chuyển “*có ..., bớt đi ..., còn lại ...*” thành phép tính trừ. **GV cần phải luôn bao quát để kịp thời gợi ý cho HS “tháo gỡ”, vượt qua vướng mắc. Nếu GV không kịp thời giúp HS “tháo gỡ” thì HS sẽ nản, nhiều lần như thế thì HS sẽ không theo kịp tiến độ cùng các bạn.** Ngược lại, có HS lại thực hiện dễ dàng và hoàn thành nhanh và tốt. Khi đó GV cũng kịp thời khen, khuyến khích HS thực hiện tiếp hoạt động sau hoặc có thể hướng dẫn cho bạn chưa vững; không nên để HS đã làm bài xong tự do, sẽ làm phân tán với HS khác.

Trong một HĐ có nhiều phần, GV cần nâng dần yêu cầu về mức độ kĩ năng. Chẳng hạn, ở hoạt động luyện tập **2.**, tiếp theo **a** (hoạt động có hướng dẫn), HS tự thực hiện **b** rồi một số HS nêu kết quả, cả lớp thảo luận và nêu lại từng bước: quan sát tranh thấy ... , nghĩa là *Có 8 viên bi, bớt đi 3 viên, còn lại 5 viên*, chuyển thành phép tính $8 - 3 = 5$; Hai phần còn lại yêu cầu HS thực hiện nhanh.

4. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN TOÁN LỚP 1

Mục tiêu đánh giá kết quả học tập môn Toán lớp 1 là: Cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về sự phát triển năng lực và sự tiến bộ của HS trên cơ sở yêu cầu cần đạt đã nêu trong chương trình môn Toán lớp 1.

Hai hình thức đánh giá

- Đánh giá quá trình (hay đánh giá thường xuyên) đi liền với tiến trình học tập của HS, đảm bảo mục tiêu vì sự tiến bộ của HS.
- Đánh giá định kì (hay đánh giá tổng kết) là đánh giá việc thực hiện các mục tiêu học tập của mỗi học kì, của năm học.

Cả hai hình thức đánh giá cần được đảm bảo nguyên tắc: HS bộc lộ được phẩm chất, năng lực cá nhân.

4.1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất

Năng lực và phẩm chất của HS được **hình thành dần dần trong quá trình học**. Việc đánh giá phẩm chất và năng lực của HS lớp 1 cần dựa vào những biểu hiện của phẩm chất và năng lực có trong quá trình học Toán 1.

(a) Các phẩm chất chủ yếu:

Yêu nước: Yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên;

Yêu quê hương, yêu Tổ quốc, tôn trọng các biểu trưng của đất nước; Kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với quê hương, đất nước; ...

Nhân ái: Yêu thương, quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình; Yêu quý bạn bè, thầy cô; Quan tâm, động viên, khích lệ bạn bè; Tôn trọng người lớn tuổi; Giúp đỡ người già, người ốm yếu, người khuyết tật; Nhường nhịn và giúp đỡ em nhỏ; Biết chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó khăn, các bạn ở vùng sâu, vùng xa, người khuyết tật và đồng bào bị ảnh hưởng của thiên tai; ...

Chăm chỉ: Đi học đầy đủ, đúng giờ; Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập; Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày; Thường xuyên tham gia các công việc của gia đình vừa sức với bản thân; Thường xuyên tham gia các công việc của trường lớp, cộng đồng vừa sức với bản thân;...

Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày; Mạnh dạn nói lên ý kiến của mình; Luôn giữ lời hứa; Mạnh dạn nhận lỗi, sửa lỗi và bảo vệ cái đúng, cái tốt; Không đồng tình với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống; ...

Trách nhiệm: Có ý thức giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khỏe; Có ý thức sinh hoạt nề nếp; Có ý thức bảo quản, giữ gìn đồ dùng cá nhân và gia đình; Tự giác thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường và các quy định, quy ước của tập thể; Giữ vệ sinh chung; Bảo vệ của công; Có trách nhiệm với công việc được giao ở trường, ở lớp; Có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây xanh và các con vật có ích; Không đồng tình với những hành vi xâm hại thiên nhiên;...

(b) Các năng lực chung:

Năng lực tự chủ và tự học: Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn; Thực hiện đúng kế hoạch học tập, lao động; Không mải chơi, làm ảnh hưởng đến việc học và các việc khác; Tìm được những cách giải quyết khác nhau cho cùng một vấn đề; Thực hiện được các nhiệm vụ khác nhau với những yêu cầu khác nhau; Có ý thức tổng kết và trình bày được những điều đã học; Nhận ra và sửa chữa sai sót trong bài kiểm tra qua lời nhận xét của thầy cô; Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng; Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; Biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô; Hiểu được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong nhóm sau khi được hướng dẫn, phân công; Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật của các thành viên trong nhóm để đề xuất phương án phân công công việc phù hợp; Biết cố gắng hoàn thành phần việc mình được phân công và chia sẻ giúp đỡ thành viên khác cùng hoàn thành việc được phân công; Báo cáo được kết quả thực hiện nhiệm vụ của cả nhóm; Tự nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân theo hướng dẫn của thầy cô; ...

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn; Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi; Nêu được cách thức giải quyết vấn đề đơn giản theo hướng dẫn; Xác định được nội dung chính và cách thức hoạt động để đạt mục tiêu đặt ra theo hướng dẫn; Không e ngại nêu ý kiến cá nhân trước các thông tin khác nhau về sự vật, hiện tượng; Sẵn sàng thay đổi khi nhận ra sai sót.

(c) Năng lực toán học:

Đó là các năng lực: Tư duy và lập luận toán học; Mô hình hoá toán học; Giao tiếp toán học; Sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

Biểu hiện của mỗi năng lực này đã được nêu rõ trong SGK phần Giới thiệu chung về môn Toán lớp 1, trang 5.

Khi đánh giá quá trình hay đánh giá định kì, GV chú ý tạo tình huống thích hợp để HS bộc lộ rõ thái độ, kĩ năng. Từ đó nắm bắt tình hình rồi có kế hoạch uốn nắn, bồi dưỡng để mỗi HS đều tiến bộ - hướng tới những phẩm chất, năng lực của HS lớp 1 như đã nêu trên.

4.2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá năng lực

4.2.1. Một số gợi ý về đánh giá quá trình

- Khi theo dõi HS tự giải quyết vấn đề ở mỗi hoạt động trong bài học, GV đánh giá vốn kiến thức, kĩ năng của mỗi HS, từ đó kịp thời giúp mọi HS đạt yêu cầu.
- Mỗi bài học, GV đánh giá mức độ nắm vững kiến thức, kĩ năng trên sản phẩm học tập của học sinh (trình bày lời giải cho vấn đề đặt ra của hoạt động luyện tập hoặc vận dụng) với một hoặc hai hoạt động trong bài học, SGK thường đã chỉ định đó là hoạt động nào.
- GV đánh giá HS về mức độ nhuần nhuyễn từng phần kiến thức, kĩ năng đã học qua theo dõi HS tự giải quyết vấn đề của các hoạt động trong bài ôn tập chủ đề, ôn tập chung (ôn tập phần).

Ví dụ 1. Bài Số 4, số 5

Trong SGK gợi ý kiểm tra đánh giá quá trình:

– Với hoạt động luyện tập

1 Chọn số đúng.



4 5



4 5



4 5



4 5

Khi HS tự thực hiện HĐ1, GV theo sát từng HS để biết HS nào đã hiểu **muốn biết có bao nhiêu con bướm thì phải đếm tất cả các con bướm có trong hình và phải đếm đúng,...** HS nào chưa chọn đúng số tức là còn chưa thông ở một hoặc cả hai điều trên, từ đó hướng dẫn lại cho HS đó.

2. (Cá nhân) HS thực hiện HĐ1 trong SHS. HĐ này nhằm cho HS nhận ra số lượng đồ vật và cách viết số (4, 5) tương ứng. Các bước:

- HS nhận biết yêu cầu của HĐ1 (GV hướng dẫn), tự thực hiện HĐ1. GV theo sát từng HS để kịp thời hướng dẫn: **đếm để biết số lượng.**
- Một số HS được chỉ định lên thực hiện trước lớp: đếm và nói số lượng mỗi nhóm vật rồi chỉ tay vào số. HS khác nhận xét, cùng GV xác nhận kết quả đúng. HS sai phải làm lại.
- Với hoạt động vận dụng

2 Mỗi loại có bao nhiêu?



GV yêu cầu HS viết vào vở số lượng mỗi loại. HS nào viết đúng hết kết quả tức là đã đạt yêu cầu cơ bản của bài học là trả lời câu hỏi “Mỗi loại có bao nhiêu?": **phân loại đúng đối tượng để đếm, đếm đúng.** HS nào chưa đúng một kết quả nào đó tức là còn chưa thông ở một hoặc cả ba điều trên, từ đó GV hướng dẫn lại cho HS đó.



?



?



?



?

1. (Cá nhân) HS thực hiện HĐ2 trong SHS. GV nói cho HS yêu cầu của HĐ để HS tự xác định số lượng mỗi loại và viết số vào vở. GV đánh giá từng HS qua sản phẩm học tập này. Cuối cùng một số HS được chỉ định trình bày kết quả thực hiện trước lớp. HS làm sai thì sửa. Kết quả viết số vào ô từ trái sang phải là **3, 5, 4, 2**.

Ví dụ 2. Bài Ôn tập 4

1. (Cá nhân) HS thực hiện HĐ1 trong SHS. HĐ1 nhằm cho HS ôn về ý nghĩa của phép trừ: “Có ..., bớt đi ..., còn lại...”. Các bước:

– HS tự thực hiện HĐ1 sau khi đã cùng cả lớp xác định được từng yêu cầu của HĐ này. GV theo sát để thấy rõ HS có nhận ra ngay phép tính tương ứng với tình huống và câu hỏi không, khi đó sẽ hướng dẫn, giúp đỡ kịp thời cho HS (nếu cần).

– Một số HS trình bày kết quả chọn phép tính. HS cả lớp thảo luận kĩ, xác định tình huống của tranh kết hợp câu hỏi dẫn đến việc chọn phép tính thích hợp với tranh. Xác định đúng:

Có 5 quả, Sóc lấy đi 3 quả, còn ... quả $\rightarrow 5 - 3$.

GV hướng dẫn HS chốt: Tình huống dẫn tới phép trừ.

1 Chọn phép tính đúng rồi trả lời câu hỏi.
Còn bao nhiêu quả thông chưa được nhặt?



5 - 2

5 - 3

Khi HS tự thực hiện HĐ1, GV theo sát từng HS để biết HS nào đã nhận ra **phép tính tương ứng với tình huống**. HS nào chưa chọn đúng phép tính tức là còn chưa vững về ý nghĩa của phép tính trừ, từ đó hướng dẫn lại cho HS đó.

2 Tính.

$$7 - 3 = 4$$

$$4 - 2 = 2$$



$$7 - 3 - 2 = 2$$

$$10 - 5 =$$

$$9 - 3 =$$

$$8 - 3 =$$

$$10 - 5 - 2 =$$

$$9 - 3 - 4 =$$

$$8 - 3 - 5 =$$

2. (Cá nhân) HS thực hiện HĐ2 trong SHS. HĐ2 nhằm để HS ôn luyện tính trừ: HS có thể nhắm theo bảng trừ đã thuộc hoặc đếm lùi. Trong HĐ này HS cũng được luyện kĩ năng quan sát, nhận xét đặc điểm các phép tính đã cho để thực hiện nhanh hơn thông thường, ví dụ: Nhắm được $7 - 3 = 4$ thì đến phép tính $7 - 3 - 2$ chỉ việc nhắm $4 - 2 = 2$ là kết luận $7 - 3 - 2 = 2$. Các bước:

– HS tự tính nhắm trong khoảng 2 phút, viết kết quả vào vở. GV theo sát để thấy HS thuộc bảng và có nhận xét để nhắm nhanh hay không, từ đó nhắc nhở những HS chưa thuộc bảng trừ hoặc gợi ý nhận xét để HS biết tính nhanh.

– Sau 2 phút, HS cùng GV thảo luận để tất cả HS đều biết nhận xét tính nhanh rồi HS tự thực hiện các phần còn lại. Một số HS viết kết quả và nói từng bước trên bảng. Kết quả đúng:

$$10 - 5 = 5$$

$$9 - 3 = 6$$

$$8 - 3 = 5$$

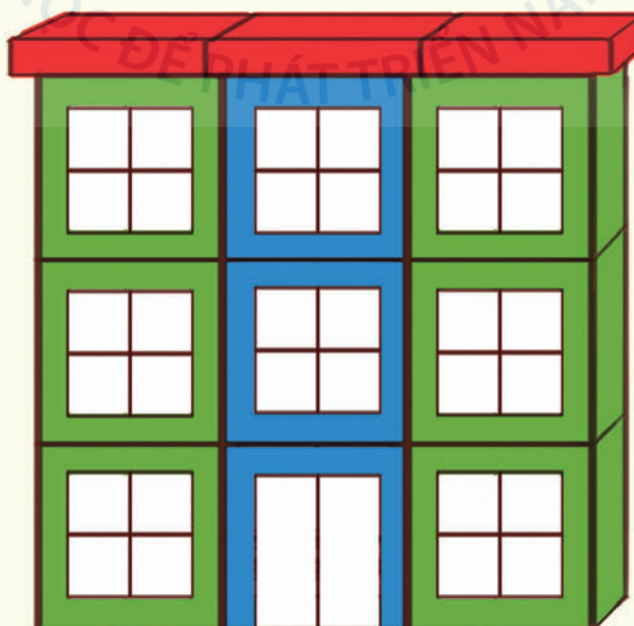
$$10 - 5 - 2 = 3$$

$$9 - 3 - 4 = 2$$

$$8 - 3 - 5 = 0$$

Ví dụ 3. Bài **Ôn tập chung** (sau chủ đề 7. Hình phẳng và chủ đề 8. Hình khối)

- ② Hãy cùng nhóm bạn xếp những khối hộp chữ nhật, khối lập phương thành ngôi nhà.
Cắt giấy, dán thành các cửa.



GV yêu cầu HS viết kết quả phép tính, dãy tính vào vở, đánh giá theo hai mức: tính đúng và tính nhanh. HS nào còn tính sai tức là còn chưa thuộc bảng trừ và chưa vận dụng thành thạo tính trừ bằng cách đếm lùi. HS nào tính chưa nhanh là chưa linh hoạt tận dụng kết quả phép tính trước để tính tiếp dãy tính sau. Từ đó hướng dẫn lại cho mỗi HS đó có kĩ năng tốt hơn.

2. (Nhóm) HS thực hiện HĐ2 trong SHS. HĐ này nhằm cho HS sử dụng những khối hình trong bộ đồ dùng học toán để xếp, ghép hình theo mẫu. Đó là HS đã được ôn luyện về nhận biết dạng của một khối hình, về kĩ năng xếp ghép hình theo mẫu: cảm nhận về kích thước (to, nhỏ), xác định vị trí của mỗi khối hình trong hình vật mẫu và chọn đúng, đủ số lượng khối hình mỗi loại để chuẩn bị xếp ghép.

Ngoài việc xếp ghép các khối hình, ở HĐ này HS còn có thể sử dụng những hình phẳng để dán vào bề mặt những khối hình như: những hình vuông màu trắng làm cửa sổ ngôi nhà, hình chữ nhật làm cửa lớn. Như vậy HS đã được làm quen sự kết hợp giữa hình phẳng và hình khối để tạo hình đồ vật.

Với hoạt động này, GV đánh giá quá trình xếp, ghép và đánh giá trên sản phẩm khi HS đã xếp, ghép xong về mức độ nhuần nhuyễn kĩ năng đối với hình khối, hình phẳng, vị trí và cả kĩ năng làm việc hợp tác sau hai chủ đề 7 và 8.

Các bước với hoạt động xếp, ghép theo mỗi hình vật mẫu:

- HS quan sát hình vật mẫu, chọn đúng và đủ số khối hình mỗi loại. *GV theo dõi, đánh giá HS về nhận biết dạng khối hình, cảm nhận về kích thước (to, nhỏ), số lượng khối hình mỗi loại; gợi ý để HS nhận ra đã chọn sai, chọn thiếu khối hình nào (nếu có). GV hướng dẫn HS chuẩn bị các miếng phẳng (có thể cắt hoặc xé giấy) để dán lên vật sau khi đã ghép xong.*
- HS quan sát hình vật mẫu và xếp ghép theo mẫu. *GV theo dõi, đánh giá HS về xác định vị trí của mỗi khối hình trong hình mẫu, sự khéo léo, nhanh nhẹn.*
- HS dán những miếng hình phẳng lên vật đã ghép (cửa sổ, cửa lớn ngôi nhà).

4.2.2. Một số gợi ý về đánh giá định kì

Với việc đánh giá định kì (cuối học kì 1 và cuối năm học), sử dụng kết quả đánh giá để chứng nhận cấp độ học tập, công nhận thành tích của HS thì thông thường theo cách truyền thống là HS được làm một bài kiểm tra thể hiện được mức độ nắm kiến thức tổng hợp và mức độ nhuần nhuyễn các kĩ năng cơ bản. Vẫn với cách làm như vậy nhưng để HS bộc lộ được những phẩm chất năng lực cần có của HS lớp 1 thì phải tính đến nhiều yếu tố như:

- Những bài tập cần tính toán với các dạng phép tính đã học để HS thể hiện năng lực tính toán.
- Câu hỏi hoặc bài tập đòi hỏi HS phải trình bày, so sánh, phân tích, ... để thể hiện **khả năng tư duy và lập luận đơn giản**.
- Lựa chọn một tình huống thực tiễn làm xuất hiện vấn đề cần giải quyết, đòi hỏi HS phải xác định được mô hình toán học của tình huống này. Từ đó đánh giá **năng lực mô hình hoá** và **khả năng diễn giải** kết quả của vấn đề đặt ra trong tình huống thực tiễn. Qua đó cũng đánh giá được **năng lực giải quyết vấn đề** của HS.

- Đưa ra tình huống cần sử dụng đồ dùng học toán để HS thể hiện khả năng lựa chọn và sử dụng công cụ khi giải quyết vấn đề.
- Đánh giá năng lực giao tiếp toán học qua việc HS đọc hiểu những thông tin toán học trong mỗi câu kiểm tra, sử dụng được từ ngữ toán và từ ngữ thông thường trình bày cách làm và kết quả câu kiểm tra đó.

Ví dụ

GỢI Ý BÀI KIỂM TRA CUỐI NĂM HỌC

Câu 1. Viết số vào chỗ trống.

a.,, 11, 12, 13,, 15,,,, 19,,,,

b., 99, 98, 97,, 95,,, 92,,,, 88,,,

Câu 2. Viết số vào ô .

$10 + 6 = \square$

$7 + 60 = \square$

$59 = 50 + \square$

$32 = 2 + \square$

Câu 3. Viết phép tính. Viết số vào của câu trả lời.

- a. Để trang trí cho lễ tổng kết cuối năm học, bác Ba đại diện Hội cha mẹ học sinh lớp của Hằng đã mang đến hai bó hoa. Hằng đếm thấy bó hoa hồng có 35 bông, bó hoa cẩm chướng có 43 bông. Bác Ba đã mang đến tất cả bao nhiêu bông hoa?

Phép tính:

Trả lời: Bác Ba đã mang đến tất cả bông hoa.

- b. Trong lễ tổng kết năm học này cả 35 bạn ở lớp của Hằng đều tham gia biểu diễn múa hoặc hát. Có 12 bạn chỉ múa mà không hát. Có bao nhiêu bạn hát?

Phép tính:

Trả lời: Có bạn hát.

Câu 4. Viết kết quả đo.



Cái que tính này dài cm.



Cây bút sáp màu này dài cm.

Câu 5. Trả lời câu hỏi.

Sau một ngày bán hàng, cô bán hàng kiểm lại xem còn bao nhiêu bút bi mỗi màu. Kiểm số túi thì thấy 5 túi bút màu đỏ, 4 túi bút màu đen, 5 túi bút màu xanh, mỗi túi có 10 chiếc bút. Kiểm số bút lẻ thì thấy 6 chiếc bút màu xanh, 2 chiếc bút màu đỏ và 9 chiếc bút màu đen.

a. Còn lại bao nhiêu chiếc bút mỗi loại?

Còn lại: chiếc bút màu đỏ; chiếc bút màu đen; chiếc bút màu xanh.

b. Bút màu nào còn nhiều nhất? Bút màu nào còn ít nhất?

Bút màu còn nhiều nhất. Bút màu còn ít nhất.

4.2.3. Sách mềm – Tự kiểm tra đánh giá cuối mỗi bài học

Đây là một học liệu điện tử hỗ trợ kiểm tra đánh giá linh hoạt.

5. HƯỚNG DẪN KHAI THÁC, SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ

5.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (HEID) – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cam kết sẽ đồng hành cùng với các cơ sở giáo dục, thầy cô giáo, phụ huynh và HS trong quá trình sử dụng bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực, thể hiện ở 6 nội dung sau:

(1) Công ty cam kết thực hiện cơ chế hỗ trợ, phục vụ kịp thời, đầy đủ, đồng bộ SGK và tài liệu bổ trợ cho HS và GV.

(2) Cam kết tổ chức tập huấn miễn phí cho toàn bộ cán bộ quản lý giáo dục, GV sử dụng SGK theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến do các Tổng Chủ biên, Chủ biên và tác giả đảm nhiệm.

(3) Mỗi GV sẽ được cấp một tài khoản miễn phí để khai thác, sử dụng học liệu điện tử, bao gồm: sách điện tử, các bài giảng mẫu, thí nghiệm mô phỏng, hệ thống bài kiểm tra, đánh giá, kho tài liệu tham khảo,...

(4) Công ty cam kết giúp các cơ sở giáo dục xây dựng phần mềm quản lý học tập, kết nối giữa nhà trường với phụ huynh HS.

(5) Đặc biệt, hàng năm vào dịp hè, Công ty tổ chức mời GV cốt cán trong các môn có thực hành, thí nghiệm ở các địa phương về trung tâm thực nghiệm của Công ty để tập huấn về thực hành, thí nghiệm.

(6) Ngay từ khi bộ sách hoàn thiện, Công ty đã thành lập bộ phận thường trực xử lý các vướng mắc, hỗ trợ các cơ sở giáo dục, các nhà trường, thầy cô giáo trong hành trình sử dụng bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực.

Tổng kê các học liệu điện tử đi kèm bộ SGK lớp 1:

STT	Môn học lớp 1	Học liệu điện tử						
		Sách Mềm – Vở bài tập	Sách Mềm – Tự kiểm tra, đánh giá	Tư liệu giảng dạy (Powerpoint)	Video bài giảng	Sách giáo viên (bản điện tử)	Sách Mềm – Sách giáo viên	Sách Mềm – Sách học sinh
1	Tiếng Việt	x	x	x	x	x	x	x
2	Toán	x	x	x	x	x	x	x
3	TN và XH	x	x	x	x	x	x	x
4	Đạo đức	x	x	x	x	x	x	x
5	Mĩ thuật	x		x	x	x	x	x
6	Âm nhạc		x	x	x	x	x	x
7	Hoạt động trải nghiệm		x	x	x	x	x	X
8	Giáo dục thể chất				x	x	x	x

5.2. Cách thức khai thác và hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên sách trong dạy học

Hiện nay, tại trang Web sgk.sachmem.vn đã có những tài liệu về bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực nói chung và Toán 1 nói riêng.

(a) Tài liệu về bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực:

- Những điều cần biết về bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực;
- Các bài Giới thiệu SGK gồm bản PowerPoint và Video cho mỗi môn học;
- Các bản Thuyết minh SGK cho mỗi môn học;
- SGK bản mềm cho mỗi môn học;
- Sách mềm – Vở bài tập (Chuyển thể từ VBT in sang dạng tương tác; đã có demo một số bài);
- Sách mềm – Tự kiểm tra đánh giá (đã có demo một số bài);
- SGV bản mềm cho mỗi môn học;
- SGV tương tác (bản demo sách mềm cho Toán 1, Tiếng Việt 1, Tự nhiên và Xã hội 1);
- PowerPoint hỗ trợ từng bài dạy (bản demo cho Toán 1, Tiếng Việt 1, Tự nhiên và Xã hội 1);
- Tài liệu tập huấn GV, kèm theo Một số video bài dạy mẫu gồm hai loại: không có PowerPoint hỗ trợ và có PowerPoint hỗ trợ, cho mỗi môn học.

Giáo viên, phụ huynh, học sinh có thể xem miễn phí các tài liệu trên trang Web đã nêu. Ngoài những tài liệu nêu trên, các tác giả sẽ cung cấp thêm những sản phẩm khác, nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu học tập tích cực của HS và giảng dạy hiệu quả của GV.

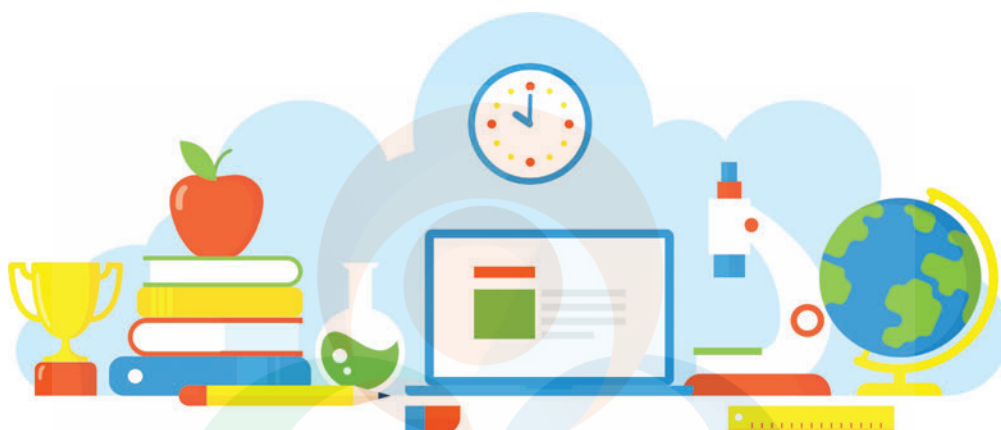
(b) Giáo viên, học sinh, phụ huynh sử dụng các tài nguyên này thế nào?

Một số gợi ý để GV sử dụng hiệu quả:

- Để nắm được các thông tin đầy đủ về cả bộ sách nói chung và môn học nói riêng, GV có thể xem “Những điều cần biết về bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực” và “Thuyết minh SGK môn học”.
- Để dạy học hiệu quả một môn học, GV nên:
 - + Đầu tiên, xem **SGK bản mềm** và **SGV bản mềm** để tìm hiểu sơ bộ và bước đầu cảm nhận về sách.
 - + Tiếp theo, xem bài **Giới thiệu, Tài liệu tập huấn** rồi đến các **video** và các học liệu hỗ trợ cho HS.
 - + Với Sách mềm – Tự kiểm tra đánh giá, GV có thể dùng để đánh giá HS, xác định rõ mỗi HS đang ở mức độ nào sau khi học xong mỗi bài học, từ đó có kế hoạch hướng dẫn lại cho HS còn chưa vững hoặc bồi dưỡng thêm cho HS có năng khiếu, tư chất tốt để ươm mầm tài năng.

– Một số gợi ý cho HS và phụ huynh HS:

- + HS sử dụng Sách mềm – Với bài tập tương tác sẽ thấy hấp dẫn hơn, hứng thú hơn VBT giấy. Hơn nữa sau khi thực hiện xong mỗi bài tập, HS được đánh giá ngay. Nếu HS quên kiến thức cơ bản thì đã có đường link tới video hướng dẫn lại kiến thức liên quan đến bài tập để HS ôn lại rồi tiếp tục làm bài tập.
- + HS sử dụng Sách mềm – Tự kiểm tra đánh giá để xem mình đã đạt mức độ nào (chưa đạt, thực hành cơ bản được, vận dụng đơn giản được, vận dụng sáng tạo) sau khi học xong mỗi bài học. Phụ huynh HS qua đó cũng biết rõ về tình hình của con em mình.



HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ

Kèm theo sách giáo khoa TOÁN 1 Cùng học để phát triển năng lực

Truy cập trang mạng để xem minh họa trực tuyến: sgk.sachmem.vn

Giới thiệu

Sách Mềm là một hệ thống phần mềm kèm theo các học liệu điện tử được xây dựng nhằm mục đích giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập.

Học liệu điện tử kèm theo sách giáo khoa Toán 1 Cùng học để phát triển năng lực là một phần trong hệ thống **Sách Mềm**. Trong giai đoạn đầu, Học liệu điện tử này có 7 sản phẩm chính như sau:

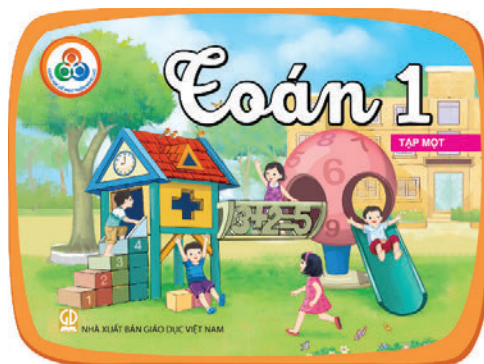
1. Sách giáo viên (bản điện tử)

Là phiên bản điện tử của sách giáo viên được đưa lên mạng internet giúp giáo viên dễ dàng tiếp cận, sử dụng.

2. Tư liệu giảng dạy (Powerpoint)

Là hệ thống các bài soạn điện tử Powerpoint được xây dựng bám sát theo nội dung sách giáo viên, sách giáo khoa kèm theo các hình ảnh, âm thanh, video, hiệu ứng tương tác:

- Góp phần đổi mới phương pháp dạy và học.
- Giúp giáo viên:
 - Giảm bớt thời gian, công sức chuẩn bị tư liệu bài giảng;
 - Có thêm công cụ, tư liệu trực quan, sinh động, hấp dẫn phục vụ việc giảng dạy;
 - Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào giảng dạy.



- Giúp học sinh:
 - Hứng thú tiếp thu bài học;
 - Dễ tiếp thu bài học;
 - Nâng cao hiệu quả học tập.

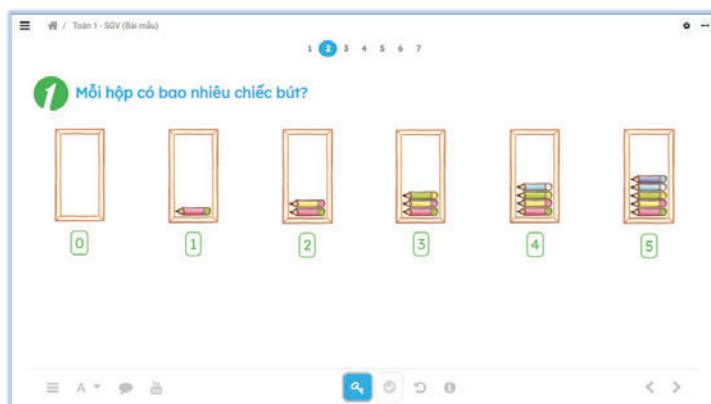
3. Video tiết học (minh hoạ)

Một số tiết học thực tế được quay phim và dựng thành video để làm tư liệu cho giáo viên tham khảo.

4. Sách Mềm – Sách giáo viên

Là phần mềm bài soạn điện tử tương tác, được xây dựng bám sát theo nội dung sách giáo viên, sách giáo khoa kèm theo các hình ảnh, âm thanh, video, hiệu ứng tương tác, trực quan, sinh động.

- Góp phần đổi mới phương pháp dạy và học.
- Giúp giáo viên:
 - Giảm bớt thời gian, công sức chuẩn bị tư liệu bài giảng;
 - Có thêm công cụ, tư liệu trực quan, sinh động, hấp dẫn phục vụ việc giảng dạy;
 - Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào giảng dạy.



- Giúp học sinh:
 - Hứng thú tiếp thu bài học;
 - Dễ tiếp thu bài học;
 - Nâng cao hiệu quả học tập.

5. Sách Mềm – Sách giáo khoa

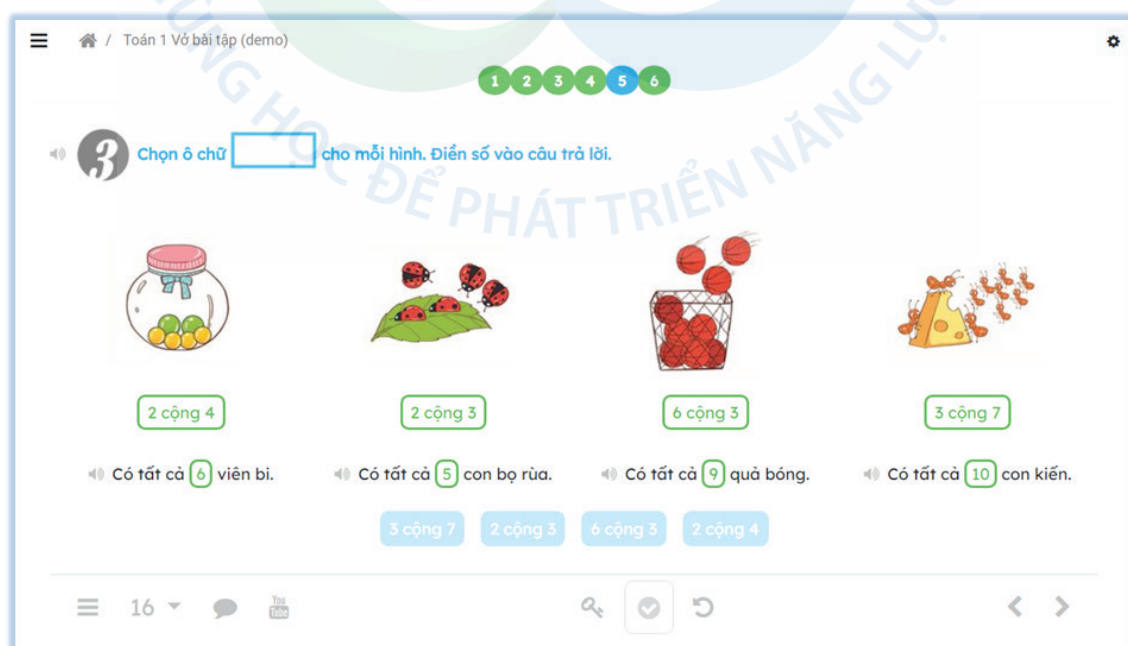
Là phần mềm sách điện tử tương tác, được xây dựng bám sát theo nội dung sách giáo khoa kèm theo các hình ảnh, âm thanh, video, hiệu ứng tương tác, trực quan, sinh động.



6. Sách Mềm – Vở bài tập

Là phần mềm sách điện tử tương tác, được xây dựng bám sát theo nội dung Vở bài tập kèm theo các hình ảnh, âm thanh, video, hiệu ứng tương tác, trực quan, sinh động.

- Giúp giáo viên:
 - Giao bài tập, chữa bài trực tuyến chung cho cả lớp hoặc riêng cho mỗi học sinh;
 - Theo dõi thành tích của mỗi học sinh hoặc cả lớp;
 - Thống kê trực quan và dễ hiểu giúp giáo viên biết cần làm việc riêng biệt với học sinh nào về chủ đề nào.



- Giúp học sinh:
 - Hứng thú hơn khi ôn luyện và làm bài tập;
 - Tự ôn luyện, tự kiểm tra kết quả làm bài;
 - Được chấm điểm tự động, tức thì;
 - Được gợi ý, hướng dẫn làm bài.

7. Sách Mềm – Tự kiểm tra, đánh giá

Là học liệu điện tử tương tác, được chuyển thể từ các câu hỏi kiểm tra, đánh giá trọng tâm kiến thức bài học.

- Giúp học sinh tự kiểm tra, đánh giá lại kiến thức của mình sau mỗi bài học.
- Giúp giáo viên:
 - Theo dõi thành tích của mỗi học sinh hoặc cả lớp;
 - Thống kê trực quan và dễ hiểu giúp giáo viên biết cần làm việc riêng biệt với học sinh nào về chủ đề nào.



6. KHAI THÁC THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU TRONG DẠY HỌC

6.1. Về thiết bị dạy học bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (HEID) – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam có hai dòng sản phẩm, dòng sản phẩm thiết bị THỰC và dòng sản phẩm thiết bị ẢO. Đây là các sản phẩm bám sát và dùng riêng cho bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực.

– Các thiết bị THỰC, bao gồm ba sản phẩm chính, đó là:

- + Bộ đồ dùng thực hành Toán và Tiếng Việt.
- + Bộ tranh dùng cho phân môn Kể chuyện (Tiếng Việt).
- + Bộ tranh Tự nhiên và Xã hội.

– Các thiết bị ẢO, bao gồm ba sản phẩm chính, đó là:

- + Tư liệu bài giảng dành cho GV.
- + Vở bài tập có tương tác.
- + Tự kiểm tra, đánh giá.

6.2. Về Bộ đồ dùng thực hành Toán và Tiếng Việt

Công ty HEID sản xuất đảm bảo đầy đủ các chi tiết bao trọn 5 bộ thiết bị trong Danh mục theo Thông tư 05/2019/TT-BGD&ĐT, đó là (1) Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số; (2) Bộ thiết bị dạy phép tính; (3) Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối; (4) Mô hình đồng hồ; (5) Bộ thẻ chữ học vần thực hành. Ngoài ra, Công ty còn mạnh dạn tích hợp vào đây bộ sa bàn giao thông.

Thực sự đây là một ý tưởng có thể nói là táo bạo của Công ty HEID, nhưng rất hiệu quả. Trong Danh mục thiết bị tối thiểu môn Tự nhiên và Xã hội, có bộ sa bàn giáo dục giao thông. Mục đích để giúp HS hình thành năng lực tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn giao thông. Nhiều công ty khác đã sản xuất những bộ sa bàn giao thông khá đẹp và thuận tiện sử dụng, tuy nhiên giá thành khá cao (khoảng hơn 200.000 VNĐ). Công ty HEID thấy rằng, để học 1 – 2 bài học mà giá thành cao sẽ có nhiều trường học khó có điều kiện đầu tư. Do vậy, Công ty HEID đã tích hợp nội dung này vào bộ đồ dùng thực hành Toán và Tiếng Việt, vẫn đảm bảo thực hiện được mục đích dạy học, mà giá thành lại giảm, chỉ tăng thêm vài chục ngàn đồng vào bộ đồ dùng thực hành Toán và Tiếng Việt.

6.3. Về bộ tranh dùng cho phân môn Kể chuyện (Tiếng Việt)

Bao gồm 29 tranh, là nội dung 29 câu chuyện được kể trong sách Tiếng Việt 1. HS được nghe kể chuyện, được trả lời các câu hỏi đặt ra sau khi nghe kể, và đặc biệt, được tự tay lựa chọn nhân vật (bóc dán sticker) để hoàn thành bức tranh diễn tả câu chuyện.

Điều này kích thích hứng thú của HS, làm cho HS nhớ được nội dung câu chuyện một cách nhanh chóng, yêu thích những giờ nghe Kể chuyện.

Ví dụ, ở tiết Kể chuyện *Gà mẹ và gà con (Bài 3E)*: Công ty HEID có một bức tranh nền, chưa hoàn thiện cùng một số sticker là các nhân vật trong câu chuyện. Trong lúc nghe cô giáo kể chuyện, HS sẽ tự tay lựa chọn, bóc và dán sticker vào tranh, sao cho đúng nội dung câu chuyện. Như vậy sau tiết học, mỗi HS đã có một bức tranh hoàn chỉnh về câu chuyện.

6.4. Về bộ tranh Tự nhiên và Xã hội

Bao gồm 31 tranh, mỗi tranh được sử dụng để tổ chức một hoạt động học tập nào đó trong một bài học của SGK. Bộ tranh sử dụng việc bóc/dán các sticker để qua đó thực hiện các hoạt động tư duy, vận dụng kiến thức mới. Điều này rất hữu ích cho việc phát triển tư duy, rèn luyện kỹ năng và phát triển năng lực của trẻ. Tùy thuộc nội dung từng bài học, mỗi tranh sẽ thực hiện một hoạt động cụ thể trong bài.

Ví dụ, hoạt động vận dụng “Cùng chơi dọn nhà” trong bài học “Nơi gia đình chúng ta sống”: Công ty HEID có một bức tranh nền là hình ảnh trong gia đình và có các sticker là các đồ vật thường dùng hằng ngày. HS sẽ bóc/dán các sticker sao cho các đồ vật ở đúng chỗ của chúng. Sau hoạt động, mỗi HS sẽ được một bức tranh hoàn chỉnh.

6.5. Về học liệu điện tử của bộ sách Cùng học để phát triển năng lực

Học liệu điện tử kèm theo SGK gồm ba sản phẩm chính, đó là:

(1) Tư liệu bài giảng dành cho GV: Phân loại các loại hình bài học trong SGK. Với mỗi loại bài, thiết kế bài giảng mẫu, kèm theo các tư liệu hỗ trợ để GV có thể sử dụng khi dạy học.

(2) Sách mềm – Vở bài tập: Chuyển thể từ VBT sang dạng tương tác.

(3) Sách mềm – Tự kiểm tra, đánh giá. Với mỗi bài trong SGK, có một vài câu hỏi, bài tập để HS tự thực hiện, qua đó tự đánh giá về khả năng nắm vững nội dung cơ bản của bài.

Xin các quý vị hãy tự thử trải nghiệm ở tài khoản demo trực tuyến sau:

Truy cập website: <https://sachmem.vn>

Tài khoản đăng nhập:

+ Email: sgk@heid.vn

+ Mật khẩu: sachgiaokhoa

7. MỘT SỐ LƯU Ý LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC THEO THÔNG TƯ 3866

Để hoạt động tổ chức dạy học trên lớp đạt được mục đích hình thành các năng lực của môn học cũng như các năng lực chung, các phẩm chất được quy định trong chương trình, GV cần lập kế hoạch tổ chức dạy học phù hợp với chính đối tượng HS của lớp mình, trường mình. Kế hoạch tổ chức dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 1 có thể đi theo tiến trình hướng dẫn tổ chức các hoạt động học của SGK, tuy nhiên, để phù hợp với đối tượng, GV cần lưu ý một số điểm sau:

- Yêu cầu cần đạt: GV có thể diễn đạt lại rõ hơn các yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, thái độ.
- Đồ dùng dạy học: GV ưu tiên chuẩn bị các đồ dùng thực tế, sẵn có hoặc thiết kế đồ dùng dạy học phù hợp với đối tượng. Có thể phát triển các vật liệu học tập đa dạng, phù hợp với văn hoá của địa phương.
- Tổ chức các hoạt động dạy học: Tùy theo trình độ của HS có thể phân bổ thời gian, trọng tâm cho các hoạt động; Xác định nội dung cần nhấn mạnh, khai thác các vật liệu học (hình ảnh SGK, kinh nghiệm của HS, vật thật,...) HS cần tương tác,... để có thể hình thành năng lực cho HS; Xác định các kĩ thuật dạy học và phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng HS hướng tới hình thành năng lực; Định hướng các kết luận/chốt cho hoạt động.
- Xây dựng kế hoạch đánh giá: Xây dựng nội dung đánh giá ở mỗi bài học, đối tượng, hình thức và cách đánh giá trong các hoạt động học, hay kết thúc bài học.
- Rút kinh nghiệm sau các giờ lên lớp: GV đánh giá lại quá trình tổ chức dạy học, kết quả học tập của HS, xác định điều đã làm tốt, điều gì cần điều chỉnh và hướng điều chỉnh cho các tiết học sau.

PHẦN HAI

GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI

Sách giáo khoa *Toán 1* có hai dạng bài chủ yếu:

- Dạng bài hình thành kiến thức mới.
- Dạng bài luyện tập hoặc ôn tập.

1. GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC DẠNG BÀI HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Dạng bài hình thành kiến thức mới thường có bốn nhóm hoạt động:

- **Khởi động:** Với hoạt động nhẹ nhàng, vui vẻ trên cơ sở những gì HS đã biết, làm cho HS phần khởi bước vào bài học mới. Bên cạnh đó cũng khéo léo gợi cho HS những kiến thức, kĩ năng cần có để tiếp cận với những hoạt động khám phá kiến thức mới.
- **Khám phá:** HS được tìm hiểu một hoặc vài tình huống thực tế điển hình chứa đựng mô hình kiến thức toán, từ đó tiếp nhận kiến thức mới, cách giải quyết vấn đề mới.
- **Luyện tập:** HS được củng cố hoặc bổ sung kiến thức và hình thành kĩ năng về vấn đề mới học qua một chuỗi hoạt động luyện tập có thứ tự, lớp lang.
- **Vận dụng:** HS hoạt động tư duy để nhận ra vấn đề toán học từ những tình huống thực tế, vận dụng kiến thức toán để giải quyết rồi trả lời theo tình huống thực tế đó.

Mỗi bài học, SGK đều hướng dẫn rất cụ thể để GV biết mục tiêu bài học, mục tiêu từng hoạt động, cách tổ chức từng hoạt động của HS sao cho đạt mục tiêu. Mục **2.5.4** và mục **3.2** đã phân tích về cấu trúc SGK và hướng dẫn tổ chức các hoạt động học. Đó là phần cơ bản của hướng dẫn tổ chức dạy học.

GV lưu ý:

- a) Trên cơ sở biết rõ mục tiêu từng hoạt động và mục tiêu của bài học, GV có thể sáng tạo cách tổ chức từng hoạt động để hấp dẫn hơn, phù hợp với HS của mình hơn và trên hết là đạt hiệu quả.

Ví dụ 1. Bài Phép tính trừ dạng $17 - 3$

SGV gợi ý tổ chức hoạt động khởi động:

(Cá nhân)

HS trả lời câu hỏi “**Còn lại bao nhiêu?**”. Ví dụ: GV yêu cầu và HS thực hiện lần lượt từng việc:

– HS đếm và dán vào bảng con 17 hình, nói : “**Có 17 hình**”.

– HS bớt đi 3, nói: “**Bớt đi 3 hình**”.

– HS trả lời câu hỏi “**Còn lại bao nhiêu hình?**”

GV giới thiệu bài mới: Hôm nay chúng ta sẽ học phép tính trừ dạng $17 - 3$.

GV đã thay đổi hoạt động nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu: ôn ý nghĩa phép tính trừ để chuẩn bị học bài mới.

(Hoạt động chung cả lớp)

1. Thi trả lời nhanh câu hỏi “**Còn lại bao nhiêu?**”

HS quan sát GV dán từng hình tam giác lên bảng và đếm (GV dán tất cả 17 hình lên bảng, xếp thành hình cây thông để thu hút sự chú ý của HS) rồi trả lời câu hỏi của GV: “Cô đã dán bao nhiêu hình?”.

HS quan sát GV rời từng hình để ra chỗ khác (GV rời đi 3 hình) rồi trả lời câu hỏi của GV: “Cô đã cắt đi bao nhiêu hình?”

HS trả lời nhanh câu hỏi: “Còn lại bao nhiêu hình?”. HS trả lời nhanh nhất và đúng được nhận 1 sao cho tổ của mình.

2. Một số HS được chỉ định trả lời câu hỏi của GV: “Có 17 hình, bớt đi 3 hình, muốn biết còn lại bao nhiêu hình thì ta làm phép tính nào?”

GV nhắc lại kiến thức và giới thiệu bài mới: Có 17 hình, bớt đi 3 hình, muốn biết còn lại bao nhiêu hình thì phải làm phép tính $17 - 3$. Vừa rồi các con đã trả lời được “Có 17 hình, bớt đi 3 hình, còn lại 14 hình” tức là đã biết $17 - 3 = 14$. Bài hôm nay chúng ta sẽ học cách tính các phép tính tương tự như vậy, gọi là phép tính trừ dạng $17 - 3$.

Phép tính trừ dạng $17 - 3$

$17 - 3 = ?$

$$\begin{array}{r} 17 \\ - 3 \\ \hline 14 \end{array}$$

7 trừ 3 bằng 4, viết 4.
Hạ 1 chục, viết 1.

Vậy $17 - 3 = 14$

1. Tính.

$\begin{array}{r} 14 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 17 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 15 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 16 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 19 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$
--	--	--	--	--

2. Đặt tính rồi tính.

$14 - 3 =$	$13 - 1 =$	$16 - 5 =$	$18 - 6 =$
$19 - 4 =$	$15 - 3 =$	$12 - 2 =$	$17 - 7 =$

3. Nêu phép tính rồi trả lời câu hỏi.
Có bao nhiêu con vịt đã vào trong vườn?

Nhà mình có 19 con vịt. Ở đây có 8 con, còn lại đã vào trong vườn cả rồi.

$19 - 8 = ?$

Ở bài Phép tính trừ dạng $17 - 3$, việc GV thay đổi hình thức hoạt động khởi động từ hoạt động cá nhân sang hoạt động chung cả lớp như vậy vẫn đảm bảo mục tiêu mà lại tiết kiệm thời gian – Khi mỗi HS đều lấy hình như gợi ý thì mất nhiều thời gian hơn GV xếp hình, hơn nữa HS dễ gây bệch bàn học với các hình trong khi việc theo dõi GV xếp hình cũng đạt hiệu quả.

Ví dụ 2. Bài Dài hơn, ngắn hơn

Dài hơn, ngắn hơn

1 Nói dài hơn hoặc ngắn hơn.

2 Nói cao hơn hoặc thấp hơn.

3 Trả lời câu hỏi.

a. Chiếc thước gỗ này có xếp được vào trong hộp không?

b. Chân có đi vừa giày không?

c. Quyển sách này có đựng được vào trong ngăn không?

SGV hướng dẫn tổ chức hoạt động luyện tập: 1. (Cá nhân) HS thực hiện HĐ1 trong SHS. HĐ này nhằm cho HS nhận ra và nói câu kết luận vật này dài hơn vật kia và ngược lại: vật kia ngắn hơn vật này. Các bước: – HS tự quan sát tranh từng cặp vật và nói câu kết luận. GV theo dõi, nghe từng HS tự nói kết luận, yêu cầu HS giải thích tại sao kết luận được như vậy. GV có thể phải hướng dẫn lại cho một số HS nếu HS đó chưa chú ý đến cách đặt hai vật có một đầu ngang nhau. – Một số HS được chỉ định nói hai câu kết luận của mỗi cặp vật. Kết luận đúng: Chiếc bút lông dài hơn chiếc bút chì; Chiếc bút chì ngắn hơn chiếc bút lông.	GV đã thay đổi cách tổ chức HĐ2 để không bị nhầm chán, thu hút HS hoạt động sôi nổi nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu: HS nhận ra và nói câu kết luận vật/con vật này cao hơn vật/con vật kia và ngược lại: vật/con vật kia thấp hơn vật/con vật này. Hoạt động 2 thay đổi bằng trò chơi “Con số may mắn” như sau:
---	---

Chiếc bàn chải xanh dài hơn chiếc bàn chải hồng;
Chiếc bàn chải hồng ngắn hơn chiếc bàn chải xanh.
Chiếc kéo xanh dài hơn chiếc kéo đỏ;
Chiếc kéo đỏ ngắn hơn chiếc kéo xanh.

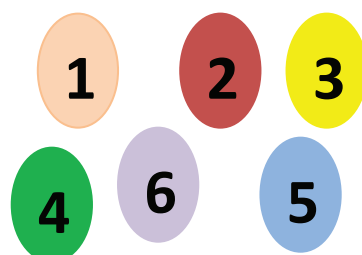
Chiếc chìa khoá vàng dài hơn chiếc chìa khoá xanh; Chiếc chìa khoá xanh ngắn hơn chiếc chìa khoá vàng.

2. (Cá nhân) HS thực hiện HĐ2 trong SHS. HĐ này cho HS nhận ra và nói câu kết luận vật/con vật này cao hơn vật/con vật kia và ngược lại: vật/con vật kia thấp hơn vật/con vật này. Các bước tương tự như HĐ1. Kết luận đúng: **Chiếc ghế xanh cao hơn chiếc ghế hồng; Chiếc ghế hồng thấp hơn chiếc ghế xanh.**

Chiếc lọ hồng cao hơn chiếc lọ xanh; Chiếc lọ xanh thấp hơn chiếc lọ hồng. Chiếc bánh tròn thấp hơn chiếc bánh vuông; Chiếc bánh vuông cao hơn chiếc bánh tròn.

Con cò thấp hơn con chim đà điểu; Con chim đà điểu cao hơn con cò.

Mỗi cặp vật cần so sánh “cao hơn, thấp hơn” được ẩn dưới một chữ số trong 6 chữ số xuất hiện:



HS được chọn một con số, lật lên thấy cặp vật nào thì so sánh cặp vật đó, hoặc mặt cười thì cả lớp cùng cười vui, hoặc bạn bóng vỗ tay thì cả lớp cùng vỗ tay.

- b) SGK thiết kế mỗi bài học gồm một chuỗi các hoạt động học chính nhằm đáp ứng hướng dạy học phân hoá; SGV tổ chức các hoạt động, có thể bổ sung thêm một số hoạt động để đảm bảo độ mịn trong quá trình nhận thức của HS. Vì vậy, GV phải hiểu từng đối tượng HS của mình mà yêu cầu HS thực hiện đến hoạt động nào, không bắt buộc mọi HS đều phải hoàn thành hết chuỗi hoạt động đã nêu trong SGK và SGV.

Ví dụ. Bài Phép tính cộng dạng $23 + 4$

SGV hướng dẫn mục tiêu:

Mục tiêu

Biết cách cộng số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).

SGK thiết kế hoạt động khám phá và một chuỗi 4 hoạt động luyện tập và vận dụng. Có ba mức cho ba đối tượng HS:

- HS phải đạt mức cơ bản với hoạt động **1 và 2**.
- HS khá hơn, khi đã hoàn thành 2 hoạt động trên thì thực hiện hoạt động vận dụng **3** để vận dụng linh hoạt nguyên tắc: cộng số đơn vị với nhau, giữ nguyên số chục.
- HS nhanh hơn nữa thì mới thực hiện tiếp hoạt động **4** để nâng cao thêm kĩ năng, nhuần nhuyễn nguyên tắc cộng số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).

Phép tính cộng dạng $23 + 4$

23 + 4 = ?

Đặt tính và tính:

$$\begin{array}{r} 23 \\ + 4 \\ \hline 27 \end{array}$$

3 cộng 4 bằng 7, viết 7.
Hạ 2 chục, viết 2.

23 + 4 = 27

Tính.

$$\begin{array}{r} 21 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 43 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 52 \\ + 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 74 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

44

$$\begin{array}{r} 32 \\ + 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 67 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 80 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 90 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$$

Đặt tính rồi tính.

$$35 + 3 = \quad 4 + 72 = \quad 60 + 3 = \quad 6 + 83 =$$

Tính.

$$62 + 3 = ?$$



Cộng số đơn vị với nhau
 $2 + 3 = 5$,
giữ nguyên 6 chục.
Vậy $62 + 3 = 65$.

$$56 + 2 = \quad 43 + 4 = \quad 94 + 5 =$$

Chọn số thay vào mỗi ?

$$33 + ? = 37 \quad 56 + ? = 58$$

$$75 \quad 4 \quad 45 \quad 70 \quad 2$$

$$? + 2 = 47 \quad ? + 2 = 77 \quad ? + 2 = 72$$

45

c) Mỗi hoạt động học được thiết kế trong SGK, ngoài nội dung kiến thức toán còn tích hợp cho HS rèn luyện để hướng tới những phẩm chất và năng lực cần có của HS lớp 1. Nếu GV không hướng HS chú ý tới thì việc tích hợp đó không có ý nghĩa. Vì vậy dạy học tích hợp thì GV phải khai thác, kết hợp những ý giáo dục hoặc rèn kĩ năng hướng tới phẩm chất, năng lực mỗi khi có thể.

Ví dụ 1. Hoạt động 5 – bài Công trong phạm vi 10

5 Xem tranh rồi nêu số.



$$7 + ? = ?$$

Nhà Nam có tất cả ? con gà.

Giáo viên cần hướng HS tới tình cảm, trách nhiệm với gia đình như bạn trong câu chuyện: biết quan tâm và tham gia làm việc nhà theo sức của mình.

GV hướng HS tới: năng lực giao tiếp - nhận biết thông tin từ câu chuyện; năng lực giải quyết vấn đề - biết ý nghĩa của phép tính rồi tìm được số thích hợp với mỗi ô $?$, trả lời câu hỏi.

Ví dụ 2. Hoạt động 5 – bài Trừ trong phạm vi 10

5 Nêu phép tính để tìm số chiếc bút còn lại của Nam.

a.

Nam cho
tớ mượn 4
chiếc nhé.



Tớ có 10 chiếc.
Bạn chọn đi.

$$10 - 4 = ?$$

b.

Tớ cho bạn
mượn bút để
tô tranh này.



Cảm ơn Nam.
Tớ có rồi.

$$? - ? = ?$$

c.

Anh Nam cho
em mấy chiếc
bút màu nhé.



Anh cho em
tất cả đấy.

$$? - ? = ?$$

Giáo viên cần hướng HS tới tình cảm bạn bè, anh em như các bạn trong mỗi câu chuyện: **a.** biết chia sẻ với bạn, **b.** biết quan tâm tới bạn; **c.** yêu thương, nhường nhịn em nhỏ.

GV hướng HS tới: năng lực giao tiếp - nhận biết thông tin từ câu chuyện, nhận biết tình huống toán học trong câu chuyện; năng lực giải quyết vấn đề - nhận biết vấn đề thực tế cần giải quyết, biết giải quyết trên tình huống toán học rồi nói kết quả giải quyết.

Ví dụ 3. Hoạt động 7 – bài Ôn tập chung (về cộng, trừ trong phạm vi 100)

- b. Minh cùng mẹ đi xe buýt. Mẹ bảo xe này có 48 chỗ ngồi. Lúc lên xe, Minh đếm thấy còn 5 chỗ trống. Trên xe đã có bao nhiêu hành khách?



$$? - ? = ?$$

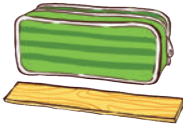
Trên xe đã có ? hành khách.

Giáo viên cần hướng HS tới năng lực giải quyết vấn đề một cách linh hoạt theo điều kiện thực tế: khi biết số chỗ ngồi của xe, khi xe đã có nhiều người, chỉ cần đếm số ghế trống sẽ tìm được số người có trên xe bằng phép tính trừ - như thế sẽ nhanh hơn.

Ví dụ 4. Hoạt động 3 – bài Dài hơn, ngắn hơn

3 Trả lời câu hỏi.

- a. Chiếc thước gỗ này có xếp được vào trong hộp không? b. Chân có đi vừa giày không?



Giáo viên cần hướng HS tới học kiến thức rồi thì hãy áp dụng vào cuộc sống hằng ngày.

- c. Quyển sách này có dựng được vào trong ngăn không?



Ví dụ 5. Thử sức – bài Phép tính công dạng $10 + 3$

THỬ SỨC

Bạn hãy làm theo cách của mỗi bạn dưới đây nhé!

Con lấy 4 chiếc bánh từ đĩa đặt lên hộp thì đủ 10 chiếc. Thế là con biết kết quả.

Ai nói đúng tất cả số bánh bố mẹ đã mua sẽ được thưởng.

Con đếm tiếp sẽ biết.



Giáo viên cần khuyến khích HS tích cực suy nghĩ, vận dụng linh hoạt, sáng tạo những kiến thức, kĩ năng đã có để tính cả những phép tính không phải đúng dạng đã học.

Ví dụ 6. Số quanh ta – bài Số 4, số 5

SỐ 8 2 QUANH TA

Bạn hãy nói xem: Mỗi chiếc xe đạp dưới đây có bao nhiêu bánh? Nó thường được dùng để làm gì?



Giáo viên cần hướng HS tới liên hệ sự vật xung quanh với kiến thức đã học, tìm hiểu về những gì có liên quan.

2. GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC DẠNG BÀI LUYỆN TẬP, ÔN TẬP

Dạng bài luyện tập, ôn tập không có hoạt động khám phá.

- **Khởi động:** Ngoài mục đích khơi dậy không khí hào hứng vào tiết học, còn để cho HS thể hiện mức độ nhuần nhuyễn các kiến thức, kĩ năng đã học. Từ đó GV có kế hoạch hướng dẫn cho những HS chưa thật nhuần nhuyễn.
- **Luyện tập:** HS được luyện tập lựa chọn đúng cách giải quyết vấn đề, có thể phải sử dụng tổng hợp nhiều kiến thức, kĩ năng đã có.
- **Vận dụng:** Vận dụng cách lựa chọn giải quyết vấn đề, giải quyết những vấn đề thực tế trong cuộc sống hoặc trong học tập.

GV lưu ý: Ngoài những lưu ý như với dạng bài hình thành kiến thức mới, với dạng bài luyện tập, ôn tập GV cần lưu ý thêm: với mỗi vấn đề cơ bản, GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm xem có các cách giải quyết nào. Từ đó tùy theo điều kiện cụ thể, HS biết cách lựa chọn cách thích hợp nhất.

Ví dụ 1. Hoạt động 1 – bài Ôn tập 2

1 Nói nhiều hoặc ít ở ?.



Số ba lô ? hơn số mũ. Số mũ ? hơn số ba lô.

Với vấn đề so sánh “nhiều hơn, ít hơn” giữa hai nhóm đối tượng có 2 cách: 1) nối ghép 1 – 1, nhóm nào thừa ra đối tượng là nhóm nhiều hơn; 2) đếm xem mỗi nhóm có bao nhiêu đối tượng, theo thứ tự các số từ bé đến lớn thì biết nhóm nào có số lượng lớn hơn, từ đó kết luận nhóm đó nhiều hơn.

Trường hợp này theo cách 1) sẽ nhanh gọn hơn.

Ví dụ 2. Hoạt động 3 – bài Ôn tập chung (sau chủ đề 1 và chủ đề 2)

3 Chọn > hoặc <.

$1 \text{ ? } 4$

$5 \text{ ? } 2$

$6 \text{ ? } 5$

$8 \text{ ? } 10$

$7 \text{ ? } 9$

$9 \text{ ? } 8$

Với vấn đề so sánh “lớn hơn, bé hơn” giữa hai số có 2 cách: 1) lấy 2 nhóm đối tượng với số lượng là 2 số cần so sánh, nối ghép 1 – 1 thì sẽ biết số lượng nhóm nào nhiều hơn, từ đó kết luận số đó lớn hơn; 2) theo thứ tự các số từ bé đến lớn thì biết số nào lớn/ bé hơn số kia.

Trường hợp này theo cách 2) sẽ nhanh gọn hơn.

Ví dụ 3. Hoạt động 1 – bài Ôn tập học kì 1 - Công, trừ trong phạm vi 20

1 Tính.

a. $6 + 3 =$

Tớ đếm tiếp.

Tớ thuộc bảng cộng rồi, không cần đếm tiếp.



$5 + 1 =$

$7 + 1 =$

$5 + 2 =$

$7 + 2 =$

$5 + 3 =$

$8 + 1 =$

$5 + 4 =$

$1 + 3 =$

$6 + 1 =$

$2 + 3 =$

$6 + 2 =$

$3 + 3 =$

$6 + 3 =$

$4 + 3 =$

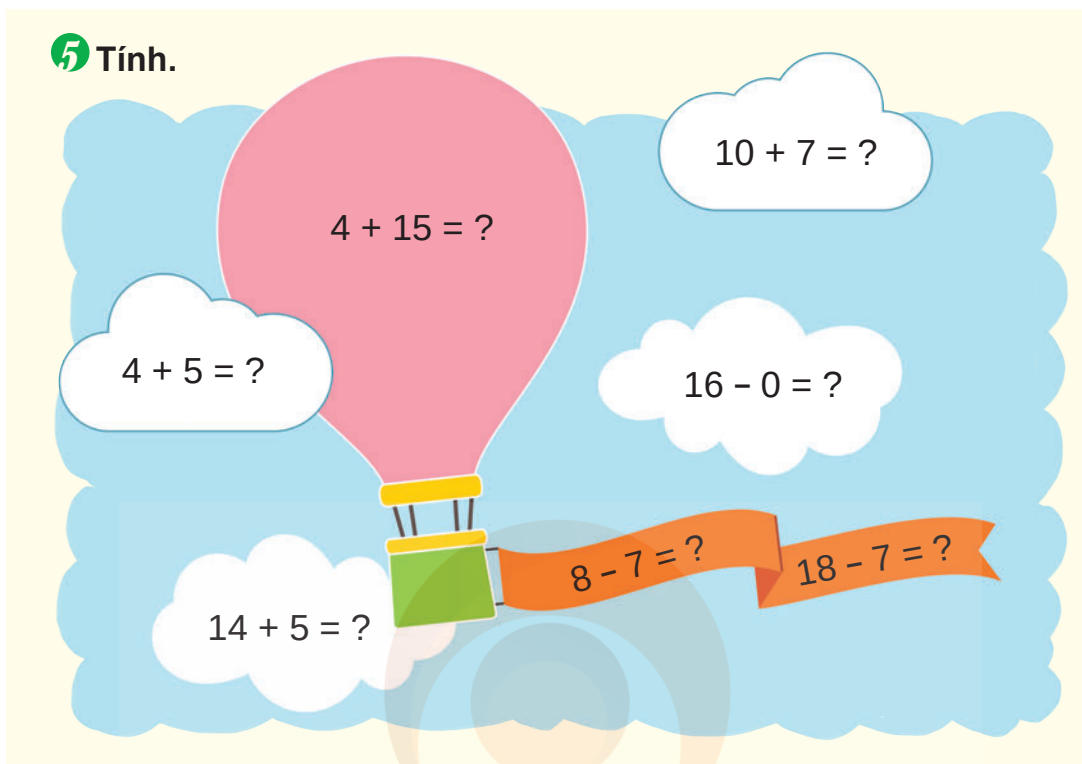
Tính cộng trong phạm vi 10 có 2 cách: 1) đếm tiếp; 2) thuộc bảng cộng trong phạm vi 10.

SGK đã gợi ý qua bóng nói.

Ví dụ 4. Hoạt động 5 – bài Ôn tập học kì 1 - Công, trừ trong phạm vi 20

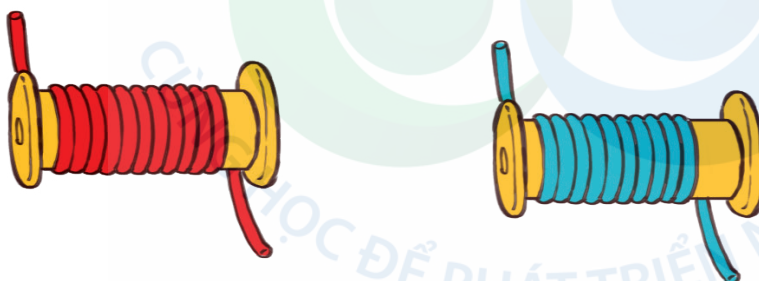
Tính cộng, trừ các dạng đã học trong phạm vi 20 có 3 cách: 1) đặt tính theo cột dọc rồi tính; 2) đếm tiếp, đếm lùi; 3) tính cộng hoặc trừ số đơn vị với nhau và giữ nguyên 1 chục; 4) với phép tính dạng $10 + 3$ viết ngay kết quả theo cấu tạo số (10 và 3 là 13).

5 Tính.



Ví dụ 5. Hoạt động 6 – bài Thực hành đo độ dài

6 Sợi dây điện nào dài hơn?



Vấn đề so sánh “dài hơn, ngắn hơn” giữa hai vật có 2 cách: 1) đặt 2 vật bắt đầu như nhau và so sánh theo điểm kết thúc; 2) so sánh theo kết quả đo với cùng một đơn vị đo.

Trường hợp này so sánh theo số đơn vị đo là số vòng dây cuốn quanh trục (hai trục cuốn dây điện ở đây như nhau).

PHẦN BA

CÁC NỘI DUNG KHÁC

1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN

1.1. Cấu trúc sách giáo viên

SGV gồm hai phần:

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ MÔN TOÁN LỚP 1 (xem SGV từ trang 5 đến trang 9 trên trang web sgk.sachmem.vn)

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC TOÁN 1

Trước mỗi phần, có trang Kế hoạch dạy học của phần đó. Nội dung của trang này gồm: Tên các chủ đề/ bài ôn tập cuối chủ đề; các Năng lực hướng tới của phần; các Yêu cầu cần đạt (gồm kiến thức, kĩ năng cần đạt) của mỗi chủ đề/bài ôn tập; các Hoạt động mà học sinh sẽ được trải nghiệm khi học phần này. Đạt được các yêu cầu đề ra cho mỗi chủ đề, HS đã từng bước hình thành và phát triển những năng lực hướng tới của phần đó.

Trước mỗi chủ đề, có trang Kế hoạch dạy học của chủ đề đó. Nội dung của trang này trình bày kế hoạch dạy học từng bài: Tên mỗi bài, số tiết học; Nội dung dạy học; Kĩ năng; Tư liệu cho HS; Tư liệu cho GV, tương ứng cho bài đó.

Trong mỗi chủ đề, có hướng dẫn cụ thể cách Tổ chức dạy học của từng bài học. Nội dung mỗi bài gồm: Mục tiêu (mục tiêu bài học); Yêu cầu cần đạt (những kiến thức, kĩ năng cần có để đạt được mục tiêu. Những kĩ năng này là cụ thể hoá của các kĩ năng đã nêu trong trang Kế hoạch dạy học của chủ đề); Hướng dẫn tổ chức hoạt động học (Tổ chức hoạt động khởi động, Tổ chức hoạt động khám phá, Tổ chức hoạt động luyện tập, Tổ chức hoạt động vận dụng).

(Chi tiết, xin xem SGV, trang web đã dẫn)

1.2. Sử dụng sách giáo viên hiệu quả

Để dạy học hiệu quả, GV nên xem kĩ:

- Phần giới thiệu chung về môn Toán lớp 1 để nắm vững: Mục tiêu dạy học môn Toán lớp 1; Chương trình Toán 1; SGK và tài liệu bổ trợ môn Toán 1; Phương pháp dạy học Toán 1; Đánh giá trong dạy học Toán 1.
- Phần hướng dẫn tổ chức dạy học Toán 1 để nắm vững: Những vấn đề chính trong dạy học mỗi phần, mỗi chủ đề; Phương pháp tổ chức dạy học đối với từng loại bài học (xem Phần hai - Gợi ý, hướng dẫn tổ chức dạy học một số dạng bài, trang 43–52).

Trọng tâm của mỗi bài là phần hướng dẫn tổ chức các hoạt động học. Đây là một đổi mới căn bản của phương pháp dạy học phát triển năng lực.

- Nếu có điều kiện GV nên sử dụng các học liệu điện tử đi kèm SGK: Sách mềm - Vở bài tập, Sách mềm - Tự kiểm tra đánh giá, Các bài giảng powerpoint hỗ trợ dạy học.

2. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH BỔ TRỢ

2.1. Hướng dẫn sử dụng Vở bài tập

(a) *Cấu trúc.* Cấu trúc VBT tương ứng với cấu trúc SGK: tên các chủ đề, các bài trong VBT trùng với tên chủ đề, bài tương ứng trong SGK. Mỗi bài trong VBT gồm những câu hỏi, bài tập để củng cố, khắc sâu và phát triển những kiến thức, kĩ năng đã hình thành trong SGK. Các câu hỏi, bài tập này cũng đề cập tới những vấn đề đã nêu trong các hoạt động luyện tập, vận dụng ở SGK, nhưng thể hiện bằng những tình huống khác, đa dạng hơn. Những tình huống này rất đơn giản, nhưng là bổ sung những vấn đề mà SGK không có điều kiện trình bày kĩ.

(b) *Hướng dẫn sử dụng.* VBT có thể dùng cho HS học buổi hai hoặc cho những HS đã hoàn thành sớm bài học trên lớp.

Cũng tương tự như việc tổ chức một hoạt động trong SGK, với mỗi bài tập trong VBT, GV cần xác định: Mục đích bài tập đó để củng cố, phát triển kĩ năng gì; Các bước hoạt động giải bài tập; Đánh giá kết quả.

(c) *Chú ý:* Cùng với VBT in, còn có VBT dạng tương tác. Ở những nơi có điều kiện, GV nên hướng dẫn HS sử dụng thêm tài liệu này.

2.2. Hướng dẫn sử dụng Sách mềm – Tự kiểm tra đánh giá

Với mỗi bài trong SGK có một số câu hỏi hoặc bài tập để đánh giá kết quả học của HS theo 3 mức độ: đạt yêu cầu cơ bản, khá, giỏi. GV có thể sử dụng thêm kênh thông tin này để đánh giá mức độ tiếp thu của HS. Từ đó, có kế hoạch giúp đỡ HS chậm tiến hoặc bồi dưỡng HS khá, giỏi.

3. HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

SGK Toán 1 đã thể hiện nội dung toán học thông qua những tình huống thực tế trong cuộc sống của HS ở các vùng, miền khác nhau. Với mỗi địa phương, khi cần GV có thể mô tả lại tình huống cho phù hợp với địa phương đó. Ngoài ra, có nhiều hoạt động trải nghiệm ngoại khoá, GV cũng có thể thay đổi cho phù hợp phong tục tập quán từng địa phương.

TÀI LIỆU TẬP HUẤN Môn TIẾNG VIỆT

PHẦN MỘT HƯỚNG DẪN CHUNG

1. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 1

1.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa Tiếng Việt 1

Sách giáo khoa môn Tiếng Việt cấp Tiểu học nói chung (từ lớp 1 đến lớp 5) được biên soạn theo mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực cho HS, đáp ứng Chương trình môn Tiếng Việt cấp Tiểu học mới ban hành tháng 12/ 2018. Sách giáo khoa Tiếng Việt 1 là một trong những tài liệu học tập quan trọng của HS vì nó cung cấp những kiến thức, kĩ năng, thái độ nền tảng làm cơ sở phát triển những phẩm chất và năng lực người học theo yêu cầu của Chương trình môn Tiếng Việt lớp 1. SGK TV1 được biên soạn theo những quan điểm cụ thể sau:

1.1.1. Tuân thủ và cụ thể hoá Chương trình giáo dục phổ thông mới môn Tiếng Việt lớp 1

SGK TV1 tuân thủ mục tiêu của môn học Tiếng Việt là phát triển phẩm chất và năng lực cho HS. Cụ thể là:

– Các bài học trong SGK TV1 bao gồm những văn bản theo các chủ điểm nhằm hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất nêu trong chương trình giáo dục phổ thông tổng thể với các biểu hiện cụ thể như: tình yêu cái đẹp, cái thiện, tình yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương; ý thức đối với cội nguồn; lòng nhân ái; đức tính trung thực và tinh thần trách nhiệm; tinh thần ham học, yêu lao động.

– Những nhiệm vụ học tập trong từng bài học góp phần phát triển đồng thời các năng lực chung và năng lực đặc thù như:

- + Năng lực tự chủ và tự học.
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác.
- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực ngôn ngữ (ngôn ngữ tiếng Việt).
- + Năng lực văn học cho học sinh (một bộ phận của năng lực thẩm mĩ).

1.1.2. Tích cực hoá hoạt động học tập của học sinh

Năng lực được bộc lộ qua hoạt động, do đó các bài học trong sách được thiết kế thành chuỗi hoạt động học theo đặc trưng của môn học, để đảm bảo rằng cuối mỗi bài học có thể kiểm chứng HS đã làm được những gì trong các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

Chuỗi hoạt động được thiết kế dựa trên 2 trục: trục hoạt động theo tiến trình học của HS (Khởi động, Khám phá, Luyện tập, Vận dụng) và trục hoạt động dựa trên nhiệm vụ phát triển phẩm chất, năng lực đặc thù của môn học thể hiện qua những hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

a) SGK TV1 thiết kế nhiều dạng hoạt động cho những hoạt động có cùng một chức năng nhằm:

- Tăng hứng thú học cho HS do tránh được sự lặp lại dễ nhàm chán.
- Phù hợp với phong cách học của những nhóm HS khác nhau: nhóm học tập thiên về vận động, nhóm học tập thiên về trực quan, nhóm học tập thiên về cảm xúc,...

b) SGK TV1 thiết kế nhiều hình thức hoạt động học nhằm phát triển đồng thời các năng lực chung cho HS (năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo) và các năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học). Các hình thức hoạt động học tập trong sách bao gồm:

- Học theo lớp (học trong sự tương tác giữa GV và HS).
- Học theo nhóm (học hợp tác trong nhóm theo hướng dẫn của GV).
- Học cá nhân (tự học theo hướng dẫn của GV).

HS thực hiện những hoạt động học tập trong sách đều cần sự hướng dẫn của GV. Cách hướng dẫn, tổ chức HS học của GV được nêu trong sách giáo viên Tiếng Việt 1.

1.1.3. Giáo dục tích hợp

a) Tích hợp trong nội bộ môn Tiếng Việt

- Mỗi bài học bao gồm các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.
- Trong một hoạt động cũng có sự tích hợp nhiều nhiệm vụ: trong học đọc hiểu có yêu cầu nói câu trả lời, nói theo vai; trong học viết có yêu cầu nói những điều định viết; trong học nói và nghe có yêu cầu viết câu nói về bức tranh, viết tiếp câu nói về nhân vật trong truyện đã nghe kể, ...

b) Tích hợp liên môn

Là sự tích hợp những nội dung học tập ở các môn học khác vào những hoạt động học đọc, viết, nói và nghe của môn Tiếng Việt. Chẳng hạn, tích hợp hiểu biết về môi trường tự nhiên, hành vi ứng xử theo chuẩn mực với người thân và bạn bè ở môn Tự nhiên và Xã hội, môn Đạo đức,... vào các bài học Tiếng Việt thông qua các văn bản thuộc những chủ điểm *Trường em*, *Em là búp măng non*, *Cuộc sống quanh em*, *Gia đình em*.

1.1.4. Kế thừa và đổi mới

SGK TV1 đảm bảo kế thừa những yếu tố tích cực của SGK TV1 trước đây và vận dụng hợp lý kinh nghiệm quốc tế về phát triển SGK hiện đại, đặc biệt là SGK môn ngôn ngữ quốc gia của những nước có nền giáo dục tiên tiến.

SGK TV1 kế thừa những điểm mạnh của SGK TV1 truyền thống, cụ thể là:

– Tập trung dạy chữ trên cơ sở cảm thức về âm vị của HS bản ngữ dùng tiếng Việt là tiếng mẹ đẻ, lấy việc học đọc làm cơ sở để học viết. Coi việc học các hoạt động đọc, viết, nói và nghe là mục tiêu cuối cùng, do vậy những kiến thức tiếng Việt sẽ có vai trò là nền tảng để phát triển năng lực tiếng Việt.

– Dạy kiến thức, kĩ năng mới xen kẽ với ôn tập thường xuyên ở giai đoạn học chữ cái và vần (hết nhóm bài chữ cái, nhóm bài vần lại có bài ôn tập, không kể các tuần ôn tập giữa học kì và cuối học kì) để củng cố kĩ năng đọc cho HS.

Để thực hiện nhiệm vụ của một tài liệu học nhằm phát triển năng lực cho HS, SGK TV1 đã được soạn theo quan điểm mới về SGK: Coi mỗi cuốn SGK là một bản kế hoạch hoạt động học tập tích cực của HS, góp phần hình thành và phát triển những năng lực chung, đặc biệt là những năng lực đặc thù của môn học. SGK TV1 tạo điều kiện để HS tự học và bộc lộ khả năng vận dụng sáng tạo. SGK TV1 góp phần đổi mới phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá kết quả giáo dục, giúp GV tổ chức tốt các hoạt động học tập của HS.

1.2. Những điểm mới của sách giáo khoa Tiếng Việt 1

1.2.1. Cấu trúc bài học theo hoạt động

Trong SGK TV1 mỗi bài học được thiết kế gồm các hoạt động học tập, những hoạt động này được sắp xếp theo tiến trình học của HS để hình thành và phát triển năng lực, cụ thể là: 1) Hoạt động Khởi động; 2) Hoạt động Khám phá; 3) Hoạt động Luyện tập; 4) Hoạt động Vận dụng.

Hoạt động Khởi động là hoạt động HS chia sẻ những hiểu biết, kinh nghiệm của các em đã có về vấn đề nêu trong bài học, nhằm tạo hứng thú học tập cho HS, giúp HS học cái mới dựa trên cái đã biết. Hoạt động Khởi động có thể là:

– Hoạt động nói và nghe

+ VD: Hoạt động 1, bài 7C



+ VD: Hoạt động 1, bài 25A

1 Nghe – nói

Kể cho nhau nghe về những con vật đáng yêu.

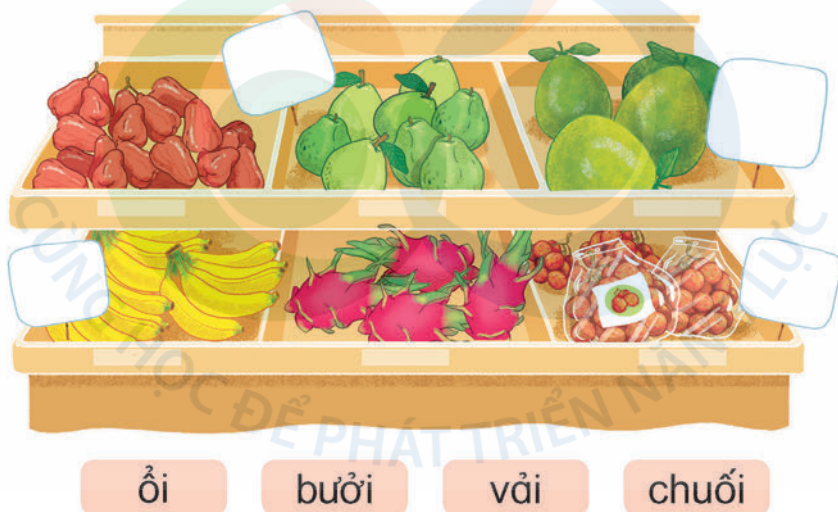


– Hoạt động chơi trò chơi, hát

+ VD: Hoạt động 1a, bài 6E

1 Đọc

a) Chơi dán nhãn sản phẩm.



+ VD: Hoạt động 1, bài 31C

1 Nghe – nói

Hát hoặc nghe một bài hát về người thân.

Hoạt động Khám phá là hoạt động HS tìm và hiểu kiến thức, kĩ năng, thái độ, giá trị mới trong bài học.

– SGK TV1, tập một tập trung chủ yếu vào mục tiêu đọc thành tiếng từng tiếng hoặc từ, do đó hoạt động Khám phá là những hoạt động đọc như: đọc tiếng hoặc từ, tạo tiếng mới hoặc nhận biết vần mới trong tiếng, từ.

+ VD: Hoạt động 2a, bài 7C

 **Đọc**

a

lều trại **lúu lo** **quả lựu**

l	êu	l	úu	l	ựu
---	----	---	----	---	----

lều lúu lựu

+ VD: Hoạt động 2b, bài 12C

b

ấm áp **lấp bắp** **tấp nập**

– SGK TV1, tập hai tập trung chủ yếu vào mục tiêu đọc văn bản, do đó hoạt động Khám phá là hoạt động đọc văn bản: nghe đọc và đọc thầm theo, đọc trơn, đọc hiểu.

VD: Hoạt động 2, bài 31C

2 Đọc

Chia bánh

1. Mẹ mua chiếc bánh
Bảo chị em ăn
Thoáng chút băn khoăn
Chia phần sao nhỉ?

2. Chị nhận nửa bé
Dành em nửa to
Em cười: “Ồ hơ
Chị sai rồi nhé
Chị lớn ăn khỏe
Phải nhận phần hơn
Em chẳng dối hờn
Bé ăn nửa bé”.

3. Mẹ cười vui vẻ
Phép chia nhiệm mầu
Mẹ khẽ xoa đầu:
“Các con ngoan quá!”
(Trương Hữu Lợi)



- ? a) Đọc từng khổ thơ trong nhóm.
- b) Đóng vai chị hoặc em kể về việc chia bánh.
- c) Vì sao mẹ khen hai chị em?

Hoạt động Luyện tập là hoạt động HS sử dụng từng phần của kiến thức, kĩ năng, thái độ, giá trị mới vào giải quyết những vấn đề trong tình huống đơn giản gần với tình huống thực.

– SGK TV1, tập một tập trung vào mục tiêu đọc thành tiếng nên việc đọc từ, đọc câu và hiểu nghĩa của từ, câu; viết chữ cái, viết tiếng hoặc từ chứa chữ, chứa vần mới là hoạt động luyện tập. Những hoạt động này nhằm giúp HS ghi nhớ chữ cái, ghi nhớ tổ hợp chữ cái ghi vần trong từ mới, ghi nhớ cách viết chữ cái và vần trong hoạt động viết chữ, vần, tiếng.

+ VD: Hoạt động 2c và hoạt động 3, bài 8C

C



Mẹ đan áo len.



Bà nấu bún riêu.

3 Viết

en ên un sên

+ VD: Hoạt động 2c và hoạt động 3, bài 12E

C



khép cửa



bắt nhíp



đèn xếp



ép mía

3 Viết

en ên in dên

– SGK TV1, tập hai tập trung vào mục tiêu đọc văn bản nên hoạt động Luyện tập bao gồm: chép lại văn bản, tập tô hay viết chữ hoa để chép đúng văn bản, nghe kể một câu chuyện để củng cố kĩ năng nghe hiểu câu chuyện cùng chủ điểm với văn bản đọc.

+ VD: Hoạt động 3a, bài 26B

3 Viết

a) Nghe – viết.

Ăn thế nào cho đẹp?

- Không để phát ra tiếng động khi nhai.
- Không dùng đũa, thìa đảo bới thức ăn.
- Không để thức ăn bừa bãi ra mâm.

+ VD: Hoạt động 3b, bài 26B

b) Thi tìm nhanh chữ viết sai.



Chép 3 từ ngữ viết đúng vào vở.

4 Nghe – nói

a) Nghe kể từng đoạn câu chuyện và trả lời câu hỏi.

Cò mẹ dạy con tập bay



1 Cò mẹ nói gì với đàn con?

2 Cò mẹ dạy các con tập bay như thế nào?



3 Cò con bị ngã nói gì với cò mẹ?

4 Vì sao chỉ sau ba ngày, cả đàn cò con biết bay?

(Theo Truyện cổ An-đéc-xen chọn lọc)

b) Kể một đoạn câu chuyện.

Hoạt động Vận dụng là hoạt động HS sử dụng những kiến thức, kĩ năng, thái độ, giá trị vào giải quyết tình huống có thực trong học tập, trong đời sống của chính các em. Hoạt động Vận dụng thường đặt HS trước nhiệm vụ giao tiếp cụ thể trong học tập hoặc trong đời sống để các em giải quyết nhiệm vụ đó bằng hoạt động đọc, viết, nói và nghe:

– Hoạt động đọc một đoạn văn bản ở hoạt động 4 các bài học chữ cái/vần ở SGK TV1, tập một; đọc mở rộng một bài ở các bài D trong SGK TV1, tập hai.

VD: Hoạt động 3, bài 20D

3 Đọc

- a) – Tìm đọc câu chuyện hoặc bài thơ nói về trẻ em.
– Chia sẻ với bạn hoặc người thân điều em thích trong bài đọc.
- b) Gợi ý bài đọc mở rộng:

Cánh cam lạc mẹ

1. Cánh cam đi lạc mẹ
Gió xô vào vườn hoang
Giữa bao nhiêu gai góc
Lũ ve sầu kêu ran.

2. Chiều nhạt nắng trắng sương
Trời rộng xanh như bể
Tiếng cánh cam gọi mẹ
Khẩn đặc trên lối mòn.

3. Bọ dùa dùng nấu cơm
Cào cào ngưng giã gạo
Xén tóc thôi cắt áo
Đều bảo nhau đi tìm.

4. Khu vườn hoang lặng im
Bỗng râm ran khắp lối
Có điều ai cũng nói:
– Cánh cam về nhà tôi.

(Ngân Vịnh)

? Đọc cho bạn nghe khổ thơ em thích.

23

– Hoạt động nói một câu về chủ điểm của bài, nói một câu kể về việc em làm.

+ VD: Hoạt động 4, bài 23A

4 Nghe – nói

Nói một câu về cách giữ gìn đồ dùng học tập.

+ VD: Hoạt động 4, bài 30A

4 Nghe – nói

Kể một việc làm thể hiện sự quan tâm của bạn với em.

1.2.2. Đổi mới môi trường học tập của học sinh

SGK TV1 mở rộng không gian học tập của HS từ lớp học ra trường học, về nơi HS sinh sống nhằm giúp HS không chỉ được học trên sách mà còn được học bằng trải nghiệm trong thực tế ở trường và ở cộng đồng (gia đình, địa phương). Điều đó làm cho HS ý thức được mối liên hệ giữa học tập với đời sống, giữa học và hành.

– Nhiều hoạt động yêu cầu HS chia sẻ những trải nghiệm của mình về con người, con vật, cây cối, hoạt động ở ngoài trường.

VD: Hoạt động 1, bài 29C



1 Nghe – nói

Hỏi – đáp: *Bạn thích trò chơi nào dưới đây?*

– Nhiều hoạt động yêu cầu HS nói, viết về một người làm nghề tại nơi HS đang sống.

VD: Hoạt động 2a, bài 28D

2 Viết

a) Viết 1 – 2 câu về việc làm của cô công nhân thu gom rác.

- Cô công nhân làm gì?
- Việc làm đó có ích gì?



1.2.3. Thể hiện quan điểm đánh giá năng lực của học sinh

SGK TV1 thực hiện nhiệm vụ đánh giá năng lực thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

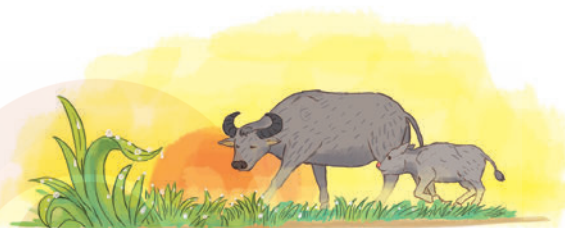
– Việc đánh giá thường xuyên được thực hiện trong từng bài học nhằm xác nhận sự tiến bộ của mỗi HS trong quá trình học. Các kĩ thuật đánh giá thường xuyên có trong sách gồm những hoạt động HS tự đánh giá (trò chơi, cuộc thi, nhận xét lẫn nhau) và những hoạt động GV đánh giá (đặt câu hỏi mở, câu hỏi trắc nghiệm khách quan, nhận xét bằng lời).

+ VD: Hoạt động 4, bài 14E

4 **Đọc**

Hạt sương

Hạt sương bé tí tẹo
Đựng cả ông mặt trời
Ai treo trên ngọn cỏ
Lung linh mà không rơi.



Con ghé con theo mẹ
Củ lã xa lã xăng
Làm hạt sương rụng mất
Cỏ thương khóc ướt đầm.
(Phương Thảo)

?

Ai làm hạt sương rụng?

a. ông mặt trời

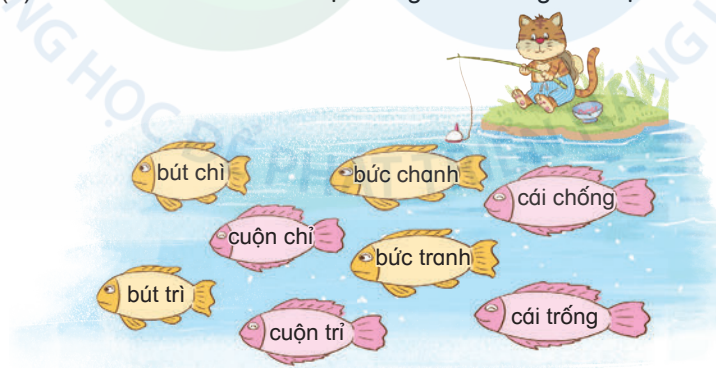
b. *me* *nghe*

c. *nghe con*

+ VD: Hoạt động 3b, bài 23A

b) Chọn (1) hoặc (2).

(1) Chơi trò chơi *Câu cá*: Chọn từ ngữ viết đúng *ch* hoặc *tr*.



Chép 3 từ ngữ viết đúng vào vở.

(2) Đặt tên cho tranh.



Viết 3 tên vào vở.

– Việc đánh giá định kì được thực hiện vào cuối Học kì I và cuối Học kì II. SGK TV1 có soạn một số mẫu bài kiểm tra cuối Học kì để HS luyện tập bằng cách tự làm bài kiểm tra (HS làm bài ra giấy, không làm trực tiếp vào SGK). GV có thể tham khảo các mẫu bài này cho việc ra đề kiểm tra.

PHIẾU KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

A – BÀI KIỂM TRA ĐỌC, NGHE VÀ NÓI (15 phút)

1. Đọc các âm, vần.

ơ d th ngh it ương ay inh

2. Đọc các tiếng.

đa vườn tạch kính thú chùm chuột vương

3. Đọc đoạn đồng dao.

Tiếng chim



Tiếng con chim ri
Gọi dì gọi cậu
Tiếng con sáo sậu
Gọi cậu gọi cô
Tiếng con trích cổ
Gọi cô gọi chú

Tiếng con tu hú
Gọi chú gọi dì
Mau mau tỉnh dậy
Mà đi ra đồng.



4. Nói tên 2 loài chim có trong đoạn đồng dao.

5. Nghe 1 trong 2 câu hỏi sau rồi trả lời.

- Nói tên 2 loài chim em biết.
- Em thích nhất loài chim nào?

B – BÀI KIỂM TRA VIẾT
(Làm bài ra giấy trong 30 phút)

1. Đọc các tiếng. Nối tiếng thành từ ngữ (theo mẫu).

cầu
cánh
Việt
xe

Nam
trượt
chim
đạp



2. Điền **g hoặc **gh** vào chỗ trống.**



conấu



conẹ

3. Tìm từ điền vào chỗ trống để thành câu.



Bạn rau trong vườn. Các chú công nhân nhà.

4. Viết tiếp để hoàn thành câu:

Trăng tròn như quả bóng.

Trăng

1.2.4. Sách giáo khoa Tiếng Việt 1 thể hiện tinh thần tôn trọng học sinh, khai phóng tiềm năng của mỗi cá nhân học sinh, tránh cách dạy áp đặt từ người lớn

- Nhiều hoạt động trong các bài học tạo cơ hội cho HS được thể hiện mình: thể hiện cảm xúc, thể hiện mong muốn, thể hiện sở thích, thể hiện kinh nghiệm,... của cá nhân (nói câu nêu cảm xúc của em trong ngày đầu tiên đến trường, nói về trò chơi em thích, kể việc em làm cho ông bà,...).
- Nhiều hoạt động trong các bài học khuyến khích HS độc lập suy nghĩ, đánh thức tiềm năng sáng tạo của mỗi em (đặt tên cho bức tranh, viết lời cho tranh, nói lời khuyên nhân vật trong bài đọc).
- Hình ảnh, nội dung văn bản trong sách thể hiện sự tôn trọng đặc điểm về giới tính, về sắc tộc, về hoàn cảnh sống khác nhau của HS (coi trọng cả HS nam và HS nữ; thể hiện suy nghĩ việc làm của HS dân tộc Kinh và HS dân tộc thiểu số; thể hiện hoàn cảnh sống của HS nông thôn, HS thành thị và HS vùng núi,...).

2. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

2.1. Cấu trúc sách giáo khoa Tiếng Việt 1

2.1.1. Bộ sách Tiếng Việt 1 gồm 3 loại sách:

- Sách giáo khoa Tiếng Việt 1 (dùng cho HS học đọc, viết, nghe, nói) gồm 2 tập dùng cho 2 học kì.
- Vở Tập viết 1 (dùng cho HS luyện tập kĩ thuật viết chữ, từ, câu) gồm 2 tập dùng cho 2 học kì.
- Sách giáo viên Tiếng Việt 1 (hướng dẫn giáo viên tổ chức dạy học theo sách học sinh) được thiết kế thành 1 tập dùng cho 2 học kì.

2.1.2. Cấu trúc sách giáo khoa Tiếng Việt 1

SGK TV1 gồm 2 phần: phần *Học chữ cái và vần* và phần *Luyện tập tiếng Việt*.

a) Phần Học chữ cái và vần là nội dung của SGK TV1, tập một. Phần này có 18 bài, bao gồm những loại bài sau:

– *Loại thứ nhất* – Bài làm quen (1 bài): Bài này dành cho HS học khi mới tựu trường, chuẩn bị bước vào năm học. Nội dung của bài học chủ yếu dành cho các hoạt động HS làm quen với nhau, làm quen với thầy cô qua chào hỏi; hoạt động làm quen với việc đọc, việc viết.

VD: Hoạt động 1, 2, 4 bài *Làm quen*



1. Chào hỏi, làm quen.

Em đi học

Nhạc: Bùi Anh Tú

Thơ: Nguyễn Trọng Hoàn

Vui vẻ, thân thiết

Hôm nay em tới lớp. Chào
 bạn! Chào thầy cô! Đàn
 chim non ríu rít. Ngõ
 ngàng như trong mơ.

2. Làm quen với sách, tư thế và cách đọc sách.



4. Tô, viết một số nét chữ (trong vở tập viết).



– Loại thứ hai – Bài học chữ cái, tổ hợp chữ cái ghi âm (5 bài, từ tuần 1 – tuần 5).

VD: Bài 4C



1 Nghe – nói

Hỏi – đáp về người và vật trong tranh.

2 Đọc

a

rổ

quả su su

r	ô
---	---

s	u
---	---

rổ

su

b

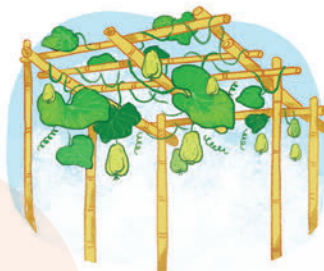
r	u		ru	s	o	\	
r	a	/		s	ô	ʔ	
r	ê	~		s	ơ	.	

R r S s

C

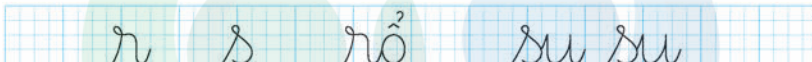


Mẹ ru bé ngủ.

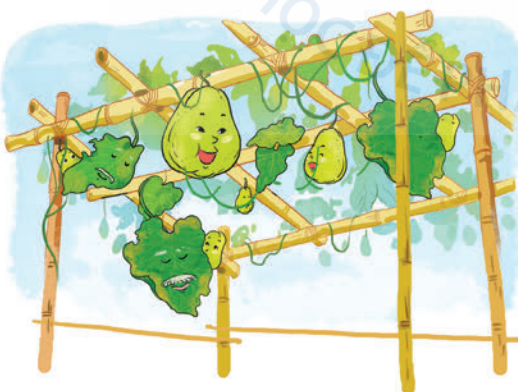


Su su ra quả.

3 Viết



4 Đọc



Su su

Khi su su ra quả, lá và rễ già đi.
Quả su su nghĩ là nhờ rễ, nhờ lá
mà có nó.

?

Quả su su nghĩ gì?

– Loại thứ ba – Bài học tổ hợp chữ cái ghi vần (11 bài, từ tuần 6 – tuần 17, không kể bài số 9 ôn tập giữa học kì).

VD: Bài 10D



1 Nghe – nói

Nói về những hoạt động trong dịp Tết.

2 Đọc

a

cái **bút**

mứt Tết

viết chữ

b	út	m	ứt	v	iết
---	----	---	----	---	-----

bút

mứt

viết

b

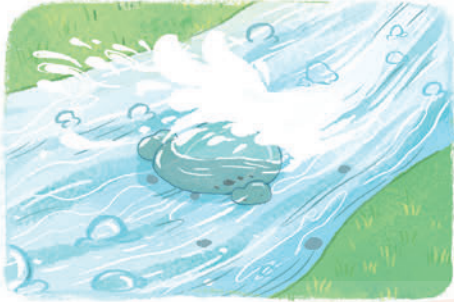
lũ **lút**

thời **tiết**

gạo **lút**

chim **cút**

C



Suối chảy xiết.



Mưa như trút.

3 Viết

ưt ưt iết viết

4 Đọc

Thả diều



Hải và Việt chơi thả diều ở bờ đê. Diều no gió, bay cao vút... Hai bạn ngửa mặt nhìn diều, cười tíť mắt. Tự nhiên, gió thổi ào ào, dây diều bị đứt. Diều rơi vào bụi cỏ. Bấy giờ, Hải và Việt mới biết: muốn diều bay lâu, dây diều phải bền.

?

Vì sao diều bị rơi?

– Loại thứ tư – Bài ôn tập giữa học kì và cuối học kì (tuần 9 và 18) được thiết kế theo các hoạt động luyện tập đọc, viết, nghe và nói.

VD: Bài 9B

Bài 9B

Ôn tập giữa Học kì I

1 Đọc

a) Nhìn chữ đầu của quân cờ. Đặt quân cờ vào ô có chữ đó trên bàn cờ.



h	th	kh
n	s	g

b) Tạo tiếng.

	a	u	ư	o	ô	ơ	i	e	ê
g	gà	gụ	gừ						
gh							ghi		
ng	ngã	ngủ	ngừ						
ngh							nghĩ		

c) Đọc vần, tiếng.

A

Vần	ao	eo	au	âu	iu	iêu
Tiếng	cáo	mèo	rau	trâu	xíu	chiều

B

Vần	an	ăn	on	ôn	en	un
Tiếng	lan	chăn	nón	tôn	kèn	bún

d) Đọc câu.



Mẹ có đĩa cá kho.



Bố pha trà.



Bà đưa mía cho bé.

e) Đọc câu chuyện.

Gà lôi và sói



Mẹ mới dạy gà lôi bay. Bữa nay, gà lôi bay đi chơi. Thấy thế, sói dụ dỗ:

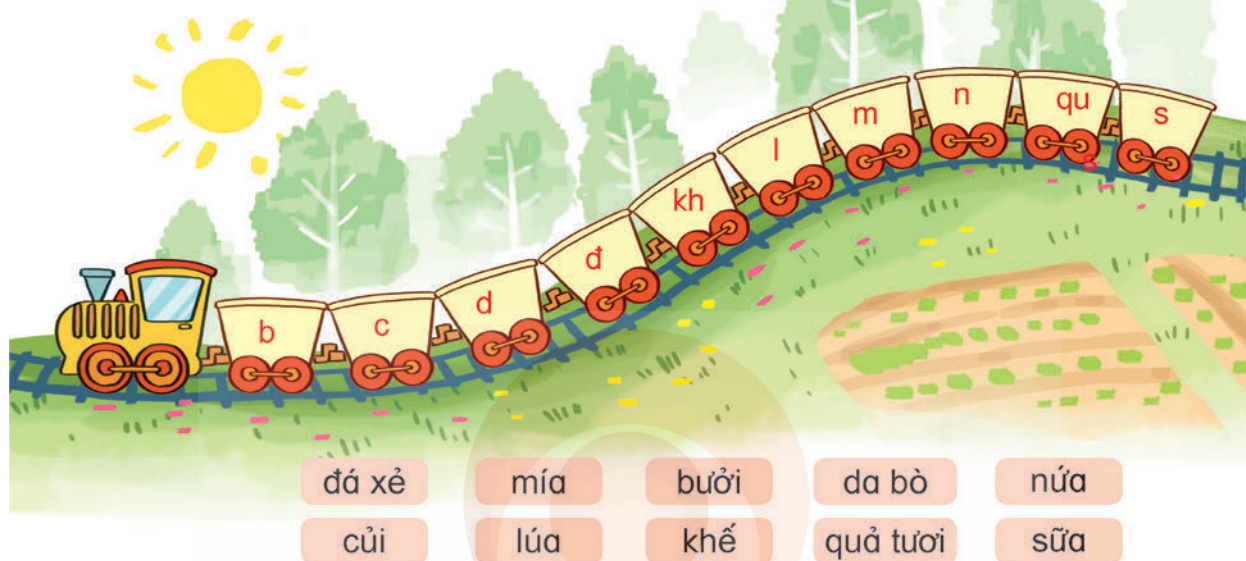
- Gà lôi đi với tôi. Tôi chỉ chỗ có mồi cho.
- Thế à! Sói cho gà lôi đi với!

Thấy sói cười, gà lôi sợ. Nó nhớ lời mẹ: “Sói là kẻ thù của họ nhà gà”. Nó vội bay về với mẹ.

?

Mẹ đã nói gì với gà lôi?

g) Đưa hàng vào đúng toa tàu.



h) Chọn từ cho ô trống trong câu.

hái

xẻ

cưỡi



Thợ ■ gỗ.



Cô ■ buổi.



Chú hề ■ ngựa.

i) Đọc từ: Hà Nội, Lai Châu, Gia Lai.

2 Viết

- Viết một số vần, từ ngữ đã học từ bài 5C đến bài 8E.
- Viết một câu đã hoàn thành ở hoạt động 1h.

3 Nghe – nói

Kể chuyện.

Ai đáng khen?



1. Cô giáo dặn các bạn lớp 1B làm việc gì?



2. Bạn Du làm việc gì tốt?



3. Vì sao bạn Độ được thưởng?

b) Phần **Luyện tập tiếng Việt** là nội dung của SGK TV1, tập hai. Phần này có 17 bài, mỗi bài có một chủ điểm giao tiếp (*Trường em, Em là búp măng non, Cuộc sống quanh em, Gia đình em*), bao gồm những loại bài sau:

– *Loại thứ nhất* – Bài luyện tập các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe (gồm 15 bài, từ tuần 19 – 34, không kể bài ôn tập số 27)

VD: Bài 21A



Bài 21A

Những thanh âm diệu kì

CHỦ ĐIỂM CUỘC SỐNG QUANH EM

1 Nghe – nói
Chia sẻ với bạn những điều em biết về một loài chim.

2 Đọc
Giọng hát chim sơn ca

1. Sơn ca có giọng hát hay nhất khu rừng. Khi sơn ca hát, cỏ cây, hoa lá, dòng suối rì rào hoà theo.

2. Một hôm, các bạn chim cử sẽ đến hỏi sơn ca:

– Bác mặt trời cho bạn giọng hát hay phải không?

– Bác ấy chỉ cho tôi những tia nắng rực rỡ thôi.

Cả bầy chim vẫn thắc mắc. Cô giáo hoạ mi bảo:

– Các em đến nhà sơn ca sẽ rõ.

3. Sáng hôm sau, đến nhà sơn ca, các bạn thấy chú đang chuyển cảnh. Thỉnh thoảng, chú nghiêng đầu lắng nghe tiếng cây cối xào xạc, tiếng suối chảy róc rách. Nghe rất kĩ, rồi sơn ca mới bắt chước theo. Bầy chim đã hiểu vì sao sơn ca có giọng hát hay.

- ? a) Đọc từng đoạn trong nhóm.
- b) Kể tên những vật hoà theo giọng hát của sơn ca.
- c) Vì sao sơn ca có giọng hát hay?
- 1 Vì được mặt trời cho những tia nắng
 - 2 Vì được học cô giáo hoạ mi
 - 3 Vì bắt chước tiếng suối, tiếng cò cây

3 Viết

a) Chép đoạn 1 trong bài *Giọng hát chim sơn ca*.

b) Tìm từ ngữ viết đúng (chọn 1 hoặc 2).

(1)

cấp cứu

cái rìu

cái rừu

biu điện

bưu điện

cấp cú



Chép các từ ngữ viết đúng vào vở.

(2)

máy bay

nước chải

gà máy

gà mái

nước chảy

mái bai



Chép các từ ngữ viết đúng vào vở.

4 Nghe – nói

Nêu nhận xét của em về chim sơn ca trong bài đọc.

– Loại thứ hai – Bài ôn tập giữa học kì và cuối học kì (gồm 2 bài, tuần 27 và 35)

VD: Hoạt động 1, 2, 3, 4, bài 27

Bài 27

Ôn tập giữa Học kì II

1 Chơi trò *Bắt thăm* ôn bài đọc.

- a) Đoán tên bài đọc.
- b) Đọc bài đã đoán tên.

Truyện có bạn
Thắng mới đi học

Truyện có bạn
Linh và bạn Trang

Truyện có chim
sơn ca hát hay

Truyện có bạn
Minh Quân

2 Tô một số chữ hoa đã học từ bài 19C đến bài 26C.

3 Nghe – viết khổ 2 trong bài thơ *Kể cho bé nghe*.

4 Thi tìm đúng tên các vật, con vật.



Viết 3 tên tìm đúng vào vở.

2.2. Cấu trúc bài học

2.2.1. Cấu trúc bài học trong sách giáo khoa

a) Cấu trúc bài học trong SGK Tiếng Việt 1, tập một

– Loại bài *Làm quen* được thiết kế thành 8 hoạt động để GV có thể tổ chức cho HS thực hiện trong khoảng thời gian tối thiểu là 4 tiết (ở những nơi HS tựu trường trước khai giảng khoảng 1 – 2 tuần, GV có thể thực hiện một số hoạt động trong bài này nhiều lần hơn).

– Loại bài *Học chữ cái ghi âm và tổ hợp chữ cái ghi vần* được thiết kế theo một cấu trúc thống nhất, bao gồm:

+ Mỗi bài học lớn học trong 1 tuần, gồm 5 bài học nhỏ (kí hiệu từ bài A đến bài E, VD: bài 2A, 2B,... 2E). Mỗi bài học nhỏ học trong khoảng 2 tiết. Ngoài ra còn có 2 tiết dành cho hoạt động tập viết theo vở *Tập viết 1*, tập một.

+ Mỗi bài học nhỏ gồm những hoạt động sau:

- * Hoạt động nghe nói hoặc trò chơi để khởi động (lô gô chữ số trong vòng tròn màu đỏ).
- * Hoạt động đọc tiếng từ ngữ, tạo tiếng mới để khám phá (lô gô chữ số trong vòng tròn màu cam).
- * Hoạt động đọc hiểu từ ngữ hoặc đọc hiểu câu, hoạt động viết chữ hoặc vần mới, viết từ khóa để luyện tập (lô gô chữ số trong vòng tròn màu xanh lá cây).
(Sở dĩ lô gô chữ số 2 trong vòng tròn có một nửa màu cam và một nửa màu xanh lá cây là vì phần a và b trong hoạt động này là phần hoạt động Khám phá, còn phần c là phần hoạt động Luyện tập.)
- * Hoạt động đọc một đoạn văn hoặc đoạn thơ để vận dụng (vận dụng những chữ vần đã học và mới học để đọc văn bản) (lô gô chữ số trong vòng tròn màu xanh lơ).

**Bài
4D**

t th

1 Nghe – nói

Hỏi – đáp về sở thú.



2 Đọc

a

tổ cò

sở thú

t	ô
---	---

th	u
----	---

tổ

thú

b

t	e	/	té	th	i	.	
t	a	.		th	o	’	
t	ơ	/		th	ư		

T t Th th

c

sư tử

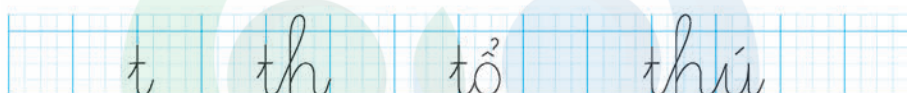
to



Sở thú có ■.

Nhà hổ ■ quá.

3 Viết



4 Đọc

Thỏ và gà

Nhà thỏ ở kế nhà gà. Khi gà “ồ ồ o o...” là thỏ đi bẻ lá. Thỏ vợ cả bó kê to về. Thế là, thỏ thì có lá, gà thì có kê.

?

Thỏ đi bẻ gì?



– Loại bài *Ôn tập giữa học kì, cuối học kì* được thiết kế theo các hoạt động luyện tập đọc, viết, nói và nghe (lô gô chữ số trong vòng tròn màu xanh lá cây).

VD: Hoạt động 1, 2, bài 18

Bài 18

Ôn tập cuối Học kì I

1 Nghe – nói

Thi nói tên vật, con vật có chứa vần trong thẻ.

ao

eo

au

âu

êu

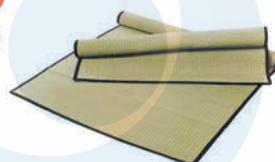
iu

iêu

yêu

ưu

ươu



2 Đọc

a) Đọc vần, từ ngữ.

A

Vần	ac	ăc	âc	oc	ôc
Từ ngữ	bác sĩ	mặc áo	giấc ngủ	mái tóc	cơ lốc

B

Vần	uc	iên	iêc	ach	ich
Từ ngữ	gia súc	gà chiên	cá diếc	chim khách	chích bông

b) Cấu trúc bài học trong SGK Tiếng Việt 1, tập hai

Mỗi bài học được học trong 1 tuần, gồm 4 bài học nhỏ (kí hiệu từ bài A đến bài D, VD: 21A, 21B, 21C, 21D). Mỗi bài học nhỏ học trong khoảng 3 tiết. Các bài học này có mục đích phát triển tổng hợp phẩm chất và năng lực HS, bao gồm những phẩm chất và năng lực chung nêu trong chương trình tổng thể và những năng lực chuyên môn (năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học).

Trong mỗi bài học, năng lực ngôn ngữ là trục chính; các phẩm chất và năng lực khác được tích hợp phát triển qua những hoạt động đọc, viết, nói và nghe để phát triển năng lực ngôn ngữ theo từng chủ điểm giao tiếp.

Các chủ điểm giao tiếp trong SGK TV1, tập hai bao gồm: *Trường em, Em là búp măng non, Cuộc sống quanh em, Gia đình em*. Mỗi tuần học theo 1 chủ điểm, sau khi hết một vòng 4 chủ điểm thì các tuần tiếp theo sẽ quay lại vòng 4 chủ điểm đó.

Nội dung mỗi bài học phát triển đủ các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe dựa trên những văn bản văn học (truyện, thơ) và những văn bản thông tin. Từng bài học nhỏ có những nội dung cụ thể là:

- Bài A: Nói và nghe, Đọc (chính), Chính tả.
- Bài B: Nói và nghe, Đọc (chính), Chính tả.
- Bài C: Nói và nghe, Đọc (chính), Tập viết.
- Bài D: Viết câu, đoạn ngắn theo gợi ý (chính), Chính tả, Đọc (mở rộng).

**Bài
26A**

Con không còn bé nữa

CHỦ ĐỀ
GIA ĐÌNH EM

1 Nghe – nói

Kể cho bạn nghe những việc em làm được bố mẹ, người thân khen.



2 Đọc

Sẻ con đáng yêu

1. Sẻ con sống cùng bố mẹ trong chiếc tổ đơn sơ. Hằng ngày, sẻ mẹ và sẻ bố đi kiếm mồi, mang về cho sẻ con.

2. Một hôm, mặt trời đã lặn mà sẻ bố và sẻ mẹ vẫn chưa về. Trời trở gió, sẻ con gài lại mấy chiếc lá sắp rơi khỏi tổ cho kín gió hơn.

3. Một lúc sau, sẻ bố và sẻ mẹ bay về tổ, người run lên vì lạnh. Sẻ con dang đôi cánh nhỏ ôm bố mẹ.

4. Khi đã khoẻ lại, sẻ bố và sẻ mẹ thấy tổ chắc chắn hơn thì rất ngạc nhiên. Sẻ mẹ ôm sẻ con vào lòng và không ngớt lời khen.

(Theo Nguyễn Thanh Trang)

- 2 a) Đọc từng đoạn trong nhóm.
b) Sẻ con làm gì khi trời trở gió?
c) Đóng vai sẻ mẹ, nói lời khen sẻ con.

3 Viết

- a) Chép đoạn 4 trong bài *Sẻ con đáng yêu*.
b) Chọn *g* hoặc *gh* cho ô trống trong thẻ từ.



bình ồm



ế đầu



soi ương



chơi ép hình

Chép 3 từ ngữ đã hoàn thành vào vở.

4 Nghe – nói

Nói câu kể về việc em giúp bố mẹ.

**Bài
26B**

Bữa cơm gia đình

1

Nghe – nói

Kể cho nhau nghe về một bữa cơm gia đình.

*Cháu mời ông bà ăn
cơm ạ! ...*



2

Đọc

Ăn thế nào cho đẹp?

Ăn cơm cùng gia đình là một niềm vui. Để bữa cơm gia đình thêm vui và thêm ngon, cần ghi nhớ những điều dưới đây.

1. Những điều nên:

- Đợi đủ mọi người mới ăn.
- Ngồi ăn ngay ngắn.
- Ăn chậm, nhai kĩ.

2. Những điều không nên:

- Để tiếng động phát ra khi nhai.
- Dùng đũa, thìa đảo bát thức ăn.
- Ăn quá nhiều một món ăn ngon.
- Vừa ăn vừa nói chuyện liên tục.
- Để thức ăn bỏ đi bữa bãi ra mâm.



- ? a) Đọc từng đoạn trong nhóm.
b) Nói những điều nên hoặc không nên khi ăn.
c) Theo em, còn điều gì nữa nên làm khi ăn?

3 Viết

- a) Nghe – viết.

Ăn thế nào cho đẹp?

- Không để phát ra tiếng động khi nhai.
- Không dùng đũa, thìa đảo bát thức ăn.
- Không để thức ăn bừa bãi ra mâm.

- b) Thi tìm nhanh chữ viết sai.



Chép 3 từ ngữ viết đúng vào vở.

4 Nghe – nói

a) Nghe kể từng đoạn câu chuyện và trả lời câu hỏi.

Cò mẹ dạy con tập bay



1 Cò mẹ nói gì với đàn con?

2 Cò mẹ dạy các con tập bay như thế nào?



3 Cò con bị ngã nói gì với cò mẹ?

4 Vì sao chỉ sau ba ngày, cả đàn cò con biết bay?

(Theo Truyện cổ An-đéc-xen chọn lọc)

b) Kể một đoạn câu chuyện.

Bài
26C

Như những người bạn

1

Nghe – nói

Kể cho nhau nghe về những con vật, đồ vật mà mình yêu quý.



2

Đọc

Kể cho bé nghe

1. Hay nói ầm ỹ
Là con vịt bầu
Hay hỏi đầu đầu
Là con chó vện
Hay chằng dây điện
Là con nhện con.

2. Ăn no quay tròn
Là cối xay lúa
Mồm thổi ra gió
Là cái quạt hòm
Không thềm cỏ non
Là con trâu sắt.

3. Rỗng phun nước bạc
Là chiếc máy bơm
Dùng miệng nấu cơm
Là cua, là cáy...

(Trần Đăng Khoa)



- 2 a) Đọc từng khổ thơ trong nhóm.
 b) Nói về việc làm của con vịt, con chó, con nhện, con cua.
 c) Em thích con vật, đồ vật nào trong bài thơ? Vì sao?
 d) Đọc thuộc một khổ thơ.

3 Viết

- a) Viết chữ hoa.

– Tô chữ hoa: N, O.

– Viết: Ninh Bình, Ao Bà Om.



- b) Viết câu nói về con vật em yêu thích.

4 Nghe – nói

Nói 1 – 2 câu về bức tranh.



Bài
26D

Cháu muốn ông bà vui

1

Nghe – nói

Hỏi – đáp: Bạn nhỏ trong tranh làm việc gì cho ông bà?



2

Viết

- Viết 1 – 2 câu kể lại việc em đã làm cho ông bà.
 - Em đã làm việc gì?
 - Ông bà nói gì về việc em làm?
- Nghe – viết khổ 1 trong bài thơ *Kể cho bé nghe*.
- Thi tìm từ ngữ viết đúng.



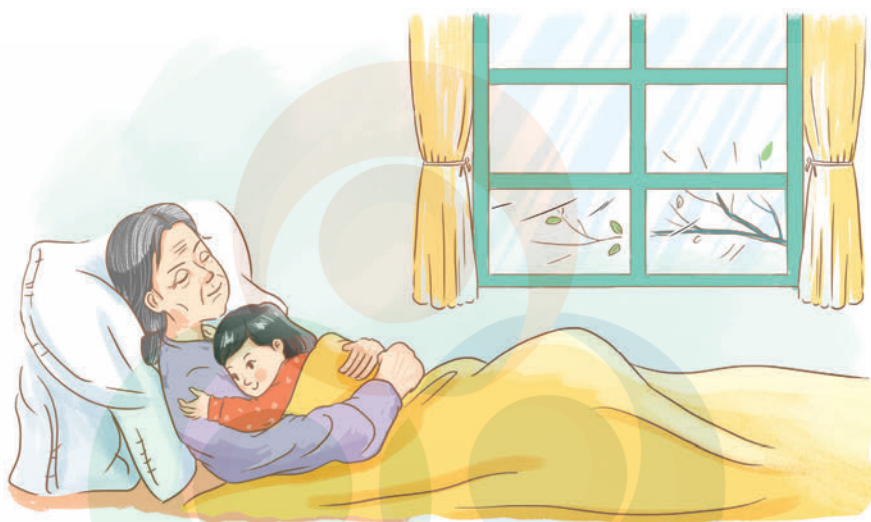
Chép 3 từ ngữ viết đúng vào vở.

3

Đọc

- a) – Tìm đọc một câu chuyện hoặc bài thơ về gia đình.
– Chia sẻ với bạn, người thân về nhân vật hoặc những câu thơ em thích.
- b) Gợi ý bài đọc mở rộng:

Cháu ngoan của bà



1. Bà nội của Lan đã già. Bà đau chân, phải chống gậy để đi cho vững. Lan thương bà lắm, bà cũng rất yêu quý Lan.
2. Mỗi buổi đi học về, Lan kể chuyện ở lớp, đọc thơ, đọc truyện cho bà nghe. Bà vui lắm, khen Lan: “Cháu của bà ngoan quá!”.
3. Mùa đông đến, mẹ Lan lo đêm ngủ bà rét. Thấy vậy, Lan nói với mẹ:
– Con sẽ ngủ cùng bà, con ôm bà để bà ấm.
4. Thế là đêm nào Lan cũng ôm bà ngủ ngon lành. Với bà, mùa đông năm nay thật là ấm áp.

(Theo Mai Thị Minh Huệ)

? Kể một việc làm của Lan để cho bà vui.

2.2.2. Cấu trúc bài học trong vở Tập viết

Vở Tập viết 1 bao gồm hai cuốn: tập một và tập hai dùng cho 2 học kì. Bài học trong vở Tập viết được biên soạn theo tuần. Nội dung viết trong Vở Tập viết thống nhất với yêu cầu về Tập viết trong SGK TV1 trong từng tuần.

– Vở Tập viết 1, tập một gồm 18 bài, mỗi bài học trong khoảng 2 tiết, yêu cầu viết trong mỗi bài là yêu cầu bắt buộc.

VD: Bài 7 – Tập viết 1, tập một

Tuần 7

1. Viết vần

ao

eo

au

âu

êu

iu

ưu

ơu

iêu

yêu

2. Viết từ ngữ

áo phao

mái chèo

bè rau

lều trại

cầu treo

quả lựu

yêu quý

lưu lo

diều

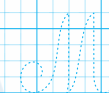
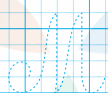
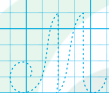
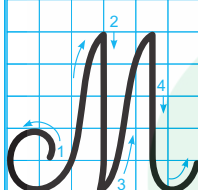
hương

– Vở *Tập viết 1*, tập hai gồm 17 bài, mỗi bài học trong khoảng từ 1/2 tiết – 1 tiết. Bài học trong cuốn này được soạn theo hướng phân hoá: mỗi bài đều có phần viết bắt buộc và phần viết tự chọn để đáp ứng nhu cầu luyện viết của từng HS. 1/2 tiết là thời lượng dành cho phần viết bắt buộc, HS cần thực hiện ở lớp. Phần viết tự chọn HS thực hiện ngoài giờ học ở lớp.

VD: Bài 25 – *Tập viết 1*, tập hai

Tuần 25

1. Tô chữ hoa



2. Viết từ ngữ

Mê Linh



★ 3. Viết từ ngữ

Bạc Liêu

3

9

3

9

3

9

3

9

3

9

★ 4. Viết đoạn thơ

Mưa chưa dứt đất

Chợt lại xanh trời

Bé hiểu ra rồi

Mưa làm nũng mẹ.

(Nguyễn Trọng Hoàn)

M

e

3

M

2.2.3. Cấu trúc bài trong sách giáo viên

SGV TV1 có cấu trúc đồng dạng với cấu trúc của SGK TV1. SGV TV1 được thiết kế thành 1 tập dùng cho 2 học kì.

Học kì I gồm 18 bài lớn tương ứng với 18 bài lớn trong SGK TV1, tập một. Mỗi bài lớn chia thành 5 bài nhỏ kí hiệu từ A đến E.

Học kì II gồm 17 bài lớn tương ứng với 17 bài lớn trong SGK TV1, tập hai. Mỗi bài lớn cũng chia thành 4 bài nhỏ kí hiệu từ A đến D.

Cấu trúc mỗi bài nhỏ trong SGV TV1 gồm những phần sau:

a) Mục tiêu

Phần này nêu mục tiêu của mỗi bài học. Mục tiêu mô tả những điều học sinh làm được (đọc, viết, nói và nghe) khi học xong bài học này để góp phần hình thành và phát triển các năng lực đặc thù, năng lực chung và phẩm chất cho HS.

b) Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

Phần này đưa ra danh sách những đồ dùng dành cho GV, dành cho HS để dạy và học bài học. Danh sách này chỉ nêu tên những đồ dùng thiết yếu, cần thiết và tối thiểu. Ngoài danh sách này, GV có thể chuẩn bị thêm những đồ dùng dạy học khác để thực hiện bài dạy chất lượng hơn.

c) Tổ chức hoạt động Khởi động

Phần này chỉ ra hoạt động Khởi động trong bài học, nêu những gợi ý về cách thức tổ chức cho HS học trong hoạt động này.

d) Tổ chức hoạt động Khám phá

Phần này chỉ ra những hoạt động Khám phá trong bài học, nêu những gợi ý về cách thức tổ chức cho HS học từng hoạt động này.

e) Tổ chức hoạt động Luyện tập

Phần này chỉ ra những hoạt động Luyện tập trong bài học, nêu những gợi ý về cách thức tổ chức cho HS học từng hoạt động này.

g) Tổ chức hoạt động Vận dụng

Phần này chỉ ra hoạt động Vận dụng trong bài học, nêu những gợi ý về cách thức tổ chức cho HS học trong hoạt động này.

* Ngoài ra, trong SGV TV1 còn có 18 bài hướng dẫn Tập viết Tuần, từ Tuần 1 đến Tuần 18 (Học kì I).

3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

3.1. Phương pháp dạy các bài ở sách giáo khoa *Tiếng Việt 1, tập một*

Mục đích của các bài học ở SGK TV1, tập một là để HS biết đọc các tiếng có cấu trúc từ đơn giản đến phức tạp. Để đọc được một tiếng, học sinh phải biết mô hình ghép các âm và thanh thành tiếng: âm đầu + vần + thanh được ghi bằng các chữ cái, tổ hợp chữ cái ghi âm đầu, tổ hợp chữ cái ghi vần và dấu ghi thanh. Trình tự của các hoạt động trong các loại bài học ở tập một như sau:

3.1.1. Học sinh chia sẻ những hiểu biết của mình về các sự vật, hoạt động, tính chất có tên được ghi bằng các âm đầu hoặc vần, dấu thanh sẽ học trong bài. Đây là hoạt động *Khởi động* để học sinh chú ý vào những từ có chứa âm hoặc vần trong bài. Phương pháp, kĩ thuật dạy học thực hiện trong loại hoạt động này bao gồm: hỏi – đáp giữa giáo viên với học sinh hoặc hỏi – đáp giữa học sinh với nhau dựa trên hình ảnh trong sách, đóng vai người hoặc vật trong hình để nhắc lại lời của người hay vật mà trong lời nói có từ chứa âm, vần mới học trong bài. Hình thức hoạt động có thể học theo nhóm hoặc học theo lớp.

3.1.2. Học sinh khám phá cách đọc chữ ghi âm hoặc tổ hợp chữ ghi vần mới, cách ghép âm hoặc vần mới với những âm đầu, dấu thanh đã biết để tạo tiếng và đọc trơn tiếng. Đây là hoạt động *Khám phá*. Phương pháp dạy học trong hoạt động này là:

– Rèn luyện theo mẫu bao gồm thao tác phân tích mẫu tiếng mẫu và ghép tiếng mẫu; tách tiếng mẫu thành âm đầu, vần, thanh rồi ghép tiếng mẫu từ âm đầu, vần, thanh.

VD: Hoạt động 2a bài 7C:

+ Tách tiếng *lều*: l – êu – thanh huyền.

+ Ghép tiếng *lều*: lờ – êu – lêu – huyền – lều.

– Thi tạo tiếng mới; đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới học. Hình thức hoạt động chủ yếu là học theo lớp, nhóm.

VD: Hoạt động 2b bài 7C, HS thi tạo tiếng mới (ghép bằng các chữ và dấu thanh trong bộ đồ dùng chữ cái rời).

b

r	êu		rêu	d	iu	.	
k	êu	\		c	ưu	/	
x	iu	/		c	ưu	\	

VD: Hoạt động 2b, bài 10A, HS đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới học, tìm vần mới trong tiếng, từ ngữ.

b

đan lát

bắt tay

dẫn dắt

phốt cờ

3.1.3. Học sinh luyện tập để ghi nhớ âm đầu hoặc vần, dấu thanh mới học, vận dụng âm vần mới học để đọc từ, đọc câu có chứa âm hoặc vần mới, để hiểu nghĩa của từ và mở rộng vốn từ, hiểu ý nghĩa của câu. Đây là hoạt động *Luyện tập*. Phương pháp, kĩ thuật dạy học trong hoạt động luyện tập gồm:

– Trò chơi truyền điện để ghép tiếng, tìm tiếng chứa vần mới, đọc từ ngữ, câu.

VD: Hoạt động 2c bài 7C, HS đọc truyền điện trong nhóm, mỗi em đọc 1 từ: *chú cừu, cây nêu, địu bé*.

– Viết theo mẫu.

Hình thức chủ yếu của hoạt động luyện tập gồm: học cá nhân, học theo nhóm, học theo lớp.

3.1.4. Học sinh vận dụng tổng hợp cách đọc tiếng có chứa âm hoặc vần mới với việc hiểu nghĩa của từ và câu để đọc một đoạn, bài ngắn. Đây là hoạt động *Vận dụng*. Các hoạt động vận dụng có thể là:

– Xem hình ảnh có trong sách rồi nói điều mình biết có trong hình ảnh (nói tên người, tên vật, tên hoạt động trong hình).

VD: Hoạt động 4 bài 7C: Xem tranh, nói xem trong tranh có cảnh gì, có những ai?

– Đọc từng câu, đọc cả đoạn, trả lời câu hỏi về nội dung đoạn.

VD: Hoạt động 4 bài 7C, đọc nối tiếp từng câu trong nhóm. Trả lời câu hỏi: *Hà và Thu đi trại hè ở đâu?*

Phương pháp dạy học trong hoạt động này có thể là: Học sinh hỏi – đáp theo tranh, đọc truyền điện, thảo luận để tìm câu trả lời cho câu hỏi,... Hình thức chủ yếu của hoạt động *Vận dụng* gồm: học cá nhân, học theo nhóm, theo lớp.

3.2. Phương pháp dạy học các bài ở sách giáo khoa *Tiếng Việt 1*, tập hai

Mỗi bài học ở SGK TV1, tập hai (bài A, B, C, D) bao gồm những nhiệm vụ chủ yếu về phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Dưới đây là một số chỉ dẫn về cách tổ chức hoạt động cho học sinh để phát triển những kĩ năng nói trên:

3.2.1. Tổ chức hoạt động đọc

Trong hoạt động đọc, học sinh có 2 loại hoạt động chính: hoạt động đọc trơn (đọc thành tiếng) và hoạt động đọc hiểu.

– Để dạy đọc thành tiếng, giáo viên cần sử dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học như: rèn luyện theo mẫu, đọc theo cặp và theo nhóm, thi đọc truyền điện, trò chơi bắt thăm đọc câu hoặc đọc đoạn. Hình thức học bao gồm: học cá nhân, học theo nhóm, học theo lớp.

– Để dạy đọc hiểu, giáo viên cần sử dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học như: hỏi – đáp giữa giáo viên và học sinh, giữa học sinh và học sinh; thảo luận nhóm, đóng vai để nói hoặc diễn lại lời hoặc hành động của nhân vật; trình bày trong một phút để nêu ý kiến cá nhân về chi tiết hoặc nội dung tổng quát của bài đọc. Hình thức học chủ yếu là học theo nhóm và theo lớp.

3.2.2. Tổ chức hoạt động viết

Trong hoạt động viết, học sinh có 3 loại hoạt động chính: hoạt động tập viết, hoạt động viết chính tả, hoạt động viết câu hoặc đoạn ngắn theo gợi ý.

– Để dạy học sinh tập viết, giáo viên cần dùng các phương pháp và kĩ thuật dạy học sau: Rèn luyện theo mẫu, trò chơi bắt thăm đọc chữ cái hoặc tổ hợp chữ cái ghi âm, ghi vần, ghi tiếng trên thẻ chữ rồi viết chữ hoặc vần, tiếng đã đọc. Hình thức học chủ yếu: học cá nhân, học theo lớp.

VD: Dạy HS viết các chữ *ch, tr, x, y, ua, ư, ia* và các từ có những chữ cái này ở bài 5A, 5B, 5C: HS chơi trò bỏ thẻ để từng em nhặt thẻ và đọc đúng chữ trong thẻ, tiếp theo viết các chữ đã đọc đúng; viết các từ chứa các chữ đã đọc (*chợ, tré, chợ quê, cá tré; xe, y, xe lu, nghề y; rùa, ngựa, mía*).

– Để dạy học sinh viết chính tả (bao gồm viết đúng các từ có hiện tượng chính tả cần học; viết đoạn văn theo nhìn – chép lại hoặc nghe – viết), giáo viên cần dùng các phương pháp, kĩ thuật dạy học sau:

+ Tổ chức các cuộc thi, trò chơi để học sinh thực hiện viết đúng các từ có hiện tượng chính tả cần học. Sau khi chơi hay thi, học sinh sẽ viết lại các từ đã xác định là viết đúng.

VD: Hoạt động 2c viết đúng từ mở đầu bằng *c, k* trong bài 25D: Tổ chức cho HS thi tiếp sức trong nhóm (mỗi HS chọn thẻ từ *c* hoặc *k* đặt vào chỗ trống ở từ ngữ dưới tranh. Nhóm nào xong trước và đặt thẻ đúng nhất là nhóm thắng cuộc). Sau khi chơi, HS nghe GV chốt kết quả rồi mới ghi vào vở các từ đã điền đúng *c* hoặc *k*.

+ Thực hiện phương pháp rèn luyện theo mẫu giúp học sinh viết đúng các đoạn văn khi nhìn – chép hoặc nghe – viết và thực hiện phương pháp chia sẻ trong nhóm hoặc trong cặp đôi để hỗ trợ nhau soát và sửa lỗi của bài viết.

+ Để dạy học sinh viết câu (1 – 2 câu), giáo viên có thể dùng những phương pháp sau:

- Phương pháp thảo luận theo nhóm và theo lớp về yêu cầu và gợi ý viết câu hoặc đoạn.

VD: Hoạt động 2a, bài 26D yêu cầu viết 1 – 2 câu kể lại việc em đã làm cho ông bà: Đầu tiên dựa vào câu hỏi gợi ý, HS có thể hỏi – đáp theo cặp để trả lời câu hỏi (*Em đã làm việc gì? Ông bà nói gì về việc em làm?*). Trên cơ sở câu trả lời của mình, HS viết lại câu trả lời đó

- Phương pháp quan sát hình ảnh gợi ý (tranh) để viết về điều đã quan sát.

VD: Hoạt động 2a bài 25D viết 1 câu về việc làm của con quạ trong một bức tranh: Đầu tiên HS chọn bức tranh mình định viết, tiếp theo HS nói về việc làm của nhân vật trong tranh (quạ bỏ sỏi vào bình nước cao cổ/quạ uống nước khi nước trong bình đã dâng lên miệng bình), viết lại câu đã nói.

+ Khi học sinh viết xong, có thể dùng phương pháp học theo cặp, nhóm để học sinh chia sẻ bài viết cho nhau, góp ý hoặc học hỏi lẫn nhau.

3.2.3. Tổ chức hoạt động nói và nghe

Hoạt động nói và hoạt động nghe luôn gắn với nhau như hai mặt của một tờ giấy. Do đó, học sinh học nói đồng thời với học nghe trong mối quan hệ tương tác. Mỗi em vừa là người nói đồng thời vừa là người nghe. Trong học nói và nghe, học sinh có 2 hoạt động chủ yếu: nghe và kể lại một đoạn câu chuyện, nói và nghe trong trao đổi về một chủ điểm giao tiếp học trong bài, trong tuần.

Để dạy nghe và kể lại câu chuyện, giáo viên cần sử dụng:

– Phương pháp rèn luyện theo mẫu, quan sát hình ảnh (tranh, video clip) để học sinh nghe lời kể mẫu, quan sát tranh và ghi nhớ từng sự việc của câu chuyện được thể hiện trong một đoạn và tranh minh họa cho đoạn đó; trả lời câu hỏi về đoạn.

VD: Hoạt động 4a, bài 26B: HS nghe kể từng đoạn câu chuyện, kết hợp với nhìn tranh minh họa cho đoạn, tiếp theo trả lời câu hỏi về từng đoạn, qua đó mới hoàn thành việc nghe hiểu từng đoạn và nghe hiểu cả câu chuyện *Cò mẹ dạy con tập bay*.

– Phương pháp học theo nhóm, tổ chức cuộc thi để học sinh tập kể một đoạn câu chuyện trong nhóm và thi kể chuyện giữa các nhóm. Giáo viên cũng có thể cho học sinh đóng vai nói lời của nhân vật trong đoạn và làm những động tác diễn tả hành động đơn giản của nhân vật trong từng đoạn câu chuyện.

VD: Hoạt động 4b, bài 26B, HS kể một đoạn câu chuyện: Đầu tiên HS kể một đoạn trong nhóm (lần lượt em đầu kể đoạn thứ nhất cho đến em cuối kể đoạn cuối cùng) dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý dưới tranh; sau đó mỗi nhóm cử đại diện tham gia thi kể đoạn của câu chuyện trước lớp. Việc HS kể trong nhóm nếu có sử dụng đồ dùng hỗ trợ kể chuyện là tranh có dán sticker thì hoạt động của HS sẽ vui hơn và do đó HS sẽ nhớ câu chuyện hơn.

4. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1

4.1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở lớp 1 nhằm:

– Cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của học sinh trong suốt quá trình học tập môn học.

– Hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, bảo đảm từng học sinh có sự tiến bộ và nâng cao chất lượng giáo dục.

4.2. Căn cứ đánh giá

Căn cứ đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt lớp 1 là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực đối với học sinh lớp 1 đã quy định trong chương trình.

4.3. Nội dung đánh giá

Trong môn Tiếng Việt lớp 1, giáo viên đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực chuyên môn và sự tiến bộ của học sinh thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

– *Đánh giá hoạt động đọc:*

- + Tập trung vào yêu cầu kĩ thuật đọc (đọc đúng từ, câu, đoạn, tốc độ đọc);
- + Tập trung vào đọc hiểu (trả lời câu hỏi về chi tiết, nội dung của văn bản; nhận biết được lời nói, hành động, ngoại hình của nhân vật trong văn bản truyện, nhận biết được ý chính của bài thơ và hiểu thông tin biểu đạt bằng hình ảnh trong văn bản);
- + Tập trung vào việc đọc mở rộng nhiều văn bản, học thuộc một số đoạn thơ theo yêu cầu của chương trình.

– *Đánh giá hoạt động viết:*

Tập trung vào yêu cầu viết đúng chữ cái, từ, câu, đoạn văn (khi nhìn – chép hoặc nghe – viết), viết 1 – 2 câu thể hiện ý tưởng có sự hỗ trợ của hình ảnh, câu hỏi, lời gợi ý.

– *Đánh giá hoạt động nói và nghe:*

- + *Đối với kĩ năng nói:* Tập trung vào yêu cầu nói rõ ràng, thành câu. Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi phù hợp với đối tượng người nghe. Nói để giới thiệu ngắn về bản thân, gia đình, đồ vật dựa trên gợi ý. Kể lại được một đoạn câu chuyện đơn giản đã đọc, xem (dựa vào các tranh minh họa và lời gợi ý dưới tranh).
- + *Đối với kĩ năng nghe:* Tập trung vào yêu cầu, thái độ chú ý nghe người khác nói; đặt câu hỏi đơn giản; hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học; nghe kể câu chuyện và trả lời được các câu hỏi: *Ai? Cái gì? Làm gì? Khi nào? Ở đâu?*
- + *Đối với hoạt động nói nghe tương tác:* Tập trung vào yêu cầu nói theo lượt lời trong đối thoại, biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản.

4.4. Cách thức đánh giá

Đánh giá trong môn Tiếng Việt lớp 1 thực hiện bằng hai cách: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

– *Đánh giá thường xuyên* được thực hiện liên tục trong các bài học, do giáo viên tổ chức. Hình thức đánh giá gồm: giáo viên đánh giá HS, HS đánh giá lẫn nhau, HS tự đánh giá. Để đánh giá thường xuyên, giáo viên dùng những cách sau:

- + Quan sát và ghi chép hằng ngày về kết quả đọc, viết, nói và nghe của học sinh, học sinh trả lời câu hỏi, học sinh làm bài tập, phát biểu ý kiến.

VD: GV lập trang ghi chép kết quả đọc của từng HS trong một học kì (GV có thể chọn ghi kết quả 3 lần đọc của mỗi HS theo các tiêu chí về kĩ thuật đọc, đọc hiểu) để qua đó biết được sự tiến bộ về đọc của HS trong quá trình một học kì.

Kết quả đọc Học kì II

Tên học sinh	To, rõ ràng			Đúng			Ngắt nghỉ hơi			Hiểu chi tiết quan trọng			Liên hệ bài và thực tế			Nhận xét chung
1. Lê Lan Anh	0	x	x	x	x	x	0	0	x	0	x	x	0	0	x	Có tiến bộ
2. ...																

- + Tổ chức cho học sinh nhận xét kết quả học của bạn, tự nêu những điểm tốt và chưa tốt trong kết quả đọc, viết, nói và nghe của bản thân.

VD: Hoạt động 3a bài 26B: Sau khi HS nghe – viết xong đoạn văn, GV yêu cầu HS đổi bài cho bạn bên cạnh để đọc bài viết của bạn rồi nêu nhận xét: *Bài của bạn có sạch không? Chữ viết có dễ đọc và đúng kiểu chữ không? Có chữ nào viết chưa đúng? Giúp bạn sửa những chữ viết chưa đúng.*

– **Đánh giá định kì** được thực hiện ở thời điểm gần cuối hoặc cuối một giai đoạn học tập (cuối học kì, cuối năm) do trường tổ chức thực hiện để phục vụ công tác quản lí hoạt động dạy học, đảm bảo chất lượng giáo dục. Đánh giá định kì thường thông qua các đề kiểm tra (kiểm tra miệng, kiểm tra viết).

Trong việc đánh giá kết quả học tập cuối năm học, có đổi mới cách thức đánh giá (cấu trúc đề kiểm tra, cách nêu câu hỏi, phân giải độ khó,...); tránh dùng lại các văn bản ngữ liệu đã học trong đề kiểm tra để đánh giá được chính xác khả năng đọc.

Dù đánh giá theo hình thức nào cũng đều phải đảm bảo nguyên tắc học sinh được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực ngôn ngữ, năng lực hiểu văn bản văn học, những suy nghĩ và tình cảm của chính học sinh.

5. HƯỚNG DẪN KHAI THÁC, SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ

5.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lí trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (HEID) – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cam kết sẽ đồng hành cùng với các cơ sở giáo dục, thầy cô giáo, phụ huynh và HS trong quá trình sử dụng bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực, thể hiện ở 6 nội dung sau:

(1) Công ty cam kết thực hiện cơ chế hỗ trợ, phục vụ kịp thời, đầy đủ, đồng bộ SGK và tài liệu bổ trợ cho HS và GV.

(2) Cam kết tổ chức tập huấn miễn phí cho toàn bộ cán bộ quản lí giáo dục, GV sử dụng SGK theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến do các Tổng Chủ biên, Chủ biên và tác giả đảm nhiệm.

(3) Mỗi GV sẽ được cấp một tài khoản miễn phí để khai thác, sử dụng học liệu điện tử, bao gồm: sách điện tử, các bài giảng mẫu, thí nghiệm mô phỏng, hệ thống bài kiểm tra, đánh giá, kho tài liệu tham khảo,...

(4) Công ty cam kết giúp các cơ sở giáo dục xây dựng phần mềm quản lí học tập, kết nối giữa nhà trường với phụ huynh HS.

(5) Đặc biệt, hằng năm vào dịp hè, Công ty tổ chức mời GV cốt cán trong các môn có thực hành, thí nghiệm ở các địa phương về trung tâm thực nghiệm của Công ty để tập huấn về thực hành, thí nghiệm.

(6) Ngay từ khi bộ sách hoàn thiện, Công ty đã thành lập bộ phận thường trực xử lí các vướng mắc, hỗ trợ các cơ sở giáo dục, các nhà trường, thầy cô giáo trong hành trình sử dụng bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực.

Tổng kê các học liệu điện tử đi kèm bộ SGK lớp 1:

STT	Môn học lớp 1	Học liệu điện tử						
		Sách Mềm – Vở bài tập	Sách Mềm – Tự kiểm tra, đánh giá	Tư liệu giảng dạy (Powerpoint)	Video bài giảng	Sách giáo viên (bản điện tử)	Sách Mềm – Sách giáo viên	Sách Mềm – Sách học sinh
1	Tiếng Việt	x	x	x	x	x	x	x
2	Toán	x	x	x	x	x	x	x
3	TN và XH	x	x	x	x	x	x	x
4	Đạo đức	x	x	x	x	x	x	x
5	Mĩ thuật	x		x	x	x	x	x
6	Âm nhạc		x	x	x	x	x	x
7	Hoạt động trải nghiệm		x	x	x	x	x	X
8	Giáo dục thể chất				x	x	x	x

5.2. Cách thức khai thác và hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên sách trong dạy học

Hiện nay, tại trang Web sgk.sachmem.vn đã có những tài liệu về bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực.

(a) Tài liệu về bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực:

- Những điều cần biết về bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực;
- Các bài Giới thiệu SGK gồm bản PowerPoint và Video cho mỗi môn học;
- Các bản Thuyết minh SGK cho mỗi môn học;
- SGK bản mềm cho mỗi môn học;
- Sách mềm – Vở bài tập (Chuyển thể từ VBT in sang dạng tương tác; đã có demo một số bài);
- Sách mềm – Tự kiểm tra đánh giá (đã có demo một số bài);
- SGV bản mềm cho mỗi môn học;
- SGV tương tác (bản demo sách mềm cho Toán 1, Tiếng Việt 1, Tự nhiên và Xã hội 1);
- PowerPoint hỗ trợ từng bài dạy (bản demo cho Toán 1, Tiếng Việt 1, Tự nhiên và Xã hội 1);
- Tài liệu tập huấn GV, kèm theo Một số video bài dạy mẫu gồm hai loại: không có PowerPoint hỗ trợ và có PowerPoint hỗ trợ, cho mỗi môn học.

Giáo viên, phụ huynh, học sinh có thể xem miễn phí các tài liệu trên trang Web đã nêu. Ngoài những tài liệu nêu trên, các tác giả sẽ cung cấp thêm những sản phẩm khác, nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu học tập tích cực của HS và giảng dạy hiệu quả của GV.

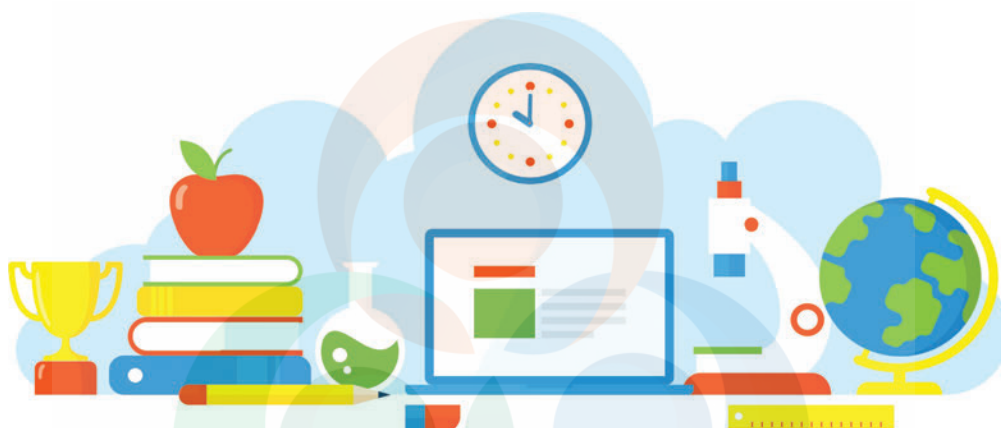
(b) Giáo viên, học sinh, phụ huynh sử dụng các tài nguyên này thế nào?

Một số gợi ý để GV sử dụng hiệu quả:

- Để nắm được các thông tin đầy đủ về cả bộ sách nói chung và môn học nói riêng, GV có thể xem “Những điều cần biết về bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực” và “Thuyết minh SGK môn học”.
- Để dạy học hiệu quả một môn học, GV nên:
 - + Đầu tiên, xem **SGK bản mềm** và **SGV bản mềm** để tìm hiểu sơ bộ và bước đầu cảm nhận về sách.
 - + Tiếp theo, xem bài **Giới thiệu, Tài liệu tập huấn** rồi đến các **video** và các học liệu hỗ trợ cho HS.
 - + Với Sách mềm – Tự kiểm tra đánh giá, GV có thể dùng để đánh giá HS, xác định rõ mỗi HS đang ở mức độ nào sau khi học xong mỗi bài học, từ đó có kế hoạch hướng dẫn lại cho HS còn chưa vững hoặc bồi dưỡng thêm cho HS có năng khiếu, tư chất tốt để ươm mầm tài năng.

– Một số gợi ý cho HS và phụ huynh HS:

- + HS sử dụng Sách mềm – Với bài tập tương tác sẽ thấy hấp dẫn hơn, hứng thú hơn VBT giấy. Hơn nữa sau khi thực hiện xong mỗi bài tập, HS được đánh giá ngay. Nếu HS quên kiến thức cơ bản thì đã có đường link tới video hướng dẫn lại kiến thức liên quan đến bài tập để HS ôn lại rồi tiếp tục làm bài tập.
- + HS sử dụng Sách mềm – Tự kiểm tra đánh giá để xem mình đã đạt mức độ nào (chưa đạt, thực hành cơ bản được, vận dụng đơn giản được, vận dụng sáng tạo) sau khi học xong mỗi bài học. Phụ huynh HS qua đó cũng biết rõ về tình hình của con em mình.



HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ

Kèm theo sách giáo khoa **TIẾNG VIỆT 1**

Cùng học để phát triển năng lực

Truy cập trang mạng để xem minh họa trực tuyến: sgk.sachmem.vn

Giới thiệu

Sách Mềm là một hệ thống phần mềm kèm theo các học liệu điện tử được xây dựng nhằm mục đích giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập.

Học liệu điện tử kèm theo sách giáo khoa Tiếng Việt 1 Cùng học để phát triển năng lực là một phần trong hệ thống **Sách Mềm**. Trong giai đoạn đầu, Học liệu điện tử này có 7 sản phẩm chính như sau:

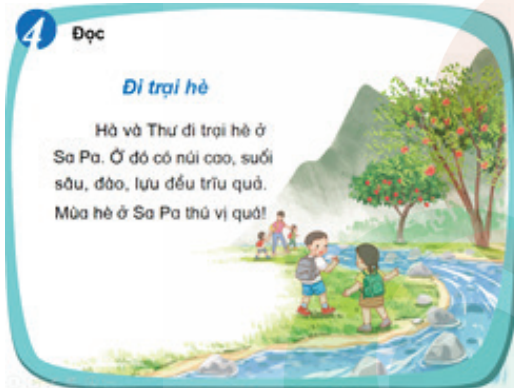
1. Sách giáo viên (bản điện tử)

Là phiên bản điện tử của sách giáo viên được đưa lên mạng internet giúp giáo viên dễ dàng tiếp cận, sử dụng.

2. Tư liệu giảng dạy (Powerpoint)

Là hệ thống các bài soạn điện tử Powerpoint được xây dựng bám sát theo nội dung sách giáo viên, sách giáo khoa kèm theo các hình ảnh, âm thanh, video, hiệu ứng tương tác:

- Góp phần đổi mới phương pháp dạy và học.
- Giúp giáo viên:
 - Giảm bớt thời gian, công sức chuẩn bị tư liệu bài giảng;
 - Có thêm công cụ, tư liệu trực quan, sinh động, hấp dẫn phục vụ việc giảng dạy;
 - Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào giảng dạy.



- Giúp học sinh:
 - Hứng thú tiếp thu bài học;
 - Dễ tiếp thu bài học;
 - Nâng cao hiệu quả học tập.

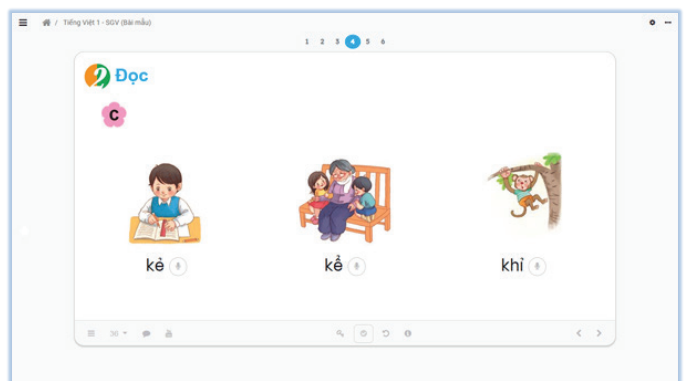
3. Video tiết học (minh họa)

Một số tiết học thực tế được quay phim và dựng thành video để làm tư liệu cho giáo viên tham khảo.

4. Sách Mềm – Sách giáo viên

Là phần mềm bài soạn điện tử tương tác, được xây dựng bám sát theo nội dung sách giáo viên, sách giáo khoa kèm theo các hình ảnh, âm thanh, video, hiệu ứng tương tác, trực quan, sinh động.

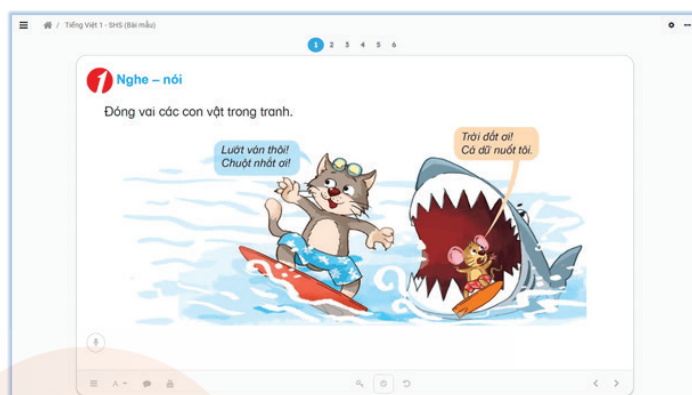
- Góp phần đổi mới phương pháp dạy và học.
- Giúp giáo viên:
 - Giảm bớt thời gian, công sức chuẩn bị tư liệu bài giảng;
 - Có thêm công cụ, tư liệu trực quan, sinh động, hấp dẫn phục vụ việc giảng dạy;
 - Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào giảng dạy.



- Giúp học sinh:
 - Hứng thú tiếp thu bài học;
 - Dễ tiếp thu bài học;
 - Nâng cao hiệu quả học tập.

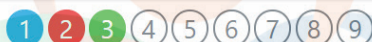
5. Sách Mềm – Sách giáo khoa

Là phần mềm sách điện tử tương tác, được xây dựng bám sát theo nội dung sách giáo khoa kèm theo các hình ảnh, âm thanh, video, hiệu ứng tương tác, trực quan, sinh động.



6. Sách Mềm – Vở bài tập

Là phần mềm sách điện tử tương tác, được xây dựng bám sát theo nội dung Vở bài tập kèm theo các hình ảnh, âm thanh, video, hiệu ứng tương tác, trực quan, sinh động.



2. Nối từ ngữ với hình.



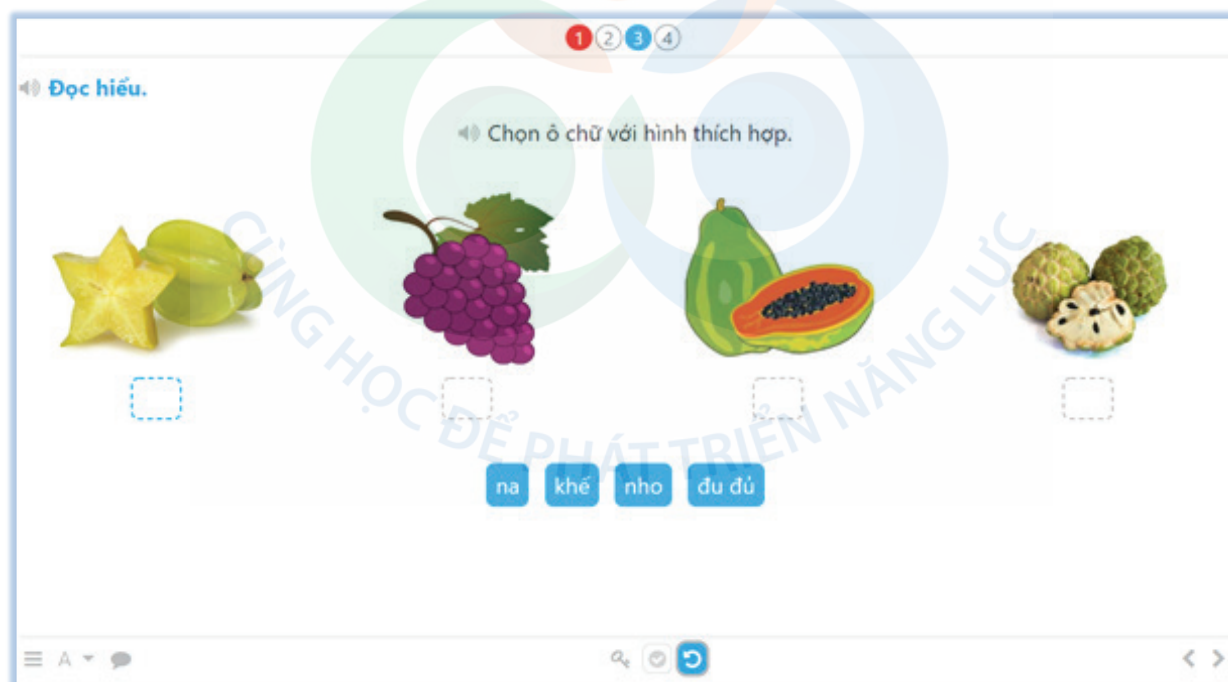
- Giúp giáo viên:
 - Giao bài tập, chữa bài trực tuyến chung cho cả lớp hoặc riêng cho mỗi học sinh;
 - Theo dõi thành tích của mỗi học sinh hoặc cả lớp;
 - Thống kê trực quan và dễ hiểu giúp giáo viên biết cần làm việc riêng biệt với học sinh nào về chủ điểm nào.

- Giúp học sinh:
 - Hứng thú hơn khi ôn luyện và làm bài tập;
 - Tự ôn luyện, tự kiểm tra kết quả làm bài;
 - Được chấm điểm tự động, tức thì;
 - Được gợi ý, hướng dẫn làm bài.

7. Sách Mềm – Tự kiểm tra, đánh giá

Là học liệu điện tử tương tác, được chuyển thể từ các câu hỏi kiểm tra, đánh giá trọng tâm kiến thức bài học.

- Giúp học sinh tự kiểm tra, đánh giá lại kiến thức của mình sau mỗi bài học.
- Giúp giáo viên:
 - Theo dõi thành tích của mỗi học sinh hoặc cả lớp;
 - Thống kê trực quan và dễ hiểu giúp giáo viên biết cần làm việc riêng biệt với học sinh nào về chủ điểm nào.



6. KHAI THÁC THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU TRONG DẠY HỌC

6.1. Về thiết bị dạy học bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (HEID) – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam có hai dòng sản phẩm, dòng sản phẩm thiết bị THỰC và dòng sản phẩm thiết bị ẢO. Đây là các sản phẩm bám sát và dùng riêng cho bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực.

– Các thiết bị THỰC, bao gồm ba sản phẩm chính, đó là:

- + Bộ đồ dùng thực hành Toán và Tiếng Việt.
- + Bộ tranh dùng cho phân môn Kể chuyện (Tiếng Việt).
- + Bộ tranh Tự nhiên và Xã hội.

– Các thiết bị ẢO, bao gồm ba sản phẩm chính, đó là:

- + Tư liệu bài giảng dành cho GV.
- + Vở bài tập có tương tác.
- + Tự kiểm tra, đánh giá.

6.2. Về Bộ đồ dùng thực hành Toán và Tiếng Việt

Công ty HEID sản xuất đảm bảo đầy đủ các chi tiết bao trọn 5 bộ thiết bị trong Danh mục theo Thông tư 05/2019/TT-BGD&ĐT, đó là (1) Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số; (2) Bộ thiết bị dạy phép tính; (3) Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối; (4) Mô hình đồng hồ; (5) Bộ thẻ chữ học vần thực hành. Ngoài ra, Công ty còn mạnh dạn tích hợp vào đây bộ sa bàn giao thông.

Thực sự đây là một ý tưởng có thể nói là táo bạo của Công ty HEID, nhưng rất hiệu quả. Trong Danh mục thiết bị tối thiểu môn Tự nhiên và Xã hội, có bộ sa bàn giáo dục giao thông. Mục đích để giúp HS hình thành năng lực tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn giao thông. Nhiều công ty khác đã sản xuất những bộ sa bàn giao thông khá đẹp và thuận tiện sử dụng, tuy nhiên giá thành khá cao (khoảng hơn 200.000 VNĐ). Công ty HEID thấy rằng, để học 1 – 2 bài học mà giá thành cao sẽ có nhiều trường học khó có điều kiện đầu tư. Do vậy, Công ty HEID đã tích hợp nội dung này vào bộ đồ dùng thực hành Toán và Tiếng Việt, vẫn đảm bảo thực hiện được mục đích dạy học, mà giá thành lại giảm, chỉ tăng thêm vài chục ngàn đồng vào bộ đồ dùng thực hành Toán và Tiếng Việt.

6.3. Về bộ tranh dùng cho phân môn Kể chuyện (Tiếng Việt)

Bao gồm 29 tranh, là nội dung 29 câu chuyện được kể trong sách Tiếng Việt 1. HS được nghe kể chuyện, được trả lời các câu hỏi đặt ra sau khi nghe kể, và đặc biệt, được tự tay lựa chọn nhân vật (bóc dán sticker) để hoàn thành bức tranh diễn tả câu chuyện.

Điều này kích thích hứng thú của HS, làm cho HS nhớ được nội dung câu chuyện một cách nhanh chóng, yêu thích những giờ nghe Kể chuyện.

Ví dụ, ở tiết Kể chuyện *Gà mẹ và gà con (Bài 3E)*: Công ty HEID có một bức tranh nền, chưa hoàn thiện cùng một số sticker là các nhân vật trong câu chuyện. Trong lúc nghe cô giáo kể chuyện, HS sẽ tự tay lựa chọn, bóc và dán sticker vào tranh, sao cho đúng nội dung câu chuyện. Như vậy sau tiết học, mỗi HS đã có một bức tranh hoàn chỉnh về câu chuyện.

6.4. Về bộ tranh Tự nhiên và Xã hội

Bao gồm 31 tranh, mỗi tranh được sử dụng để tổ chức một hoạt động học tập nào đó trong một bài học của SGK. Bộ tranh sử dụng việc bóc/dán các sticker để qua đó thực hiện các hoạt động tư duy, vận dụng kiến thức mới. Điều này rất hữu ích cho việc phát triển tư duy, rèn luyện kĩ năng và phát triển năng lực của trẻ. Tùy thuộc nội dung từng bài học, mỗi tranh sẽ thực hiện một hoạt động cụ thể trong bài.

Ví dụ, hoạt động vận dụng “Cùng chơi dọn nhà” trong bài học “Nơi gia đình chung sống”: Công ty HEID có một bức tranh nền là hình ảnh trong gia đình và có các sticker là các đồ vật thường dùng hằng ngày. HS sẽ bóc/dán các sticker sao cho các đồ vật ở đúng chỗ của chúng. Sau hoạt động, mỗi HS sẽ được một bức tranh hoàn chỉnh.

6.5. Về học liệu điện tử của bộ sách Cùng học để phát triển năng lực

Học liệu điện tử kèm theo SGK gồm ba sản phẩm chính, đó là:

(1) Tư liệu bài giảng dành cho GV: Phân loại các loại hình bài học trong SGK. Với mỗi loại bài, thiết kế bài giảng mẫu, kèm theo các tư liệu hỗ trợ để GV có thể sử dụng khi dạy học.

(2) Sách mềm – Vở bài tập: Chuyển thể từ VBT sang dạng tương tác.

(3) Sách mềm – Tự kiểm tra, đánh giá. Với mỗi bài trong SGK, có một vài câu hỏi, bài tập để HS tự thực hiện, qua đó tự đánh giá về khả năng nắm vững nội dung cơ bản của bài.

Xin các quý vị hãy tự thử trải nghiệm ở tài khoản demo trực tuyến sau:

Truy cập website: <https://sachmem.vn>

Tài khoản đăng nhập:

+ Email: sgk@heid.vn

+ Mật khẩu: sachgiaokhoa

7. MỘT SỐ LƯU Ý LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC THEO THÔNG TƯ 3866

Để hoạt động tổ chức dạy học trên lớp đạt được mục đích hình thành các năng lực của môn học cũng như các năng lực chung, các phẩm chất được quy định trong chương trình, GV cần lập kế hoạch tổ chức dạy học phù hợp với chính đối tượng HS của lớp mình, trường mình. Kế hoạch tổ chức dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 1 có thể đi theo tiến trình hướng dẫn tổ chức các hoạt động học của SGK, tuy nhiên, để phù hợp với đối tượng, GV cần lưu ý một số điểm sau:

- Yêu cầu cần đạt: GV có thể diễn đạt lại rõ hơn các yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, thái độ.
- Đồ dùng dạy học: GV ưu tiên chuẩn bị các đồ dùng thực tế, sẵn có hoặc thiết kế đồ dùng dạy học phù hợp với đối tượng. Có thể phát triển các vật liệu học tập đa dạng, phù hợp với văn hoá của địa phương.
- Tổ chức các hoạt động dạy học: Tùy theo trình độ của HS có thể phân bổ thời gian, trọng tâm cho các hoạt động; Xác định nội dung cần nhấn mạnh, khai thác các vật liệu học (hình ảnh SGK, kinh nghiệm của HS, vật thật,...) HS cần tương tác,... để có thể hình thành năng lực cho HS; Xác định các kĩ thuật dạy học và phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng HS hướng tới hình thành năng lực; Định hướng các kết luận/chốt cho hoạt động.
- Xây dựng kế hoạch đánh giá: Xây dựng nội dung đánh giá ở mỗi bài học, đối tượng, hình thức và cách đánh giá trong các hoạt động học, hay kết thúc bài học.
- Rút kinh nghiệm sau các giờ lên lớp: GV đánh giá lại quá trình tổ chức dạy học, kết quả học tập của HS, xác định điều đã làm tốt, điều gì cần điều chỉnh và hướng điều chỉnh cho các tiết học sau.

PHẦN HAI

GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI

Trong sách *Tiếng Việt 1*, tập một có 2 nhóm bài chính: nhóm bài dạy chữ cái ghi âm, nhóm bài dạy chữ cái ghi vần.

Trong sách *Tiếng Việt 1*, tập hai có 2 nhóm bài chính: nhóm bài A, B, C của từng bài lớn có yêu cầu đọc chính thức một văn bản, nhóm bài D của từng bài lớn có yêu cầu đọc rộng một văn bản.

1. GỢI Ý DẠY BÀI HỌC CHỮ CÁI (CHỮ CÁI HOẶC TỔ HỢP CHỮ CÁI GHI ÂM)

Cấu trúc của nhóm bài này gồm 4 hoạt động: Khởi động, Khám phá, Luyện tập, Vận dụng.

GỢI Ý DẠY BÀI 2D: *k, kh*

1.1. Hoạt động Khởi động

Hoạt động này thường là một hoạt động nghe – nói hoặc chơi trò chơi. Tranh minh hoạ ở hoạt động này có tác dụng hỗ trợ HS tìm ra các sự vật, hoạt động có tên chứa chữ cái mới học. Cách làm như sau:

- GV có thể tổ chức hỏi – đáp trực tiếp giữa GV và HS theo câu hỏi trong SGK.
- GV có thể hỏi – đáp trực tiếp với 1 HS, sau đó dùng mẫu đó để tổ chức cho từng cặp HS nhìn tranh và hỏi – đáp.
- Sau khi HS hỏi – đáp, GV ghi bảng những từ chỉ thức ăn của con vật chứa chữ cái mới học trong bài này (*ké, khế*).

1.2. Hoạt động Khám phá

Hoạt động này gồm 2 hoạt động nhỏ 2a và 2b.

a) Hoạt động 2a là hoạt động đọc tiếng chứa chữ cái mới. Cách làm như sau:

- GV đọc mẫu tiếng *ké*.
- GV phân tích tiếng *ké*: âm đầu *k*, vần *ê*, *thanh ngang* (không có dấu).
- GV đánh vần mẫu để HS làm theo: *ca – ê – ké*.
- HS dùng các chữ cái rời ghép tiếng *ké*.
- GV làm tương tự như trên với tiếng *khế*.
- HS đọc trơn: *ké, khế*.

b) Hoạt động 2b là hoạt động tạo tiếng mới. Hoạt động này có nhiệm vụ giúp HS làm quen với việc đánh vần và ghép các tiếng có chữ cái mới học (*k*, *kh*). Có nhiều cách thực hiện hoạt động này:

- Cách 1: Tổ chức HS làm việc nhóm theo bảng nhóm
 - + Mỗi nhóm có 1 bảng ghi các tiếng cần tạo nêu trong hoạt động 2b của SGK.
 - + Lần lượt từng HS trong nhóm, mỗi em tạo một tiếng rồi ghi kết quả vào bảng nhóm.
 - + Cả nhóm cùng đọc những tiếng đã tạo trước lớp.
- Cách 2: Tổ chức cuộc thi hoặc trò chơi
 - + Mỗi nhóm cử một em tạo 1 tiếng, GV ghi kết quả ghép của từng em lên bảng lớp.
 - + Những nhóm có bạn tạo tiếng đúng là những nhóm thắng cuộc.

Hoạt động 2b có bài tập để HS viết những tiếng tạo được trong VBT. GV có thể cho HS làm bài tập này trong giờ (nếu còn thời gian), hoặc ngoài giờ học.

1.3. Hoạt động Luyện tập

Hoạt động này gồm 2 hoạt động: hoạt động 2c và hoạt động 3.

a) Hoạt động 2c là hoạt động đọc từ hoặc đọc câu chứa chữ cái mới học. Mỗi từ hoặc câu đều có tranh minh họa như lời giải nghĩa cho từ hoặc câu. Có nhiều cách thực hiện hoạt động này:

- Cách 1: Tổ chức đọc theo nhóm, lớp
 - + HS trong nhóm lần lượt đọc nối tiếp nhau từng từ (*kể*, *kể*, *khỉ*).
 - + Đại diện mỗi nhóm đọc từ theo yêu cầu của GV.
- Cách 2: Tổ chức trò chơi đọc cá nhân
 - + GV đánh số 1, 2, 3, cho 3 từ.
 - + GV phát thẻ ghi số 1, 2, 3 cho mỗi HS, em nào có thẻ số mấy thì đọc từ tương ứng. VD: thẻ số 1 đọc từ *kể*.

b) Hoạt động 3 là hoạt động viết chữ cái, tiếng mới học. Cách làm như sau:

- GV viết mẫu từng chữ cái *k*, *kh* và giới thiệu độ cao của mỗi chữ, cách nối từ chữ *k* sang chữ *h* trong chữ *kh*.
- HS viết theo mẫu từng chữ cái *k*, *kh* vào bảng con.
- HS viết các từ *kê*, *khế* vào bảng con (hoặc vở tập viết).

1.4. Hoạt động Vận dụng

Hoạt động này là hoạt động đọc đoạn ngắn. Đoạn văn có tranh minh hoạ như lời giải nghĩa cho nội dung đoạn. Sau khi đã học chữ cái mới và học cả những chữ đã học trước đó, HS vận dụng vào nhiệm vụ đọc và hiểu một đoạn. Cách làm như sau:

- GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh hoạ và tự hỏi – đáp những câu hỏi về đoạn để hiểu nội dung đoạn: *Trong tranh có những ai? Bà làm gì? Cô làm gì?*
- GV đọc mẫu cả đoạn, HS chỉ vào chữ theo GV đọc.
- HS đọc nối tiếp từng câu.
- HS đọc cả đoạn gồm 2 câu, ngắt hơi ở dấu chấm câu.
- HS đọc câu hỏi đọc hiểu và trả lời (2 – 3 HS trả lời câu hỏi).

2. DẠY BÀI HỌC VẦN (TỔ HỢP CHỮ CÁI GHI VẦN)

Cấu trúc của nhóm bài này gồm 4 hoạt động: Khởi động, Khám phá, Luyện tập, Vận dụng.

GỢI Ý DẠY BÀI 10E: *uôt, ươt*

2.1. Hoạt động Khởi động (thực hiện tương tự như bài 2D)

2.2. Hoạt động Khám phá

Hoạt động này gồm 2 hoạt động nhỏ: hoạt động 2a và hoạt động 2b.

a) Hoạt động 2a là hoạt động đọc tiếng chứa vần mới. Cách làm như sau:

- GV đọc mẫu tiếng *chuột*.
- GV phân tích tiếng chuột: âm đầu *ch*, vần *uôt*, thanh nặng.
- GV giới thiệu cách đọc vần *uôt*: *uô – tờ – uôt*.
- GV đánh vần mẫu tiếng *chuột* để HS làm theo: *chờ – uôt – chuột – nặng – chuột*.
- HS dùng các chữ cái rời ghép tiếng *chuột*.
- GV làm tương tự như trên với tiếng *lướt*.
- HS đọc trơn: *chuột nhắt, lướt ván*.

b) Hoạt động 2b là hoạt động đọc từ có tiếng chứa vần mới. Hoạt động này có nhiệm vụ giúp HS làm quen với việc đọc các tiếng có vần mới học (*uôt, ươt*). Cách thực hiện hoạt động này có thể là:

- Cách 1: Tổ chức HS làm việc nhóm theo bảng nhóm
 - + Mỗi nhóm có 1 bảng ghi các từ có tiếng chứa vần mới nêu trong hoạt động 2b của SGK (*rượt đuổi, cầu trượt, buốt giá*); mỗi nhóm 3 có bộ thẻ ghi vần *uôt, ươt*.

- + Lần lượt từng HS trong nhóm; mỗi em đọc một từ rồi gắn thẻ từ mới vào dưới tiếng chứa vần mới trong từ đã đọc (VD: gắn thẻ *uôt* dưới từ *buốt giá*).
- + Cả nhóm cùng đọc những tiếng chứa vần mới trước lớp.
- Cách 2: Tổ chức cuộc thi hoặc trò chơi
- + Mỗi nhóm cử một em đọc 1 từ và gắn thẻ ghi vần *uôt* hoặc thẻ ghi vần *uơt* vào dưới từ đã đọc ở trên bảng lớp.
- + Những nhóm có bạn đọc đúng và gắn đúng thẻ ghi vần là những nhóm thắng cuộc.

Hoạt động 2b có bài tập để HS viết những tiếng mới tạo được trong VBT. GV có thể cho HS làm bài tập này trong giờ (nếu còn thời gian), hoặc ngoài giờ học.

2.3. Hoạt động Luyện tập

Hoạt động này gồm 2 hoạt động nhỏ 2c và 3. Hoạt động 2c là hoạt động đọc từ hoặc đọc câu chứa vần mới học. Hoạt động 3 là hoạt động viết vần, tiếng mới học.

Cách làm tương tự như thực hiện ở bài 2D.

2.4. Hoạt động Vận dụng

Hoạt động này là hoạt động đọc đoạn ngắn. Đoạn văn có tranh minh họa như lời giải nghĩa cho nội dung đoạn. Sau khi đã học vần mới và học cả những vần đã học trước đó, HS vận dụng vào nhiệm vụ đọc và hiểu một đoạn. Cách làm tương tự như ở bài 2D.

3. DẠY HỌC BÀI LUYỆN TẬP TIẾNG VIỆT CÓ BÀI ĐỌC CHÍNH

Cấu trúc của nhóm bài này gồm 4 hoạt động: Khởi động, Khám phá, Luyện tập, Vận dụng.

GỢI Ý DẠY BÀI 20A: BẠN BÈ TUỔI THƠ

3.1. Hoạt động Khởi động

Hoạt động này thường là một hoạt động nghe – nói. Tranh minh họa ở hoạt động này có tác dụng gợi ý cho HS những nội dung các em có thể tự nói hoặc hỏi – đáp, trao đổi với nhau về chủ điểm của bài học. Cách làm như sau:

- GV có thể tổ chức hỏi – đáp trực tiếp giữa GV và HS theo câu hỏi hoặc gợi ý trong SGK.
- GV có thể hỏi – đáp trực tiếp với 1 HS, sau đó dùng mẫu đó để tổ chức cho từng cặp HS nhìn tranh và hỏi – đáp hoặc trao đổi, nêu ý kiến của cá nhân.

3.2. Hoạt động Khám phá

Hoạt động Khám phá trong mỗi bài Luyện tập tiếng Việt là hoạt động đọc một bài mới. Hoạt động này bao gồm những hoạt động nhỏ với mục đích luyện đọc thành tiếng và luyện đọc hiểu. Cách tổ chức hoạt động Khám phá như sau:

a) GV đọc toàn bài, HS nghe và chỉ vào bài theo lời đọc của GV.

b) Luyện đọc đúng từ khó, câu dài:

– Với từng vùng HS có những lỗi phát âm khác nhau mà GV chọn những từ HS dễ mắc lỗi trong bài để luyện cho HS đọc đúng. VD: Ở bài 20A (Bạn bè tuổi thơ), có thể luyện cho HS miền Bắc đọc đúng các từ: *Linh, ra chơi*; luyện cho HS miền Nam đọc đúng các từ: *bạn thân, cả buổi, mãi,...*

– Với từng bài, GV có thể chọn một câu dài trong bài để luyện cho HS biết ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu hai chấm giữa câu. VD: Ở bài 20A, GV có thể luyện cho HS đọc ngắt hơi ở câu: *Nhận quà của bạn, / Trang xúc động cảm ơn bạn.*

c) Luyện đọc trơn đoạn: GV có thể cho HS đọc trong nhóm. Mỗi HS đọc một đoạn, các em đọc nối tiếp cho đến hết bài theo chỉ định của nhóm trưởng hoặc bằng cách chơi đọc truyền điện. Sau khi đọc trong nhóm, đại diện các nhóm có thể tham gia cuộc thi đọc từng đoạn trước lớp.

d) Luyện đọc hiểu: Mỗi bài đọc trong sách *Tiếng Việt 1*, tập hai chỉ có nhiều nhất là 2 câu hỏi hoặc yêu cầu đọc hiểu. GV cần tổ chức cho HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu. Các yêu cầu đọc hiểu trong sách khá đa dạng nhằm phát huy các kĩ năng ngôn ngữ của HS trong việc thể hiện mức độ hiểu bài của mỗi em. Cách tổ chức để HS thực hiện mỗi dạng yêu cầu này có những điểm khác biệt.

Với yêu cầu ở dạng câu hỏi: Với những câu hỏi chỉ có 1 câu trả lời đúng, GV có thể đọc câu hỏi, yêu cầu 2 – 3 HS trả lời rồi chốt câu trả lời đúng. Với những câu hỏi mở, có nhiều phương án trả lời được chấp nhận, GV cũng có thể cho HS đọc câu hỏi, thảo luận nhóm để tìm câu trả lời, rồi đại diện từng nhóm trả lời.

VD: Trong bài 20A với câu hỏi b, GV nêu câu hỏi, HS quan sát tranh rồi 2 – 3 em trả lời; với câu hỏi c, GV cho HS đọc câu hỏi, để từng nhóm trao đổi tìm câu trả lời cho câu hỏi (*Em học được tình thương yêu bạn của Linh, hoặc: Em học được tính biết quan tâm, chia sẻ với bạn khi bạn bị ốm của Linh,...*).

3.3. Hoạt động Luyện tập

Hoạt động Luyện tập trong mỗi bài A, B, C, D thường là hoạt động viết (tô chữ hoa, viết đúng từ ngữ, viết chính tả một đoạn văn hoặc đoạn thơ, viết câu theo gợi ý), nghe kể và kể chuyện. Cách tổ chức mỗi loại hoạt động trong luyện tập khác nhau do đặc trưng của mỗi kĩ năng viết, nghe và nói.

a) Hoạt động tô chữ hoa (ở các bài C) cần tổ chức theo trình tự:

- GV hướng dẫn tô chữ hoa: độ cao của chữ (cỡ chữ vừa, chữ hoa có độ cao 5 dòng kẻ li), tô nét nào trước, nét nào sau. VD: Tô chữ hoa B (bài 20C): Chữ B hoa cao 5 li, HS tô nét thứ nhất là nét gần giống nét móc ngược trái nhưng phía trên hơi lượn sang phải, đầu móc cong vào phía trong; nét thứ hai là kết hợp của nét cong trên và cong phải nối liền nhau, tạo vòng xoắn nhỏ giữa thân chữ.
- HS thực hiện tô chữ hoa vào vở tập viết, VD: B, C.
- GV hướng dẫn viết từ có chữ hoa mới học: tô chữ hoa mới, tạo nét nối từ chữ hoa sang chữ cái tiếp theo trong tiếng, khoảng cách giữa các tiếng trong một từ. VD: Cao Bằng.
- Khi HS viết xong, GV có thể xem bài viết của một số HS rồi nhận xét các bài này trước lớp để thực hiện hoạt động đánh giá. Cần nêu những điểm đã làm tốt, sau đó mới nêu những điểm HS làm chưa tốt, cuối cùng đưa ra một số chỉ dẫn để HS viết đúng hơn.

b) Hoạt động viết chính tả một đoạn văn có 2 kiểu: kiểu chép lại đoạn văn, kiểu nghe – viết đoạn văn

- Với kiểu chép lại đoạn văn. GV cần làm như sau:
 - + GV đọc cả đoạn văn, chép đoạn văn lên bảng lớp, có đánh dấu gạch chéo ở từng cụm từ để chỉ dẫn cho HS đọc từng cụm từ và chép từng cụm từ. VD: Bài 20A chép đoạn 1 lên bảng lớp như sau: *Linh và Trang / là đôi bạn thân. / Giờ ra chơi, / Linh và Trang / thường chơi với nhau.*
 - + Cho HS viết ra bảng con hoặc ra vở nháp một số từ HS dễ mắc lỗi trong đoạn, VD: Bài 20A cần cho HS viết: *Linh, Trang, ra chơi.*
 - + Hướng dẫn HS chép từng cụm từ theo chỉ dẫn ở đoạn văn GV chép trên bảng lớp.
 - + GV đọc lại cả đoạn để HS soát lỗi.
 - + Tổ chức HS đổi bài cho bạn để giúp nhau sửa lỗi.
 - + GV nhận xét một số bài chép chính tả.
- Với kiểu nghe – viết đoạn văn, GV cần làm như sau:
 - + GV đọc cả đoạn văn.
 - + Cho HS viết ra bảng con hoặc ra vở nháp một số từ HS dễ mắc lỗi trong đoạn.

- + Hướng dẫn HS viết từng cụm từ theo lời GV đọc.
- + GV đọc lại cả đoạn để HS soát lỗi.
- + Tổ chức HS đổi bài cho bạn để giúp nhau sửa lỗi.
- + GV nhận xét một số bài viết chính tả.

c) Hoạt động viết đúng từ là hoạt động HS luyện viết các từ có âm đầu hoặc vần, thanh điệu HS dễ viết sai, do chưa nắm vững quy tắc chính tả hoặc do bị ảnh hưởng của cách phát âm lệch chuẩn của tiếng địa phương. Để thực hiện hoạt động này, GV cần làm như sau:

- Tổ chức cho HS chơi trò chơi hoặc tham gia cuộc thi chọn âm đầu hoặc vần, thanh điệu để viết đúng các từ theo yêu cầu của bài. Việc tổ chức chơi, thi làm cho HS hứng thú hơn trong học tập và nhớ lâu hơn các dạng viết đúng của từ.
- Cho HS viết những từ đã chọn đúng vào vở.

VD: Hoạt động 3b trong bài 20A cần cho HS dùng các thẻ chữ *c, k* để thi đặt thẻ chữ vào từng chỗ trống trong từ (cách thi có thể là thi tiếp sức theo nhóm, nhóm nào hoàn thành nhanh nhất và đúng nhất là nhóm thắng cuộc).

d) Hoạt động viết câu theo gợi ý là hoạt động luyện cho HS làm quen với việc biểu đạt câu bằng chữ viết. Hoạt động này có nhiều dạng: tìm từ ngữ điền vào chỗ trống, viết câu nói về vật hoặc người trong tranh, viết câu theo một yêu cầu.

Cách tổ chức hoạt động điền từ vào chỗ trống trong câu:

- GV kể hoặc nhắc lại bài đọc hoặc câu chuyện HS đã đọc, đã nghe để HS nhớ lại nội dung bài hoặc câu chuyện, nhớ chi tiết được nêu trong câu còn trống từ.
- Cho HS nói hoàn chỉnh câu có từ để trống rồi xác định những từ nào là những từ đã lấp vào chỗ trống trong câu.
- Cho HS viết các từ lấp chỗ trống trong câu đã nói vào vở để hoàn thành câu.
- HS đọc lại câu đã điền từ.

VD: Hoạt động 3b bài 20C:

- GV nhắc lại câu chuyện *Vịt con đi học* để HS nhớ có nhân vật vịt con, cô giáo, vịt con tự giới thiệu mình với cô giáo, những việc cô giáo dạy các bạn ở lớp vịt con.
- HS lần lượt nói hoàn chỉnh các câu còn trống từ: *Thưa cô: Em là vịt con. Em thích bơi lội. Sau giờ học, cô giáo dạy các bạn múa hát* (hoặc: *tập thể dục*).
- HS viết các từ đã nói trong câu vào chỗ trống để hoàn thành việc điền từ.
- HS đọc câu đã điền đủ từ sau đó viết các từ đúng vào vở.

3.4. Hoạt động Vận dụng

Hoạt động Vận dụng trong mỗi bài A, B, C, D thường là hoạt động nghe nói dưới nhiều dạng: kể việc em làm, nêu nhận xét của em về nhân vật trong bài đọc, nói lời khuyên nhân vật trong bài, nói lời chào,... Hoạt động vận dụng hướng HS đến việc học không chỉ ở trong lớp mà còn ở gia đình, cộng đồng nơi HS sống. Bản chất của hoạt động Vận dụng ở mỗi bài là yêu cầu HS đáp ứng một yêu cầu nói về một vấn đề mà HS đã có hiểu biết từ bài học, từ kinh nghiệm của bản thân. Đa số các hoạt động vận dụng đều có tính mở, tạo cơ hội để mỗi HS tự bộc lộ bản thân.

- Với dạng hoạt động nói về một nhân vật, chi tiết trong bài đọc hoặc câu chuyện đã học, GV có thể gợi ý cho HS nhớ lại tính tình, việc làm của nhân vật để từ đó nêu ý kiến của mình. GV cần khuyến khích HS nêu ý kiến khác nhau, tránh rập khuôn máy móc theo ý kiến của một em; muốn vậy, GV cần chấp nhận những câu trả lời khác nhau nhưng đều có thể là một phương án trả lời.
- Với dạng hoạt động kể việc làm của mình, GV gợi ý cho HS nhớ lại việc mình đã làm gần với yêu cầu của bài, sau đó cho HS kể lại, GV có thể yêu cầu HS kể bằng một hoặc một số câu, tùy khả năng của mỗi em.

Trong một số trường hợp, hoạt động Vận dụng liên quan đến đời sống của HS ở nhà, GV có thể cho HS nói những yêu cầu của hoạt động này với người thân ở nhà.

VD: Hoạt động 4 ở bài 20A, có thể làm như sau:

- GV gợi ý để HS kể ra những việc được coi là việc làm giúp bạn (*xếp sách vở cho bạn khi tan học, cho bạn mượn bút khi bạn quên bút,...*).
- Mỗi em nhớ lại một việc em đã làm giúp bạn.
- Từng em kể việc em đã làm giúp bạn bằng 1 hoặc 2 câu (*Em làm gì?, Em giúp bạn nào?*).

4. DẠY HỌC BÀI LUYỆN TẬP TIẾNG VIỆT CÓ BÀI ĐỌC MỞ RỘNG

Trong các bài học A, B, C, D ở sách *Tiếng Việt 1*, tập hai, bài D là bài có yêu cầu đọc rộng văn bản.

Việc thực hiện các hoạt động nghe – nói, viết trong các hoạt động Khởi động, Khám phá, Luyện tập được thực hiện ở bài D cần theo hướng dẫn đã nêu ở mục 3 (Dạy học bài Luyện tập tiếng Việt có bài đọc chính).

Dưới đây là nội dung hướng dẫn hoạt động 3 đọc mở rộng ở các bài D:

Hoạt động này yêu cầu HS tìm đọc một bài do các em chọn, không bắt buộc là bài có trong SGK. Mục đích của hoạt động này nhằm giúp HS dùng kĩ năng đọc đã được học để đọc một bài mới, giúp củng cố kĩ năng đọc của học sinh. Để thực hiện hoạt động này, GV cần làm:

a) Hướng dẫn HS chọn bài đọc: GV chỉ cho HS nguồn bài chọn là những câu chuyện, bài thơ, bài văn (văn bản thông tin) về chủ điểm của tuần (VD: Tuần 20 là chủ điểm *Em là búp măng non*). Những câu chuyện, bài thơ, bài văn này có ở trong những cuốn sách trong tủ sách của lớp, thư viện của trường, tủ sách của gia đình các em. Nếu HS không có sách để chọn, GV giới thiệu cho HS đọc bài gợi ý ở hoạt động 3 trong SGK.

b) Hướng dẫn HS đọc bài đã chọn:

– Yêu cầu HS tự đọc cả bài.

– Yêu cầu HS nói với bạn bè hoặc người thân về điều mình thích hoặc điều mình chú ý, mình thấy mới mẻ trong bài đọc. Cần chú ý điều HS thích đôi khi là những câu thơ hay câu văn mà HS thấy hay, muốn đọc to lên.

Hoạt động GV hướng dẫn HS cần được thực hiện trên lớp, còn hoạt động HS chọn bài đọc rồi đọc theo hướng dẫn được thực hiện có thể ở trong lớp, có thể ở ngoài lớp (ở nhà, ở thư viện).

VD: Hoạt động 3 (vận dụng) trong bài 20D, cần tổ chức như sau:

- GV hướng dẫn HS chọn một câu chuyện hoặc bài thơ nói về trẻ em trong những cuốn sách ở tủ sách của lớp, GV có thể chỉ tên những cuốn sách có câu chuyện, bài thơ thuộc chủ điểm *Em là búp măng non* (VD: Tập thơ *Góc sân và khoảng trời*, truyện *Đất rừng phương Nam*,...).
- GV hướng dẫn vào giờ nghỉ, HS chọn sách và bài trong sách để có một câu chuyện, bài thơ theo yêu cầu của SGK.
- HS đọc bài đã chọn và nói điều mình thích ở bài đó cho bạn hoặc người thân nghe.

PHẦN BA

CÁC NỘI DUNG KHÁC

1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN

Sách giáo viên Tiếng Việt 1 đã chứa đựng cả sách học sinh, do đó khi dùng sách, GV đã có trong tay sách học sinh, GV không nhất thiết phải mang theo sách học sinh đến lớp. Khi dạy từng bài học, GV cần ghi nhớ mục tiêu của bài, tham khảo những gợi ý về chuẩn bị đồ dùng dạy học cho GV và HS đã được nêu trong SGK để thực hiện.

Những hướng dẫn về phương pháp, kĩ thuật, hình thức tổ chức dạy học từng bài học cụ thể trong sách giáo viên là những định hướng, gợi ý để giáo viên thực hiện

nhằm đạt được mục tiêu của chương trình. Trong quá trình dùng sách, với tinh thần phát huy tính sáng tạo về phương pháp dạy học, mỗi giáo viên bằng những kinh nghiệm dạy học của cá nhân, có thể thay đổi, điều chỉnh những hướng dẫn nêu trong sách nhằm làm cho các hoạt động dạy học trở nên phù hợp hơn với học sinh lớp mình phụ trách mà vẫn đảm bảo đạt được mục tiêu của bài.

2. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH BỔ TRỢ

Vở bài tập *Tiếng Việt 1* là loại sách bổ trợ nhằm tạo cho HS nhiều cơ hội luyện tập để thành thạo hơn các kĩ năng ngôn ngữ, từ đó tăng cường năng lực ngôn ngữ cho HS. VBT TV1 có cấu trúc đồng dạng với cấu trúc của SGK TV1, mỗi bài học trong SGK TV1 có một bài tập kèm theo (VD: SGK TV1 có bài 20A thì VBT TV1 cũng có bài 20A với nội dung luyện tập kĩ năng nêu trong bài 20A của SGK TV1). VBT TV1 chủ yếu luyện tập kĩ năng đọc và kĩ năng viết. Những yêu cầu về viết, điền, nối,... nêu trong SGK TV1 sẽ được thực hiện trong VBT TV1. Do đó với những nhiệm vụ nêu trên, GV cần hướng dẫn cho HS viết vào VBT TV1 ngay trong giờ học. Tuy nhiên việc dùng VBT TV1 cũng cần rất linh hoạt:

- GV có thể hướng dẫn HS viết vào VBT TV1 ngay trong giờ học. Với những HS chưa kịp làm vào VBT TV1 ở trong giờ học thì GV có thể cho các em tiếp tục hoàn thành những nhiệm vụ này ngoài giờ học.
- Với những bài tập dành cho HS có năng lực ở mức cao hơn bình thường (bài tập có đánh dấu *), GV có thể hướng dẫn HS làm vào ngoài giờ học. Cần chú ý không yêu cầu tất cả HS trong lớp phải làm các bài tập có dấu *, chỉ khuyến khích một số HS trong lớp có năng lực và nhu cầu luyện tập thêm làm những bài tập này.

Dù VBT TV1 là tài liệu giúp HS tự học, nhưng GV cũng cần có kế hoạch đọc các bài tập mà mỗi em đã làm (mỗi học kì nên đọc VBT TV1 của mỗi HS 2 lần) để nhận biết được sự tiến bộ của HS cũng như những tồn tại trong học tập môn Tiếng Việt mà HS chưa khắc phục được. Từ việc này, GV có thể lập kế hoạch giúp đỡ từng HS trong học tập.

3. HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể có quy định các cơ quan quản lí giáo dục từng địa phương sẽ biên soạn tài liệu giáo dục địa phương cho từng địa bàn (tỉnh, thành phố). Khi dạy môn Tiếng Việt, GV có thể dùng tài liệu địa phương này trong những trường hợp sau:

- Thay thế một số hoạt động viết đúng từ ở một số bài mà HS địa phương ít mắc những lỗi này bằng hoạt động viết đúng từ mà HS địa phương mắc lỗi nhiều. VD: Thay hoạt động chọn c hoặc k HS ít mắc lỗi bằng hoạt động chọn vần *iu* hoặc vần *iêu* HS mắc lỗi nhiều.
- Hướng dẫn HS đọc rộng văn bản là những câu chuyện, bài thơ, bài thuyết minh về lịch sử, văn hoá, cuộc sống của nhân dân ở địa phương trong tài liệu địa phương (đây là nội dung của các bài D ở SGK TV1, tập hai).

TÀI LIỆU TẬP HUẤN

Môn ĐẠO ĐỨC

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA ĐẠO ĐỨC 1

1.1. Quan điểm biên soạn SGK môn Đạo đức cấp Tiểu học nói chung, lớp 1 nói riêng

Xu hướng chung của các nước hiện nay là chuyển đổi từ chương trình theo định hướng nội dung (content-based approach) thành chương trình theo định hướng năng lực (competency-based approach). Chương trình theo định hướng NL không chỉ đảm bảo kết quả đào tạo bền vững mà còn tiết kiệm thời gian, tiết kiệm nguồn lực trong đào tạo, đồng thời giảm áp lực làm việc, áp lực học tập đối với người dạy và người học. Việt Nam đang tiến hành đổi mới chương trình, đổi mới việc biên soạn SGK giáo dục phổ thông sau 2015, đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển NL người học nhằm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04-11-2013 Hội nghị Trung ương 8 khoá XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Đổi mới PPDH là một trong những nhiệm vụ quan trọng của cải cách giáo dục nói chung cũng như cải cách cấp Trung học phổ thông. Mục tiêu, chương trình, nội dung dạy học mới đòi hỏi việc cải tiến PPDH và sử dụng những PPDH mới. Trong vài năm gần đây, các trường tiểu học đã có nhiều cố gắng trong việc đổi mới PPDH và đã đạt được những tiến bộ trong việc phát huy tính tích cực của HS. Tuy nhiên, các phương pháp dạy học truyền thống, đặc biệt là thuyết trình vẫn chiếm một vị trí chủ đạo làm hạn chế việc phát huy tính tích cực và sáng tạo của HS. Để GV có thể chủ động dạy học tích cực thì ngay từ định hướng đến kĩ thuật tổ chức, phải thực sự chắc chắn về quan điểm dạy học và sử dụng các phương pháp dạy học.

Đối với HS, việc trang bị những giá trị sống, giá trị đạo đức cũng như kĩ năng sống để chuẩn bị hiệu quả cho quá trình phát triển toàn diện trở thành yêu cầu không thể thiếu được. Bằng cách này hay cách khác, hình thức này hay hình thức khác, những giá trị sống, giá trị đạo đức cũng như kĩ năng sống sẽ hình thành trong sự trưởng thành và hoàn thiện của mỗi cá nhân. Đạo đức là môn học mang tính đặc thù là thế, Đạo đức đảm bảo nhiệm vụ chuyên biệt của mình trong việc hình thành và phát triển nhân cách, định hướng giá trị, cách sống và các kĩ năng sống của con người.

Giáo dục đạo đức cho HS nói chung và HS tiểu học nói riêng được thực hiện một cách đa dạng nhiều hình thức khác nhau và môn học Đạo đức là một trong những môn học mang tính đặc thù khá thú vị. Có thể khẳng định giáo dục đạo đức, giáo dục công dân được hình thành bằng con đường trải nghiệm đích thực. Vì vậy, trong những hoạt động thường nhật, trong các tình huống khác nhau của cuộc sống, trong những mối quan hệ đa dạng và phức tạp, mỗi HS có thể tích lũy những kinh nghiệm – giá trị và những yếu

tổ thuộc về nền tảng của thao tác hay thậm chí là những “lựa chọn” được điều chỉnh. Trên cơ sở những hoạt động thường nhật – hoạt động trải nghiệm, hoạt động tự học... những giá trị sống và kĩ năng sống sẽ dần được phát triển ở HS. Tuy nhiên, sự phát triển ấy cũng không hoàn toàn tích cực nếu như thiếu sự chủ đích đích thực của các tổ chức có nhiệm vụ chuyên biệt. Nhà trường cần có những định hướng mang tính chiến lược và có những kế hoạch cụ thể dựa trên chức năng, vai trò của bộ phận hoặc cá nhân của trường để việc giáo dục đạo đức nói chung và dạy học môn Đạo đức mang một sắc thái mới của sự tác động có chủ đích và đồng bộ, thống nhất.

Những định hướng chung, tổng quát về đổi mới phương pháp dạy học các môn học thuộc chương trình giáo dục định hướng phát triển năng lực cụ thể là dạy học môn Đạo đức là:

- Phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của HS, hình thành và phát triển năng lực tự học (sử dụng sách giáo khoa, nghe, ghi chép, tìm kiếm thông tin,...), trên cơ sở đó trau dồi các phẩm chất linh hoạt, độc lập, sáng tạo của tư duy của lứa tuổi tiểu học.

- Có thể chọn lựa một cách linh hoạt các phương pháp dạy học chung và phương pháp dạy học đặc thù của môn Đạo đức để thực hiện trong sự kết hợp khéo léo. Tuy nhiên dù sử dụng bất kì phương pháp nào cũng phải đảm bảo được nguyên tắc “HS tự mình hoàn thành nhiệm vụ nhận thức với sự tổ chức, hướng dẫn của GV để phát triển năng lực của bản thân”.

- Việc sử dụng phương pháp dạy học gắn chặt với các hình thức tổ chức dạy học môn Đạo đức. Tuỳ theo mục tiêu, nội dung, đối tượng và điều kiện cụ thể mà có những hình thức tổ chức thích hợp như học cá nhân, học nhóm; học trong lớp, học ở ngoài lớp... trong quá trình dạy học môn Đạo đức. Cần chuẩn bị tốt về phương pháp dạy học đối với các giờ thực hành để đảm bảo yêu cầu rèn luyện kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, nâng cao hứng thú cho HS khi học môn Đạo đức.

- Cần sử dụng đủ và hiệu quả các thiết bị dạy học môn Đạo đức tối thiểu đã quy định. Có thể sử dụng các đồ dùng dạy học tự làm nếu xét thấy cần thiết với nội dung học và phù hợp với đối tượng HS tiểu học và đặc trưng của chủ đề. Tích cực vận dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Đạo đức sao cho mềm mại, linh hoạt và hiệu quả.

Việc đổi mới phương pháp dạy học môn Đạo đức của GV theo định hướng phát triển năng lực nói chung và dạy học môn Đạo đức nói riêng được thể hiện qua bốn đặc trưng cơ bản sau:

Một là dạy học môn Đạo đức thông qua tổ chức liên tiếp các hoạt động học tập, từ đó giúp HS tự khám phá những điều chưa biết chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức được sắp đặt sẵn. Theo tinh thần này, GV là người tổ chức và chỉ đạo HS tiến hành các hoạt động học tập như nhớ lại biểu tượng, phát hiện kiến thức mới, trải nghiệm cảm xúc tích cực, khám phá và thực hành cũng như vận dụng sáng tạo kiến thức đã biết vào các tình huống học tập hoặc tình huống thực tiễn,... nhằm phát triển năng lực và phẩm chất mà rõ nhất là hình thành các giá trị đạo đức, giá trị sống và các kĩ năng sống.

Trong phương pháp tổ chức, người học - đối tượng của hoạt động “dạy” đồng thời là chủ thể của hoạt động “học” – được cuốn hút vào các hoạt động học tập do GV tổ chức và chỉ đạo, thông qua đó tự lực khám phá những điều mình chưa rõ, chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức đã được GV sắp đặt. Được đặt vào những tình huống của đời

sống thực tế, người học trực tiếp quan sát, thảo luận, trải nghiệm, giải quyết vấn đề đặt ra theo cách suy nghĩ của mình; từ đó vừa nắm được kiến thức, kĩ năng mới, vừa nắm được phương pháp “làm ra” kiến thức, kĩ năng đó; không dập theo những khuôn mẫu sẵn có, được bộc lộ và phát huy tiềm năng sáng tạo và ứng dụng một cách đúng nghĩa. Dạy theo cách này thì GV không chỉ giản đơn truyền đạt tri thức mà còn hướng dẫn hành động, thực hành và rèn luyện. Chương trình chi tiết môn Đạo đức giúp cho từng người học biết hành động và tích cực ứng dụng trong xã hội, cộng đồng, vì thế việc dạy học môn Đạo đức xét về mặt phương pháp phải đảm bảo các yêu cầu cơ bản và đặc thù này.

Hai là chú trọng rèn luyện cho HS những tri thức phương pháp để họ biết cách đọc sách và các tài liệu học tập, biết cách tự tìm lại những biểu tượng đã có, biết cách suy luận để tìm tòi và phát hiện kiến thức mới, kĩ năng cần thiết tương ứng... Các tri thức phương pháp thường là những quy tắc, quy trình, phương thức hành động, tuy nhiên cũng cần coi trọng cả các phương pháp có tính chất dự đoán, giả định. Cần rèn luyện cho HS tiểu học các thao tác tư duy như phân tích, tổng hợp, đặc biệt hoá, khái quát hoá, tương tự, quy lạ về quen, cụ thể đến khái quát... để dần hình thành và phát triển năng lực và phẩm chất của HS thông qua việc tiếp cận các chủ đề về giáo dục đạo đức, giáo dục kĩ năng sống...

Ba là tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác theo phương châm “tạo điều kiện cho HS suy nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn và thảo luận nhiều hơn” trong dạy học môn Đạo đức. Điều đó có nghĩa, mỗi HS tiểu học vừa cố gắng tự lực một cách độc lập, vừa hợp tác chặt chẽ với nhau trong quá trình tiếp cận, phát hiện và tìm tòi kiến thức mới. Lớp học trở thành môi trường giao tiếp thầy – trò và trò – trò nhằm vận dụng sự hiểu biết và kinh nghiệm của từng cá nhân, của tập thể trong giải quyết các nhiệm vụ học tập chung.

Bốn là chú trọng đánh giá kết quả học tập theo mục tiêu của chủ đề, mục tiêu của bài học trong suốt tiến trình dạy học thông qua hệ thống câu hỏi, bài tập (đánh giá lớp học). Chú trọng phát triển kĩ năng tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của HS tiểu học với nhiều hình thức như theo lời giải/đáp án mẫu, theo hướng dẫn, hoặc tự xác định tiêu chí để có thể phê phán, tìm được nguyên nhân và nêu cách sửa chữa các sai sót. Kết hợp đánh giá của GV tiểu học với sự đánh giá của HS tiểu học trong dạy học môn Đạo đức. Trước đây, GV giữ độc quyền đánh giá HS nhưng trong PPDH định hướng phát triển năng lực, GV phải hướng dẫn người học phát triển kĩ năng tự đánh giá để tự điều chỉnh cách học của mỗi HS. Liên quan đến điều này, GV cần tạo điều kiện thuận lợi để HS được tham gia đánh giá lẫn nhau trong khi học môn Đạo đức. Tự đánh giá và điều chỉnh hoạt động kịp thời là năng lực rất cần cho sự thành đạt trong cuộc sống mà nhà trường phải trang bị cho HS tiểu học.

Xuất phát từ những phân tích trên, **quan điểm biên soạn SGK môn Đạo đức cấp Tiểu học nói chung, lớp 1 nói riêng có thể đề cập:**

– Môn học Đạo đức và sách Đạo đức phải đáp ứng được yêu cầu của Nghị quyết 88, tuân thủ CTGDPT mới, bảo đảm các tiêu chí đánh giá SGK của Bộ Giáo dục và Đào tạo: định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học thông qua nội dung giáo dục với cốt lõi là những kiến thức cơ bản, thiết thực, hiện đại, chú trọng thực hành, vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống; coi trọng dạy cách học, phát huy tính chủ động và tiềm năng của mỗi HS; phương pháp kiểm tra, đánh giá phải phù hợp với mục tiêu giáo dục và cách học của HS tiểu học,...

– Sách Đạo đức dành cho HS tiểu học phải đảm bảo tính hiện đại, sức hấp dẫn của môn học Đạo đức: nhiều nội dung mới đồng thời là kiến thức cơ bản, có phần đọc thêm cho HS tiểu học, phần cung cấp tài liệu bổ sung cho GV chuẩn bị việc dạy; tích hợp các lĩnh vực kiến thức nội môn và nhiều môn, tích hợp các vấn đề của thời đại (bản sắc dân tộc, phát triển bền vững, bảo tồn thiên nhiên, hội nhập quốc tế, bình đẳng cơ hội giáo dục, bình đẳng giới,...).

– Sách cần kế thừa và phát huy ưu điểm, khắc phục được hạn chế của SGK hiện có, bảo đảm những đặc trưng riêng của SGK theo định hướng phát triển năng lực người học:

+ Mỗi chủ đề, bài học giải quyết được một vấn đề tương đối trọn vẹn nên thời lượng dành cho từng chủ đề, bài học có thể khác nhau, do các tác giả dự kiến, GV quyết định (từ 1 tiết đến 3 tiết/ bài), bảo đảm tổng thời lượng dành cho mỗi môn học phù hợp với thời lượng bắt buộc của chương trình giáo dục (ngoài các chủ đề hay hoạt động tự chọn). Trong đó, chủ đề là khái niệm rộng hơn bài học, mỗi chủ đề có thể có từ 1 đến 2 bài học.

+ SGK môn Đạo đức kết hợp giữa trang bị kiến thức với hướng dẫn hoạt động học theo yêu cầu phát huy tính chủ động, tích cực, tự học có tương tác trò – trò, trò – thầy, trò – gia đình – cộng đồng; SGK môn Đạo đức có đầy đủ các nội dung được chuyển tải dưới dạng hoạt động nhằm đáp ứng ma trận về yêu cầu cần đạt hay mục tiêu của chương trình chi tiết môn Đạo đức. Bên cạnh đó, tài liệu dành cho HS đọc thêm và thực hành – có thể gọi là VBT Đạo đức cũng dựa trên ma trận về yêu cầu cần đạt, bám sát các chủ đề, bài học ở SGK để mở rộng, gợi ý nhiều hình thức thực hành, rèn luyện và định hướng vận dụng, ứng dụng từ các giá trị sống và kỹ năng sống bước đầu có được thông qua việc trải nghiệm, thực hành. SGV môn Đạo đức kết hợp giữa trình bày kiến thức với hướng dẫn tổ chức hoạt động học, bao gồm cả việc bổ sung hướng dẫn hoạt động học (những hoạt động mà SGK không thể hướng dẫn trực tiếp cho HS) và hướng dẫn việc kiểm tra, đánh giá. VBT dành cho hoạt động học ở nhà hoặc tự học có hướng dẫn (đối với HS tiểu học học 2 buổi/ ngày); gồm các bài tập, câu hỏi theo các trình độ nhận thức (nhớ, hiểu, vận dụng, vận dụng cao) và có thêm hướng dẫn việc tự kiểm tra, đánh giá. HS không phải sử dụng VBT trong giờ học trên lớp mà khai thác nó như một công cụ để khám phá, tìm hiểu, thực hành.

+ Bài học trong sách Đạo đức được thiết kế thành các hoạt động khác nhau dựa trên ma trận về yêu cầu cần đạt. Hoạt động là hình thức, là vỏ bọc để khai thác theo định hướng HS hoạt động tích cực để trải nghiệm và tích lũy. Các hoạt động mang tính logic, bám sát vào hứng thú của HS, dựa trên nền tảng của các kỹ thuật giáo dục hiện đại đặc biệt là mô hình giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống. Các hoạt động cụ thể bao gồm: khởi động, khám phá, luyện tập, vận dụng. Tùy theo yêu cầu cần đạt của từng bài học mà SGK có thể lồng ghép các hoạt động hay bổ sung các hình thức khác theo mục tiêu và ý nghĩa của hoạt động nhưng trọng điểm của bài học là hoạt động luyện tập, HS phải đạt được yêu cầu cần đạt ở mức độ tối thiểu của bài học (phù hợp với yêu cầu của chương trình chi tiết môn Đạo đức). Một số hoạt động trong bài học cũng được khai thác trên nền tảng của việc tự học, khám phá và trải nghiệm nên có thể giao cho HS thực hiện ở ngoài thời gian và không gian lớp học và không yêu cầu tất cả HS phải đạt được như nhau bởi yêu cầu đặc trưng của dạy học phát triển năng lực.

– Hướng đến mục tiêu bồi dưỡng năng lực giải quyết vấn đề, trong một bài học hoặc sau một nhóm bài học, SGK hoặc VBT cần có những bài tập yêu cầu HS giải quyết một vấn đề thực tế theo đúng logic hoạt động nhận thức khoa học. Đây cũng là đặc trưng cần đảm bảo trong việc dạy học môn Đạo đức theo định hướng mới, phát triển phẩm chất và năng lực của HS tiểu học.

– Đảm bảo thuận tiện cho việc giám sát và đảm bảo kết quả học tập, nên có hoạt động ôn tập và kiểm tra sau một số bài học (phù hợp với ma trận yêu cầu cần đạt), ít nhất 2 lần/ học kì; các công cụ kiểm tra được thiết kế theo ma trận về yêu cầu cần đạt với các câu hỏi, bài tập và tình huống – trò chơi đánh giá HS ở các mức độ nhớ, hiểu, vận dụng.

1.2. Những điểm mới của SGK môn Đạo đức

Có thể khẳng định SGK môn Đạo đức dựa trên nền tảng của những thành tựu SGK phát triển năng lực HS tiểu học, những cơ sở hiện đại về việc xây dựng SGK tiếp cận từ người học, từ hoạt động mà người học là trung tâm. Có thể đề cập đến một số điểm mới sau của SGK môn Đạo đức

1.2.1. Ma trận phát triển năng lực, phẩm chất được khai thác trong sách

Các năng lực được hình thành, phát triển trong môn Đạo đức bao gồm: năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội. Đó chính là những biểu hiện đặc thù của các năng lực chung và các phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm đã nêu trong Chương trình tổng thể. Ngoài ra, ma trận về yêu cầu cần đạt của SGK môn Đạo đức cũng đảm bảo tải được đầy đủ các phẩm chất trong yêu cầu về phẩm chất của chương trình giáo dục phổ thông như:

Ma trận phát triển năng lực, phẩm chất được khai thác trong sách theo một định hướng mang tính kim chỉ nam như sau:

– Dựa trên ma trận về yêu cầu cần đạt của các phẩm chất và năng lực trong chương trình giáo dục phổ thông, trong chương trình chi tiết môn Đạo đức

– Là định hướng quan trọng nhất từ việc xác định yêu cầu cần đạt của từng chủ đề, từng bài đến việc lựa chọn các hoạt động cụ thể dựa trên nền tảng hoạt động học của HS tiểu học.

– Là căn cứ để lựa chọn các hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động mà cụ thể là các phương pháp và kĩ thuật dạy học để đáp ứng được yêu cầu cần đạt mang tính lõi trong từng hoạt động cụ thể.

– Là căn cứ quan trọng, là điểm tựa để mỗi GV triển khai các hoạt động trong đó chú trọng nhiều nhất đến yêu cầu cần đạt tối thiểu mà mỗi HS phải sở hữu. Các yêu cầu cần đạt này có thể được mở rộng dựa trên thực tế biểu hiện về năng lực và phẩm chất của người học để khai thác phát triển người học một cách linh hoạt, sáng tạo.

– Là cơ sở quan trọng để việc thiết kế các công cụ đánh giá, kiểm tra HS tiểu học trong môn học Đạo đức có cơ sở, có căn cứ cũng như đảm bảo tính khoa học, khả thi và thực tiễn.

Cụ thể ma trận phát triển năng lực, phẩm chất được khai thác trong sách Đạo đức cho HS lớp 1 như sau:

Nội dung	Mục tiêu	Năng lực hướng tới	Phẩm chất
1. Yêu thương gia đình	– Nhận biết được ý nghĩa của hành động yêu thương trong gia đình. – Nêu được những biểu hiện của tình yêu thương gia đình – Thể hiện được tình yêu thương với người thân trong gia đình bằng những hành vi ứng xử phù hợp lứa tuổi: quan tâm, chăm sóc người thân; lắng nghe cha, mẹ, anh, chị; hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; nhường nhịn em nhỏ – Nhắc bạn bè, anh chị em, người thân thể hiện tình yêu thương trong gia đình trong những tình huống cụ thể	Năng lực phát triển bản thân: Nhận biết và bày tỏ được cảm xúc, hành vi của bản thân; biết chia sẻ cảm xúc, rung động của bản thân với người khác	Nhân ái (*), trách nhiệm
2. Quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình	– Nhận biết được biểu hiện của sự quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình. – Thể hiện được sự quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình bằng những hành vi phù hợp với lứa tuổi. – Lễ phép, vâng lời ông bà, cha mẹ, anh chị; hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; nhường nhịn và giúp đỡ em nhỏ.		Nhân ái (*), trách nhiệm
3. Tự giác làm việc của mình	– Nhận biết vì sao phải tự làm việc của mình, hiểu được lợi ích của việc tự giác làm việc của mình – Thực hiện được hành động tự giác làm việc của mình ở nhà, ở trường như: tự giác học tập, tự giác phục vụ bản thân, tự giác làm một số công việc nhà,... – Nhắc nhở bạn, anh chị em không ỷ lại người khác; giúp bạn cùng rèn luyện thói quen tự giác làm việc.	Năng lực điều chỉnh hành vi đạo đức: Nhận biết được cái đúng/sai, tốt/xấu, thiện/ác của một vài biểu hiện thái độ, hành vi đạo đức trong cuộc sống hằng ngày (ở lớp, trường, gia đình, cộng đồng). Bước đầu biết điều chỉnh hành vi, thói quen của bản thân theo sự hướng dẫn của gia đình và thầy, cô giáo phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội Năng lực phát triển bản thân: Tự làm những công việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn; tự chăm sóc, tự bảo vệ bản thân; thực hành sinh hoạt của cá nhân phù hợp lứa tuổi	Chăm chỉ (*), trách nhiệm
4. Thật thà	– Nhận biết được ý nghĩa của sự thật thà và tầm quan trọng của thật thà – Nêu được một số biểu hiện của tính thật thà – Thực hiện được lời nói và việc làm thật thà như: không nói dối; không tham lam khi nhặt được của rơi...		Trung thực (*), trách nhiệm

5. Sinh hoạt nền nếp	– Nêu được một số biểu hiện của sinh hoạt nền nếp – Hiểu được lợi ích của việc sinh hoạt nền nếp – Thực hiện được thói quen sinh hoạt nền nếp như: đúng giờ; gọn gàng - ngăn nắp,... – Nhắc nhở bạn bè và người thân cùng có thói quen sinh hoạt nền nếp	Năng lực phát triển bản thân: Tự làm những công việc của mình ở nhà, ở trường theo sự phân công, hướng dẫn; tự chăm sóc, tự bảo vệ bản thân; sinh hoạt của cá nhân phù hợp lứa tuổi	Chăm chỉ (*), trách nhiệm
6. Thực hiện nội quy trường, lớp	– Nêu được những việc làm thực hiện tốt nội quy trường, lớp – Nhận biết được ích lợi của việc thực hiện tốt nội quy trường, lớp – Thực hiện được nội quy của trường, lớp: đi học đầy đủ, đúng giờ; học bài và làm bài tập đầy đủ; giữ trật tự trong lớp học và trong các sinh hoạt của trường, lớp; để rác vào đúng nơi quy định; giữ gìn của công – Làm gương, nhắc nhở bạn bè thực hiện tốt nội quy trường lớp.		Yêu nước, trách nhiệm (*)
7. Tự chăm sóc bản thân	– Nêu được những việc làm tự chăm sóc bản thân như: vệ sinh răng, miệng, tóc, cơ thể; ăn mặc chỉnh tề và giữ gìn, bảo quản đồ dùng, vật dụng của bản thân – Hiểu được lợi ích của việc tự chăm sóc bản thân – Tự thực hiện các hành động chăm sóc bản thân phù hợp và vừa sức – Nhắc nhở bạn bè, người thân cùng rèn luyện hành vi tự chăm sóc bản thân	Năng lực phát triển bản thân: Tự làm những công việc của mình ở nhà, ở trường theo sự phân công, hướng dẫn; tự chăm sóc, tự bảo vệ bản thân; sinh hoạt của cá nhân phù hợp lứa tuổi Năng lực điều chỉnh hành vi pháp luật: Bước đầu biết điều chỉnh hành vi, thói quen của bản thân theo đúng nội quy của trường học, quy định nơi công cộng và một số quy định của pháp luật có liên quan đến trẻ em	Chăm chỉ (*), trách nhiệm
8. Phòng, tránh tai nạn, thương tích	– Nêu được một số nguy cơ gây tai nạn, thương tích thường gặp – Hiểu được sự cần thiết phải phòng, tránh tai nạn, thương tích – Thực hiện được một số cách đơn giản và phù hợp để phòng, tránh tai nạn, thương tích – Chia sẻ với bạn bè một số cách đơn giản phòng, tránh tai nạn thương tích		Trách nhiệm (*)

Những định hướng chung từ ma trận yêu cầu cần đạt cho thấy việc viết sách Đạo đức cần triển khai theo những yêu cầu sau:

*** Nội dung và yêu cầu cần đạt trong sách Đạo đức cần đảm bảo theo nguyên tắc vòng xoáy tròn ốc**

Nguyên tắc này đóng vai trò then chốt trong việc củng cố nhận thức, tăng cường thái độ và rèn luyện hành vi cho HS tiểu học. Một hành vi đạo đức, kĩ năng sống hay nói bao

trầm hơn là lối sống đạo đức, muốn hình thành phải cần luyện tập và củng cố. Vấn đề không đơn giản nằm ở việc lặp lại cùng một nội dung ở các khối lớp cao hơn mà phải điều chỉnh cho nội dung ở mức độ cao hơn phù hợp với sự phát triển tư duy, tình cảm và tự ý thức của HS. Sự phát triển của HS rất cần yếu tố kế thừa những kiến thức và kĩ năng trước đó đồng thời nâng cao chiều sâu của kiến thức và mức độ cao hơn của kĩ năng nhưng đều hướng vào vùng phát triển gần nhất.

Nguyên tắc này đòi hỏi người viết sách và người triển khai nắm vững sự liên kết của các nội dung cũng như yêu cầu cần đạt ẩn bên trong, hiểu đầy đủ những quy luật phát triển tâm lí của trẻ và đặc điểm tâm lí theo lứa tuổi nhằm tránh việc lặp lại khuôn mẫu, không nâng cao được nội dung hoặc nâng cao nội dung quá xa với sự phát triển tư duy của HS tiểu học. Hơn nữa, dù có yêu cầu cần đạt với từng chủ đề, bài cụ thể và đó là yêu cầu tối thiểu phải đạt được nhưng trên bình diện phát triển, năng lực và kĩ năng sống cũng như các giá trị đạo đức, các giá trị sống không thể hình thành ngay một ngày hai. Việc củng cố, rèn luyện và phát triển để các giá trị, kĩ năng ấy được sở hữu một cách đích thực là yêu cầu quan trọng cần đáp ứng.

**** Xuất phát từ các chủ đề trong chương trình chi tiết, triển khai chủ đề thành đề tài/ bài học với nội dung tương ứng***

Theo cách tiếp cận giảng dạy liên ngành theo đó các nội dung giảng dạy được trình bày theo các chủ đề. Mỗi chủ đề được trình bày thành nhiều bài học nhỏ để người học có thể có thời gian hiểu rõ và phát triển các mối liên hệ với những gì mà người học đã biết. Việc triển khai chủ đề từ khái quát đến cụ thể với từng nội dung tương ứng tạo điều kiện cho người học tham gia vào việc chuẩn bị bài học, tài liệu và tư duy tích cực và sâu hơn so với cách học truyền thống với chỉ một nguồn tài liệu mà các nội dung ít có sự liên kết với nhau.

Tính khái quát này giúp người học có được đặc trưng logic trong tư duy khi tiếp cận các thông tin đồng thời đó cũng là phương thức hình thành các giá trị đạo đức tích cực, các kĩ năng sống trên cơ sở củng cố từng hành vi nhỏ qua từng đề tài, bài học cụ thể nhằm hướng đến việc hình thành một phẩm chất, một năng lực trên bình diện chung. Kết quả là người học sẽ hiểu rõ hơn và cảm thấy tự tin hơn trong việc học của mình cũng như có thể định hướng ứng dụng, vận dụng những gì đã quan sát, trải nghiệm.

**** Có sự tích hợp giữa giáo dục đạo đức và giáo dục kĩ năng sống***

Nhân cách phát triển toàn diện là nhân cách thể hiện sự phát triển cân đối và hài hoà giữa hai mặt phẩm chất và năng lực. Giáo dục đạo đức giúp phẩm chất được hình thành một cách tích cực thì kĩ năng sống giúp người học rèn luyện cho mình những năng lực tồn tại và phát triển cần thiết. Nhưng đồng thời, việc tiếp nhận các giá trị đạo đức, giá trị sống cũng giúp củng cố và tăng cường năng lực và kĩ năng sống làm sâu sắc thêm những phẩm chất mà người học đã lĩnh hội.

Có thể cho rằng mối quan hệ giữa giáo dục đạo đức, giá trị sống và kĩ năng sống là mối quan hệ giao thoa, tương hỗ. Nếu giá trị sống giúp cá nhân đáp ứng được các yêu cầu chuẩn mực, thể hiện nhân cách mang giá trị xã hội thì kĩ năng sống giúp HS thích nghi với sự biến đổi nhanh chóng của xã hội hiện nay. Sự dung hoà giữa giáo dục đạo đức, giá trị sống và kĩ năng sống trong khi xây dựng sách Đạo đức là cơ sở đáp ứng được yêu cầu của xã hội về một nhân cách phát triển toàn diện.

*** *Lồng ghép vấn đề giáo dục kinh tế – pháp luật, các chính sách, các quy định quốc tế nhẹ nhàng***

Lồng ghép vấn đề giáo dục kinh tế – pháp luật, các chính sách, các quy định quốc tế sẽ chiếm một tỉ trọng nhất định trong sách dưới hai hình thức: Một là, có nội dung, bài cụ thể đề hướng đến yêu cầu cần đạt này. Hai là, việc lồng ghép nhẹ nhàng những nội dung cơ bản này bằng những câu chuyện, hoạt động chia sẻ, trò chơi nhận thức... sẽ giúp người học hình thành được những hành vi văn minh, có hiểu biết và thái độ tích cực với những vấn đề mang tính toàn cầu. Đây cũng là động lực để chính bản thân họ hoàn thiện mình, mong muốn cống hiến cho đời sống của nhân loại, cộng đồng.

1.2.2. *Chọn ngữ liệu của sách*

Khi biên soạn sách Đạo đức nói chung và sách Đạo đức cho HS lớp 1, để tăng tính hấp dẫn, thiết thực và hiệu quả cho việc dạy và học môn học này, nhóm tác giả đã đề ra các tiêu chí cụ thể sau:

- Bám sát mục tiêu và yêu cầu cần đạt, dạng thức hoạt động theo ma trận có thể tải được mục tiêu và yêu cầu cần đạt nhưng vừa sức và phù hợp với đặc trưng của môn học Đạo đức
- Nghiên cứu, chọn lọc các ngữ liệu thu thập được của nhóm thông qua các đề tài khoa học có liên quan, thông qua việc đánh giá, phân tích các ngữ liệu hiện có của các bộ sách: Đạo đức, Rèn luyện kĩ năng sống để chọn lọc các ngữ liệu vào kho lưu trữ theo chủ đề sao cho thật phù hợp, gần gũi
- Sử dụng kĩ thuật thu thập nhanh các ngữ liệu thực tiễn từ cuộc sống thông qua các diễn đàn dành cho cha mẹ, GV với sự chất lọc và điều chỉnh phù hợp; nguồn dữ liệu thực tiễn còn được thu thập thông qua kinh nghiệm của các GV được khai thác theo kênh facebook: bình luận câu chuyện cho HS tiểu học
- Khai thác các ý tưởng phục vụ cho hoạt động cụ thể với các câu chuyện, tranh vẽ hay bộ tranh từ các tác giả theo hướng gần gũi và gắn với đời sống thực tiễn của HS tiểu học
- Phản biện theo kĩ thuật “Sáu chiếc mũ của tư duy” trong các kĩ thuật tư duy sáng tạo để chọn lọc các câu chuyện thiết thực và hấp dẫn với HS tiểu học
- Sử dụng các hình thức kể chuyện sáng tạo: kể chuyện kết nối tranh, kể chuyện thay đổi lời kết, kể chuyện theo tranh... trên nhóm HS thực nghiệm để có thể điều chỉnh các ngữ liệu phù hợp... Các ngữ liệu có liên quan đến kể chuyện sáng tạo sẽ mở ra các biên độ sáng tạo khác nhau để khuyến khích HS phát triển, trải nghiệm để cảm nhận và lĩnh hội được các giá trị, các mô hình kĩ năng hay các kĩ năng cụ thể.

1.2.3. *Khai thác triệt để các hoạt động của người học theo hướng người học là trung tâm*

Khai thác triệt để các hoạt động của người học theo hướng người học là trung tâm hay nói khác đi dựa vào kinh nghiệm sống và nhu cầu người học (Dạy cái người học cần – nhu cầu của người học) là luận điểm quan trọng cần đảm bảo của sách Đạo đức. Quá trình viết bộ sách Đạo đức cần phát huy tính tích cực chủ động học tập của HS, thực hiện “dạy học phân hoá”, quan tâm đến nhu cầu khả năng của mỗi cá nhân HS trong tập thể lớp. Trong quá trình giáo dục – dạy học, người học vừa là đối tượng vừa là chủ thể, cố gắng để “GV dạy ít hơn, HS học nhiều hơn”.

Xu hướng thiết kế chương trình học tập trọng tâm trong bộ sách này là lấy nhu cầu, lợi ích của người học làm trung tâm. Chính người học là người đầu tiên tiếp cận quyển sách, có nhu cầu, có hứng thú – cảm xúc, có động cơ tiếp tục tìm hiểu. Trên cơ sở đó, người học cảm nhận được đây là kênh thông tin cần đào sâu. Tự bản thân họ, nhờ sự giúp đỡ nếu có, sẽ hiểu nhiều hơn, sâu hơn hay HS sẽ ứng dụng sâu sắc những điều mình đã tích lũy trong thực tế. Đây chính là quan điểm phát triển tích cực và dạy học phát triển năng lực người học nói chung và với HS lớp 1 nói riêng theo hướng HS là nhân vật trung tâm.

Tổ chức cho HS tiểu học hoạt động, những hoạt động được biên soạn là những hoạt động nhận thức đúng nghĩa. Tức thông qua hoạt động, người học tự nhận diện ra vấn đề với sự định hướng của GV hay thông qua các hoạt động chia sẻ cùng bạn, cùng người lớn ở gia đình. HS tiểu học khi học môn Đạo đức không tiếp thu kiến thức một cách khô khan mà thông qua hoạt động, HS tiếp thu được một phần kiến thức và có cơ hội rèn luyện hành vi, kĩ năng sống thông qua hoạt động đã thực hiện. Hoạt động giúp HS hứng thú hơn với môn học, đồng thời rèn luyện được tính năng động và tự tin cho người học. Các hoạt động được phân hoá thành nhiều hình thức khác nhau: hoạt động khởi động, hoạt động khám phá, hoạt động hoạt động trải nghiệm cảm xúc, hoạt động thực hành, hoạt động luyện tập, hoạt động vận dụng... liên hoàn để lôi cuốn người đọc – cụ thể là HS tiểu học hoạt động đích thực về tâm trí cũng như vận động (nếu có) để hình thành những giá trị sống và kĩ năng sống. Không chỉ GV mà người lớn nói chung có thể sử dụng kinh nghiệm của trẻ để phát triển, điều chỉnh, định hướng hài hoà; thông qua đó, HS cũng có thể định hướng và tự giáo dục cho mình ở mức độ cao hơn.

Hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS muốn đạt hiệu quả cao thì phải bảo đảm sự thống nhất, tương tác qua lại “ăn ý” với nhau; trong đó, GV giữ vai trò chỉ đạo, trọng tài, HS vừa là đối tượng của hoạt động dạy vừa chính là chủ thể của hoạt động học. Do đó, không thể tách rời tuyệt đối hoạt động dạy với hoạt động học; hiện nay các nhà sư phạm thường gọi chung quá trình hoạt động với sự tương tác thầy – trò ấy là hoạt động dạy học. SGK môn Đạo đức biên soạn theo định hướng này để hỗ trợ đồng thời cho cả GV và HS. Điều này phụ thuộc vào cách xử lí mối quan hệ giữa cơ chế chuyển tải nội dung dạy học với các hoạt động dạy học nên sách Đạo đức tuân thủ về tiếp cận hoạt động để khơi gợi và chuyển tải nội dung nhằm đạt được yêu cầu chuẩn tối thiểu.

SGK mô hình hoạt động – mô hình SGK đổi mới được khai thác trong sách Đạo đức dành cho HS tiểu học và sách Đạo đức 1 nói riêng. Mỗi bài học được trình bày dưới dạng một kịch bản hoạt động; trong đó có phần hướng dẫn hoạt động của HS bao hàm gợi ý hoạt động dạy của GV; có phần khai thác kinh nghiệm, hình thành và củng cố các biểu tượng, thực hành và rèn luyện kĩ năng, giá trị. Phần hướng dẫn chi tiết về hoạt động dạy được trình bày trong SGK, gắn với HĐ học của HS để chuyển tải yêu cầu tổ chức hoạt động học bằng nhiều cách thức gợi ý phù hợp với HS cũng như khả năng của từng GV và thực tiễn của giáo dục địa phương.

1.2.4. Tuân thủ yêu cầu trọng điểm về phương pháp quan sát và trải nghiệm nhằm hình thành các phẩm chất và năng lực của HS

Phương pháp quan sát và trải nghiệm được xem là hai phương pháp quan trọng để triển khai mạch bài đạo đức trong sách Đạo đức cho HS tiểu học. Xuất phát từ đặc điểm tâm lí của HS tiểu học, các chủ đề, bài học gắn liền với cuộc sống xung quanh của các em.

Trẻ quan sát thế giới xung quanh để hình thành các biểu tượng, quan sát để kết nối các biểu tượng, quan sát để định hướng ứng dụng và mở rộng ứng dụng. Đây là điều cần thiết để các giá trị đạo đức, các kĩ năng sống mang tính thực tiễn với HS tiểu học.

Vì sao phương pháp trải nghiệm là cốt lõi phương pháp cần đảm bảo khi xây dựng sách Đạo đức? Cảm xúc là một thành phần quan trọng trong việc hình thành đời sống tình cảm của cá nhân. Tình cảm lại là nội dung cốt lõi của thái độ. Thái độ khi đã hình thành sẽ tác động trực tiếp đến việc thực hiện hành vi của cá nhân trong chính thực tiễn của sống. Vì vậy, việc giáo dục đạo đức cho HS cần quan tâm tới việc trải nghiệm cảm xúc đích thực của người học.

Dưới nhiều hình thức khác nhau, cảm xúc được nảy sinh qua từng hoạt động nhỏ trong từng đề tài, dần dần sẽ được khái quát lại thành một dạng tình cảm nhất định. Đó có thể là tình yêu quê hương, tình cảm gia đình, tình bạn bè... gọi chung đó là tình cảm đạo đức. Có thể khẳng định không thể hình thành tình cảm đạo đức nếu như chương trình giáo dục nói chung hay nội dung môn Đạo đức không hướng vào việc nảy sinh cảm xúc cho HS bằng các hoạt động trải nghiệm tích cực. Nói cách khác, sự trải nghiệm là một con đường quan trọng để cá nhân đặc biệt là HS tiểu học hình thành được những biểu tượng về giá trị, đạo đức, lối sống một cách bền vững.

Người lớn (thầy cô, cha mẹ...) sẽ dựa trên nền tảng của sự trải nghiệm về cảm xúc, nhận thức để giáo dục đạo đức cho trẻ bằng cách nâng cao hiểu biết, định hướng, tổ chức các hoạt động phù hợp. Nghĩa là trẻ mới chính là người đọc quyền sách này đầu tiên, trẻ phải hứng thú khám phá từng nội dung, tích cực thực hiện các hoạt động dưới sự hỗ trợ của người lớn. Đồng thời, điều này cũng tránh nguy cơ nhồi nhét kiến thức cho người học. Tôn trọng, lắng nghe, cùng chia sẻ và phản hồi cho người học là những nguyên tắc cơ bản nhất để hình thành được tính độc lập, phát triển nhu cầu tự khám phá ở chính bản thân họ. Nguyên tắc này yêu cầu sách cần biên soạn nội dung lẫn hình thức một cách hấp dẫn, đơn giản nhưng tinh tế để lôi cuốn được người học tự đọc, tự thực hiện dưới sự giúp sức của người lớn và trải nghiệm đích thực là yêu cầu cần đảm bảo.

1.2.5. Tạo ra hệ sinh thái để trải nghiệm, thực hành, rèn luyện và vận dụng các giá trị sống, giá trị đạo đức, kĩ năng sống, kiến thức về giáo dục công dân, giáo dục kinh tế pháp luật

Các chủ đề trong sách Đạo đức được cấu trúc xoay quanh hoạt động của con người, của HS trong hiện thực và tương lai. Cụ thể đó là các mối quan hệ với bản thân, với người khác, với gia đình và nhà trường, với công việc, với cộng đồng, đất nước và nhân loại, với môi trường tự nhiên; được xây dựng trên cơ sở kết hợp các giá trị truyền thống và hiện đại, xoay quanh các trục giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng dân tộc và giá trị toàn cầu; được xuyên suốt, mở rộng và nâng cao dần từ tiểu học, trung học cơ sở đến trung học phổ thông. Trong đó, ở tiểu học, đảm bảo trẻ phải rung cảm được với những giá trị tốt đẹp và đậm chất nhân văn trong cuộc sống, trẻ biết được những giá trị đạo đức, chuẩn mực lối sống hiện đại – nhân văn cần tuân thủ, HS bước đầu hiểu được ở mức độ đơn giản (theo thang đo Bloom) những yêu cầu về giá trị sống cần hướng đến cũng như thực hiện một số hành vi tương thích theo định hướng và dần hình thành thói quen tích cực nếu được rèn luyện thường xuyên. Vì thế giá trị sống, giá trị đạo đức, kĩ năng sống, kiến thức về giáo dục công dân, giáo dục kinh tế pháp luật phải có hệ sinh thái để HS trải nghiệm, thực hành và vận dụng.

Việc tạo điều kiện cho HS trải nghiệm lại các tình huống gần gũi trong cuộc sống hay chính HS chia sẻ lại những trải nghiệm cá nhân là một tác động tích cực để HS nhận thức đúng đắn và hình thành tình cảm, thái độ một cách sâu sắc. Từ đó, HS biết cách tiếp nhận từ hiện thực khách quan những điều tích cực và có khả năng nhận diện, phòng chống những điều tiêu cực để bảo vệ và phát triển bản thân. Hệ sinh thái được đề cập ở đây đầu tiên chính là mạch nội dung liên môn, hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông mới cần đảm bảo được xem xét, khai thác. Thứ đến, việc xây dựng và khai thác hệ sinh thái thể hiện ở yêu cầu tạo ra các hoạt động gắn với đời sống của HS tiểu học dưới hình thức mô phỏng và giả định. Hơn thế, các yêu cầu kể chuyện, đóng vai, chia sẻ kinh nghiệm, ứng dụng thực tiễn cũng là gợi mở về hệ sinh thái để giá trị sống, giá trị đạo đức, kĩ năng sống, kiến thức về giáo dục công dân, giáo dục kinh tế pháp luật được rèn luyện thông qua môn Đạo đức. Điều cần nhấn mạnh là, các hoạt động sẽ gợi mở cho HS tiểu học gắn kết giữa trường học với gia đình, với thực tiễn cuộc sống của bản thân để có thể học tập môn học một cách hiệu quả.

1.2.6. Tạo ra cơ hội mở để HS kết nối với hoạt động trải nghiệm như một hoạt động giáo dục cũng như mở rộng và khai thác hoạt động trải nghiệm trong môn học Đạo đức

Chương trình giáo dục phổ thông mới bao gồm các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó hoạt động trải nghiệm là một trong những đặc trưng thú vị. Hoạt động trải nghiệm vừa là hoạt động giáo dục đặc thù có yêu cầu cần đạt, mạch chủ đề, nội dung riêng. Nhưng hoạt động trải nghiệm là hình thức trong các môn học mà môn Đạo đức cũng không ngoại lệ. Với môn Đạo đức, hoạt động trải nghiệm được khai thác tích cực ở hoạt động khám phá và vận dụng. Dưới các hình thức trải nghiệm cụ thể, HS tiểu học học môn Đạo đức theo các chủ đề, bài học với phần trải nghiệm ở hoạt động khám phá để các cảm xúc và các biểu tượng hình thành một cách tự nhiên. Ngoài ra, phần vận dụng với các hoạt động kết nối, với sự đầu tư về ý tưởng, thời gian của HS với sự giúp sức của gia đình và thầy cô để HS tiểu học có thể trải nghiệm là cơ hội quan trọng để HS kết nối với hoạt động trải nghiệm như một hoạt động giáo dục cũng như mở rộng và khai thác hoạt động trải nghiệm trong môn học Đạo đức.

2. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

Mô hình cấu trúc SGK Cùng học để phát triển năng lực là mô hình hoạt động. Điều này phù hợp Thông tư 33 được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (Phụ lục 2).

2.1. Cấu trúc sách

– Cấu trúc sách bao gồm các mục cơ bản như sau:

- + Mục lục
- + Lời nói đầu
- + Kí hiệu hoạt động dùng trong sách
- + Các nội dung cơ bản: Giáo dục đạo đức, Giáo dục kĩ năng sống, Giáo dục kinh tế, Giáo dục pháp luật.
- + Bảng giải thích thuật ngữ

- Các chủ đề trong sách *Đạo đức 1* bao gồm:
- + Yêu thương gia đình
- + Quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình
- + Tự giác làm việc của mình
- + Thật thà
- + Sinh hoạt nền nếp
- + Thực hiện nội quy trường, lớp
- + Tự chăm sóc bản thân
- + Phòng, tránh tai nạn, thương tích.

Các chủ đề này về cơ bản minh chứng rõ sự phù hợp của nó theo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của SGK phát triển năng lực nói chung và SGK môn Đạo đức phát triển năng lực HS lớp 1 nói riêng.

Trong các chủ đề, có các bài cụ thể được khai thác từ ma trận phát triển năng lực, phẩm chất kết nối với sự phân tích về nội dung và các yêu cầu cần đạt. Các bài cụ thể này một mặt phải bám sát yêu cầu cần đạt, mặt khác đảm bảo vừa độc lập, vừa giao thoa bởi cùng tồn tại trong một chủ đề. Cần lưu ý thêm với các bài có liên quan Giáo dục kĩ năng sống, cần phân tích hay chẻ nhỏ các bài sao cho đảm bảo đúng tinh thần giáo dục kĩ năng sống. Không thể có một bài hình thành trọn vẹn kĩ năng sống nào. Cũng không thể chia cắt các phần trong bài học Giáo dục kĩ năng sống chi tiết kiểu thao tác hoá logic về nội dung. Cụ thể ở sách *Đạo đức 1*, việc triển khai chủ đề Giáo dục kĩ năng sống: Phòng, tránh tai nạn, thương tích không được phép tiếp cận các loại tai nạn thương tích hay các hình thức, các kiểu... hoặc bối cảnh xảy ra tai nạn ở nhà, ở trường, ở xã hội bởi điều này vi phạm nguyên tắc dạy học tích hợp và tính nhân văn trong giáo dục. Cái lõi của kĩ năng Phòng, tránh tai nạn, thương tích cần được phân tích theo hướng lõi của kĩ năng: nhận diện, phòng tránh kết nối với các thao tác cụ thể hay các kĩ năng thành phần.

Đơn cử như các bài cụ thể trong sách Đạo đức dành cho lớp 1 như sau:

Nội dung	Chủ đề	Bài học
Giáo dục đạo đức	Yêu thương gia đình	Em yêu gia đình
	Quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình	Em quan tâm và chăm sóc người thân
		Em giúp người thân việc nhà
	Tự giác làm việc của mình	Em tự giác làm việc của mình
		Em tự giác học tập
	Thật thà	Em là người thật thà
	Sinh hoạt nền nếp	Em sinh hoạt nền nếp
	Thực hiện nội quy trường, lớp	Em thực hiện tốt nội quy trường, lớp

Giáo dục kĩ năng sống	Tự chăm sóc bản thân	Em tự vệ sinh cá nhân
		Em tự chăm sóc bản thân
	Phòng, tránh tai nạn, thương tích	Em nhận biết tình huống nguy hiểm
		Em phòng, tránh tai nạn, thương tích

2.2. Cấu trúc chủ đề, bài

2.2.1. Cấu trúc một chủ đề

Cấu trúc một chủ đề ở sách Đạo đức bao gồm tên chủ đề, sau đó là nội dung cụ thể của chủ đề đó chính là tên từng bài và các nội dung cụ thể trong từng bài. Ở đây, trong sách Đạo đức, yêu cầu cần đạt là yếu tố chỉ đạo. Các hoạt động của chủ đề sẽ được biên soạn cụ thể qua các bài học trong chủ đề. Trong từng chủ đề, sẽ có số lượng bài học khác nhau. Có những chủ đề sẽ bao gồm 1 bài duy nhất, cũng có chủ đề, có 2 bài được thiết kế, khai thác.

Có thể nêu một vài chủ đề đặc trưng ở sách Đạo đức lớp 1 như sau:

Chủ đề	Phẩm chất	Mục đích
Yêu thương gia đình	Yêu nước	Nhận biết được người thân trong gia đình phải yêu thương nhau. Nêu được những biểu hiện của sự yêu thương, chăm sóc của gia đình với bản thân mình.
	Nhân ái	Thể hiện được tình yêu thương với người thân trong gia đình bằng những hành vi ứng xử phù hợp lứa tuổi như: quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình; vâng lời cha, mẹ, anh, chị; hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; nhường nhịn em nhỏ.
Thật thà	Trung thực	Nhận biết được sự cần thiết phải thật thà. Nêu được một số biểu hiện của tính thật thà. Thực hiện được lời nói và việc làm thật thà như: không nói dối; không tham lam khi nhận được của rơi.
Tự giác làm việc của mình	Chăm chỉ	Nhận biết được lợi ích của việc tự giác làm việc của mình. Thực hiện được hành động tự giác làm việc của mình ở nhà, ở trường như: tự giác học tập, tự giác làm việc nhà.
Sinh hoạt nề nếp	Trách nhiệm	Nêu được một số biểu hiện của sinh hoạt nề nếp. Nhận biết được lợi ích của việc sinh hoạt nề nếp. Thực hiện được thói quen sinh hoạt nề nếp như: gọn gàng, ngăn nắp; học tập, sinh hoạt đúng giờ; giao tiếp lễ độ, lịch sự.

2.2.2. Cấu trúc một bài học

Cấu trúc một bài học theo mô hình hoạt động đòi hỏi phải tiếp cận từ hoạt động của người học chứ không phải là của người dạy. Cấu trúc này bám sát yêu cầu HS tiểu học phải làm gì, làm được gì trong bài học và sẽ làm gì sau bài học này... Tất cả đều được chọn lọc cẩn trọng dựa trên yêu cầu cần đạt và các yêu cầu về hình thức hoạt động phù hợp với lứa tuổi và đặc trưng của môn học Đạo đức. Tất nhiên, cấu trúc bài học này cũng vẫn linh hoạt theo định hướng người học có thể làm chủ và thực hiện nó một cách tích cực, hiệu quả.

Cấu trúc một bài học gồm có:

– Hoạt động khởi động

HS tiếp cận nội dung chủ đề, tạo hứng thú học tập. Khởi động được thực hiện qua hình thức vui chơi, bài hát, đặt câu hỏi định hướng vào chủ đề.

CHỦ ĐỀ
1

YÊU THƯƠNG GIA ĐÌNH

BÀI 1. EM YÊU GIA ĐÌNH

1 Em hãy hát một bài hát về gia đình.

1



Ba ngọn nến lung linh

Sáng tác: Ngọc Lễ

2



Cả nhà thương nhau

Sáng tác: Phan Văn Minh

3



Cháu yêu bà

Sáng tác: Xuân Giao

4



Gia đình nhỏ, hạnh phúc to

Sáng tác: Nguyễn Văn Chung

4

– Hoạt động khám phá

HS quan sát hình ảnh trong sách và liên hệ thực tế, chủ động tìm hiểu, cùng bạn phát hiện tri thức qua việc trả lời, trao đổi, thảo luận trên lớp theo câu hỏi gợi ý về nội dung bài học.

2 Em hãy kể chuyện theo tranh và trả lời câu hỏi.

Món quà tặng mẹ



(Huân Nguyễn)

- Thỏ con tặng mẹ quà gì?
- Thỏ con nói gì khi tặng quà cho mẹ?
- Thỏ mẹ cảm thấy thế nào khi nhận được quà?

– Hoạt động luyện tập

HS thực hiện hành động; củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng dựa trên hiểu biết sau khi đã khám phá nội dung của chủ đề.

5 Em sẽ làm gì trong các tình huống sau?

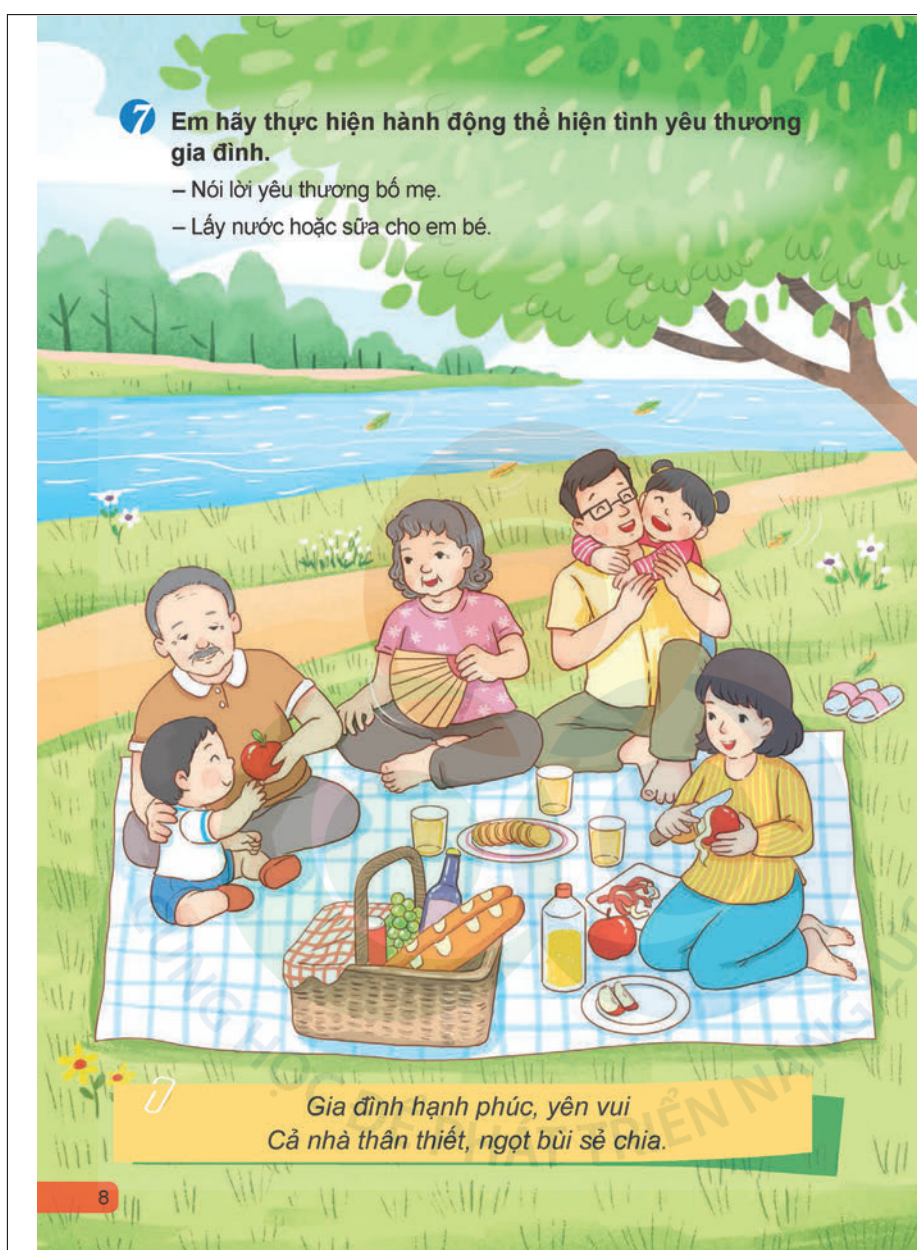


6 Em hãy thể hiện tình yêu gia đình của em.



– Hoạt động vận dụng

HS áp dụng kiến thức, kĩ năng đã biết vào cuộc sống và định hướng phát triển bản thân.



2.2.3. Cấu trúc mỗi bài học trong SGK

Cấu trúc mỗi bài học trong SGK gồm có:

- Mục tiêu
- Tổ chức hoạt động khởi động
- Tổ chức hoạt động khám phá
- Tổ chức hoạt động luyện tập
- Tổ chức hoạt động vận dụng

Minh hoạ cụ thể:

CHỦ ĐỀ

3

TỰ LÀM VIỆC CỦA MÌNH

BÀI 4. EM TỰ GIÁC LÀM VIỆC CỦA MÌNH

(3 tiết)

MỤC TIÊU

- Em nhận biết được vì sao cần tự giác làm việc của mình
- Em hiểu được ý nghĩa của việc tự giác làm việc của bản thân
- Em thực hiện các hành động tự giác của bản thân trong cuộc sống

CHỦ ĐỀ

3

TỰ GIÁC LÀM VIỆC CỦA MÌNH

BÀI 4. EM TỰ GIÁC LÀM VIỆC CỦA MÌNH

1 Em hãy vẽ tay cho hành động mình có thể tự làm.



2 Em hãy kể chuyện theo tranh và trả lời câu hỏi.

Lộn con ham chơi



Con đi đâu học nào?

Mẹ mặc áo cho con nhé!

Con đi chơi đây!

Chào cô giáo!

Cháu hay quên sách vở ư?

– Lộn con không tự giác làm việc gì?

– Lộn con cảm thấy thế nào khi cô giáo nói chuyện với mẹ?

3 Em hãy tìm hành động có thể tự giác làm.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1. Em hãy vẽ tay cho hành động mình có thể tự làm.

Mục tiêu: Tạo không khí tích cực trong lớp học.

Cách tổ chức: Hoạt động cá nhân.

- GV hướng dẫn HS quan sát tranh và gọi được tên hành động mà bức tranh mô tả.
- GV yêu cầu HS vẽ tay trước những hành động em có thể tự làm.
- GV tuyên dương những HS có thể tự làm việc vừa sức với mình.

Câu hỏi mở rộng: Em còn có thể tự làm được những việc gì khác?

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

Hoạt động 2. Em hãy kể chuyện theo tranh và trả lời câu hỏi.

Mục tiêu: Giúp HS hiểu được ý nghĩa của việc tự làm việc của mình.

Cách tổ chức: Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu sơ lược về nội dung câu chuyện. Sau đó, có thể tổ chức cho học sinh kể lại câu chuyện bằng một trong hai cách sau:

Cách 1: Tổ chức kể chuyện theo tranh.

GV trình chiếu những hình ảnh của câu chuyện và kể chuyện theo tranh.

GV đặt câu hỏi thảo luận theo câu hỏi ở trang 18 SHS cho nhóm.

Mời đại diện nhóm phát biểu.

GV nhận xét, chốt ý.

Cách 2: Tổ chức hoạt động nhóm đóng vai câu chuyện.

GV hướng dẫn HS đóng vai tình huống.

GV mời 3 HS xung phong đóng vai các nhân vật trong câu chuyện.

1 HS làm người dẫn chuyện.

GV đặt câu hỏi thảo luận theo câu hỏi ở trang 18 SHS cho nhóm.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động 4. Em hãy cho các bạn trong tranh chưa tự giác làm việc gì.

Mục tiêu: Giúp HS trải nghiệm để hình thành thái độ, suy nghĩ đúng đắn về những việc em có thể tự thực hiện.

Cách tổ chức: Hoạt động cặp đôi.

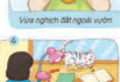
- Có thể chia cặp đôi bằng một trong những cách sau: chia theo vị trí ngồi, chia ngẫu nhiên, chia bằng dấu hiệu (danh số, giấy màu, mẫu hình).
- Hướng dẫn HS quan sát tranh thật kĩ. Có thể đưa ra câu hỏi gợi ý để hỗ trợ HS quan sát đúng đích. Ví dụ: ở tranh 1 "Sau khi đi chơi về, đầu tiên các em cần làm gì?"...
- Cho thời gian HS thảo luận, trao đổi và đưa ra đáp án.
- Mời một vài cặp xung phong phát biểu đáp án.
- GV có thể yêu cầu HS nói về những việc các em đã có thể tự làm, cũng có thể hỏi thêm về cảm xúc của các em khi tự hoàn thành việc của mình để khởi động cho tiết học mới.

Em hãy cho biết các bạn trong tranh chưa tự giác làm việc gì.

– Vì sao em phải tự giác làm việc của mình?

– Em cần tự giác làm những việc gì?

1 Em hãy cho biết các bạn trong tranh chưa tự giác làm việc gì.



Đi đá bóng về

Vừa nghịch đất ngoài vườn

Quên áo không gọn gàng

Bàn học bụi bặm

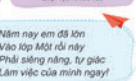
2 Em hãy kể cho thầy, cô giáo và các bạn nghe:

– 3 việc em đã tự giác làm khi ở nhà.

– 3 việc em đã tự giác làm khi ở trường.

– Em cảm thấy thế nào khi thực hiện tốt những việc đó?

Em cần tự giác làm gì trong tình huống sau?



Đến, quên chưa tắt sau giờ học

Lộp học nhiều rác

Năm nay em đã lớn
Vào lớp Một rồi này
Phải siêng năng, tự giác
Làm việc của mình ngay!

Hành động 6. Em cần tự giác làm gì trong tình huống sau?

Mục tiêu: Giúp HS luyện tập những việc em có thể tự giác làm.

Cách tổ chức: Hoạt động nhóm.

- Hướng dẫn HS quan sát kĩ và thảo luận về tình huống.
- Nhận xét hành động đó đúng hay sai và đưa ra hướng giải quyết phù hợp cho từng tình huống.
- Mời đại diện nhóm phát biểu.
- Có thể mời HS đóng vai theo từng tình huống.
- GV nhận xét và động viên HS thực hiện các hành động tự giác.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hành động 5. Em hãy kể cho thầy, cô giáo và các bạn nghe:

- 3 việc em đã tự giác làm khi ở nhà.
- 3 việc em đã tự giác làm khi ở trường.

146

3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Hiện nay, có khá nhiều phương pháp dạy học mới, chú trọng và có ưu thế trong việc phát triển năng lực người học. Có thể kể đến hai phương pháp dạy học tiêu biểu là dạy học giải quyết vấn đề và dạy học theo tình huống. Và trong khi tổ chức môn học Đạo đức, hai phương pháp này có thể áp dụng một cách khá hữu hiệu.

Dạy học giải quyết vấn đề (dạy học nêu vấn đề, dạy học nhận biết và giải quyết vấn đề) là phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực tư duy, khả năng nhận biết và giải quyết vấn đề. Học được đặt trong một tình huống có vấn đề, đó là tình huống chứa đựng mâu thuẫn nhận thức, thông qua việc giải quyết vấn đề, giúp HS lĩnh hội tri thức, kĩ năng và phương pháp nhận thức. Dạy học giải quyết vấn đề là con đường cơ bản để phát huy tính tích cực nhận thức của HS, có thể áp dụng trong nhiều hình thức dạy học với những mức độ tự lực khác nhau của HS. Các tình huống có vấn đề là những tình huống khoa học chuyên môn, cũng có thể là những tình huống gắn với thực tiễn. Trong thực tiễn dạy học hiện nay, dạy học giải quyết vấn đề thường chú ý đến những vấn đề khoa học chuyên môn mà ít chú ý hơn đến các vấn đề gắn với thực tiễn. Tuy nhiên, nếu chỉ chú trọng việc giải quyết các vấn đề nhận thức trong khoa học chuyên môn thì HS vẫn chưa được chuẩn bị tốt cho việc giải quyết các tình huống thực tiễn. Vì vậy bên cạnh dạy học giải quyết vấn đề, lý luận dạy học còn xây dựng quan điểm dạy học theo tình huống.

Dạy học theo tình huống là phương pháp dạy học, trong đó việc dạy học được tổ chức theo một chủ đề phức hợp gắn với các tình huống thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp. Quá trình học tập được tổ chức trong một môi trường học tập tạo điều kiện cho HS kiến tạo tri thức cá nhân và trong mối tương tác xã hội của việc học tập. Các chủ đề dạy học phức hợp là những chủ đề có nội dung liên quan đến nhiều môn học hoặc lĩnh vực tri thức khác nhau, gắn với thực tiễn. Trong nhà trường, các môn học được phân theo các môn khoa học chuyên môn, còn cuộc sống thì luôn diễn ra trong những mối quan hệ phức hợp. Vì vậy sử dụng các chủ đề dạy học phức hợp góp phần khắc phục tình trạng xa rời thực tiễn của các môn khoa học chuyên môn, rèn luyện cho HS năng lực giải quyết các vấn đề phức hợp, liên môn. Phương pháp nghiên cứu trường hợp là một phương pháp dạy học điển hình của dạy học theo tình huống, trong đó HS tự lực giải quyết một tình huống điển hình, gắn với thực tiễn thông qua làm việc nhóm. Vận dụng dạy học theo các tình huống gắn với thực tiễn là con đường quan trọng để gắn việc đào tạo trong nhà trường với thực tiễn đời sống, góp phần khắc phục tình trạng giáo dục hàn lâm, xa rời thực tiễn hiện nay của nhà trường phổ thông. Tuy nhiên, nếu chỉ giải quyết các vấn đề trong phòng học lí thuyết thì HS cũng chưa có hoạt động thực tiễn thực sự, chưa có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành để hình thành các giá trị sống một cách tích cực.

Phương tiện dạy học có vai trò quan trọng trong việc đổi mới phương pháp dạy học, nhằm tăng cường tính trực quan và thí nghiệm, thực hành trong dạy học. Hiện nay, việc trang bị các phương tiện dạy học mới cho các trường phổ thông từng bước được tăng cường. Tuy nhiên các phương tiện dạy học tự làm của GV luôn có ý nghĩa quan trọng, cần được phát huy. Đa phương tiện và công nghệ thông tin vừa là nội dung dạy học vừa là phương tiện dạy học trong dạy học hiện đại. Bên cạnh việc sử dụng đa phương tiện như một phương tiện trình diễn, cần tăng cường sử dụng các phần mềm dạy học cũng như các phương pháp dạy học sử dụng mạng điện tử (E-Learning), mạng trường học kết nối. Việc tổ chức dạy học môn Đạo đức có thể tiến hành dựa trên khai thác các video clip, nguồn học liệu mở tương thích để từ đó có cơ hội cho HS trải nghiệm.

Kĩ thuật dạy học là những cách thức hành động của của GV và HS trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học. Các kĩ thuật dạy học là những đơn vị nhỏ nhất của phương pháp dạy học. Có những kĩ thuật dạy học chung, có những kĩ thuật đặc thù của từng phương pháp dạy học, ví dụ kĩ thuật đặt câu hỏi trong đàm thoại. Mỗi PPDH bao gồm nhiều kĩ thuật dạy học hay một hai kĩ thuật dạy học cơ bản. Điều dễ nhận thấy là để nâng cao năng lực dạy học đúng nghĩa thì việc rèn luyện hay bồi dưỡng, thực hành kĩ thuật dạy học minh chứng tính hiệu quả đặc biệt của nó trong thực tiễn đào tạo và bồi dưỡng GV.

Ngày nay, người ta chú trọng phát triển và sử dụng các kĩ thuật dạy học phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học như “động não”, “tia chớp”, “bể cá”, bản đồ tư duy... Các kĩ thuật dạy học này tỏ ra rất phù hợp với HS tiểu học cũng như phù hợp với yêu cầu khi tổ chức các hoạt động trong môn Đạo đức. Đây cũng là một yêu cầu cần đáp ứng nếu GV muốn tổ chức thật hiệu quả môn Đạo đức trong quá trình dạy học cho HS tiểu học sẽ được trình bày chi tiết và cụ thể.

Có thể tham khảo một kế hoạch dạy học môn Đạo đức như sau:

CẤU TRÚC KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC (THAM KHẢO)

KẾ HOẠCH DẠY HỌC

Chủ đề/ bài học:

Thời lượng: tiết

I. MỤC TIÊU

1. Phẩm chất chủ yếu (được xác định thông qua các hoạt động của người học: với môn học gọi là HĐ học)
2. Năng lực chung (xác định đúng NL được thực hiện ở hoạt động của người học, không ôm đồm hay quá dàn trải)
3. Năng lực đặc thù (căn cứ vào các yêu cầu cần đạt của cấp lớp ở môn/HĐGD và biểu hiện của các NL thành phần).

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

– HS

– GV

III. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

1. Ma trận: Hoạt động của người học (thời gian), phẩm chất, năng lực, nội dung, cách thức đánh giá, Phương pháp và Kỹ thuật

Hoạt động của người học (dự kiến thời gian)	Phẩm chất chủ yếu	Năng lực chung	Năng lực đặc thù	Nội dung	Cách thức / tiêu chí đánh giá	Phương pháp và kỹ thuật
Hoạt động 1 (15 phút)	1.TT		6.HH_1.2			
Hoạt động 2 (... phút)	2.TN_3	3.GT_HT_4	7.HH_2.2			
Hoạt động 3 (... phút)			8.HH_3.1			
...						

2. Các hoạt động của người học (Các hoạt động của người học nhằm đạt đến các mục tiêu đã xác định ở trên. Mỗi mục tiêu cụ thể cần thiết kế ít nhất 1 hoạt động để HS thực hiện. Cần định hướng những gì HS làm được, thái độ của HS, ... qua việc tham gia hoạt động nhằm xác định người học đã đạt được mục tiêu)

Cấu trúc của một hoạt động của người học nên bao gồm:

Hoạt động (tên hoặc kí hiệu hoạt động)
- Mục tiêu (mục tiêu của hoạt động chính là một hoặc một số mục tiêu đã được mã hoá ở mục I. Nên trình bày Mục tiêu hoạt động: mục tiêu đã được mã hoá. Chẳng hạn “Mục tiêu hoạt động 1: 5.HH_1.3; 6.HH_1.6”.)
- Yêu cầu của hoạt động
- Thời gian
- Cách thức
- Phương tiện
- Dự kiến sản phẩm hoạt động
- Dự kiến đánh giá (theo mức độ đạt được mục tiêu, cách thức)

Gợi ý thông tin:

Phần III: Gọi là “Các hoạt động của người học” nhằm nhấn mạnh tổ chức hoạt động dạy học (hay hoạt động giáo dục) phát triển năng lực trên cơ sở hoạt động của người học. Người học là nhân vật trung tâm, là người làm việc chủ động, tích cực từ tiếp cận đến triển khai, tạo ra sản phẩm...

GV chủ yếu đóng vai trò dẫn dắt hoạt động, tổng kết hoạt động. Chỉ khai thác HĐ của GV dưới dạng tổ chức, đánh giá, tham gia như một thành viên trong lớp khi cần thiết.

Có thể tham khảo thêm phần gợi ý cụ thể ở sách GV để khảo sát rõ hơn phần khung lí thuyết về kế hoạch dạy học đã trình bày ở trên.

CHỦ ĐỀ 3 TỰ LÀM VIỆC CỦA MÌNH BÀI 4. EM TỰ GIÁC LÀM VIỆC CỦA MÌNH (3 tiết) MỤC TIÊU - Em nhận biết được vì sao cần tự giác làm việc của mình - Em hiểu được ý nghĩa của việc tự giác làm việc của bản thân - Em thực hiện các hành động tự giác của bản thân trong cuộc sống TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG Hoạt động 1. Em hãy vẽ tay cho hành động mình có thể tự làm. Mục tiêu: Tạo không khí tích cực trong lớp học. Cách tổ chức: Hoạt động cá nhân. GV hướng dẫn HS quan sát tranh và gọi được tên hành động mà bức tranh mô tả. GV yêu cầu HS vẽ tay trước những hành động em có thể tự làm. GV tuyên dương những HS có thể tự làm việc vừa sức với mình. 24	CHỦ ĐỀ 3 TỰ GIÁC LÀM VIỆC CỦA MÌNH BÀI 4. EM TỰ GIÁC LÀM VIỆC CỦA MÌNH 1 Em hãy vẽ tay cho hành động mình có thể tự làm. 1 Em đang rửa tay. 2 Em đang ăn cơm. 3 Em đang đi ngủ. 4 Em đang tắm. Câu hỏi mở rộng: Em còn có thể tự làm được những việc gì khác? TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ Hoạt động 2. Em hãy kể chuyện theo tranh và trả lời câu hỏi. Mục tiêu: Giúp HS hiểu được ý nghĩa của việc tự làm việc của mình. Cách tổ chức: Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu sơ lược về nội dung câu chuyện. Sau đó, có thể tổ chức cho học sinh kể lại câu chuyện bằng một trong hai cách sau: Cách 1: Tổ chức kể chuyện theo tranh. 2 Em hãy kể chuyện theo tranh và trả lời câu hỏi. Lưu ý học sinh chú ý 1 Con ơi dậy đi học nào! Đậy nắp áo cho con nhé! Con đi chơi đi! Chào cô giáo. Cháu hay quên sách vở à? (Như Nguyễn) – Lợn con không tự giác làm việc gì? – Lợn con cảm thấy thế nào khi cô giáo nói chuyện với mẹ? 3 Em hãy tìm hành động có thể tự giác làm. 1 Em đang dọn dẹp phòng. 2 Em đang tưới cây. – GV trình chiếu những hình ảnh của câu chuyện và kể chuyện theo tranh. – GV đặt câu hỏi thảo luận theo câu hỏi ở trang 18 SHS cho nhóm. – Mời đại diện nhóm phát biểu. Cách 2: Tổ chức hoạt động nhóm đóng vai câu chuyện. – GV hướng dẫn HS đóng vai tình huống. – GV mời 3 HS xung phong đóng vai các nhân vật trong câu chuyện. – 1 HS làm người dẫn chuyện. – GV đặt câu hỏi thảo luận theo câu hỏi ở trang 18 SHS cho nhóm. 25
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP Hoạt động 4. Em hãy cho các bạn trong tranh chưa tự giác làm việc gì. Mục tiêu: Giúp HS tự trải nghiệm để hình thành thái độ, suy nghĩ đúng đắn về những việc em có thể tự thực hiện. Cách tổ chức: Hoạt động cặp đôi. Có thể chia cặp đôi bằng một trong những cách sau: chia theo vị trí ngồi, chia ngẫu nhiên, chia bằng đầu hiệu (đánh số, giấy màu, mẫu hình). Hướng dẫn HS quan sát tranh thật kĩ. Có thể đưa ra câu hỏi gợi ý để hỗ trợ HS quan sát đúng đích. Ví dụ: ở tranh 1 "Sau khi đi chơi về, đầu tiên các em cần làm gì?"... Cho thời gian HS thảo luận, trao đổi và đưa ra đáp án. Mời một vài cặp xung phong phát biểu đáp án. GV có thể yêu cầu HS nói về những việc các em đã có thể tự làm, cũng có thể hỏi thêm về cảm xúc của các em khi tự hoàn thành việc của mình để khởi động cho tiết học mới. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG Hành động 5. Em hãy kể cho thầy, cô giáo và các bạn nghe: – 3 việc em đã tự giác làm khi ở nhà. – 3 việc em đã tự giác làm khi ở trường. – Em cảm thấy thế nào khi thực hiện tốt những việc đó? 1 Em hãy kể cho thầy, cô giáo và các bạn nghe: – 3 việc em đã tự giác làm khi ở nhà. – 3 việc em đã tự giác làm khi ở trường. – Em cảm thấy thế nào khi thực hiện tốt những việc đó? 2 Em cần tự giác làm gì trong tình huống sau? Đến, quét sạch lát sau giờ học. Lập học nhiều các. Năm nay em đã lớn Vào lớp Một rồi này Phải sống năng, tự giác Làm việc của mình ngay! 26	Em hãy kể cho thầy, cô giáo và các bạn nghe: – 3 việc em đã tự giác làm khi ở nhà. – 3 việc em đã tự giác làm khi ở trường. – Em cảm thấy thế nào khi thực hiện tốt những việc đó? 1 Em hãy kể cho thầy, cô giáo và các bạn nghe: – 3 việc em đã tự giác làm khi ở nhà. – 3 việc em đã tự giác làm khi ở trường. – Em cảm thấy thế nào khi thực hiện tốt những việc đó? 2 Em cần tự giác làm gì trong tình huống sau? Đến, quét sạch lát sau giờ học. Lập học nhiều các. Năm nay em đã lớn Vào lớp Một rồi này Phải sống năng, tự giác Làm việc của mình ngay! Hành động 6. Em cần tự giác làm gì trong tình huống sau? Mục tiêu: Giúp HS luyện tập những việc em có thể tự giác làm. Cách tổ chức: Hoạt động nhóm. Hướng dẫn HS quan sát kĩ và thảo luận về tình huống. Nhận xét hành động đó đúng hay sai và đưa ra hướng giải quyết phù hợp cho từng tình huống. Mời đại diện nhóm phát biểu. Có thể mời HS đóng vai theo từng tình huống. GV nhận xét và động viên HS thực hiện các hành động đúng tự giác. 27

4. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 1

4.1. Kiểm tra, đánh giá năng lực và bước đầu đánh giá về các biểu hiện của phẩm chất trong môn Đạo đức

Đánh giá kết quả giáo dục là đánh giá mức độ đạt được của HS về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học nhằm xác định vị trí và ghi nhận sự tiến bộ của mỗi HS tại thời điểm nhất định trong quá trình phát triển của bản thân; đồng thời cung cấp thông tin để GV điều chỉnh việc dạy học và cơ quan quản lý giáo dục thực hiện phát triển chương trình. Đánh giá kết quả giáo dục trong môn Đạo đức phải bảo đảm các yêu cầu sau:

1. Kết hợp đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập (bài kiểm tra dưới dạng trắc nghiệm, vấn đáp hoặc tự luận, bài tập thực hành, bài tiểu luận, bài thuyết trình, bài tập, dự án thực hành - khám phá,...) với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, tập thể hay cộng đồng và trong sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày.

Chú trọng sử dụng các bài tập xử lý tình huống trong môn học Đạo đức được xây dựng trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với thực tiễn đời sống, đặc biệt là những tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với HS. Tăng cường các câu hỏi mở gắn với thực tiễn trong các bài tập kiểm tra, đánh giá để HS được thể hiện phẩm chất và năng lực.

Việc đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia vào các hoạt động học tập, sinh hoạt ở trường, ở nhà và ở cộng đồng cần dựa trên phiếu nhận xét của GV, HS, gia đình hoặc các tổ chức xã hội gắn chặt với các giá trị đạo đức, kĩ năng sống để HS thể hiện mình một cách tự nhiên và thoải mái nhất.

2. Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của phụ huynh HS và đánh giá của cộng đồng, trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của HS trong môn học Đạo đức là tiêu chí quan trọng.

3. Kết quả đánh giá sau mỗi học kì và cả năm học đối với mỗi HS là kết quả tổng hợp đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng được khai thác trong việc đánh giá HS khi học môn Đạo đức trong bộ tài liệu này.

4.2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá năng lực

– Từ ma trận phát triển năng lực được khai thác trong sách Đạo đức dành cho học HS tiểu học có những hình thức kiểm tra, đánh giá như sau:

+ Kiểm tra thường xuyên: thu thập thông tin về việc học tập của HS một cách liên tục trong lớp học thông qua bảng giao việc, bài tập về nhà, thử thách...

+ Kiểm tra định kì: xem xét kết quả học tập của HS theo thời điểm để xác định mỗi HS đã tiếp thu được gì sau mỗi bài học để từ đó có thể kịp thời bổ khuyết hay điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học những phần kế tiếp

+ Đánh giá bằng nhận xét: đưa ra những phân tích hoặc phán đoán về học lực hoặc hạnh kiểm của HS bằng cách quan sát hành vi hoặc sản phẩm học tập của HS theo những tiêu chí cho trước.

- Đơn cử như hoạt động 3, bài 5 *Em tự giác học tập* ở sách *Đạo đức 1*, cách tổ chức hoạt động cá nhân và đánh giá như sau:
- GV yêu cầu HS quan sát tranh.
- Mời HS phát biểu đáp án.
- GV đặt câu hỏi cho HS “Vì sao e phải tự tác trong học tập?”
- GV nhật xét và nhấn mạnh: Tự giác học tập giúp em làm chủ việc học của mình và gặt hái nhiều thành công trên con đường học vấn.

Như vậy, ở bài học Đạo đức, GV sẽ đánh giá thường xuyên các biểu hiện về năng lực và phẩm chất của HS. Mục tiêu cuối cùng ở yêu cầu cần đạt trong bài học sẽ được khai thác trong đánh giá như sau

- Thực hành được những yêu cầu cơ bản về phẩm chất và năng lực cần đạt trong bài học qua hoạt động thực hành
- Vận dụng được những yêu cầu cơ bản về phẩm chất và năng lực cần đạt qua các tình huống ứng xử giả định hay những tình huống trải nghiệm được kiểm tra có chủ đích
- Khai thác các ngữ liệu đánh giá khác qua đánh giá đồng đẳng, thông tin phản hồi từ bạn bè, phụ huynh để việc đánh giá trở nên toàn diện và khách quan.

Việc đánh giá thường xuyên trong từng bài sẽ được khai thác tiếp tục ở các hoạt động đánh giá chuyên biệt mà hình thức đánh giá cũng được sử dụng thông qua yêu cầu thực hành, xử lý các tình huống ở các tiết ôn tập – thực hành – kiểm tra.

5. HƯỚNG DẪN KHAI THÁC, SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ

5.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (HEID) – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cam kết sẽ đồng hành cùng với các cơ sở giáo dục, thầy cô giáo, phụ huynh và HS trong quá trình sử dụng bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực, thể hiện ở 6 nội dung sau:

- (1) Công ty cam kết thực hiện cơ chế hỗ trợ, phục vụ kịp thời, đầy đủ, đồng bộ SGK và tài liệu bổ trợ cho HS và GV.
- (2) Cam kết tổ chức tập huấn miễn phí cho toàn bộ cán bộ quản lý giáo dục, GV sử dụng SGK theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến do các Tổng Chủ biên, Chủ biên và tác giả đảm nhiệm.
- (3) Mỗi GV sẽ được cấp một tài khoản miễn phí để khai thác, sử dụng học liệu điện tử, bao gồm: sách điện tử, các bài giảng mẫu, thí nghiệm mô phỏng, hệ thống bài kiểm tra, đánh giá, kho tài liệu tham khảo,...
- (4) Công ty cam kết giúp các cơ sở giáo dục xây dựng phần mềm quản lý học tập, kết nối giữa nhà trường với phụ huynh HS.
- (5) Đặc biệt, hằng năm vào dịp hè, Công ty tổ chức mời GV cốt cán trong các môn có thực hành, thí nghiệm ở các địa phương về trung tâm thực nghiệm của Công ty để tập huấn về thực hành, thí nghiệm.
- (6) Ngay từ khi bộ sách hoàn thiện, Công ty đã thành lập bộ phận thường trực xử lý các vướng mắc, hỗ trợ các cơ sở giáo dục, các nhà trường, thầy cô giáo trong hành trình sử dụng bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực.

Tổng kê các học liệu điện tử đi kèm bộ SGK lớp 1:

STT	Môn học lớp 1	Học liệu điện tử						
		Sách Mềm – Vở bài tập	Sách Mềm – Tự kiểm tra, đánh giá	Tư liệu giảng dạy (Powerpoint)	Video bài giảng	Sách giáo viên (bản điện tử)	Sách Mềm – Sách giáo viên	Sách Mềm – Sách học sinh
1	Tiếng Việt	x	x	x	x	x	x	x
2	Toán	x	x	x	x	x	x	x
3	TN và XH	x	x	x	x	x	x	x
4	Đạo đức	x	x	x	x	x	x	x
5	Mĩ thuật	x		x	x	x	x	x
6	Âm nhạc		x	x	x	x	x	x
7	Hoạt động trải nghiệm		x	x	x	x	x	X
8	Giáo dục thể chất				x	x	x	x

5.2. Cách thức khai thác và hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên sách trong dạy học

Hiện nay, tại trang Web sgk.sachmem.vn đã có những tài liệu về bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực.

(a) Tài liệu về bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực:

- Những điều cần biết về bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực;
- Các bài Giới thiệu SGK gồm bản PowerPoint và Video cho mỗi môn học;
- Các bản Thuyết minh SGK cho mỗi môn học;
- SGK bản mềm cho mỗi môn học;
- Sách mềm – Vở bài tập (Chuyển thể từ VBT in sang dạng tương tác; đã có demo một số bài);
- Sách mềm – Tự kiểm tra đánh giá (đã có demo một số bài);
- SGV bản mềm cho mỗi môn học;
- SGV tương tác (bản demo sách mềm cho Toán 1, Tiếng Việt 1, Tự nhiên và Xã hội 1);
- PowerPoint hỗ trợ từng bài dạy (bản demo cho Toán 1, Tiếng Việt 1, Tự nhiên và Xã hội 1);
- Tài liệu tập huấn GV, kèm theo Một số video bài dạy mẫu gồm hai loại: không có PowerPoint hỗ trợ và có PowerPoint hỗ trợ, cho mỗi môn học.

Giáo viên, phụ huynh, học sinh có thể xem miễn phí các tài liệu trên trang Web đã nêu. Ngoài những tài liệu nêu trên, các tác giả sẽ cung cấp thêm những sản phẩm khác, nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu học tập tích cực của HS và giảng dạy hiệu quả của GV.

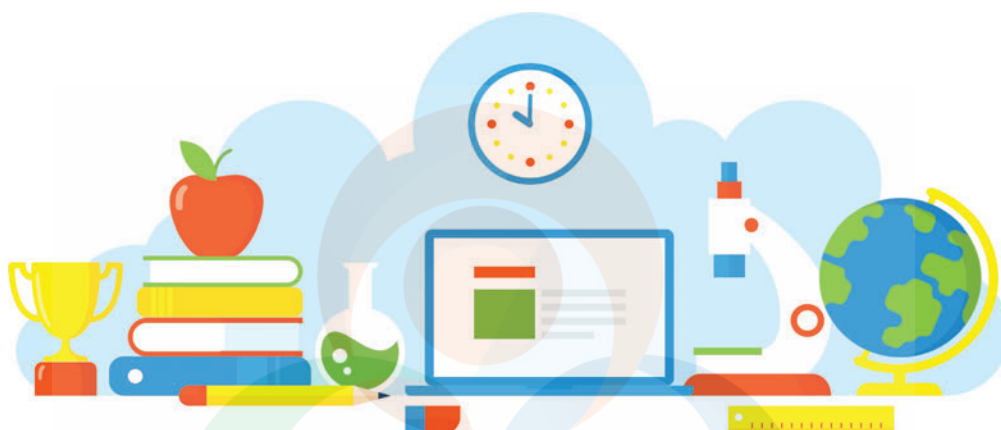
(b) Giáo viên, học sinh, phụ huynh sử dụng các tài nguyên này thế nào?

Một số gợi ý để GV sử dụng hiệu quả:

- Để nắm được các thông tin đầy đủ về cả bộ sách nói chung và môn học nói riêng, GV có thể xem “Những điều cần biết về bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực” và “Thuyết minh SGK môn học”.
- Để dạy học hiệu quả một môn học, GV nên:
 - + Đầu tiên, xem **SGK bản mềm** và **SGV bản mềm** để tìm hiểu sơ bộ và bước đầu cảm nhận về sách.
 - + Tiếp theo, xem bài **Giới thiệu, Tài liệu tập huấn** rồi đến các **video** và các học liệu hỗ trợ cho HS.
 - + Với Sách mềm – Tự kiểm tra đánh giá, GV có thể dùng để đánh giá HS, xác định rõ mỗi HS đang ở mức độ nào sau khi học xong mỗi bài học, từ đó có kế hoạch hướng dẫn lại cho HS còn chưa vững hoặc bồi dưỡng thêm cho HS có năng khiếu, tư chất tốt để ươm mầm tài năng.

– Một số gợi ý cho HS và phụ huynh HS:

- + HS sử dụng Sách mềm – Với bài tập tương tác sẽ thấy hấp dẫn hơn, hứng thú hơn VBT giấy. Hơn nữa sau khi thực hiện xong mỗi bài tập, HS được đánh giá ngay. Nếu HS quên kiến thức cơ bản thì đã có đường link tới video hướng dẫn lại kiến thức liên quan đến bài tập để HS ôn lại rồi tiếp tục làm bài tập.
- + HS sử dụng Sách mềm – Tự kiểm tra đánh giá để xem mình đã đạt mức độ nào (chưa đạt, thực hành cơ bản được, vận dụng đơn giản được, vận dụng sáng tạo) sau khi học xong mỗi bài học. Phụ huynh HS qua đó cũng biết rõ về tình hình của con em mình.



HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ

**Kèm theo sách giáo khoa ĐẠO ĐỨC 1
Cùng học để phát triển năng lực**

Truy cập trang mạng để xem minh họa trực tuyến: sgk.sachmem.vn

Giới thiệu

Sách Mềm là một hệ thống phần mềm kèm theo các học liệu điện tử được xây dựng nhằm mục đích giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập.

Học liệu điện tử kèm theo sách giáo khoa Đạo đức 1 Cùng học để phát triển năng lực là một phần trong hệ thống **Sách Mềm**. Trong giai đoạn đầu, Học liệu điện tử này có 7 sản phẩm chính như sau:

1. Sách giáo viên (bản điện tử)

Là phiên bản điện tử của sách giáo viên được đưa lên mạng internet giúp giáo viên dễ dàng tiếp cận, sử dụng.

2. Tư liệu giảng dạy (Powerpoint)

Là hệ thống các bài soạn điện tử Powerpoint được xây dựng bám sát theo nội dung sách giáo viên, sách giáo khoa kèm theo các hình ảnh, âm thanh, video, hiệu ứng tương tác:

- Góp phần đổi mới phương pháp dạy và học.
- Giúp giáo viên:
 - Giảm bớt thời gian, công sức chuẩn bị tư liệu bài giảng;
 - Có thêm công cụ, tư liệu trực quan, sinh động, hấp dẫn phục vụ việc giảng dạy;
 - Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào giảng dạy.



- Giúp học sinh:
 - Hứng thú tiếp thu bài học;
 - Dễ tiếp thu bài học;
 - Nâng cao hiệu quả học tập.

3. Video tiết học (minh họa)

Một số tiết học thực tế được quay phim và dựng thành video để làm tư liệu cho giáo viên tham khảo.

4. Sách Mềm – Sách giáo viên

Là phần mềm bài soạn điện tử tương tác, được xây dựng bám sát theo nội dung sách giáo viên, sách giáo khoa kèm theo các hình ảnh, âm thanh, video, hiệu ứng tương tác, trực quan, sinh động.

- Góp phần đổi mới phương pháp dạy và học.
- Giúp giáo viên:

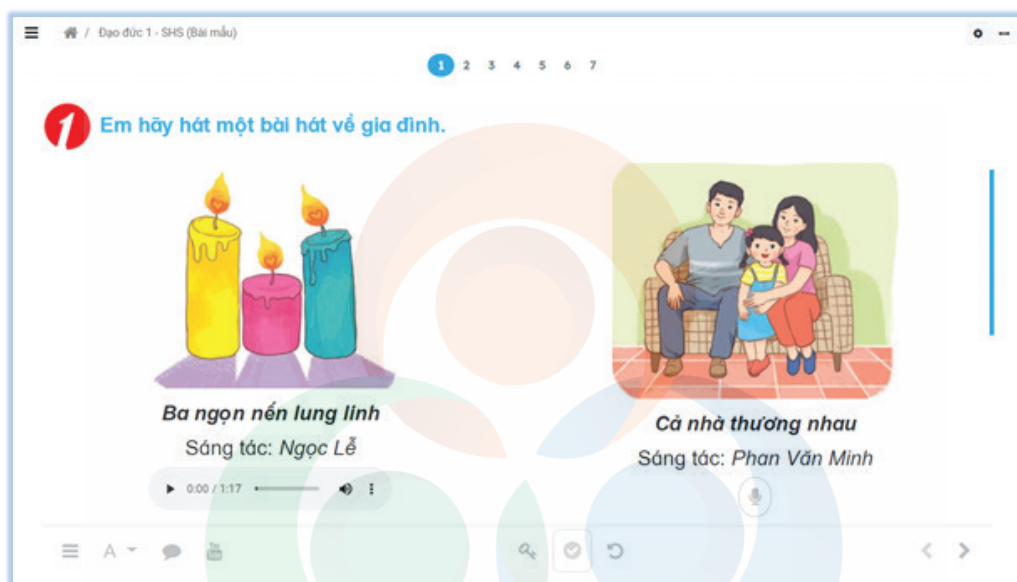
- Giảm bớt thời gian, công sức chuẩn bị tư liệu bài giảng;
- Có thêm công cụ, tư liệu trực quan, sinh động, hấp dẫn phục vụ việc giảng dạy;
- Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào giảng dạy.



- Giúp học sinh:
 - Hứng thú tiếp thu bài học;
 - Dễ tiếp thu bài học;
 - Nâng cao hiệu quả học tập.

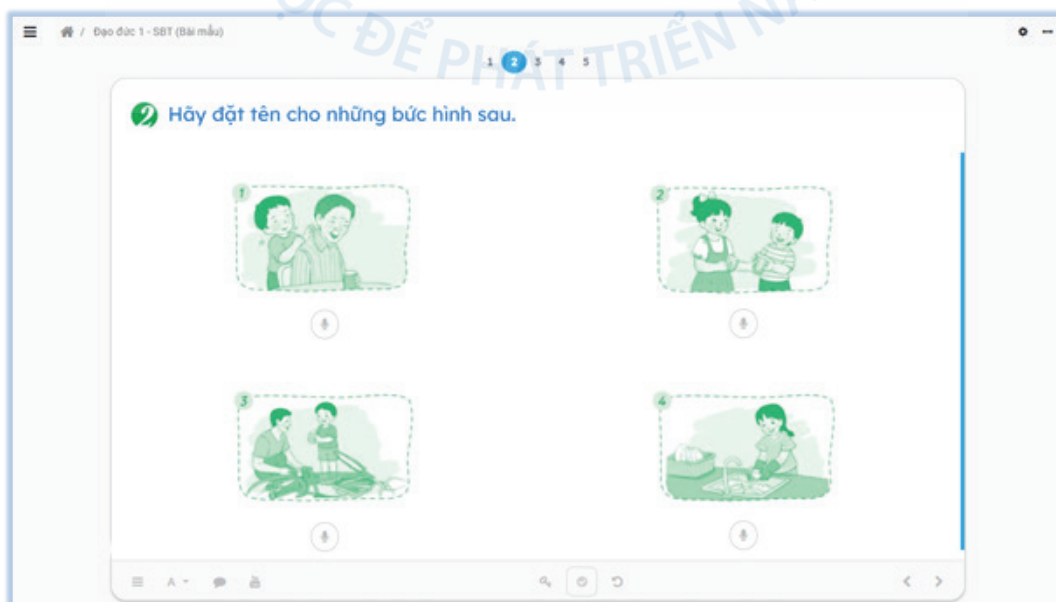
5. Sách Mềm – Sách giáo khoa

Là phần mềm sách điện tử tương tác, được xây dựng bám sát theo nội dung sách giáo khoa kèm theo các hình ảnh, âm thanh, video, hiệu ứng tương tác, trực quan, sinh động.



6. Sách Mềm – Vở bài tập

Là phần mềm sách điện tử tương tác, được xây dựng bám sát theo nội dung Vở bài tập kèm theo các hình ảnh, âm thanh, video, hiệu ứng tương tác, trực quan, sinh động.



- Giúp giáo viên:
 - Giao bài tập, chữa bài trực tuyến chung cho cả lớp hoặc riêng cho mỗi học sinh;
 - Theo dõi thành tích của mỗi học sinh hoặc cả lớp;
 - Thống kê trực quan và dễ hiểu giúp giáo viên biết cần làm việc riêng biệt với học sinh nào về chủ đề nào.
- Giúp học sinh:
 - Hứng thú hơn khi ôn luyện và làm bài tập;
 - Tự ôn luyện, tự kiểm tra kết quả làm bài;
 - Được chấm điểm tự động, tức thì;
 - Được gợi ý, hướng dẫn làm bài.

7. Sách Mềm – Tự kiểm tra, đánh giá

Là học liệu điện tử tương tác, được chuyển thể từ các câu hỏi kiểm tra, đánh giá trọng tâm kiến thức bài học.

- Giúp học sinh tự kiểm tra, đánh giá lại kiến thức của mình sau mỗi bài học.
- Giúp giáo viên:
 - Theo dõi thành tích của mỗi học sinh hoặc cả lớp;
 - Thống kê trực quan và dễ hiểu giúp giáo viên biết cần làm việc riêng biệt với học sinh nào về chủ đề nào.

6. KHAI THÁC THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU TRONG DẠY HỌC

6.1. Về thiết bị dạy học bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (HEID) – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam có hai dòng sản phẩm, dòng sản phẩm thiết bị THỰC và dòng sản phẩm thiết bị ẢO. Đây là các sản phẩm bám sát và dùng riêng cho bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực.

– Các thiết bị THỰC, bao gồm ba sản phẩm chính, đó là:

- + Bộ đồ dùng thực hành Toán và Tiếng Việt.
- + Bộ tranh dùng cho phân môn Kể chuyện (Tiếng Việt).
- + Bộ tranh Tự nhiên và Xã hội.

– Các thiết bị ẢO, bao gồm ba sản phẩm chính, đó là:

- + Tư liệu bài giảng dành cho GV.
- + Vở bài tập có tương tác.
- + Tự kiểm tra, đánh giá.

6.2. Về Bộ đồ dùng thực hành Toán và Tiếng Việt

Công ty HEID sản xuất đảm bảo đầy đủ các chi tiết bao trọn 5 bộ thiết bị trong Danh mục theo Thông tư 05/2019/TT-BGD&ĐT, đó là (1) Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số; (2) Bộ thiết bị dạy phép tính; (3) Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối; (4) Mô hình đồng hồ; (5) Bộ thẻ chữ học vần thực hành. Ngoài ra, Công ty còn mạnh dạn tích hợp vào đây bộ sa bàn giao thông.

Thực sự đây là một ý tưởng có thể nói là táo bạo của Công ty HEID, nhưng rất hiệu quả. Trong Danh mục thiết bị tối thiểu môn Tự nhiên và Xã hội, có bộ sa bàn giáo dục giao thông. Mục đích để giúp HS hình thành năng lực tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn giao thông. Nhiều công ty khác đã sản xuất những bộ sa bàn giao thông khá đẹp và thuận tiện sử dụng, tuy nhiên giá thành khá cao (khoảng hơn 200.000 VNĐ). Công ty HEID thấy rằng, để học 1 – 2 bài học mà giá thành cao sẽ có nhiều trường học khó có điều kiện đầu tư. Do vậy, Công ty HEID đã tích hợp nội dung này vào bộ đồ dùng thực hành Toán và Tiếng Việt, vẫn đảm bảo thực hiện được mục đích dạy học, mà giá thành lại giảm, chỉ tăng thêm vài chục ngàn đồng vào bộ đồ dùng thực hành Toán và Tiếng Việt.

6.3. Về bộ tranh dùng cho phân môn Kể chuyện (Tiếng Việt)

Bao gồm 29 tranh, là nội dung 29 câu chuyện được kể trong sách Tiếng Việt 1. HS được nghe kể chuyện, được trả lời các câu hỏi đặt ra sau khi nghe kể, và đặc biệt, được tự tay lựa chọn nhân vật (bóc dán sticker) để hoàn thành bức tranh diễn tả câu chuyện. Điều này kích thích hứng thú của HS, làm cho HS nhớ được nội dung câu chuyện một cách nhanh chóng, yêu thích những giờ nghe Kể chuyện.

Ví dụ, ở tiết Kể chuyện *Gà mẹ và gà con* (Bài 3E): Công ty HEID có một bức tranh nền, chưa hoàn thiện cùng một số sticker là các nhân vật trong câu chuyện. Trong lúc nghe cô giáo kể chuyện, HS sẽ tự tay lựa chọn, bóc và dán sticker vào tranh, sao cho đúng nội dung câu chuyện. Như vậy sau tiết học, mỗi HS đã có một bức tranh hoàn chỉnh về câu chuyện.

6.4. Về bộ tranh Tự nhiên và Xã hội

Bao gồm 31 tranh, mỗi tranh được sử dụng để tổ chức một hoạt động học tập nào đó trong một bài học của SGK. Bộ tranh sử dụng việc bóc/dán các sticker để qua đó thực hiện các hoạt động tư duy, vận dụng kiến thức mới. Điều này rất hữu ích cho việc phát triển tư duy, rèn luyện kỹ năng và phát triển năng lực của trẻ. Tùy thuộc nội dung từng bài học, mỗi tranh sẽ thực hiện một hoạt động cụ thể trong bài.

Ví dụ, hoạt động vận dụng “Cùng chơi dọn nhà” trong bài học “Nơi gia đình chúng sống”: Công ty HEID có một bức tranh nền là hình ảnh trong gia đình và có các sticker là các đồ vật thường dùng hằng ngày. HS sẽ bóc/dán các sticker sao cho các đồ vật ở đúng chỗ của chúng. Sau hoạt động, mỗi HS sẽ được một bức tranh hoàn chỉnh.

6.5. Về học liệu điện tử của bộ sách Cùng học để phát triển năng lực

Học liệu điện tử kèm theo SGK gồm ba sản phẩm chính, đó là:

(1) Tư liệu bài giảng dành cho GV: Phân loại các loại hình bài học trong SGK. Với mỗi loại bài, thiết kế bài giảng mẫu, kèm theo các tư liệu hỗ trợ để GV có thể sử dụng khi dạy học.

(2) Sách mềm – Vở bài tập: Chuyển thể từ VBT sang dạng tương tác.

(3) Sách mềm – Tự kiểm tra, đánh giá. Với mỗi bài trong SGK, có một vài câu hỏi, bài tập để HS tự thực hiện, qua đó tự đánh giá về khả năng nắm vững nội dung cơ bản của bài.

Xin các quý vị hãy tự thử trải nghiệm ở tài khoản demo trực tuyến sau:

Truy cập website: <https://sachmem.vn>

Tài khoản đăng nhập:

+ Email: sgk@heid.vn

+ Mật khẩu: sachgiaokhoa

7. MỘT SỐ LƯU Ý LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC THEO THÔNG TƯ 3866

Để hoạt động tổ chức dạy học trên lớp đạt được mục đích hình thành các năng lực của môn học cũng như các năng lực chung, các phẩm chất được quy định trong chương trình, GV cần lập kế hoạch tổ chức dạy học phù hợp với chính đối tượng HS của lớp mình, trường mình. Kế hoạch tổ chức dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 1 có thể đi theo tiến trình hướng dẫn tổ chức các hoạt động học của SGK, tuy nhiên, để phù hợp với đối tượng, GV cần lưu ý một số điểm sau:

- Yêu cầu cần đạt: GV có thể diễn đạt lại rõ hơn các yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, thái độ.
- Đồ dùng dạy học: GV ưu tiên chuẩn bị các đồ dùng thực tế, sẵn có hoặc thiết kế đồ dùng dạy học phù hợp với đối tượng. Có thể phát triển các vật liệu học tập đa dạng, phù hợp với văn hoá của địa phương.
- Tổ chức các hoạt động dạy học: Tùy theo trình độ của HS có thể phân bổ thời gian, trọng tâm cho các hoạt động; Xác định nội dung cần nhấn mạnh, khai thác các vật liệu học (hình ảnh SGK, kinh nghiệm của HS, vật thật,...) HS cần tương tác,... để có thể hình thành năng lực cho HS; Xác định các kĩ thuật dạy học và phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng HS hướng tới hình thành năng lực; Định hướng các kết luận/ chốt cho hoạt động.
- Xây dựng kế hoạch đánh giá: Xây dựng nội dung đánh giá ở mỗi bài học, đối tượng, hình thức và cách đánh giá trong các hoạt động học, hay kết thúc bài học.
- Rút kinh nghiệm sau các giờ lên lớp: GV đánh giá lại quá trình tổ chức dạy học, kết quả học tập của HS, xác định điều đã làm tốt, điều gì cần điều chỉnh và hướng điều chỉnh cho các tiết học sau.

PHẦN HAI

GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI

Để dạy học môn Đạo đức hiệu quả, giáo viên cần phải kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt: dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kĩ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS.

Ngoài ra, GV nên kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học để đảm bảo phát triển năng lực người học đúng trọng điểm, đạt yêu cầu tối thiểu về năng lực và phẩm chất khi tổ chức cho HS học môn Đạo đức.

Đơn cử như bài 1 *Em yêu gia đình* ở sách Đạo đức 1 thường có các dạng hoạt động cụ thể và mỗi dạng hoạt động sẽ có những cách thức triển khai cụ thể tương ứng trong sự lựa chọn mang tính linh hoạt và sáng tạo của mỗi GV. Với các hoạt động cụ thể trong bài, cần quan tâm đến kĩ thuật hay cách thức tổ chức sao cho hướng đến cảm xúc, sự trải nghiệm và tính khám phá của người học. Có thể phân tích một bài học cụ thể: *Em yêu gia đình* ở lớp 1 trong môn Đạo đức để làm rõ các gợi mở:

– Hoạt động khởi động hát một bài hát về gia đình:

CHỦ ĐỀ 1
YÊU THƯƠNG GIA ĐÌNH

BÀI 1. EM YÊU GIA ĐÌNH

1 Em hãy hát một bài hát về gia đình.

1



Ba ngọn nến lung linh
Sáng tác: Ngọc Lễ

2



Cả nhà thương nhau
Sáng tác: Phan Văn Minh

3



Cháu yêu bà
Sáng tác: Xuân Giao

4



Gia đình nhỏ, hạnh phúc to
Sáng tác: Nguyễn Văn Chung

GV sử dụng hình nền của bài hát để khơi gợi cảm xúc. GV có thể cho chạy ngẫu nhiên các bài hát và cùng HS đếm 1, 2, 3 dừng lại ở bài hát nào, cả lớp cùng hát bài hát ấy. Sau đó, đặt câu hỏi chung cho lớp thảo luận: *Bạn nào trong tranh biết yêu thương gia đình mình?*

– Hoạt động khám phá kể chuyện theo tranh và trả lời câu hỏi:

2 Em hãy kể chuyện theo tranh và trả lời câu hỏi.

Món quà tặng mẹ



1 A! Sắp đến sinh nhật mẹ.

2 Minh sẽ làm gì nhỉ?

3 Bác ơi, cho cháu xin ít hạt giống hoa với ạ.

4 Một bông, hai bông, ba bông...

5 Con tặng sinh nhật mẹ!

6 Con yêu mẹ!

(Huân Nguyễn)

– Thỏ con tặng mẹ quà gì?
– Thỏ con nói gì khi tặng quà cho mẹ?
– Thỏ mẹ cảm thấy thế nào khi nhận được quà?

4 Em hãy tìm bạn có hành động thể hiện tình yêu thương gia đình.



1 Em cùng anh ăn nhé!

2 Mẹ ơi, con tặng mẹ!

3 Gấu bông là của em chứ!

4 Con cất áo cho bố nhé!

5 Vì sao em phải yêu thương gia đình?

6 Em thích hành động của bạn nào trong các tranh dưới đây?



1 Bà tớ mệt, các bạn nói nhỏ thôi!

2 Giế lau của bố đây ạ!

GV có thể gợi mở từng tranh bằng cách vừa hướng HS quan sát, vừa gợi ý. Hoặc có thể cho HS nói về bức tranh mình quan sát. Sau đó, mời HS kể câu chuyện. Nếu lớp học chưa thật chủ động, GV có thể kể lần một hay kể một vài tranh đầu tiên, HS sẽ kể tiếp theo... Có thể cho HS diễn kịch ngắn nếu phát hiện có HS tích cực, tự tin sau khi GV gợi ý yêu cầu diễn kịch. Sau đó, GV đặt câu hỏi thảo luận nhóm.

– Hoạt động khám phá dạng lựa chọn nhanh tìm bạn có hành động thể hiện tình yêu thương gia đình:

Tổ chức HS hoạt động cá nhân với kĩ thuật công não, GV sử dụng hình trong sách HS để chiếu lên. Hướng dẫn HS quan sát kĩ từng bức tranh. Cho HS thực hiện nhóm hoặc cặp đôi. Gợi mở cho HS trao đổi với bạn trong nhóm hoặc bạn ngồi gần kề mình về lý do chọn đáp án.

– Hoạt động khám phá tự vấn hành động em thích:

GV đặt câu hỏi chung cho lớp cùng nghe: Em thích hành động của bạn nào trong các tranh dưới đây? Định hướng HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động luyện tập dạng xử lí tình huống:

GV đặt câu hỏi thảo luận nhóm hoặc cho cá nhân (Có thể sử dụng cách sắm vai nếu HS tự tin và có khả năng; GV có thể tham gia một vai như một thành viên trong lớp...)

– Hoạt động luyện tập tự vấn nên và không nên:



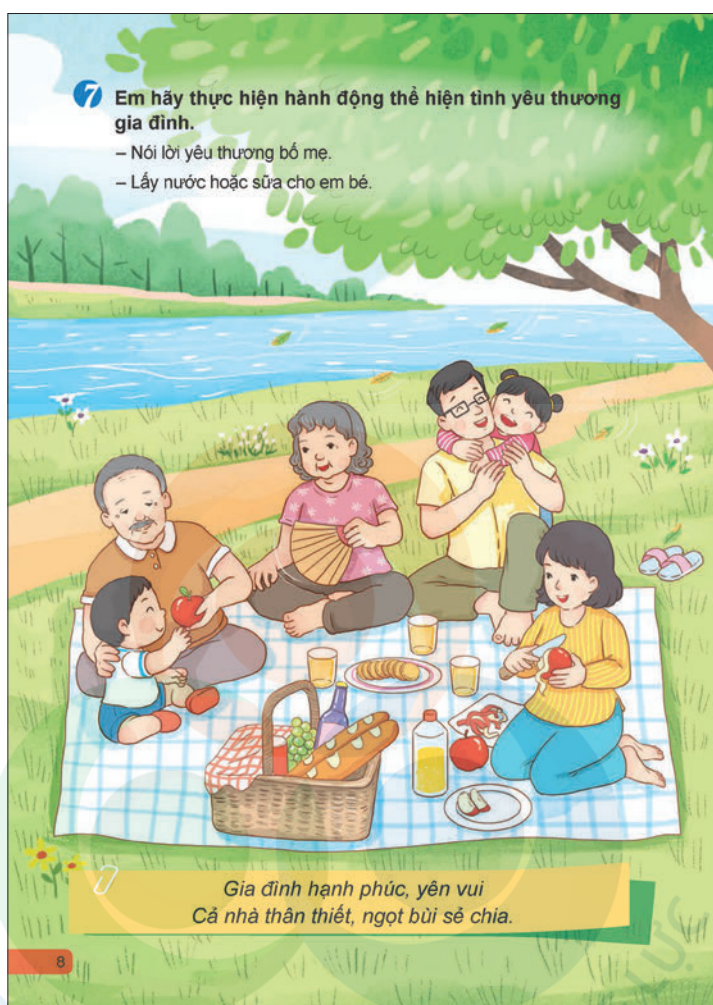
GV phát cho HS những tờ giấy có kẻ 2 cột NÊN và KHÔNG NÊN. HS thảo luận nhóm. Mời đại diện trình bày. GV nhận xét và khuyến khích thực hiện các hành động nên.

Ví dụ: Cảm ơn khi được bố mẹ yêu thương, chăm sóc, tặng quà bánh, Luôn nhường nhịn em nhỏ, hoà đồng với anh chị em trong nhà.

– Hoạt động luyện tập thể hiện tình yêu thương gia đình:

GV thúc đẩy HS thực hiện hoạt động cá nhân. Cụ thể như cho HS quan sát tranh và suy nghĩ. Mời một vài HS phát biểu. Khai thác HS bằng cách gợi ý HS kể về hành động đã từng thực hiện. Gợi ý mở rộng để nhắc HS tiếp tục thực hiện, luyện tập thường xuyên.

– Hoạt động vận dụng thực hiện hành động thể hiện tình yêu thương gia đình:



GV tổ chức HĐ cá nhân tại nhà: thu thập ảnh, tranh vẽ về gia đình. Sau đó chia sẻ với lớp về những bức hình kỉ niệm ấy, lưu ý định hướng HS chọn những kỉ niệm đẹp thể hiện được tình cảm gia đình. GV nhận xét, đánh giá qua những bức ảnh HS mang tới lớp.

Do đặc trưng của môn học, các bài học về giáo dục đạo đức và giáo dục kĩ năng sống có tính chất không quá khác biệt. Vì thế, các gợi ý hướng dẫn này được khai thác trên bình diện chung. Tuy nhiên, với các bài học giáo dục kĩ năng sống, thời gian dành cho hoạt động trải nghiệm, hoạt động thực hành và rèn luyện sẽ được đầu tư nhiều hơn. Điều quan trọng là GV cần đảm bảo “chốt” được mô hình kĩ năng hay các thao tác quan trọng khi thực hiện kĩ năng. Các yêu cầu này ẩn trong sách HS dưới các khung vuông hoặc các mô thức tương tự để đảm bảo HS khắc sâu được kĩ năng sống, thực hành cụ thể và rèn luyện các kĩ năng sống này trong các tình huống khác nhau.

PHẦN BA

CÁC NỘI DUNG KHÁC

1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN

SGV được thiết kế trên quan điểm như tài liệu hỗ trợ GV xây dựng kế hoạch dạy học để triển khai bài học nhằm phát triển năng lực của HS theo yêu cầu cần đạt. Trong sách, sẽ in lại nội dung từng bài của sách HS, kèm theo là nội dung hướng dẫn GV tổ chức hoạt động học đối với từng nội dung/hoạt động; các đáp án trả lời câu hỏi, đáp số các bài toán có trong sách HS; những nội dung hoặc chỉ dẫn tìm thêm tư liệu giúp GV mở rộng, tìm tòi thêm kiến thức để phục vụ hoạt động tổ chức bài học sao cho hấp dẫn và hiệu quả.

Tương ứng với mỗi nội dung trong sách HS, trong SGV có thể nêu thêm nhiều phương án hoạt động học để GV lựa chọn phù hợp thực tế dạy học cụ thể trên tinh thần chủ động; sách cũng gợi mở thêm kĩ thuật phát triển năng lực HS bằng cách biên soạn thêm các bài tập nâng cao dần theo trình độ nhận thức: nhớ, hiểu, vận dụng dưới dạng các tình huống cụ thể để GV sử dụng khi cần thiết.

1.1. Cấu trúc sách giáo viên

Cấu trúc SGV bao gồm

- Mục tiêu
- Tổ chức hoạt động khởi động
- Tổ chức hoạt động khám phá
- Tổ chức hoạt động luyện tập
- Tổ chức hoạt động vận dụng

Cấu trúc này phản ánh phương thức kết nối giữa SHS hay SGK với phần phương pháp và kĩ thuật dạy học môn học Đạo đức. Nói khác đi, sách GV được nhúng phần sách HS để GV có thể khai thác SGV một cách hiệu quả dựa trên thông tin được cung cấp. SGV môn Đạo đức kết hợp giữa trình bày kiến thức với hướng dẫn tổ chức hoạt động học, bao gồm việc bổ sung hướng dẫn hoạt động học (những hoạt động mà SGK không thể hướng dẫn trực tiếp cho HS) và hướng dẫn việc kiểm tra, đánh giá. Trong SGV, một yêu cầu mang tính đặc trưng theo yêu cầu dạy học phát triển năng lực đó là không chỉ dẫn hay làm thay GV về mặt phương pháp mà tập trung gợi mở cách tổ chức bằng 2 đến 3 gợi ý. Kĩ thuật dạy học và phương pháp dạy học được ẩn trong các gợi ý theo định hướng GV làm chủ phần ý tưởng tổ chức của mình và khai thác một cách chủ động, hiệu quả.

1.2. Sử dụng sách giáo viên hiệu quả

Để có thể sử dụng SGV một cách hiệu quả, trước tiên cần phải nắm được các luận điểm sau:

- SGV không phải là sách về giáo án mẫu, bộ sưu tập hay hướng dẫn giáo án mẫu mà là công cụ hỗ trợ giảng dạy cho GV

– Không khur khur ôm chặt dữ liệu hay nội dung của sách giáo khoa dành cho HS, có thể sử dụng những dữ liệu thay thế, tương tự phù hợp với điều kiện văn hoá, năng lực của HS

Một số lưu ý về SGK:

– Định hướng hay gợi ý ý tưởng tổ chức các hoạt động cho HS để giúp GV triển khai việc tổ chức cho HS phát triển năng lực thông qua việc khám phá sách giáo khoa

– Cung cấp thêm ý tưởng hay kĩ thuật thiết kế kịch bản dạy học có liên quan trong SGK

– Gợi mở cách chọn những hoạt động thay thế để GV có thể nâng cao sự phát triển của HS sau khi đọc sách, có thể đảm bảo sự hứng thú của HS dù đã đọc sách ở nhà. Điều này khắc phục phần nào những lo lắng có liên quan: phụ huynh dạy HS hết tất cả những gì có liên quan đến sách, HS không còn hứng thú khi đã đọc, hiểu hết những gì trong sách,...

– Trang bị bổ sung những kĩ thuật dạy học - điểm yếu lớn nhất GV hiện nay đang gặp phải. Kĩ thuật dạy học tiểu học nói chung và dạy học môn Đạo đức đó chính là tổ chức các hoạt động cho người học.

2. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH BỔ TRỢ

Vở bài tập Đạo đức được thực hiện trên quan điểm đây là tài liệu giúp HS tiếp tục luyện tập, thực hành, ứng dụng những kĩ năng cơ bản, phát triển năng lực tự học, bổ sung cho quá trình học theo yêu cầu phát triển năng lực và phẩm chất HS. Vở bài tập được thiết kế thành các quyển và một số phiếu bài tập. Phiếu bài tập có thể in kèm trong sách, khi cần GV có thể yêu cầu HS hoàn thành nội dung phiếu bài tập và cắt rời ra khỏi vở/ tập phiếu để nộp cho GV.

Về cấu trúc, sách được biên soạn tương ứng với các bài học, các chương của sách HS. Các bài tập của mỗi bài học, mỗi chương đều được biên soạn, sắp xếp theo trình độ nhận thức: nhớ, hiểu, vận dụng. Trong từng bài học có thể dành chỗ cho HS ghi lại ý kiến cá nhân, tự nhận xét, đánh giá việc học của mình... nhằm giúp HS chủ động, phát triển năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và các biểu hiện cơ bản của các phẩm chất trong yêu cầu cần đạt.

2.1. Cấu trúc vở bài tập

Cấu trúc VBT, sách tham khảo gồm các phần cơ bản sau

– Mục lục

– Chủ đề/ bài học

– Nội dung bài tập/ tham khảo.

VBT dành cho hoạt động học ở nhà hoặc tự học có hướng dẫn (đối với HS tiểu học học 2 buổi/ ngày); bao gồm các bài tập, câu hỏi theo các trình độ nhận thức (nhớ, hiểu, vận dụng, vận dụng cao) và có thêm hướng dẫn việc tự kiểm tra, đánh giá. HS không phải sử dụng VBT trong giờ học trên lớp mà khai thác nó như một công cụ để khám phá, tìm hiểu, thực hành.

2.2. Hướng dẫn sử dụng vở bài tập

Vở bài tập, sách tham khảo nhằm giúp cho người học hay người đọc trải nghiệm sâu sắc hơn những giá trị sống đã cảm nhận và định hướng cho bản thân mình trong lối sống.

Vở bài tập, sách tham khảo không trùng lặp với các bài tập hay yêu cầu rèn luyện trong sách giáo khoa mà được phát triển theo hướng luyện tập ở những hình thức khác nhau, luyện tập liên tục, thường xuyên dưới những dạng thức khác nhau.

Vở bài tập, sách tham khảo có thể được sử dụng để HS củng cố thêm một lần nữa niềm tin về các giá trị sống mình đã thừa nhận hay định hướng cho bản thân của mỗi HS tiểu học.

Vở bài tập, sách tham khảo đảm bảo định hướng ứng dụng chi tiết và cụ thể cho những hoàn cảnh, tình huống khác nhau người học sẽ có thể gặp phải trong cuộc sống. Đó cũng chính là cơ hội cho bản thân HS tiếp nhận thêm độ sâu sắc của giá trị sống và tính thực tiễn của kĩ năng sống. Đặc biệt là các thao tác của kĩ năng hay mô hình kĩ năng được lặp lại, được thực thi theo định hướng hoàn thiện dần, phát triển dần trở thành năng lực.

Vở bài tập, sách tham khảo bao gồm các bài tập hay trò chơi, nhiệm vụ dự án yêu cầu cao và có sự đầu tư về thời gian, công sức của HS sau trải nghiệm. Đây cũng chính là luận điểm quan trọng về kết nối hoạt động trải nghiệm trong môn học mà sách Đạo đức đã trình bày, đề cập.

3. HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

Cấu trúc tài liệu giáo dục địa phương

Mỗi cuốn tài liệu giáo dục địa phương gồm 8 chủ đề, mỗi chủ đề có thời lượng 4 tiết. Nội dung mỗi chủ đề gồm 4 phần: (1) Giới thiệu; (2) Tìm hiểu; (3) Nhận biết; (4) Trải nghiệm. Mỗi chủ đề này được thiết kế dưới dạng các hoạt động dạy – học, nhằm đạt được các yêu cầu đề ra và phát triển năng lực của học sinh.

Mỗi lớp dành 3 tiết đánh giá trong mỗi năm học, tổng thời lượng cả năm là 35 tiết.

Đề cương khung các chủ đề ở các cấp học:

Số Chủ đề	Cấp Tiểu học	Cấp THCS	Cấp THPT
Chủ đề 1	Nghệ thuật/nghề truyền thống	Bảo tồn, phát huy giá trị di sản	Nguồn lực trong phát triển kinh tế
Chủ đề 2	Món ăn đặc sắc	Ẩm thực truyền thống	Thế mạnh trong phát triển kinh tế địa phương
Chủ đề 3	Sản vật địa phương	Danh lam thắng cảnh	Nhu cầu nhân lực ở địa phương
Chủ đề 4	Cảnh sắc quê em	Tài nguyên môi trường	Nghề truyền thống
Chủ đề 5	Di tích lịch sử văn hóa	Lịch sử phát triển của địa phương	Ngành nghề địa phương có nhu cầu
Chủ đề 6	Tri thức bản địa	Hệ sinh thái động – thực vật	Những điều kiện cần thiết để tham gia lao động
Chủ đề 7	Những con người làm rạng danh vùng đất	Cộng đồng dân cư	Những điều kiện đảm bảo cho người lao động
Chủ đề 8	Văn hóa ứng xử	Ứng xử với môi trường sống	Những điều cần biết trong lựa chọn nghề phù hợp với bản thân

TÀI LIỆU TẬP HUẤN

Môn TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 1

1.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa *Tự nhiên và Xã hội 1*

SGK *Tự nhiên và Xã hội 1* là cụ thể hoá của chương trình *Tự nhiên và Xã hội*. Theo đó, SGK thể hiện những quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, kế hoạch giáo dục và các định hướng về nội dung, phương pháp và đánh giá kết quả giáo dục được nêu trong chương trình.

Cụ thể:

1.1.1. Hình thành và phát triển tình yêu con người, thiên nhiên; đức tính chăm chỉ; ý thức bảo vệ sức khoẻ của bản thân, gia đình, cộng đồng; ý thức tiết kiệm, giữ gìn, bảo vệ tài sản; tinh thần trách nhiệm với môi trường sống.

1.1.2. Góp phần hình thành và phát triển năng lực khoa học, với yêu cầu cần đạt theo các thành phần năng lực sau:

– Nhận thức khoa học:

+ Nêu, nhận biết được ở mức độ đơn giản một số sự vật, hiện tượng, mối quan hệ thường gặp trong môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh như về sức khoẻ và sự an toàn trong cuộc sống, mối quan hệ của HS với gia đình, nhà trường, cộng đồng và thế giới tự nhiên,...

+ Mô tả được một số sự vật, hiện tượng tự nhiên và xã hội xung quanh bằng các hình thức biểu đạt như nói, viết, vẽ,...

+ Trình bày được một số đặc điểm, vai trò của một số sự vật, hiện tượng thường gặp trong môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh.

+ So sánh, lựa chọn, phân loại được các sự vật, hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và xã hội theo một số tiêu chí.

– Tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:

+ Đặt được các câu hỏi đơn giản về một số sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh.

+ Quan sát, thực hành đơn giản để tìm hiểu được về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh.

+ Nhận xét được về những đặc điểm bên ngoài, so sánh sự giống, khác nhau giữa các sự vật, hiện tượng xung quanh và sự thay đổi của chúng theo thời gian một cách đơn giản thông qua kết quả quan sát, thực hành.

– Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

+ Giải thích được ở mức độ đơn giản một số sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh.

- + Phân tích được tình huống liên quan đến vấn đề an toàn, sức khỏe của bản thân, người khác và môi trường sống xung quanh.
- + Giải quyết được vấn đề, đưa ra được cách ứng xử phù hợp trong các tình huống có liên quan (ở mức độ đơn giản); trao đổi, chia sẻ với những người xung quanh để cùng thực hiện; nhận xét được cách ứng xử trong mỗi tình huống.

1.1.3. Cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác góp phần hình thành, phát triển ở HS phẩm chất chủ yếu và năng lực chung.

Để thể hiện quan điểm *dạy/ học cùng phát triển năng lực* của bộ sách, quá trình biên soạn SGK *Tự nhiên và Xã hội 1* quán triệt tư tưởng sau:

- *Dạy học kiến tạo*: Mỗi bài học thiết kế nhằm giúp HS tự kiến tạo tri thức, hình thành kĩ năng của mình. Quy trình thiết kế bài học theo chu trình nhận thức của HS, bao gồm bốn nhóm hoạt động:
- + Khởi động từ kinh nghiệm của HS.
- + Khám phá để hình thành kiến thức mới.
- + Luyện tập để củng cố kiến thức, hình thành kĩ năng.
- + Vận dụng nhằm sử dụng kiến thức, kĩ năng đã có vào tình huống thực tế.

Trong chu trình quan tâm tới việc khuyến khích HS *làm ra sản phẩm*.

- *Học qua trải nghiệm*: HS được coi là một thành viên của cuốn sách. Trong mỗi bài học, HS được khuyến khích, khích lệ, *trở thành một nhân vật của hoạt động*, là người tự khám phá, thực hiện các hoạt động trải nghiệm để hình thành nên kiến thức, luyện tập để giải quyết vấn đề và *thể hiện theo cách phù hợp với riêng mình*,...

Từ quan điểm tiếp cận trên, SGK *Tự nhiên và Xã hội 1* được biên soạn với mục đích: Cung cấp kiến thức khoa học cốt lõi theo chương trình Giáo dục phổ thông; Xây dựng những phương pháp học tập cho HS; Hình thành cho HS những kĩ năng và thái độ thiết yếu phù hợp với lứa tuổi.

1.2. Những điểm mới của sách giáo khoa *Tự nhiên và Xã hội 1*

- SGK *Tự nhiên và Xã hội 1* được cấu trúc khoa học, dễ tra cứu và sử dụng. SGK *Tự nhiên và Xã hội 1* cấu trúc gồm ba phần: phần đầu, phần nội dung, phần thuật ngữ. Trong đó phần thuật ngữ được sắp xếp theo vần là điểm mới so với SGK hiện hành. Danh mục các từ chuyên môn trong phần thuật ngữ giúp GV có thể thuận tiện tra cứu và có ý thức sử dụng thuật ngữ chuyên môn đó trong quá trình tổ chức dạy học. Ví dụ: Phần thuật ngữ đề cập đến từ “an toàn” ở các trang 16, 45, 90, thì trong quá trình tổ chức dạy học ở các bài *An toàn khi ở nhà*, *An toàn trên đường đi*, *Bảo vệ cơ thể an toàn*, GV sử dụng nhiều lần từ “an toàn” trong câu, trong bối cảnh cụ thể của bài học, đồng thời yêu cầu HS sử dụng từ “an toàn” khi trình bày trong các hoạt động của bài học sẽ giúp HS hình thành được biểu tượng thế nào là *an toàn* một cách bền vững hơn.
- Cấu trúc các bài trong SGK theo mô hình hoạt động giúp hình thành và phát triển năng lực người học. Các bài học là phần nội dung chính của cuốn sách. Nếu thiết kế các nội dung trong một bài học của SGK hiện hành đi theo mạch nội dung/kiến thức cơ bản thì

ở SGK *Tự nhiên và Xã hội 1* mới, nội dung của bài học được thiết kế theo mô hình hoạt động gồm bốn nhóm hoạt động: khởi động → khám phá → luyện tập → vận dụng. Các bước thực hiện của mô hình hoạt động theo tiến trình nhận thức của HS nhằm tạo cho HS sự hứng thú, mong muốn tìm hiểu bài học; đưa ra hướng dẫn giúp HS tìm hiểu khám phá kiến thức mới; đưa ra yêu cầu HS thực hành, chia sẻ, thảo luận và củng cố kiến thức vừa có; khuyến khích HS tìm tòi mở rộng, tạo ra các sản phẩm của cá nhân, vận dụng những điều đã học vào đời sống thực tiễn. Cách thiết kế hoạt động theo tiến trình nhận thức sẽ hỗ trợ rất lớn HS trong việc hình thành và phát triển năng lực tự học, được cho là năng lực cơ bản làm tiền đề phát triển năng lực chung cũng như năng lực chuyên môn khác.

– Các nhiệm vụ học tập trong hoạt động ngầm định phương pháp dạy học, yêu cầu cần đạt của bài học.

Ví dụ: Bài 23. Giữ vệ sinh cơ thể.

Ở nhiệm vụ học tập số 2: *Quan sát và nói về việc làm của các bạn trong hình.*

Khi tổ chức dạy học, GV sẽ sử dụng phương pháp quan sát để tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ học tập. Tùy khả năng, HS có thể quan sát cá nhân hoặc nhóm. HS sẽ sử dụng lời nói để thể hiện những hiểu biết của mình xung quanh các việc làm trong hình (nội dung việc làm, lợi ích của việc làm, cách thức thực hiện việc làm,...). Như vậy thông qua hoạt động, HS sẽ hình thành năng lực chuyên môn và năng lực chung như: kĩ năng quan sát, giao tiếp, biểu đạt.

2. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

2.1. Cấu trúc sách giáo khoa *Tự nhiên và Xã hội 1*

Cấu trúc cuốn sách gồm ba phần:

– Phần đầu: giới thiệu tên sách, các tác giả biên soạn sách, mục lục, lời nói đầu và giới thiệu các kí hiệu được sử dụng trong sách.



Mục lục

Lời nói đầu	3	CHƯƠNG 1: TRUYỀN NHẬT VÀ NHỮNG VẾT	34
A) Câu chuyện trong sách	4	Bài 1: Câu chuyện về truyền Nhật	34
CHƯƠNG 2: NHỮNG VẾT	5	Bài 17: Câu chuyện về truyền Nhật	57
Bài 1: Các định của em	6	Bài 18: Câu chuyện về truyền Nhật	60
Bài 2: Các định của em	7	Bài 19: Câu chuyện về truyền Nhật	63
Bài 3: Các định của em	8	Bài 20: Câu chuyện về truyền Nhật	66
Bài 4: Các định của em	9	Bài 21: Câu chuyện về truyền Nhật	69
Bài 5: Các định của em	10	Bài 22: Câu chuyện về truyền Nhật	72
Bài 6: Các định của em	11	Bài 23: Câu chuyện về truyền Nhật	75
Bài 7: Các định của em	12	Bài 24: Câu chuyện về truyền Nhật	78
Bài 8: Các định của em	13	Bài 25: Câu chuyện về truyền Nhật	81
Bài 9: Các định của em	14	Bài 26: Câu chuyện về truyền Nhật	84
Bài 10: Các định của em	15	Bài 27: Câu chuyện về truyền Nhật	87
Bài 11: Các định của em	16	Bài 28: Câu chuyện về truyền Nhật	90
Bài 12: Các định của em	17	Bài 29: Câu chuyện về truyền Nhật	93
Bài 13: Các định của em	18	Bài 30: Câu chuyện về truyền Nhật	96
Bài 14: Các định của em	19	Bài 31: Câu chuyện về truyền Nhật	99
Bài 15: Các định của em	20	Bài 32: Câu chuyện về truyền Nhật	102
Bài 16: Các định của em	21	Bài 33: Câu chuyện về truyền Nhật	105
CHƯƠNG 3: NHỮNG VẾT VÀ NHỮNG VẾT	22	Bài 34: Câu chuyện về truyền Nhật	108
Bài 1: Các định của em	23	Bài 35: Câu chuyện về truyền Nhật	111
Bài 2: Các định của em	24	Bài 36: Câu chuyện về truyền Nhật	114
Bài 3: Các định của em	25	Bài 37: Câu chuyện về truyền Nhật	117
Bài 4: Các định của em	26	Bài 38: Câu chuyện về truyền Nhật	120
Bài 5: Các định của em	27	Bài 39: Câu chuyện về truyền Nhật	123
Bài 6: Các định của em	28	Bài 40: Câu chuyện về truyền Nhật	126
Bài 7: Các định của em	29	Bài 41: Câu chuyện về truyền Nhật	129
Bài 8: Các định của em	30	Bài 42: Câu chuyện về truyền Nhật	132
Bài 9: Các định của em	31	Bài 43: Câu chuyện về truyền Nhật	135
Bài 10: Các định của em	32	Bài 44: Câu chuyện về truyền Nhật	138
Bài 11: Các định của em	33	Bài 45: Câu chuyện về truyền Nhật	141
Bài 12: Các định của em	34	Bài 46: Câu chuyện về truyền Nhật	144
Bài 13: Các định của em	35	Bài 47: Câu chuyện về truyền Nhật	147
Bài 14: Các định của em	36	Bài 48: Câu chuyện về truyền Nhật	150
Bài 15: Các định của em	37	Bài 49: Câu chuyện về truyền Nhật	153
Bài 16: Các định của em	38	Bài 50: Câu chuyện về truyền Nhật	156
Bài 17: Các định của em	39	Bài 51: Câu chuyện về truyền Nhật	159
Bài 18: Các định của em	40	Bài 52: Câu chuyện về truyền Nhật	162
Bài 19: Các định của em	41	Bài 53: Câu chuyện về truyền Nhật	165
Bài 20: Các định của em	42	Bài 54: Câu chuyện về truyền Nhật	168
Bài 21: Các định của em	43	Bài 55: Câu chuyện về truyền Nhật	171
Bài 22: Các định của em	44	Bài 56: Câu chuyện về truyền Nhật	174
Bài 23: Các định của em	45	Bài 57: Câu chuyện về truyền Nhật	177
Bài 24: Các định của em	46	Bài 58: Câu chuyện về truyền Nhật	180
Bài 25: Các định của em	47	Bài 59: Câu chuyện về truyền Nhật	183
Bài 26: Các định của em	48	Bài 60: Câu chuyện về truyền Nhật	186
Bài 27: Các định của em	49	Bài 61: Câu chuyện về truyền Nhật	189
Bài 28: Các định của em	50	Bài 62: Câu chuyện về truyền Nhật	192
Bài 29: Các định của em	51	Bài 63: Câu chuyện về truyền Nhật	195
Bài 30: Các định của em	52	Bài 64: Câu chuyện về truyền Nhật	198
Bài 31: Các định của em	53	Bài 65: Câu chuyện về truyền Nhật	201
Bài 32: Các định của em	54	Bài 66: Câu chuyện về truyền Nhật	204
Bài 33: Các định của em	55	Bài 67: Câu chuyện về truyền Nhật	207
Bài 34: Các định của em	56	Bài 68: Câu chuyện về truyền Nhật	210
Bài 35: Các định của em	57	Bài 69: Câu chuyện về truyền Nhật	213
Bài 36: Các định của em	58	Bài 70: Câu chuyện về truyền Nhật	216
Bài 37: Các định của em	59	Bài 71: Câu chuyện về truyền Nhật	219
Bài 38: Các định của em	60	Bài 72: Câu chuyện về truyền Nhật	222
Bài 39: Các định của em	61	Bài 73: Câu chuyện về truyền Nhật	225
Bài 40: Các định của em	62	Bài 74: Câu chuyện về truyền Nhật	228
Bài 41: Các định của em	63	Bài 75: Câu chuyện về truyền Nhật	231
Bài 42: Các định của em	64	Bài 76: Câu chuyện về truyền Nhật	234
Bài 43: Các định của em	65	Bài 77: Câu chuyện về truyền Nhật	237
Bài 44: Các định của em	66	Bài 78: Câu chuyện về truyền Nhật	240
Bài 45: Các định của em	67	Bài 79: Câu chuyện về truyền Nhật	243
Bài 46: Các định của em	68	Bài 80: Câu chuyện về truyền Nhật	246
Bài 47: Các định của em	69	Bài 81: Câu chuyện về truyền Nhật	249
Bài 48: Các định của em	70	Bài 82: Câu chuyện về truyền Nhật	252
Bài 49: Các định của em	71	Bài 83: Câu chuyện về truyền Nhật	255
Bài 50: Các định của em	72	Bài 84: Câu chuyện về truyền Nhật	258
Bài 51: Các định của em	73	Bài 85: Câu chuyện về truyền Nhật	261
Bài 52: Các định của em	74	Bài 86: Câu chuyện về truyền Nhật	264
Bài 53: Các định của em	75	Bài 87: Câu chuyện về truyền Nhật	267
Bài 54: Các định của em	76	Bài 88: Câu chuyện về truyền Nhật	270
Bài 55: Các định của em	77	Bài 89: Câu chuyện về truyền Nhật	273
Bài 56: Các định của em	78	Bài 90: Câu chuyện về truyền Nhật	276
Bài 57: Các định của em	79	Bài 91: Câu chuyện về truyền Nhật	279
Bài 58: Các định của em	80	Bài 92: Câu chuyện về truyền Nhật	282
Bài 59: Các định của em	81	Bài 93: Câu chuyện về truyền Nhật	285
Bài 60: Các định của em	82	Bài 94: Câu chuyện về truyền Nhật	288
Bài 61: Các định của em	83	Bài 95: Câu chuyện về truyền Nhật	291
Bài 62: Các định của em	84	Bài 96: Câu chuyện về truyền Nhật	294
Bài 63: Các định của em	85	Bài 97: Câu chuyện về truyền Nhật	297
Bài 64: Các định của em	86	Bài 98: Câu chuyện về truyền Nhật	300
Bài 65: Các định của em	87	Bài 99: Câu chuyện về truyền Nhật	303
Bài 66: Các định của em	88	Bài 100: Câu chuyện về truyền Nhật	306
Bài 67: Các định của em	89	Bài 101: Câu chuyện về truyền Nhật	309
Bài 68: Các định của em	90	Bài 102: Câu chuyện về truyền Nhật	312
Bài 69: Các định của em	91	Bài 103: Câu chuyện về truyền Nhật	315
Bài 70: Các định của em	92	Bài 104: Câu chuyện về truyền Nhật	318
Bài 71: Các định của em	93	Bài 105: Câu chuyện về truyền Nhật	321
Bài 72: Các định của em	94	Bài 106: Câu chuyện về truyền Nhật	324
Bài 73: Các định của em	95	Bài 107: Câu chuyện về truyền Nhật	327
Bài 74: Các định của em	96	Bài 108: Câu chuyện về truyền Nhật	330
Bài 75: Các định của em	97	Bài 109: Câu chuyện về truyền Nhật	333
Bài 76: Các định của em	98	Bài 110: Câu chuyện về truyền Nhật	336
Bài 77: Các định của em	99	Bài 111: Câu chuyện về truyền Nhật	339
Bài 78: Các định của em	100	Bài 112: Câu chuyện về truyền Nhật	342
Bài 79: Các định của em	101	Bài 113: Câu chuyện về truyền Nhật	345
Bài 80: Các định của em	102	Bài 114: Câu chuyện về truyền Nhật	348
Bài 81: Các định của em	103	Bài 115: Câu chuyện về truyền Nhật	351
Bài 82: Các định của em	104	Bài 116: Câu chuyện về truyền Nhật	354
Bài 83: Các định của em	105	Bài 117: Câu chuyện về truyền Nhật	357
Bài 84: Các định của em	106	Bài 118: Câu chuyện về truyền Nhật	360
Bài 85: Các định của em	107	Bài 119: Câu chuyện về truyền Nhật	363
Bài 86: Các định của em	108	Bài 120: Câu chuyện về truyền Nhật	366
Bài 87: Các định của em	109	Bài 121: Câu chuyện về truyền Nhật	369
Bài 88: Các định của em	110	Bài 122: Câu chuyện về truyền Nhật	372
Bài 89: Các định của em	111	Bài 123: Câu chuyện về truyền Nhật	375
Bài 90: Các định của em	112	Bài 124: Câu chuyện về truyền Nhật	378
Bài 91: Các định của em	113	Bài 125: Câu chuyện về truyền Nhật	381
Bài 92: Các định của em	114	Bài 126: Câu chuyện về truyền Nhật	384
Bài 93: Các định của em	115	Bài 127: Câu chuyện về truyền Nhật	387
Bài 94: Các định của em	116	Bài 128: Câu chuyện về truyền Nhật	390
Bài 95: Các định của em	117	Bài 129: Câu chuyện về truyền Nhật	393
Bài 96: Các định của em	118	Bài 130: Câu chuyện về truyền Nhật	396
Bài 97: Các định của em	119	Bài 131: Câu chuyện về truyền Nhật	399
Bài 98: Các định của em	120	Bài 132: Câu chuyện về truyền Nhật	402
Bài 99: Các định của em	121	Bài 133: Câu chuyện về truyền Nhật	405
Bài 100: Các định của em	122	Bài 134: Câu chuyện về truyền Nhật	408
Bài 101: Các định của em	123	Bài 135: Câu chuyện về truyền Nhật	411
Bài 102: Các định của em	124	Bài 136: Câu chuyện về truyền Nhật	414
Bài 103: Các định của em	125	Bài 137: Câu chuyện về truyền Nhật	417
Bài 104: Các định của em	126	Bài 138: Câu chuyện về truyền Nhật	420
Bài 105: Các định của em	127	Bài 139: Câu chuyện về truyền Nhật	423
Bài 106: Các định của em	128	Bài 140: Câu chuyện về truyền Nhật	426
Bài 107: Các định của em	129	Bài 141: Câu chuyện về truyền Nhật	429
Bài 108: Các định của em	130	Bài 142: Câu chuyện về truyền Nhật	432
Bài 109: Các định của em	131	Bài 143: Câu chuyện về truyền Nhật	435
Bài 110: Các định của em	132	Bài 144: Câu chuyện về truyền Nhật	438
Bài 111: Các định của em	133	Bài 145: Câu chuyện về truyền Nhật	441
Bài 112: Các định của em	134	Bài 146: Câu chuyện về truyền Nhật	444
Bài 113: Các định của em	135	Bài 147: Câu chuyện về truyền Nhật	447
Bài 114: Các định của em	136	Bài 148: Câu chuyện về truyền Nhật	450
Bài 115: Các định của em	137	Bài 149: Câu chuyện về truyền Nhật	453
Bài 116: Các định của em	138	Bài 150: Câu chuyện về truyền Nhật	456
Bài 117: Các định của em	139	Bài 151: Câu chuyện về truyền Nhật	459
Bài 118: Các định của em	140	Bài 152: Câu chuyện về truyền Nhật	462
Bài 119: Các định của em	141	Bài 153: Câu chuyện về truyền Nhật	465
Bài 120: Các định của em	142	Bài 154: Câu chuyện về truyền Nhật	468
Bài 121: Các định của em	143	Bài 155: Câu chuyện về truyền Nhật	471
Bài 122: Các định của em	144	Bài 156: Câu chuyện về truyền Nhật	474
Bài 123: Các định của em	145	Bài 157: Câu chuyện về truyền Nhật	477
Bài 124: Các định của em	146	Bài 158: Câu chuyện về truyền Nhật	480
Bài 125: Các định của em	147	Bài 159: Câu chuyện về truyền Nhật	483
Bài 126: Các định của em	148	Bài 160: Câu chuyện về truyền Nhật	486
Bài 127: Các định của em	149	Bài 161: Câu chuyện về truyền Nhật	489
Bài 128: Các định của em	150	Bài 162: Câu chuyện về truyền Nhật	492
Bài 129: Các định của em	151	Bài 163: Câu chuyện về truyền Nhật	495
Bài 130: Các định của em	152	Bài 164: Câu chuyện về truyền Nhật	498
Bài 131: Các định của em	153	Bài 165: Câu chuyện về truyền Nhật	501
Bài 132: Các định của em	154	Bài 166: Câu chuyện về truyền Nhật	504
Bài 133: Các định của em	155	Bài 167: Câu chuyện về truyền Nhật	507
Bài 134: Các định của em	156	Bài 168: Câu chuyện về truyền Nhật	510
Bài 135: Các định của em	157	Bài 169: Câu chuyện về truyền Nhật	513
Bài 136: Các định của em	158	Bài 170: Câu chuyện về truyền Nhật	516
Bài 137: Các định của em	159	Bài 171: Câu chuyện về truyền Nhật	519
Bài 138: Các định của em	160	Bài 172: Câu chuyện về truyền Nhật	522
Bài 139: Các định của em	161	Bài 173: Câu chuyện về truyền Nhật	525
Bài 140: Các định của em	162	Bài 174: Câu chuyện về truyền Nhật	528
Bài 141: Các định của em	163	Bài 175: Câu chuyện về truyền Nhật	531
Bài 142: Các định của em	164	Bài 176: Câu chuyện về truyền Nhật	534
Bài 143: Các định của em	165	Bài 177: Câu chuyện về truyền Nhật	537
Bài 144: Các định của em	166	Bài 178: Câu chuyện về truyền Nhật	540
Bài 145: Các định của em	167	Bài 179: Câu chuyện về truyền Nhật	543
Bài 146: Các định của em	168	Bài 180: Câu chuyện về truyền Nhật	546
Bài 147: Các định của em	169	Bài 181: Câu chuyện về truyền Nhật	549
Bài 148: Các định của em	170	Bài 182: Câu chuyện về truyền Nhật	552
Bài 149: Các định của em	171	Bài 183: Câu chuyện về truyền Nhật	555
Bài 150: Các định của em	172	Bài 184: Câu chuyện về truyền Nhật	558
Bài 151: Các định của em	173	Bài 185: Câu chuyện về truyền Nhật	561
Bài 152: Các định của em	174	Bài 186: Câu chuyện về truyền Nhật	564
Bài 153: Các định của em	175	Bài 187: Câu chuyện về truyền Nhật	567
Bài 154: Các định của em	176	Bài 188: Câu chuyện về truyền Nhật	570
Bài 155: Các định của em	177	Bài 189: Câu chuyện về truyền Nhật	573
Bài 156: Các định của em	178	Bài 190: Câu chuyện về truyền Nhật	576
Bài 157: Các định của em	179	Bài 191: Câu chuyện về truyền Nhật	579
Bài 158: Các định của em	180	Bài 192: Câu chuyện về truyền Nhật	582
Bài 159: Các định của em	181	Bài 193: Câu chuyện về truyền Nhật	585
Bài 160: Các định của em	182	Bài 194: Câu chuyện về truyền Nhật	588
Bài 161: Các định của em	183	Bài 195: Câu chuyện về truyền Nhật	591
Bài 162: Các định của em	184	Bài 196: Câu chuyện về truyền Nhật	594
Bài 163: Các định của em	185	Bài 197: Câu chuyện về truyền Nhật	597
Bài 164: Các định của em	186	Bài 198: Câu chuyện về truyền Nhật	600
Bài 165: Các định của em	187	Bài 199: Câu chuyện về truyền Nhật	603
Bài 166: Các định của em	188	Bài 200: Câu chuyện về truyền Nhật	606
Bài 167: Các định của em	189	Bài 201: Câu chuyện về truyền Nhật	609
Bài 168: Các định của em	190	Bài 202: Câu chuyện về truyền Nhật	612
Bài 169: Các định của em	191	Bài 203: Câu chuyện về truyền Nhật	615
Bài 170: Các định của em	192	Bài 204: Câu chuyện về truyền Nhật	618
Bài 171: Các định của em	193	Bài 205: Câu chuyện về truyền Nhật	621
Bài 172: Các định của em	194	Bài 206: Câu chuyện về truyền Nhật	624
Bài 173: Các định của em	195	Bài 207: Câu chuyện về truyền Nhật	627
Bài 174: Các định của em	196	Bài 208: Câu chuyện về truyền Nhật	630
Bài 175: Các định của em	197	Bài 209: Câu chuyện về truyền Nhật	633
Bài 176: Các định của em	198	Bài 210: Câu chuyện về truyền Nhật	636
Bài 177: Các định của em	199	Bài 211: Câu chuyện về truyền Nhật	639
Bài 178: Các định của em	200	Bài 212: Câu chuyện về truyền Nhật	642
Bài 179: Các định của em	201	Bài 213: Câu chuyện về truyền Nhật	645
Bài 180: Các định của em	202	Bài 214: Câu chuyện về truyền Nhật	648
Bài 181: Các định của em	203	Bài 215: Câu chuyện về truyền Nhật	651
Bài 182: Các định của em	204	Bài 216: Câu chuyện về truyền Nhật	654
Bài 183: Các định của em	205	Bài 217: Câu chuyện về truyền Nhật	657
Bài 184: Các định của em	206	Bài 218: Câu chuyện về truyền Nhật	660
Bài 185: Các định của em	207	Bài 219: Câu chuyện về truyền Nhật	663
Bài 186: Các định của em	208	Bài 220: Câu chuyện về truyền Nhật	666
Bài 187: Các định của em	209	Bài 221: Câu chuyện về truyền Nhật	669
Bài 188: Các định của em	210	Bài 222: Câu chuyện về truyền Nhật	672
Bài 189: Các định của em	211	Bài 223: Câu chuyện về truyền Nhật	675
Bài 190: Các định của em	212	Bài 224: Câu chuyện về truyền Nhật	678
Bài 191: Các định của em	213	Bài 225: Câu chuyện về truyền Nhật	681
Bài 192: Các định của em	214	Bài 226: Câu chuyện về truyền Nhật	684
Bài 193: Các định của em	215	Bài 227: Câu chuyện về truyền Nhật	687
Bài 194: Các định của em	216	Bài 228: Câu chuyện về truyền Nhật	690
Bài 195: Các định của em	217	Bài 229: Câu chuyện về truyền Nhật	693
Bài 196: Các định của em	218	Bài 230: Câu chuyện về truyền Nhật	696
Bài 197: Các định của em	219	Bài 231: Câu chuyện về truyền Nhật	699
Bài 198: Các định của em	220	Bài 232: Câu chuyện về truyền Nhật	702
Bài 199: Các định của em	221	Bài 233: Câu chuyện về truyền Nhật	705
Bài 200: Các định của em	222	Bài 234: Câu chuyện về truyền Nhật	708
Bài 201: Các định của em	223	Bài 235: Câu chuyện về truyền Nhật	711
Bài 202: Các định của em	224	Bài 236: Câu chuyện về truyền Nhật	714
Bài 203: Các định của em	225	Bài 237: Câu chuyện về truyền Nhật	717
Bài 204: Các định của em	226	Bài 238: Câu chuyện về truyền Nhật	720
Bài 205: Các định của em	227	Bài 239: Câu chuyện về truyền Nhật	723
Bài 206: Các định của em	228	Bài 240: Câu chuyện về truyền Nhật	726
Bài 207: Các định của em	229	Bài 241: Câu chuyện về truyền Nhật	729
Bài 208: Các định của em	230	Bài 242: Câu chuyện về truyền Nhật	732
Bài 209: Các định của em	231	Bài 243: Câu chuyện về truyền Nhật	735
Bài 210: Các định của em	232	Bài 244: Câu chuyện về truyền Nhật	738
Bài 211: Các định của em	233	Bài 245: Câu chuyện về truyền Nhật	741
Bài 212: Các định của em	234	Bài 246: Câu chuyện về truyền Nhật	744
Bài 213: Các định của em	235	Bài 247: Câu chuyện về truyền Nhật	747
Bài 214: Các định của em	236	Bài 248: Câu chuyện về truyền Nhật	750
Bài 215: Các định của em	237	Bài 249: Câu chuyện về truyền Nhật	753
Bài 216: Các định của em	238	Bài 250: Câu chuyện về truyền Nhật	756
Bài 217: Các định của em	239	Bài 251: Câu chuyện về truyền Nhật	759
Bài 218: Các định của em	240	Bài 252: Câu chuyện về truyền Nhật	762
Bài 219: Các định của em	241	Bài 253: Câu chuyện về truyền Nhật	765
Bài 220: Các định của em	242	Bài 254: Câu chuyện về truyền Nhật	768
Bài 221: Các định của em	243	Bài 255: Câu chuyện về truyền Nhật	771
Bài 222: Các định của em	244	Bài 256: Câu chuyện về truyền Nhật	774
Bài 223: Các định của em	245	Bài 257: Câu chuyện về truyền Nhật	777
Bài 224: Các định của em	246	Bài 258: Câu chuyện về truyền Nhật	780
Bài 225: Các định của em	247	Bài 259: Câu chuyện về truyền Nhật	783
Bài 226: Các định của em	248	Bài 260: Câu chuyện về truyền Nhật	786
Bài 227: Các định của em	249	Bài 261: Câu chuyện về truyền Nhật	

- Phần nội dung được chia thành 6 chủ đề. Các chủ đề được sắp xếp theo thứ tự tương ứng với chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 1. Trong mỗi chủ đề có nhiều bài.
- Phần thuật ngữ nằm ở cuối SGK.

Danh mục thuật ngữ được sắp xếp theo vần, các từ chuyên môn được nhắc đến ở các trang giúp cho người đọc có thể tra cứu khi cần.



THUẬT NGỮ

A	An toàn	16, 45, 90	N	Nguy hiểm	33, 65, 66
B	Bảo vệ	67, 68, 84	Nhà		12, 13, 15
	Bầu trời	96, 98, 100, 102	S	Sum họp	48
	Bộ phận	57, 58, 74, 75		Sức khoẻ	88
C	Chăm sóc	7, 68, 84	T	Tết	47, 49
	Công việc	41, 42, 43		Tết Nguyên Đán	47, 48
	Cộng đồng	41, 42		Thành viên	25, 26, 28
	Cơ thể	74, 75, 76, 77		Thiết bị	13, 28, 29
D	Di chuyển	55, 61		Thời tiết	99, 100, 101
	Địa chỉ	13		Thực vật	55, 56
	Đồ dùng	13, 14, 15, 28		Tình huống	19, 51, 71, 91
	Động vật	55, 56		Tôn trọng	26
G	Gia đình	6, 7, 8, 9, 10		Trái Đất	97, 105
	Giác quan	81, 82, 83, 84		Trang phục	100, 101
	Giao thông	45, 46		Trường học	22, 23, 24, 25
	Giữ gìn	29, 30	V	Vệ sinh	77, 78, 79
H - I	Hoạt động	31, 32, 33		Vi sao (Ngôi sao)	97
	Ích lợi	66		Vùng riêng tư	75
L	Lễ hội	47, 48, 49	Y	Yêu quý	40
	Lớp học	28, 29, 30		Yêu thương	7
M	Mặt Trăng	97			
	Mặt Trời	97, 103			
	Máy	103			

2.2. Cấu trúc phần, chủ đề, bài

2.2.1. Cấu trúc một phần

SGK chia làm ba phần lớn, ở mỗi phần tùy chức năng mà có những cấu trúc khác nhau:

- Cấu trúc phần đầu gồm: Giới thiệu tên sách, các tác giả biên soạn sách, mục lục giới thiệu danh mục các bài có trong sách; Lời nói đầu giới thiệu sơ lược về nội dung cuốn sách và các hoạt động tương tác mà HS có thể thực hiện theo những gợi ý trong sách; Giới thiệu các kí hiệu được sử dụng trong sách (Xem hình mục 2.1).
- Cấu trúc phần nội dung: Gồm trang chủ đề và các bài học trong chủ đề. Tùy theo nội dung chủ đề được quy định trong chương trình, mỗi chủ đề có từ 3 đến 6 bài và 1 bài ôn tập và đánh giá.
- + Ở trang chủ có tên chủ đề và các bài học trong chủ đề (Xem hình mục 2.1);
- + Ở các bài học có tên bài học, hoạt động của bài (gồm hình ảnh chứa đựng nội dung, các yêu cầu học tập), khung kiến thức cốt lõi của bài học (Xem hình mục 2.2.1).



Khung kiến thức cốt lõi

– Cấu trúc phần Thuật ngữ: Gồm tên của phần Thuật ngữ và trang danh mục các từ chuyên môn xuất hiện trong các bài được xếp theo vần (Xem hình mục 2.1).

2.2.2. Cấu trúc một chủ đề

- Mở đầu là trang chủ đề: Trang chủ đề là một bức tranh mô tả nội dung, hoạt động chính diễn ra trong chủ đề và tên các bài học trong chủ đề (Xem hình mục 2.1).
- Tiếp theo, chiếm phần lớn chủ đề là các bài học hình thành kiến thức mới: Tùy nội dung kiến thức mà mỗi chủ đề có số lượng các bài học khác nhau. Chủ đề ít bài học nhất là chủ đề Trái Đất và bầu trời có 3 bài học; chủ đề nhiều bài học nhất là chủ đề Con người và sức khỏe có 6 bài học.
- Cuối chủ đề là bài Ôn tập chủ đề: Bài Ôn tập chủ đề có các hoạt động để HS làm việc cá nhân nhằm hệ thống hoá các kiến thức của chủ đề; hoạt động xử lý tình huống nhằm giúp HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để lựa chọn, hoặc đưa ra ý kiến cá nhân về cách xử lý tình huống giả định trong bài; hoạt động tự đánh giá nhằm nhìn lại các hoạt động HS đã thực hiện trong chủ đề và rút kinh nghiệm cho việc thực hiện các hoạt động học tập ở chủ đề tiếp theo.

2.2.3. Cấu trúc ba dạng bài của môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1

– Dạng bài Hình thành kiến thức mới:

Được cấu trúc gồm bốn nhóm hoạt động:

- + **Hoạt động khởi động:** Thường thiết kế bởi một hoạt động, có thể thông qua một bài hát, một hoạt động vận động hoặc trả lời câu hỏi nhằm tạo hứng thú, kết nối kinh nghiệm với bài học mới.

– *Dạng bài Thực hành quan sát:*

Có một lượng nhỏ bài học trong sách thuộc dạng bài *Thực hành quan sát*. Bài *Thực hành quan sát* gồm ba hoạt động chính:

- + Chuẩn bị: Đưa ra yêu cầu quan sát, các đồ dùng cần thiết phục vụ hoạt động quan sát, các đồ dùng bảo hộ.
- + Thực hành quan sát: Đưa ra các nhiệm vụ, yêu cầu quan sát, các câu hỏi cần trả lời hoặc gợi ý thông tin cần quan sát được.
- + Báo cáo kết quả quan sát: Đưa ra gợi ý sản phẩm quan sát, hình thức tổ chức báo cáo sau quan sát.

Bên cạnh đó, ở một số bài học có nhiều khả năng dạy học trải nghiệm ngoài thực tế, GV cũng lưu ý tổ chức theo ba nhóm hoạt động như trên để đạt được hiệu quả dạy học. Ví dụ: Bài 3. Nơi gia đình chung sống; Bài 6. Trường học của chúng mình; Bài 11. Nơi chúng mình sống; Bài 12. Người dân trong cộng đồng; Bài 13. An toàn trên đường đi; Bài 16. Cây và con vật quanh ta; Bài 20. Chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi; Bài 29. Bầu trời ban ngày và ban đêm.

– *Dạng bài Ôn tập chủ đề:*

Cuối mỗi chủ đề đều có bài *Ôn tập chủ đề*. Bài *Ôn tập chủ đề* được cấu trúc gồm ba nhóm hoạt động chính:

- + Hệ thống những kiến thức HS đã học được từ chủ đề: Đưa ra gợi ý các nội dung chính của chủ đề dưới dạng sơ đồ nội dung.
- + Xử lý tình huống liên quan đến chủ đề: Đưa ra tình huống, tập trung vào nội dung của chủ đề và các phương án lựa chọn.
- + Đánh giá những việc HS đã thực hiện trong chủ đề: Đưa ra hình ảnh gợi ý về các nội dung HS cần thực hiện trong chủ đề, bao gồm cả sự tham gia vào các hoạt động học, vận dụng thực tiễn.

2.2.4. Cấu trúc mỗi bài học trong SGK

Tương ứng với mỗi bài học trong SGK, SGK thể hiện hướng dẫn tổ chức hoạt động học. Cấu trúc mỗi bài học trong SGK gồm:

- Tên bài học.
- Yêu cầu cần đạt của bài học.
- Đồ dùng dạy học cần thiết để tổ chức hoạt động dạy học, trong đó có phần chuẩn bị của GV và chuẩn bị của HS.
- Tổ chức các hoạt động dạy học: Gợi ý tổ chức dạy học theo bốn nhóm hoạt động tương ứng với các hoạt động của SGK. Các hoạt động được gợi ý theo tiến trình nhận thức, gồm chuỗi các hoạt động để giúp HS học tập tích cực, phù hợp với đặc điểm và trình độ.
- Phần nhúng SGK vào SGK. Đây là điểm mới của sách hướng dẫn dành cho GV.

Cấu trúc bài học trong SGK được viết theo gợi ý như một giáo án. Các hoạt động được viết theo tiến trình tổ chức dạy học của GV trên lớp. Ví dụ: Hướng dẫn bài học trong SGK Bài 24. Các giác quan của cơ thể.

Phân SGK nhúng vào SGK

Yêu cầu cần đạt của bài

Chuẩn bị đồ dùng dạy học

Bài 24 Các giác quan của cơ thể

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận diện, chỉ được vị trí của các giác quan.
- Nhận được chức năng của các giác quan và vai trò của chúng đối với cuộc sống con người.

ĐÓNG DẪN HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Một vòng hoa.
- Khối hộp nhôm vuông cân kim loại, chia một số ô để ghi tay vào trong hộp và nhét vào giấy vào trong hộp.

Chuẩn bị của HS:

- Một tờ giấy vẽ có hình của bạn thân.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG: Cùng chơi "Đố bạn". Hãy đoán xem đó là vật gì. Vì sao bạn biết?

Hoạt động cá nhân:

- Học sinh xung phong lên bảng trình bày nhận xét của mình.
- Lưu ý: Khi được trả lời để không nhìn thấy câu trả lời mà chỉ sử dụng các giác quan để đoán được vật đó là vật gì. HS khác lên học đưa ra vật cho bạn xem và đặt câu hỏi: Đây là gì?
- HS thực hiện chơi trò chơi đoán tay, mắt, tai, mũi, lưỡi một lần nữa để biết được vật đó là vật gì được cho biết trước.
- Kết thúc trò chơi, HS trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV. Lưu ý: Nếu nhận được một vật.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁI NIỆM

HOẠT ĐỘNG: Các bộ phận của cơ thể trong hình đang để làm gì?

Hoạt động cặp đôi:

- HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi: Các bộ phận của cơ thể trong hình đang để làm gì?
- HS trả lời theo yêu cầu của GV. Lưu ý: Nếu nhận được một vật.

Bài 24 Các giác quan của cơ thể

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận diện, chỉ được vị trí của các giác quan.
- Nhận được chức năng của các giác quan và vai trò của chúng đối với cuộc sống con người.

ĐÓNG DẪN HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Một vòng hoa.
- Khối hộp nhôm vuông cân kim loại, chia một số ô để ghi tay vào trong hộp và nhét vào giấy vào trong hộp.

Chuẩn bị của HS:

- Một tờ giấy vẽ có hình của bạn thân.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG: Cùng chơi "Đố bạn". Hãy đoán xem đó là vật gì. Vì sao bạn biết?

Hoạt động cá nhân:

- Học sinh xung phong lên bảng trình bày nhận xét của mình.
- Lưu ý: Khi được trả lời để không nhìn thấy câu trả lời mà chỉ sử dụng các giác quan để đoán được vật đó là vật gì. HS khác lên học đưa ra vật cho bạn xem và đặt câu hỏi: Đây là gì?
- HS thực hiện chơi trò chơi đoán tay, mắt, tai, mũi, lưỡi một lần nữa để biết được vật đó là vật gì được cho biết trước.
- Kết thúc trò chơi, HS trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV. Lưu ý: Nếu nhận được một vật.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁI NIỆM

HOẠT ĐỘNG: Các bộ phận của cơ thể trong hình đang để làm gì?

Hoạt động cặp đôi:

- HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi: Các bộ phận của cơ thể trong hình đang để làm gì?
- HS trả lời theo yêu cầu của GV. Lưu ý: Nếu nhận được một vật.

Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

3.1. Các yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1

Dạy và học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 cũng như các môn học khác đều hướng đến phát triển năng lực HS, do đó, dạy học không chỉ chú ý tích cực hoá HS về hoạt động trí tuệ, mà còn chú ý rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề gắn với những tình huống của cuộc sống, đồng thời gắn hoạt động trí tuệ với hoạt động thực hành, thực tiễn. Tăng cường việc học tập trong nhóm, đổi mới quan hệ GV – HS theo hướng cộng tác có ý nghĩa quan trọng nhằm phát triển năng lực xã hội. Để thực hiện mục tiêu đó, GV cần:

- Dạy học thông qua tổ chức liên tiếp các hoạt động học tập, giúp HS tự khám phá những điều chưa biết chứ không thụ động tiếp thu những tri thức được sắp đặt sẵn.
- Chú trọng rèn luyện cho HS biết khai thác SGK và các tài liệu học tập khác, biết cách liên hệ với những kiến thức đã có, suy luận để tìm tòi và phát hiện kiến thức mới,... Định hướng cho HS cách tư duy như phân tích, tổng hợp, tìm ra những điểm tương tự,... để dần hình thành và phát triển tiềm năng sáng tạo.
- Tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác, lớp học trở thành môi trường giao tiếp GV - HS và HS - HS nhằm vận dụng sự hiểu biết và kinh nghiệm của từng cá nhân, của tập thể trong giải quyết các nhiệm vụ học tập chung.
- Chú trọng đánh giá kết quả học tập theo mục tiêu bài học trong suốt tiến trình dạy học, thông qua hệ thống câu hỏi, bài tập (đánh giá thường xuyên). Chú trọng phát triển kỹ năng tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của HS với nhiều hình thức.

Phương pháp dạy học có mối quan hệ biện chứng với nội dung dạy học, việc sử dụng các phương pháp dạy học đặc trưng có vai trò quan trọng trong dạy học bộ môn. Dạy học theo hướng phát triển năng lực không có nghĩa là loại bỏ các phương pháp dạy học truyền thống quen thuộc mà cần bắt đầu bằng việc cải tiến để nâng cao hiệu quả và hạn chế nhược điểm của chúng, bên cạnh đó, có sự phối hợp sử dụng một cách hợp lý với các phương pháp dạy học hiện đại. Việc dạy và học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 không chỉ tiến hành trên lớp học mà còn có thể tiến hành ngoài lớp học.

Sau đây chúng tôi xin giới thiệu một số phương pháp, kĩ thuật dạy học được sử dụng thường xuyên trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1.

3.1.1. Phương pháp quan sát

Quan sát là phương pháp dạy học mà GV tổ chức cho HS sử dụng các giác quan khác nhau để tri giác các sự vật, hiện tượng một cách có mục đích, có kế hoạch, có trọng tâm; qua đó rút ra những kết luận khoa học.

Đối với HS tiểu học, đặc biệt với HS lớp 1 thì tư duy trực quan, cụ thể chiếm ưu thế rất lớn trong việc lĩnh hội tri thức. Vì vậy, quan sát là phương pháp dạy học mang lại hiệu quả cao. Thông qua việc tổ chức cho HS quan sát, sẽ hình thành ở các em những khái niệm và biểu tượng sinh động, đầy đủ và chính xác về thế giới xung quanh. Quan sát và kết hợp với biểu đạt cũng hình thành ở HS năng lực tư duy và ngôn ngữ.

Đối tượng quan sát trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 là các hình ảnh, tranh vẽ, vật thật, cuộc sống hằng ngày xung quanh HS, hoặc các video, phim,... Qua đó, HS có thể tri giác và thu nhận kiến thức môn học một cách dễ dàng.

Các bước quan sát:

Bước 1. Lựa chọn đối tượng quan sát. Đối tượng quan sát có thể là hình ảnh, sơ đồ, mô hình, vật thật hoặc video clip,... căn cứ vào mục tiêu, nội dung của từng bài học mà GV lựa chọn đối tượng quan sát cho phù hợp.

Bước 2. Xác định mục đích quan sát. Tùy từng đối tượng mà mục đích quan sát có thể khác nhau. Vì vậy, sau khi xác định được đối tượng quan sát cần lưu ý việc quan sát phải đạt được mục đích nào.

Bước 3. Tổ chức và hướng dẫn quan sát theo nhóm, cá nhân hoặc cả lớp tùy thuộc vào số phương tiện dạy học có được. Các nhóm có thể cùng quan sát đối tượng để giải quyết chung một nhiệm vụ học tập, hoặc mỗi nhóm có một đối tượng quan sát riêng, giải quyết nhiệm vụ riêng.

Bước 4. Tổ chức cho HS báo cáo kết quả quan sát. Kết thúc quan sát, từng cá nhân hoặc đại diện các nhóm báo cáo kết quả quan sát, cả lớp lắng nghe và bổ sung ý kiến.

Bước 5. Hoàn thiện kết quả quan sát, rút ra kết luận chung. GV chính xác hoá kết quả quan sát, rút ra kết luận khoa học.

Hầu hết các bài học trong SGK *Tự nhiên và Xã hội 1* đều yêu cầu sử dụng phương pháp quan sát (quan sát hình ảnh, quan sát video, quan sát vật thật,...). Khi quan sát, HS đều được chỉ rõ đối tượng quan sát và mục đích quan sát. Ví dụ: Hoạt động 2 (Bài 6. Trường học của chúng mình), đối tượng quan sát là các hình từ 2 đến 8; mục đích quan sát là

tìm ra những hoạt động của HS, GV ở trong mỗi hình. Khi tổ chức hoạt động, GV chỉ rõ các tranh HS cần quan sát và câu hỏi HS cần trả lời khi quan sát. Phương pháp quan sát thường kết hợp với phương pháp hỏi – trả lời hoặc thảo luận.

3.1.2. Phương pháp hỏi – trả lời

Hỏi – trả lời là phương pháp dạy học trong đó GV tổ chức cuộc đối thoại giữa GV với HS, giữa HS với nhau dựa trên hệ thống câu hỏi, nhằm dẫn dắt HS đi đến những kết luận khoa học, hoặc vận dụng vốn hiểu biết của mình để tìm hiểu những vấn đề về nội dung học tập, về cuộc sống xung quanh, hoặc thể hiện những hiểu biết và kinh nghiệm cá nhân.

Thông qua việc hỏi – trả lời, GV tạo và đáp ứng nhu cầu nhận thức cho HS và các em được tham gia giải quyết những vấn đề do bài học đặt ra. Bên cạnh đó, GV có thể dễ dàng nắm được năng lực học tập, trình độ nhận thức của HS, từ đó điều chỉnh hoạt động dạy để nâng cao hiệu quả dạy – học. Sử dụng phương pháp hỏi – trả lời tạo cho không khí học tập sôi nổi hơn, HS tích cực, hứng thú hơn, qua đó, góp phần phát triển năng lực tư duy độc lập của HS, thúc đẩy tính tích cực và năng lực diễn đạt bằng lời của các em. Đây cũng là phương pháp khiến HS có cơ hội chia sẻ hiểu biết và kinh nghiệm của mình với các bạn. *Ví dụ:* Trong hoạt động 3 (Bài 14. Tết và lễ hội năm mới), từng cặp HS hỏi và trả lời về một lễ hội năm mới với các câu hỏi gợi ý, hoặc HS có thể nêu thêm những câu hỏi khác:

- + Nói tên một lễ hội đầu năm mới mà bạn biết.
- + Lễ hội đó diễn ra ở đâu? Lễ hội đó diễn ra vào thời gian nào?
- + Mọi người thường làm gì trong lễ hội đó?
- + Bạn đã làm gì khi tham gia lễ hội đó?
- + Bạn thích hoạt động nào ở lễ hội đó?

GV có thể linh hoạt sử dụng các dạng câu hỏi, khuyến khích dạng câu hỏi tìm tòi khám phá. Đồng thời, GV cũng nên khuyến khích HS đưa ra những câu hỏi, thắc mắc của mình và dẫn dắt các em cách tự giải đáp. Đó là cách phát triển năng lực của HS.

3.1.3. Phương pháp thảo luận

Thảo luận là phương pháp dạy học mà GV tổ chức cuộc đối thoại, trao đổi ý kiến giữa GV với HS, giữa HS với nhau về một vấn đề học tập hoặc một vấn đề thực tiễn của cuộc sống, từ đó rút ra kết luận khoa học.

Phương pháp thảo luận phát huy cao độ vai trò chủ thể tích cực của HS trong học tập. Qua làm việc với các đối tượng học tập, qua bàn bạc, trao đổi ý kiến, quan điểm của mình với các bạn trong nhóm, trong lớp mà HS có thể chiếm lĩnh kiến thức của bài học bằng chính hoạt động của mình. Phương pháp thảo luận đề cao sự hợp tác tích cực của HS, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hợp tác và một số kỹ năng khác.

Thảo luận có thể phát triển thành tranh luận với những vấn đề HS có thể đưa ra những quan điểm trái chiều. Đặc điểm của thảo luận là HS giữ vai trò chính trong việc nêu câu hỏi và trả lời câu hỏi. Nếu vấn đề đưa ra được phân tích ở nhiều khía cạnh và có những ý kiến trái ngược nhau thì cần phải tranh luận sôi nổi để tìm ra kết luận đúng.

Có hai hình thức thảo luận: Thảo luận theo nhóm hoặc thảo luận cả lớp.

– Thảo luận cả lớp:

- + Xác định chủ đề thảo luận. Chủ đề thảo luận có thể là chủ đề mở, có thể xem xét ở nhiều mặt, nhiều khía cạnh theo những quan điểm khác nhau. Tuyệt đối tránh những chủ đề thảo luận mà câu trả lời chỉ là “có” hoặc “không”.
- + Tổ chức thảo luận: GV khuyến khích HS đưa ra ý kiến của mình, kể cả những ý kiến trái ngược nhau, đồng thời theo dõi tiến trình của cuộc thảo luận, hướng ý kiến của các em theo định hướng dự kiến.
- + Tổng kết: Hoàn thiện kết quả thảo luận.

– Thảo luận nhóm:

- + Xác định chủ đề thảo luận: Tùy từng nội dung học tập, có thể cho các nhóm thảo luận cùng chủ đề hoặc mỗi nhóm một chủ đề. Tuy nhiên, nên cho ít nhất hai nhóm thảo luận một chủ đề để khi tổng kết nội dung thảo luận, các nhóm có thể bổ sung cho nhau.
- + Chia nhóm: Tùy vào số lượng HS trong lớp để chia thành các nhóm khác nhau; có thể chia theo vị trí bàn học. Thông thường mỗi nhóm từ 4 đến 6 HS.
- + Tổ chức thảo luận: GV giao nhiệm vụ cho các nhóm. Dưới sự điều khiển của nhóm trưởng, các nhóm thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ được giao. GV theo dõi và kịp thời giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn.
- + Báo cáo kết quả thảo luận: Kết thúc thời gian thảo luận, đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận; cả lớp lắng nghe và bổ sung.
- + Tổng kết: Trên cơ sở ý kiến của HS, GV tổng hợp và nhấn mạnh những nội dung trọng tâm của vấn đề thảo luận.

Ví dụ: Với hoạt động 4 (Bài 4. An toàn khi ở nhà), GV có thể sử dụng phương pháp thảo luận cặp đôi hoặc nhóm, HS sẽ quan sát hình và trao đổi về câu hỏi: Điều gì sẽ xảy ra với các bạn trong hình? Vì sao?

3.1.4. Phương pháp đóng vai

Phương pháp đóng vai là cách tổ chức cho HS tham gia giải quyết một tình huống của nội dung học tập gắn liền với thực tế cuộc sống bằng cách diễn xuất một cách ngẫu hứng, có thể không cần kịch bản hoặc luyện tập trước.

Phương pháp đóng vai làm thay đổi hình thức học tập, khiến không khí học tập thoải mái và hấp dẫn hơn, thực hiện yêu cầu “chơi mà học”, khai thác được kinh nghiệm sống của HS. Trong diễn xuất, HS cảm xúc với vai diễn nào đó, phát huy trí tưởng tượng và xâm nhập vào cuộc sống để tìm ra cách giải quyết, qua đó rèn kĩ năng giải quyết vấn đề một cách tự nhiên và hợp lí, hoặc học tập tính cách của các nhân vật lịch sử. Đóng vai là phương pháp học tập mang tính sáng tạo. Thông qua vai diễn của mình, HS tiếp thu kiến thức một cách tự giác, tích cực, đồng thời HS thoải mái, nhanh nhẹn và cởi mở hơn.

Cách tiến hành:

Tổ chức cho HS đóng vai, có thể thực hiện qua các bước sau:

Bước 1. Lựa chọn tình huống.

Bước 2. Chọn người tham gia.

Bước 3. Chuẩn bị diễn xuất.

Bước 4. Thể hiện vai diễn.

Bước 5. Đánh giá kết quả.

Ở bước lựa chọn tình huống, không chỉ GV mà HS cũng tham gia. Tình huống lựa chọn sao cho các vai diễn dễ thể hiện hành động, cảm xúc, sắc thái, không nên gò ép hoặc quá cầu kì. Các tình huống lựa chọn nên có nhiều đối thoại để khai thác được vốn sống của HS, đồng thời qua vai diễn, HS thể hiện được những hiểu biết về kiến thức, kĩ năng và thái độ của mình. Phương pháp đóng vai rất phù hợp để sử dụng trong các bài ôn tập ở mỗi chủ đề với phần xử lí tình huống.

Ví dụ: Hoạt động 3 (Bài 27. Bảo vệ cơ thể an toàn), GV tổ chức cho HS đóng vai và đưa ra giải pháp xử lí tình huống của mình (GV có thể lựa chọn thêm một vài tình huống để các nhóm HS khác nhau đóng vai). Trước khi đóng vai, GV đọc kịch bản và phân vai hoặc HS lựa chọn vai diễn, sau đó, thực hành diễn ngay tại lớp. GV đánh giá kết quả xử lí tình huống thông qua vai diễn.

3.1.5. Phương pháp trò chơi

Trò chơi học tập là phương pháp dạy học thông qua việc tổ chức hoạt động chơi cho HS. Dưới sự hướng dẫn của GV, HS được hoạt động bằng cách tự chơi trò chơi, trong đó mục đích của trò chơi là chuyển tải mục tiêu của bài học. Luật chơi (cách chơi) thể hiện nội dung và phương pháp học, đặc biệt là phương pháp học tập có sự hợp tác và tự đánh giá.

Đối với HS tiểu học, học tập là hoạt động chủ đạo, tuy nhiên, vui chơi vẫn chiếm vị trí lớn trong hoạt động của các em. Theo tinh thần đổi mới của phương pháp dạy học ở tiểu học, trò chơi được xem là phương pháp nhằm gây hứng thú học tập, giảm sự căng thẳng cho HS, góp phần nâng cao chất lượng giờ học. Trò chơi học tập có tác dụng phát huy tính tích cực, phát triển năng lực HS, tăng cường tính hợp tác và sự sáng tạo của các em. Khi tham gia vào các trò chơi, HS sẽ được tưởng tượng và suy ngẫm, thử nghiệm các tình huống, cách lập luận để đạt kết quả cao.

Trong giờ học, GV có thể sử dụng phương pháp trò chơi ở bất cứ giai đoạn nào của tiết học. Các trò chơi không chỉ thực hiện ở giờ học chính khoá trong lớp mà có thể thực hiện trong những hoạt động học tập ngoài lớp và các hoạt động ngoại khoá. Trò chơi là một phương pháp rất thích hợp với loại bài ôn tập, tổng kết vì nó có thể tổng hợp kiến thức từ nhiều bài học khác nhau, đồng thời cũng tạo ra không khí sôi nổi, hấp dẫn cho HS trong quá trình học tập.

Trò chơi có thể tiến hành theo những bước sau:

Bước 1. Lựa chọn trò chơi: Trên cơ sở mục đích, nội dung và yêu cầu của bài học mà GV lựa chọn trò chơi cho phù hợp.

Bước 2. Giới thiệu và giải thích trò chơi: GV nêu tên trò chơi, giải thích rõ mục đích, yêu cầu, luật chơi và cách đánh giá cho người chơi/đội chơi. Phần giới thiệu và giải thích phải đơn giản, dễ hiểu để các em nắm vững và hiểu trò chơi, cách chơi.

Bước 3. Tổ chức chơi: Để trò chơi đạt kết quả tốt, sau khi hướng dẫn và giải thích xong, nên cho HS chơi thử, sau đó chơi thật. GV (hoặc cử 1 HS) làm trọng tài theo dõi diễn biến trò chơi để có những nhận xét, đánh giá khách quan.

Bước 4. Nhận xét, đánh giá kết quả trò chơi: Kết thúc trò chơi, GV nhận xét, đánh giá. Dựa vào yêu cầu, nội dung, kết quả trò chơi, GV đánh giá thật công bằng, khách quan và cần tạo điều kiện cho HS tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau; cần biểu dương, khen ngợi những cá nhân/đội chơi có kết quả tốt, hoạt động tích cực, hợp tác.

Ví dụ: Hoạt động 4 (Bài 24. Các giác quan của cơ thể), trước khi tổ chức trò chơi “Khám phá chiếc hộp bí mật” GV giải thích cách chơi với cả lớp.

Đây là trò chơi giúp HS biết rằng để nhận biết chính xác một vật có thể sử dụng nhiều giác quan. GV sử dụng ít nhất bốn đồ vật và lần lượt bí mật đặt vào chiếc hộp kín để HS đoán.



– Phổ biến luật chơi và cách chơi:

+ HS nghe GV phổ biến luật chơi: Sử dụng một hoặc nhiều giác quan: tay, mũi, tai, mắt để đoán vật để trong hộp bí mật.

+ HS có thể chơi theo đội để thi đua hoặc chơi cả lớp.

– Thực hiện trò chơi:

+ HS tham gia trò chơi sử dụng các giác quan để nhận biết các đồ vật trong hộp kín.

+ HS được sử dụng từng giác quan của mình, có thể sử dụng nhiều giác quan đến khi nào nhận biết đúng, nói được đúng đồ vật trong hộp kín thì đến lượt HS khác. GV có thể gợi ý để HS đặt các câu hỏi giúp bạn sử dụng các giác quan phù hợp để đoán được các đồ vật một cách nhanh nhất.

+ HS tiếp tục chơi, GV sử dụng đồ vật khác cho vào hộp bí mật và tiếp tục tổ chức cho HS chơi.

– Kết thúc trò chơi, HS theo gợi ý của GV nhận xét được: Để nhận biết các đồ vật một cách chính xác, cần sử dụng nhiều giác quan. Các giác quan đều rất quan trọng.

Bên cạnh các phương pháp dạy học phổ biến trên, để phát triển năng lực HS, việc dạy và học Tự nhiên và Xã hội 1 cũng như nhiều môn học khác hướng đến tổ chức các hoạt động học tập hợp tác. Một số kĩ thuật dạy học hợp tác GV có thể tổ chức trong lớp học như:

** Nghe – Suy nghĩ – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp:*

Bước 1. Nghe: HS nghe câu hỏi hoặc vấn đề do GV đưa ra.

Bước 2. Suy nghĩ: Từng HS suy nghĩ để đưa ra phương án trả lời với thời gian GV cho trước.

Bước 3. Chia sẻ cặp đôi: HS chia sẻ với bạn ngồi bên cạnh về câu trả lời của mình và thảo luận về câu trả lời.

Bước 4. Chia sẻ trước lớp: GV sẽ gọi một số HS đứng tại chỗ chia sẻ câu trả lời của mình với cả lớp. (Bước 4 cũng có thể thay thế bằng việc chia sẻ trong nhóm và thảo luận về câu trả lời của cả nhóm).

** Thảo luận nhóm đôi:*

Bước 1. GV chia các HS thành các cặp đôi và thảo luận về một vấn đề đưa ra trong một vài phút.

Bước 2. Trong mỗi nhóm đôi sẽ thảo luận để đưa ra câu trả lời hoặc giải pháp tốt nhất.

Bước 3. Các cặp đôi sẽ chia sẻ câu trả lời hoặc giải pháp của họ trước cả lớp.

** Bàn tròn:*

Bước 1. GV sẽ đưa ra câu hỏi có nhiều phương án trả lời.

Bước 2. Mỗi HS trong một nhóm sẽ ghi một câu trả lời vào một tờ giấy và sau đó chuyển tờ giấy cho bạn tiếp theo.

Bước 3. Khi tất cả các bạn trong bàn đều có câu trả lời, hoặc hết thời gian cho phép, quá trình này sẽ dừng lại.

Bước 4. GV sẽ lựa chọn nhóm có nhiều câu trả lời nhất. Trong kĩ thuật này, việc các HS cùng đưa ra ý tưởng hoặc câu trả lời rất quan trọng.

3.2. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động học

SGK thiết kế bốn nhóm hoạt động chính với các mã màu khác nhau: Hoạt động khởi động, Hoạt động khám phá, Hoạt động luyện tập, Hoạt động vận dụng. Mỗi bài học sẽ có ít nhất ba nhóm hoạt động: Hoạt động khởi động, Hoạt động khám phá, và Hoạt động luyện tập hoặc/và Hoạt động vận dụng. Mỗi nhóm hoạt động sẽ được tổ chức theo các hình thức: Cá nhân, Nhóm đôi, Nhóm lớn (nhóm 4 hoặc 6), Cả lớp tùy theo nội dung của từng hoạt động. GV có thể thay đổi hình thức và phương pháp tổ chức dạy học phù hợp với điều kiện và đặc trưng của lớp học. Tuy nhiên, dù sử dụng hình thức, phương pháp hay kĩ thuật nào, GV cần chú ý tạo điều kiện để HS được tham gia vào quá trình chiếm lĩnh kiến thức, kĩ năng nhằm phát triển năng lực của mình.

Ví dụ: Bài 13. An toàn trên đường đi

Bài này bao gồm ba nhóm hoạt động: Khởi động, Khám phá và Luyện tập. Bài học này có thể được thực hiện trên lớp.

Trước khi tiến hành bài học, GV cần tìm hiểu về yêu cầu cần đạt và đồ dùng dạy học cần chuẩn bị trong bài, lưu ý những đồ dùng dạy học gắn với địa phương (Một số biển báo giao thông thường gặp ở địa phương).

Về tổ chức các hoạt động học, GV có thể triển khai như sau:

– Tổ chức hoạt động khởi động:

Hoạt động 1

Mục tiêu của hoạt động này là khai thác những kinh nghiệm của HS liên quan đến an toàn giao thông trên đường đi; đồng thời, gây hứng thú để HS chú ý vào bài học.

Với hoạt động này, GV có thể tổ chức cả lớp xem video hoặc nghe bài hát “An toàn giao thông” và trả lời một số câu hỏi gợi ý trong SGK.

Hoặc GV có thể sử dụng câu hỏi ở hoạt động 1. “Theo bạn, chúng mình nên đi bộ trên đường như thế nào cho an toàn?” và tổ chức hoạt động cả lớp hoặc theo nhóm.

Với hoạt động này, GV sử dụng phương pháp quan sát kết hợp với hỏi – trả lời. GV nêu câu hỏi và HS lần lượt trả lời. GV có thể yêu cầu mỗi HS chỉ nêu một ý kiến trả lời duy nhất. GV có thể kết hợp kĩ thuật Nghe – Suy nghĩ – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp trong hoạt động này.

– Tổ chức hoạt động khám phá:

Hoạt động 2

Mục tiêu của hoạt động này là HS nói được một số tình huống gây nguy hiểm trên đường đi và thảo luận về cách ứng xử trong một số tình huống nhằm giữ an toàn trên đường đi. Các tình huống tập trung vào các trường hợp đi bộ không an toàn.

Với hoạt động này, GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh kết hợp với nghe câu hỏi, suy nghĩ và trả lời.

GV sử dụng kết hợp các phương pháp: quan sát, hỏi – trả lời và thảo luận để tiến hành hoạt động này. GV có thể hướng dẫn để HS thảo luận trong nhóm theo kĩ thuật Bàn tròn để đề xuất các phương án nhằm đi bộ an toàn ở trên đường.

Ở hoạt động này, GV lưu ý sử dụng thêm các hình ảnh về tình huống gây nguy hiểm trên đường đi khác SGK để HS tìm hiểu.

Hoạt động 3

Mục tiêu của hoạt động này là HS nhận biết và nói được ý nghĩa của màu sắc đèn tín hiệu giao thông và một số biển báo giao thông (chủ yếu dành cho người đi bộ).

Với hoạt động này, GV yêu cầu HS quan sát các hình ảnh, nghe và trả lời câu hỏi. GV có thể sử dụng các hình ảnh không ghi ý nghĩa của các biển báo trước để HS suy nghĩ, thảo luận và trả lời. Sau đó, HS quan sát các hình ảnh trong SGK, với sự hướng dẫn của GV, HS chính xác hoá câu trả lời của mình.

GV sử dụng phương pháp quan sát, kết hợp với thảo luận cặp đôi để tiến hành hoạt động này.

Lưu ý: GV có thể tổ chức thành trò chơi “Ai nhanh ai đúng” nếu điều kiện cho phép. GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu HS gấp SGK lại, chiếu từng hình ảnh trên màn chiếu (hoặc sử dụng các hình ảnh riêng rẽ) và yêu cầu các nhóm suy nghĩ và trả lời thật nhanh ý nghĩa màu sắc của đèn tín hiệu hoặc biển báo. Nếu nhóm nào trả lời nhanh và đúng nhiều nhất, nhóm đó sẽ chiến thắng. Sau đó, GV yêu cầu HS mở SGK, cùng quan sát các hình ảnh trong SGK và củng cố lại các câu trả lời.

– Tổ chức hoạt động luyện tập:

Hoạt động 4

Mục tiêu của hoạt động là thực hành đi bộ và tham gia giao thông trên đoạn đường theo sơ đồ: đoạn đường không có đèn tín hiệu giao thông và đoạn đường có đèn tín hiệu giao thông; nêu được một số quy tắc an toàn khi đi bộ.

Với hoạt động này, GV sử dụng phương pháp đóng vai, mỗi HS được chọn các đối tượng đóng vai (người đi bộ, xe máy, ô tô, taxi,...) và đeo các biển đã chuẩn bị sẵn trước ngực hoặc sau lưng. *Lưu ý:* GV nên để HS đổi các đối tượng với nhau (mỗi HS tham gia giao thông ở hoạt động này, có thể chuyển sang cầm biển báo ở hoạt động khác). Với hoạt động này, ngoài những biển báo đã được cung cấp theo bộ thiết bị, GV nên chuẩn bị thêm hình ảnh của một số biển báo thường gặp khi tham gia giao thông ở địa phương.

Sau khi hoàn thành hoạt động thực hành, GV sử dụng phương pháp hỏi – trả lời và thảo luận, nêu các câu hỏi liên quan đến nội dung thực hành thông qua quá trình ghi chép của GV. *Ví dụ:* Ai tham gia giao thông đúng? Vì sao? Ai tham gia giao thông không an toàn? Vì sao?

Sau đó, GV sử dụng phương pháp hỏi – trả lời, yêu cầu HS nêu được những quy tắc đi bộ an toàn trên đoạn đường có đèn tín hiệu giao thông và không có đèn tín hiệu giao thông.

4. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI LỚP 1

4.1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất

Kiểm tra, đánh giá là một khâu quan trọng trong quá trình dạy học để giúp GV theo dõi sự tiến bộ của HS về năng lực và phẩm chất. Bên cạnh đó, kiểm tra, đánh giá còn có ý nghĩa trong việc điều chỉnh quá trình dạy học của GV.

Định hướng đổi mới đánh giá HS phổ thông nói chung, HS tiểu học nói riêng được thể hiện thông qua một số văn bản chỉ đạo:

– Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã nêu: “Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo”, “Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kì, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và xã hội”.

- Nghị quyết số 44/NQ-CP của Chính phủ ngày 09/6/2014 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 29 nêu: “Đổi mới hình thức, phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục theo hướng đánh giá năng lực người học; kết hợp đánh giá cả quá trình với đánh giá cuối kì học, cuối năm học theo mô hình của các nước có nền giáo dục phát triển.”
- Quyết định số 2653/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2014 về Kế hoạch hành động của ngành giáo dục triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 29: “Đổi mới mục tiêu, nội dung, hình thức kiểm tra, thi và đánh giá chất lượng GDĐT đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực, phẩm chất người học. Triển khai đổi mới phương pháp kiểm tra, thi, đánh giá người học ngay trong quá trình và kết quả từng giai đoạn giáo dục, đào tạo nhằm kịp thời điều chỉnh, nâng cao hiệu quả hoạt động dạy và học ở các cấp học và trình độ đào tạo.”
- Ngày 28/8/2014, Bộ trưởng Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư 30 quy định đánh giá HS tiểu học. Tiếp đó, Bộ ban hành Thông tư 22 ngày 22/9/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều quy định đánh giá HS tiểu học ban hành kèm theo Thông tư 30, Văn bản số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất Thông tư 22 và Thông tư 30 quy định đánh giá HS.

Nhìn chung, đánh giá chuyển từ chủ yếu đánh giá kết quả học tập cuối môn học, khoá học (đánh giá tổng kết) nhằm mục đích xếp hạng, phân loại sang sử dụng các loại hình thức đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì sau từng chủ đề, từng chương nhằm mục đích phản hồi điều chỉnh quá trình dạy học (đánh giá quá trình); từ chủ yếu đánh giá kiến thức, kĩ năng sang đánh giá năng lực của người học. Tức là chuyển trọng tâm đánh giá chủ yếu từ ghi nhớ, hiểu kiến thức,... sang đánh giá năng lực vận dụng, giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đặc biệt chú trọng đánh giá các năng lực tư duy bậc cao như tư duy sáng tạo; từ một hoạt động gần như độc lập với quá trình dạy học sang việc tích hợp đánh giá vào quá trình dạy học, xem đánh giá như là một phương pháp dạy học.

Đánh giá vì sự tiến bộ của HS; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của HS, đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan. Phối hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì, giữa đánh giá của GV và tự đánh giá của HS. Thông qua kết quả kiểm tra, đánh giá, GV có thể nắm được tình hình học tập, mức độ phân hoá về trình độ học lực của HS trong lớp, từ đó có biện pháp giúp đỡ HS chưa đạt chuẩn về kiến thức, kĩ năng và qua đó hướng đến phát triển năng lực HS.

Đánh giá theo định hướng năng lực tập trung chủ yếu vào hai phương diện: việc thông hiểu các kiến thức cơ bản của HS và mức độ hình thành, phát triển năng lực môn học trong quá trình học tập, đặc biệt, cần tập trung đánh giá năng lực vận dụng kiến thức, năng lực để giải quyết các vấn đề trong học tập và thực tiễn cuộc sống. Đánh giá theo định hướng năng lực chủ yếu là xem xét, đánh giá HS đã vận dụng các kiến thức đã học trong thực tế như thế nào, xác định mức độ năng lực đã hình thành của cá nhân người học so với mục tiêu đề ra của môn học.

Có thể tổng hợp một số dấu hiệu khác biệt cơ bản giữa đánh giá năng lực người học và đánh giá kiến thức, kĩ năng của người học như sau:

Tiêu chí so sánh	Đánh giá năng lực	Đánh giá kiến thức, kĩ năng
Mục đích chủ yếu nhất	– Đánh giá khả năng HS vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống. – Vì sự tiến bộ của người học so với chính họ.	– Xác định việc đạt kiến thức, kĩ năng theo mục tiêu của chương trình giáo dục. – Đánh giá, xếp hạng giữa những người học với nhau.
Ngữ cảnh đánh giá	Gắn với ngữ cảnh học tập và thực tiễn cuộc sống của HS.	Gắn với nội dung học tập (những kiến thức, kĩ năng, thái độ) được học trong nhà trường.
Nội dung đánh giá	– Những kiến thức, kĩ năng, thái độ ở nhiều môn học, nhiều hoạt động giáo dục và những trải nghiệm của bản thân HS trong cuộc sống xã hội (tập trung vào năng lực thực hiện). – Quy chuẩn theo các mức độ phát triển năng lực của người học.	– Những kiến thức, kĩ năng, thái độ ở một môn học. – Quy chuẩn theo việc người học có đạt được hay không một nội dung đã được học.
Công cụ đánh giá	Nhiệm vụ, bài tập trong tình huống, bối cảnh thực.	Câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ trong tình huống hàn lâm hoặc tình huống thực.
Thời điểm đánh giá	Đánh giá mọi thời điểm của quá trình dạy học, chú trọng đến đánh giá trong khi học.	Thường diễn ra ở những thời điểm nhất định trong quá trình dạy học, đặc biệt là trước và sau khi dạy.
Kết quả đánh giá	– Năng lực người học phụ thuộc vào độ khó của nhiệm vụ hoặc bài tập đã hoàn thành. – Thực hiện được nhiệm vụ càng khó, càng phức tạp sẽ được coi là có năng lực cao hơn.	– Năng lực người học phụ thuộc vào số lượng câu hỏi, nhiệm vụ hay bài tập đã hoàn thành. – Càng đạt được nhiều đơn vị kiến thức, kĩ năng thì càng được coi là có năng lực cao hơn.

4.2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực

Về cách thức kiểm tra, đánh giá, cần sử dụng phối hợp các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá khác nhau:

- Kết hợp giữa kiểm tra miệng, kiểm tra viết và bài tập thực hành.
- Kết hợp giữa hình thức đánh giá bằng trắc nghiệm khách quan và tự luận nhằm phát huy những ưu điểm của mỗi hình thức đánh giá.
- Bên cạnh đó, GV có thể sử dụng các hình thức khác như thông qua đóng vai, thảo luận, phỏng vấn, phiếu ghi chép,...

Việc kiểm tra, đánh giá cần được tiến hành cùng với quá trình dạy học. Để kiểm tra, đánh giá, có thể sử dụng các câu hỏi, bài tập ở những mức độ khác nhau như: nhận biết (ghi nhớ, tái hiện trong các tình huống không thay đổi nhằm củng cố kiến thức và rèn luyện kĩ năng cơ bản); thông hiểu (có khả năng tóm tắt, giải thích, lí giải các sự kiện, hiện tượng,...); vận dụng (so sánh, phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng kiến thức vào những tình huống thay đổi, kết nối kiến thức thực tiễn với bài học), tạo cơ hội phát triển năng lực tự chủ, sáng tạo của HS.

Bảng dưới đây là những động từ có thể dùng để đặt câu hỏi, đưa ra nhiệm vụ trong quá trình dạy học và đánh giá (có thể sử dụng những động từ có nghĩa tương đương phù hợp với từng nhiệm vụ cụ thể).

Mức độ	Mô tả mức độ
Biết	<i>nêu được</i> (công việc của người dân trong cộng đồng và đóng góp của công việc đó cho xã hội,...); <i>kể được</i> (tên các hoạt động chính trong lớp học và trường học,...); <i>nói được</i> (tên trường, địa chỉ của trường; tên lớp, vị trí của lớp học trong trường,...).
	<i>nhận biết được</i> (tên gọi, chức năng các bộ phận bên ngoài và các giác quan của cơ thể,...); <i>xác định được</i> (các hoạt động vận động và nghỉ ngơi có lợi cho sức khỏe, một số tình huống nguy hiểm, rủi ro có thể xảy ra trong khi tham gia các hoạt động ở trường và cách phòng tránh,...).
Hiểu	<i>mô tả được</i> (một số hiện tượng thiên tai;...); <i>vẽ được</i> (đường thời gian theo thứ tự các sự kiện lớn, các mốc quan trọng đã xảy ra trong gia đình,...); <i>giới thiệu được</i> (một cách đơn giản về truyền thống nhà trường,...).
	<i>trình bày được</i> (một số việc cần làm hoặc cần tránh để giữ gìn, bảo vệ các giác quan, bảo vệ cơ thể khi tiếp xúc với cây và con vật,...); <i>nêu được ví dụ</i> (về việc sử dụng thực vật và động vật trong đời sống hằng ngày,...).
	<i>so sánh được</i> (đặc điểm cấu tạo của một số động vật khác nhau); <i>phân loại được</i> (thực vật dựa trên một số tiêu chí. Ví dụ: đặc điểm của thân, rễ, lá,...).
Vận dụng	<i>nhận xét được</i> (sự thay đổi của gia đình theo thời gian qua một số ví dụ,...); <i>đặt được câu hỏi</i> (để tìm hiểu về truyền thống nhà trường: năm thành lập trường, thành tích dạy và học, các hoạt động khác,...).
	<i>giải thích được</i> (một cách đơn giản tại sao cần phải giữ vệ sinh xung quanh nhà,...); <i>thực hiện được</i> (nhiệm vụ khảo sát về sự an toàn liên quan đến cơ sở vật chất của nhà trường hoặc khu vực xung quanh trường theo sự phân công của nhóm; đi, đứng, ngồi, mang cặp đúng tư thế để phòng tránh cong vẹo cột sống,...).
	<i>đưa ra được</i> (cách xử lí tình huống khi HS hoặc người nhà bị ngộ độc; cách ứng xử phù hợp trong tình huống giả định có cháy xảy ra; nhận xét về những cách ứng xử đó,...); <i>đề xuất được</i> (cách sử dụng thực vật và động vật hợp lí,...).

Ví dụ một số câu hỏi/bài tập/hoạt động nhằm đánh giá năng lực đặc thù môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1:

Thành phần năng lực	Biểu hiện	Một số câu hỏi/ bài tập/ hoạt động đánh giá
Nhận thức khoa học	– Nêu, nhận biết được ở mức độ đơn giản một số sự vật, hiện tượng, mối quan hệ thường gặp trong môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh như về sức khỏe và sự an toàn trong cuộc sống, mối quan hệ của HS với gia đình, nhà trường, cộng đồng và thế giới tự nhiên,... – Mô tả được một số sự vật, hiện tượng tự nhiên và xã hội xung quanh bằng các hình thức biểu đạt như nói, viết, vẽ,...	– Nói tên những đồ dùng có thể gây nguy hiểm ở trong nhà (Bài 4. An toàn khi ở nhà); Nói về công việc của những người xung quanh bạn và lợi ích của những công việc đó (Bài 12. Người dân trong cộng đồng) (<i>Mức độ biết</i>) – Nói biển báo giao thông với ý nghĩa của biển báo giao thông cho phù hợp (Bài 13. An toàn trên đường đi) (<i>Mức độ biết</i>) – Hoạt động: Vẽ và nói với bạn về một cây hoặc con vật mà bạn đã quan sát (Bài 16. Cây và con vật quanh ta) (<i>Mức độ hiểu</i>)
Tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh	– Đặt được các câu hỏi về một số sự vật, hiện tượng, mối quan hệ xã hội xung quanh. – Quan sát, thực hành đơn giản để tìm hiểu sự vật, hiện tượng tự nhiên và xã hội xung quanh.	– Đặt câu hỏi về nhà ở của bạn (Bài 3. Nơi gia đình chung sống) (<i>Mức độ vận dụng</i>) – Quan sát bầu trời và điền thông tin quan sát được vào phiếu quan sát (Bài 31. Thực hành quan sát bầu trời) (<i>Mức độ hiểu</i>)

Thành phần năng lực	Biểu hiện	Một số câu hỏi/ bài tập/ hoạt động đánh giá
Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học	– Giải thích được ở mức độ đơn giản một số sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh. – Giải quyết được vấn đề, đưa ra được cách ứng xử phù hợp trong các tình huống có liên quan (ở mức độ đơn giản).	– Trao đổi về ích lợi của việc giữ vệ sinh cơ thể hằng ngày. <i>Ví dụ:</i> Vì sao chúng mình phải chải răng? Vì sao chúng mình phải rửa tay bằng xà phòng? (Bài 23. Giữ vệ sinh cơ thể) (<i>Mức độ vận dụng</i>) – Các hoạt động xử lí tình huống (Trong các bài ôn tập chủ đề và trong một số bài (Bài 4. An toàn khi ở nhà – hoạt động 5; Bài 27. Bảo vệ cơ thể an toàn – hoạt động 3).

5. HƯỚNG DẪN KHAI THÁC, SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ

5.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lí trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (HEID) – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cam kết sẽ đồng hành cùng với các cơ sở giáo dục, thầy cô giáo, phụ huynh và HS trong quá trình sử dụng bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực, thể hiện ở 6 nội dung sau:

- (1) Công ty cam kết thực hiện cơ chế hỗ trợ, phục vụ kịp thời, đầy đủ, đồng bộ SGK và tài liệu bổ trợ cho HS và GV.
- (2) Cam kết tổ chức tập huấn miễn phí cho toàn bộ cán bộ quản lí giáo dục, GV sử dụng SGK theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến do các Tổng Chủ biên, Chủ biên và tác giả đảm nhiệm.
- (3) Mỗi GV sẽ được cấp một tài khoản miễn phí để khai thác, sử dụng học liệu điện tử, bao gồm: sách điện tử, các bài giảng mẫu, thí nghiệm mô phỏng, hệ thống bài kiểm tra, đánh giá, kho tài liệu tham khảo,...
- (4) Công ty cam kết giúp các cơ sở giáo dục xây dựng phần mềm quản lí học tập, kết nối giữa nhà trường với phụ huynh HS.
- (5) Đặc biệt, hằng năm vào dịp hè, Công ty tổ chức mời GV cốt cán trong các môn có thực hành, thí nghiệm ở các địa phương về trung tâm thực nghiệm của Công ty để tập huấn về thực hành, thí nghiệm.
- (6) Ngay từ khi bộ sách hoàn thiện, Công ty đã thành lập bộ phận thường trực xử lí các vướng mắc, hỗ trợ các cơ sở giáo dục, các nhà trường, thầy cô giáo trong hành trình sử dụng bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực.

Thống kê các học liệu điện tử đi kèm bộ SGK lớp 1:

STT	Môn học lớp 1	Học liệu điện tử						
		Sách Mềm – Vở bài tập	Sách Mềm – Tự kiểm tra, đánh giá	Tư liệu giảng dạy (Powerpoint)	Video bài giảng	Sách giáo viên (bản điện tử)	Sách Mềm – Sách giáo viên	Sách Mềm – Sách học sinh
1	Tiếng Việt	x	x	x	x	x	x	x
2	Toán	x	x	x	x	x	x	x
3	TN và XH	x	x	x	x	x	x	x
4	Đạo đức	x	x	x	x	x	x	x
5	Mĩ thuật	x		x	x	x	x	x
6	Âm nhạc		x	x	x	x	x	x
7	Hoạt động trải nghiệm		x	x	x	x	x	x
8	Giáo dục thể chất				x	x	x	x

5.2. Cách thức khai thác và hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên sách trong dạy học

Hiện nay, tại trang Web sgk.sachmem.vn đã có những tài liệu về bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực.

(a) Tài liệu về bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực:

- Những điều cần biết về bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực;
- Các bài Giới thiệu SGK gồm bản PowerPoint và Video cho mỗi môn học;
- Các bản Thuyết minh SGK cho mỗi môn học;
- SGK bản mềm cho mỗi môn học;
- Sách mềm – Vở bài tập (Chuyển thể từ VBT in sang dạng tương tác; đã có demo một số bài);
- Sách mềm – Tự kiểm tra đánh giá (đã có demo một số bài);
- SGV bản mềm cho mỗi môn học;
- SGV tương tác (bản demo sách mềm cho Toán 1, Tiếng Việt 1, Tự nhiên và Xã hội 1);
- PowerPoint hỗ trợ từng bài dạy (bản demo cho Toán 1, Tiếng Việt 1, Tự nhiên và Xã hội 1);
- Tài liệu tập huấn GV, kèm theo Một số video bài dạy mẫu gồm hai loại: không có PowerPoint hỗ trợ và có PowerPoint hỗ trợ, cho mỗi môn học.

Giáo viên, phụ huynh, học sinh có thể xem miễn phí các tài liệu trên trang Web đã nêu. Ngoài những tài liệu nêu trên, các tác giả sẽ cung cấp thêm những sản phẩm khác, nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu học tập tích cực của HS và giảng dạy hiệu quả của GV.

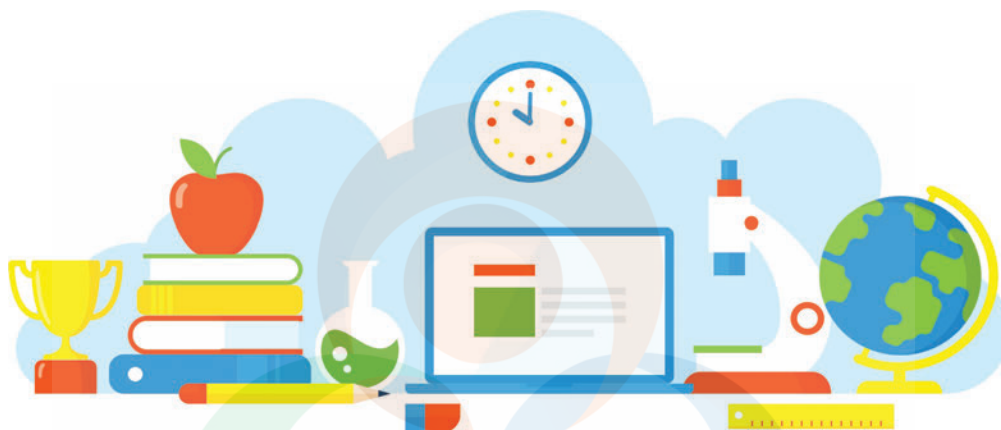
(b) Giáo viên, học sinh, phụ huynh sử dụng các tài nguyên này thế nào?

Một số gợi ý để GV sử dụng hiệu quả:

- Để nắm được các thông tin đầy đủ về cả bộ sách nói chung và môn học nói riêng, GV có thể xem “Những điều cần biết về bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực” và “Thuyết minh SGK môn học”.
- Để dạy học hiệu quả một môn học, GV nên:
 - + Đầu tiên, xem **SGK bản mềm** và **SGV bản mềm** để tìm hiểu sơ bộ và bước đầu cảm nhận về sách.
 - + Tiếp theo, xem bài **Giới thiệu, Tài liệu tập huấn** rồi đến các **video** và các học liệu hỗ trợ cho HS.
 - + Với Sách mềm – Tự kiểm tra đánh giá, GV có thể dùng để đánh giá HS, xác định rõ mỗi HS đang ở mức độ nào sau khi học xong mỗi bài học, từ đó có kế hoạch hướng dẫn lại cho HS còn chưa vững hoặc bồi dưỡng thêm cho HS có năng khiếu, tư chất tốt để ươm mầm tài năng.

– Một số gợi ý cho HS và phụ huynh HS:

- + HS sử dụng Sách mềm – Với bài tập tương tác sẽ thấy hấp dẫn hơn, hứng thú hơn VBT giấy. Hơn nữa sau khi thực hiện xong mỗi bài tập, HS được đánh giá ngay. Nếu HS quên kiến thức cơ bản thì đã có đường link tới video hướng dẫn lại kiến thức liên quan đến bài tập để HS ôn lại rồi tiếp tục làm bài tập.
- + HS sử dụng Sách mềm – Tự kiểm tra đánh giá để xem mình đã đạt mức độ nào (chưa đạt, thực hành cơ bản được, vận dụng đơn giản được, vận dụng sáng tạo) sau khi học xong mỗi bài học. Phụ huynh HS qua đó cũng biết rõ về tình hình của con em mình.



HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ

Kèm theo sách giáo khoa TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 1 Cùng học để phát triển năng lực

Truy cập trang mạng để xem minh họa trực tuyến: sgk.sachmem.vn

Giới thiệu

Sách Mềm là một hệ thống phần mềm kèm theo các học liệu điện tử được xây dựng nhằm mục đích giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập.

Học liệu điện tử kèm theo sách giáo khoa Tự nhiên và Xã hội 1 Cùng học để phát triển năng lực là một phần trong hệ thống **Sách Mềm**. Trong giai đoạn đầu, Học liệu điện tử này có 7 sản phẩm chính như sau:

1. Sách giáo viên (bản điện tử)

Là phiên bản điện tử của sách giáo viên được đưa lên mạng internet giúp giáo viên dễ dàng tiếp cận, sử dụng.

2. Tư liệu giảng dạy (Powerpoint)

Là hệ thống các bài soạn điện tử Powerpoint được xây dựng bám sát theo nội dung sách giáo viên, sách giáo khoa kèm theo các hình ảnh, âm thanh, video, hiệu ứng tương tác:

- Góp phần đổi mới phương pháp dạy và học.
- Giúp giáo viên:
 - Giảm bớt thời gian, công sức chuẩn bị tư liệu bài giảng;
 - Có thêm công cụ, tư liệu trực quan, sinh động, hấp dẫn phục vụ việc giảng dạy;
 - Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào giảng dạy.



- Giúp học sinh:
 - Hứng thú tiếp thu bài học;
 - Dễ tiếp thu bài học;
 - Nâng cao hiệu quả học tập.

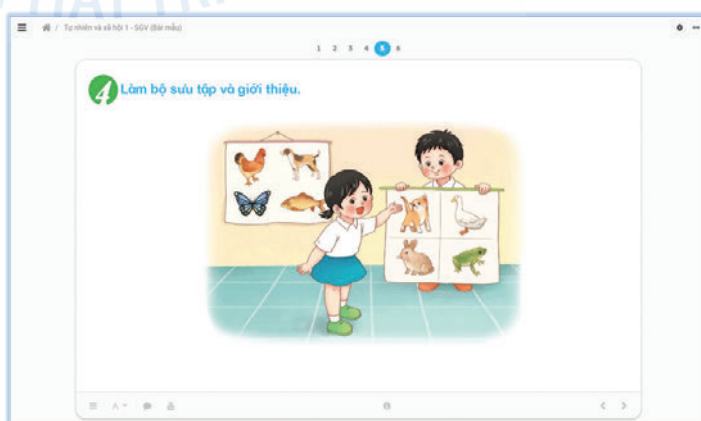
3. Video tiết học (minh hoạ)

Một số tiết học thực tế được quay phim và dựng thành video để làm tư liệu cho giáo viên tham khảo.

4. Sách Mềm – Sách giáo viên

Là phần mềm bài soạn điện tử tương tác, được xây dựng bám sát theo nội dung sách giáo viên, sách giáo khoa kèm theo các hình ảnh, âm thanh, video, hiệu ứng tương tác, trực quan, sinh động.

- Góp phần đổi mới phương pháp dạy và học.
- Giúp giáo viên:
 - Giảm bớt thời gian, công sức chuẩn bị tư liệu bài giảng;
 - Có thêm công cụ, tư liệu trực quan, sinh động, hấp dẫn phục vụ việc giảng dạy;
 - Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào giảng dạy.



- Giúp học sinh:
 - Hứng thú tiếp thu bài học;
 - Dễ tiếp thu bài học;
 - Nâng cao hiệu quả học tập.

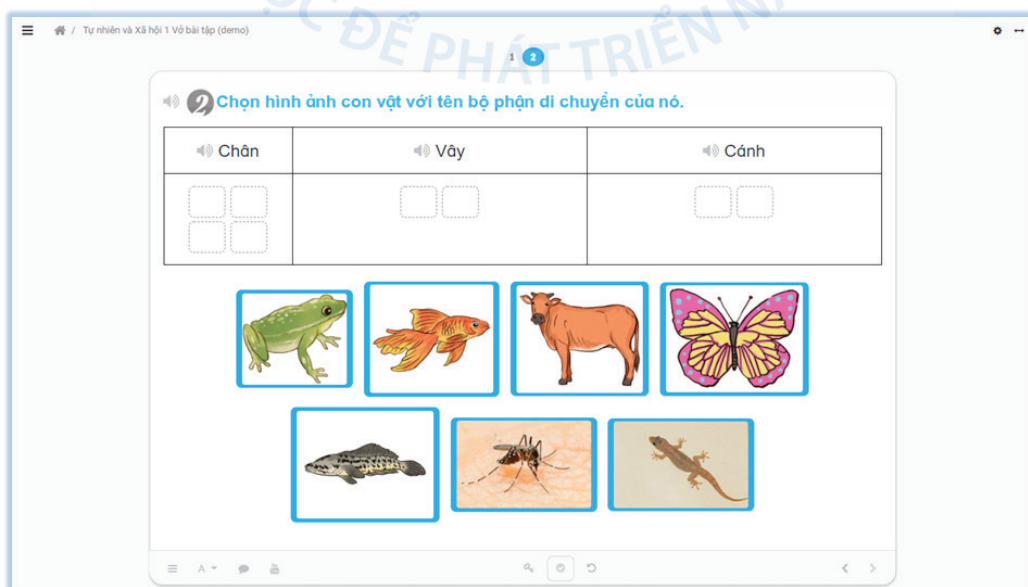
5. Sách Mềm – Sách giáo khoa

Là phần mềm sách điện tử tương tác, được xây dựng bám sát theo nội dung sách giáo khoa kèm theo các hình ảnh, âm thanh, video, hiệu ứng tương tác, trực quan, sinh động.



6. Sách Mềm – Vở bài tập

Là phần mềm sách điện tử tương tác, được xây dựng bám sát theo nội dung Vở bài tập kèm theo các hình ảnh, âm thanh, video, hiệu ứng tương tác, trực quan, sinh động.



- Giúp giáo viên:
 - Giao bài tập, chữa bài trực tuyến chung cho cả lớp hoặc riêng cho mỗi học sinh;
 - Theo dõi thành tích của mỗi học sinh hoặc cả lớp;
 - Thống kê trực quan và dễ hiểu giúp giáo viên biết cần làm việc riêng biệt với học sinh nào về chủ đề nào.
- Giúp học sinh:
 - Hứng thú hơn khi ôn luyện và làm bài tập;
 - Tự ôn luyện, tự kiểm tra kết quả làm bài;
 - Được chấm điểm tự động, tức thì;
 - Được gợi ý, hướng dẫn làm bài.

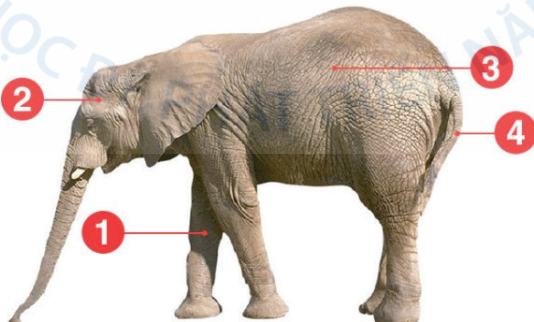
7. Sách Mềm – Tự kiểm tra, đánh giá

Là học liệu điện tử tương tác, được chuyển thể từ các câu hỏi kiểm tra, đánh giá trọng tâm kiến thức bài học.

- Giúp học sinh tự kiểm tra, đánh giá lại kiến thức của mình sau mỗi bài học.
- Giúp giáo viên:
 - Theo dõi thành tích của mỗi học sinh hoặc cả lớp;
 - Thống kê trực quan và dễ hiểu giúp giáo viên biết cần làm việc riêng biệt với học sinh nào về chủ đề nào.

1 2 3 4

Bài 2. Chọn các bộ phận của con vật ở hình dưới với ô trống phù hợp.



1

2

3

4

Mình
Chân
Đầu
Đuôi

☰ A ▾
🔍 🗨️ ↺
< >

6. KHAI THÁC THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU TRONG DẠY HỌC

6.1. Về thiết bị dạy học bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (HEID) – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam có hai dòng sản phẩm, dòng sản phẩm thiết bị THỰC và dòng sản phẩm thiết bị ẢO. Đây là các sản phẩm bám sát và dùng riêng cho bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực.

– Các thiết bị THỰC, bao gồm ba sản phẩm chính, đó là:

- + Bộ đồ dùng thực hành Toán và Tiếng Việt.
- + Bộ tranh dùng cho phân môn Kể chuyện (Tiếng Việt).
- + Bộ tranh Tự nhiên và Xã hội.

– Các thiết bị ẢO, bao gồm ba sản phẩm chính, đó là:

- + Tư liệu bài giảng dành cho GV.
- + Vở bài tập có tương tác.
- + Tự kiểm tra, đánh giá.

6.2. Về Bộ đồ dùng thực hành Toán và Tiếng Việt

Công ty HEID sản xuất đảm bảo đầy đủ các chi tiết bao trọn 5 bộ thiết bị trong Danh mục theo Thông tư 05/2019/TT-BGD&ĐT, đó là (1) Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số; (2) Bộ thiết bị dạy phép tính; (3) Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối; (4) Mô hình đồng hồ; (5) Bộ thẻ chữ học vần thực hành. Ngoài ra, Công ty còn mạnh dạn tích hợp vào đây bộ sa bàn giao thông.

Thực sự đây là một ý tưởng có thể nói là táo bạo của Công ty HEID, nhưng rất hiệu quả. Trong Danh mục thiết bị tối thiểu môn Tự nhiên và Xã hội, có bộ sa bàn giáo dục giao thông. Mục đích để giúp HS hình thành năng lực tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn giao thông. Nhiều công ty khác đã sản xuất những bộ sa bàn giao thông khá đẹp và thuận tiện sử dụng, tuy nhiên giá thành khá cao (khoảng hơn 200.000 VNĐ). Công ty HEID thấy rằng, để học 1 – 2 bài học mà giá thành cao sẽ có nhiều trường học khó có điều kiện đầu tư. Do vậy, Công ty HEID đã tích hợp nội dung này vào bộ đồ dùng thực hành Toán và Tiếng Việt, vẫn đảm bảo thực hiện được mục đích dạy học, mà giá thành lại giảm, chỉ tăng thêm vài chục ngàn đồng vào bộ đồ dùng thực hành Toán và Tiếng Việt.

6.3. Về bộ tranh dùng cho phân môn Kể chuyện (Tiếng Việt)

Bao gồm 29 tranh, là nội dung 29 câu chuyện được kể trong sách Tiếng Việt 1. HS được nghe kể chuyện, được trả lời các câu hỏi đặt ra sau khi nghe kể, và đặc biệt, được tự tay lựa chọn nhân vật (bóc dán sticker) để hoàn thành bức tranh diễn tả câu chuyện. Điều này kích thích hứng thú của HS, làm cho HS nhớ được nội dung câu chuyện một cách nhanh chóng, yêu thích những giờ nghe Kể chuyện.

Ví dụ, ở tiết Kể chuyện *Gà mẹ và gà con* (Bài 3E): Công ty HEID có một bức tranh nền, chưa hoàn thiện cùng một số sticker là các nhân vật trong câu chuyện. Trong lúc nghe cô giáo kể chuyện, HS sẽ tự tay lựa chọn, bóc và dán sticker vào tranh, sao cho đúng nội dung câu chuyện. Như vậy sau tiết học, mỗi HS đã có một bức tranh hoàn chỉnh về câu chuyện.

6.4. Về bộ tranh Tự nhiên và Xã hội

Bao gồm 31 tranh, mỗi tranh được sử dụng để tổ chức một hoạt động học tập nào đó trong một bài học của SGK. Bộ tranh sử dụng việc bóc/dán các sticker để qua đó thực hiện các hoạt động tư duy, vận dụng kiến thức mới. Điều này rất hữu ích cho việc phát triển tư duy, rèn luyện kỹ năng và phát triển năng lực của trẻ. Tùy thuộc nội dung từng bài học, mỗi tranh sẽ thực hiện một hoạt động cụ thể trong bài.

Ví dụ, hoạt động vận dụng “Cùng chơi dọn nhà” trong bài học “Nơi gia đình chung sống”: Công ty HEID có một bức tranh nền là hình ảnh trong gia đình và có các sticker là các đồ vật thường dùng hằng ngày. HS sẽ bóc/dán các sticker sao cho các đồ vật ở đúng chỗ của chúng. Sau hoạt động, mỗi HS sẽ được một bức tranh hoàn chỉnh.

6.5. Về học liệu điện tử của bộ sách Cùng học để phát triển năng lực

Học liệu điện tử kèm theo SGK gồm ba sản phẩm chính, đó là:

(1) Tư liệu bài giảng dành cho GV: Phân loại các loại hình bài học trong SGK. Với mỗi loại bài, thiết kế bài giảng mẫu, kèm theo các tư liệu hỗ trợ để GV có thể sử dụng khi dạy học.

(2) Sách mềm – Vở bài tập: Chuyển thể từ VBT sang dạng tương tác.

(3) Sách mềm – Tự kiểm tra, đánh giá. Với mỗi bài trong SGK, có một vài câu hỏi, bài tập để HS tự thực hiện, qua đó tự đánh giá về khả năng nắm vững nội dung cơ bản của bài.

Xin các quý vị hãy tự thử trải nghiệm ở tài khoản demo trực tuyến sau:

Truy cập website: <https://sachmem.vn>

Tài khoản đăng nhập:

+ Email: sgk@heid.vn

+ Mật khẩu: sachgiaokhoa

7. MỘT SỐ LƯU Ý LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC THEO THÔNG TƯ 3866

Để hoạt động tổ chức dạy học trên lớp đạt được mục đích hình thành các năng lực của môn học cũng như các năng lực chung, các phẩm chất được quy định trong chương trình, GV cần lập kế hoạch tổ chức dạy học phù hợp với chính đối tượng HS của lớp mình, trường mình. Kế hoạch tổ chức dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 1 có thể đi theo tiến trình hướng dẫn tổ chức các hoạt động học của SGK, tuy nhiên, để phù hợp với đối tượng, GV cần lưu ý một số điểm sau:

- Yêu cầu cần đạt: GV có thể diễn đạt lại rõ hơn các yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, thái độ.
- Đồ dùng dạy học: GV ưu tiên chuẩn bị các đồ dùng thực tế, sẵn có hoặc thiết kế đồ dùng dạy học phù hợp với đối tượng. Có thể phát triển các vật liệu học tập đa dạng, phù hợp với văn hoá của địa phương.
- Tổ chức các hoạt động dạy học: Tùy theo trình độ của HS có thể phân bổ thời gian, trọng tâm cho các hoạt động; Xác định nội dung cần nhấn mạnh, khai thác các vật liệu học (hình ảnh SGK, kinh nghiệm của HS, vật thật,...) HS cần tương tác,... để có thể hình thành năng lực cho HS; Xác định các kĩ thuật dạy học và phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng HS hướng tới hình thành năng lực; Định hướng các kết luận/chốt cho hoạt động.
- Xây dựng kế hoạch đánh giá: Xây dựng nội dung đánh giá ở mỗi bài học, đối tượng, hình thức và cách đánh giá trong các hoạt động học, hay kết thúc bài học.
- Rút kinh nghiệm sau các giờ lên lớp: GV đánh giá lại quá trình tổ chức dạy học, kết quả học tập của HS, xác định điều đã làm tốt, điều gì cần điều chỉnh và hướng điều chỉnh cho các tiết học sau.

PHẦN HAI

GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI

Môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 có ba dạng bài: Hình thành kiến thức mới; Thực hành quan sát và Ôn tập chủ đề.

1. HƯỚNG DẪN DẠNG BÀI HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Dạng bài này chiếm đa phần trong SGK, được cấu trúc bởi bốn nhóm hoạt động chính theo cấu trúc chung của bộ sách Cùng học để phát triển năng lực, gồm các hoạt động:

– **Khởi động:** Đây là hoạt động tạo hứng thú, kết nối những kiến thức, kinh nghiệm đã có của HS với kiến thức, kĩ năng mới cần hình thành. GV tổ chức các hoạt động như: hát, đọc thơ, chơi trò chơi, thực hiện hoạt động hoặc đàm thoại ngắn gọn giữa GV và HS.

Sản phẩm của hoạt động này là các ý kiến dự đoán, trả lời, giả thuyết liên quan đến bài học mới của HS.

– **Khám phá:** Đây là hoạt động giúp HS xây dựng kiến thức mới, thay đổi những quan niệm chưa đúng, bổ sung những quan niệm chưa đầy đủ. GV sử dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực (như quan sát, hỏi – trả lời, thảo luận nhóm,...), hướng dẫn HS tương tác với các đối tượng học tập (mô hình, vật thật, môi trường xung quanh, hình ảnh mô phỏng,...) để tạo điều kiện cho HS xây dựng kiến thức, kĩ năng mới của bài học.

Sản phẩm của hoạt động này là HS nêu ra được những nhận xét, trả lời câu hỏi, tự nêu được các giá trị đạo đức, nhân văn được rút ra trong bài học hoặc những tri thức khoa học của bài.

– **Luyện tập:** Đây là hoạt động củng cố kiến thức mới, hình thành kĩ năng, thái độ: GV giám sát, hỗ trợ HS thực hiện các nhiệm vụ học tập, thực hành kiến thức mới vào tình huống quen thuộc liên quan đến bài học, hình thành kĩ năng và thái độ. Thông qua việc trao đổi với bạn học; thực hành phân loại các sự vật, hiện tượng; tham gia các trò chơi; xử lí các tình huống, HS củng cố kiến thức, nhìn nhận, đánh giá lại kiến thức, kĩ năng vừa hình thành.

– **Vận dụng:** Áp dụng kiến thức, kĩ năng đã có vào bối cảnh mới: GV mở rộng nhiệm vụ học tập, đặt HS vào các tình huống liên quan đến thực tế trong đời sống hằng ngày để HS sử dụng kiến thức, kĩ năng đã có giải quyết tình huống trong bối cảnh mới.

Sản phẩm của hoạt động này là HS liên hệ được bản thân; lựa chọn, giải thích và đưa ra cách ứng xử, giải quyết vấn đề phù hợp; thực hành làm một số việc cụ thể trong cuộc sống hằng ngày có liên quan đến bài học.

Trong dạy học phát triển năng lực, nhiệm vụ của người GV là giúp người học tìm tòi và thể hiện được bản thân; HS không chỉ đạt được về kiến thức mà cả kĩ năng, thái độ,... được thể hiện qua hành động quan sát được như: nói, kể, trình bày, mô tả, nhận xét, đặt câu hỏi, đề xuất,... về sự vật, hiện tượng xung quanh; HS thể hiện sản phẩm trong quá trình học tập như là một minh chứng cho sự hình thành và phát triển năng lực của bản thân.

Ví dụ: Hướng dẫn dạy học Bài 3. Nơi gia đình chung sống

Bài 3
Nơi gia đình chung sống

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nói được địa chỉ nhà, kiểu nhà, một vài đặc điểm xung quanh nhà thông qua hình ảnh.
- Nhận biết được tên gọi, chức năng của một số đồ dùng, thiết bị phổ biến trong nhà.
- Nhận biết được sự cần thiết của việc sắp xếp đồ dùng trong nhà và thực hiện được việc sắp xếp một số đồ dùng của bản thân.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Video bài hát "Nhà là nơi", nhạc sĩ Nguyễn Hải Phong sáng tác.
- Hình ảnh một số kiểu nhà phổ biến ở địa phương.
- Hình 5 khổ lớn, thẻ hình rời (theo tỉ lệ tranh) các đồ dùng: giấy, dép, bóng, ghế, quần, áo, cặp sách, sách Toán.

Chuẩn bị của HS:

- Ảnh chụp hoặc ảnh vẽ về nơi sống của gia đình.

Bài 3 **Nơi gia đình chung sống**

1 Nhà bạn ở đâu? Xung quanh nhà có những gì?





Nhà tôi ở số 2, phố Lê Lợi.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động cả lớp:

- HS xem video bài hát "Nhà là nơi", (Nếu có thể, HS vận động và hát theo điệp khúc của bài hát).
- GV yêu cầu HS nói cảm nhận của mình khi nghe và xem những hình ảnh trong bài hát. Sau đó dẫn dắt HS vào bài học.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ1: Nhà bạn ở đâu? Xung quanh nhà có những gì?

a) Nói về nơi mình sống

Hoạt động cặp đôi:

Từng cặp HS chia sẻ với bạn: Địa chỉ nơi ở của gia đình mình, mô tả đơn giản về nơi ở.

Hoạt động cả lớp:

- HS xung phong lên làm mẫu cách giới thiệu về nơi ở của gia đình. GV hướng dẫn HS làm mẫu, khi giới thiệu cần nói câu đơn giản, diễn đạt ngắn gọn, mô tả được một số thông tin về nơi ở của gia đình mình. Ví dụ:

- + Tôi tên là..., nhà tôi ở số..., đường/phố..., cạnh nhà tôi có nhà bạn A....;
- + Nhà tôi ở xóm (làng)...., xung quanh nhà tôi có sân và nhiều cây....

– **Hoạt động khởi động:** GV ưu tiên sử dụng hình ảnh các ngôi nhà phổ biến ở địa phương để gợi mở từ kinh nghiệm hằng ngày của HS với yêu cầu tìm hiểu các loại nhà trong bài học. Khi tổ chức hoạt động, GV lưu ý:

+ Khuyến khích HS vận động theo nhạc của bài hát để tạo hứng thú cho các em.

+ Đặt câu hỏi để khai thác hình ảnh các kiểu nhà phổ biến ở địa phương với chính ngôi nhà của HS. Từ đây kết nối vào câu hỏi của hoạt động khám phá.

– **Hoạt động khám phá:** Dựa trên những điều HS chia sẻ ở hoạt động khởi động, GV dẫn dắt HS trả lời câu hỏi để xây dựng kiến thức mới. Khám phá kiến thức mới gồm hoạt động 2 và hoạt động 3.

2 Hãy kể về ngôi nhà của bạn.



Có nhiều kiểu nhà khác nhau. Mỗi ngôi nhà đều có địa chỉ. Trong nhà có nhiều phòng, mỗi phòng có các đồ dùng, thiết bị cần thiết cho sinh hoạt.

- HS quan sát và nhận xét kiểu nhà nào giống với nhà thường có ở địa phương (nơi em sống). Hoặc trả lời câu hỏi: Xung quanh nơi em sống có những kiểu nhà nào?

HD2: Hãy kể về ngôi nhà của bạn.

GV dùng hình 4, hoặc sử dụng hình ảnh bên trong một ngôi nhà thực tế của địa phương.

a) Kể các đồ dùng, thiết bị trong gia đình

Hoạt động cặp đôi:

- Từng cặp HS quan sát hình 4, chỉ vào một số đồ dùng, thiết bị trong hình, đặt và trả lời câu hỏi: Đây là cái gì? Dùng để làm gì?
- HS có thể nói được tên một số đồ dùng, thiết bị có trong hình và chức năng của chúng.

Hoạt động cả lớp:

- Một số HS nói trước lớp câu trả lời về đồ dùng, thiết bị trong hình 4 như: bàn, ghế, giường, tủ, ti vi, quạt điện, nồi, ấm, chén,...
- HS liên hệ thực tế, giới thiệu đồ dùng trong nhà của mình. GV khuyến khích HS kể được nhiều đồ dùng bằng các câu hỏi: "Nhà chúng mình có những đồ vật nào? Đồ vật đó dùng để làm gì?" hoặc "Tên đồ dùng để nấu cơm là gì?", "Đồ dùng để giặt quần áo có tên là gì?". Tùy khả năng, HS có thể nêu được tên và chức năng của một số đồ dùng, thiết bị mà các em quan tâm ở nhà.

Sau hoạt động này, HS nói được trong nhà có nhiều đồ dùng, thiết bị khác nhau, nhắc lại được tên và chức năng một số đồ dùng chính như: giường dùng để ngủ, tủ dùng để đựng quần áo, bàn dùng để học, ghế dùng để ngồi, nồi dùng để nấu cơm,...

b) Kể các phòng trong gia đình

Hoạt động nhóm 4

- Từng nhóm HS hỏi và trả lời: Nhà bạn có những phòng nào?
- HS theo thực tế, nói được tên một số phòng trong nhà, hoặc khu vực theo chức năng thường có ở trong nhà:

- + Khu vực bếp (phòng bếp).
- + Phòng khách (nơi sinh hoạt chung).
- + Phòng ngủ,...

+ Nhà tôi ở chung cư số..., chung cư rất cao, có thang máy đi lên nhà, xung quanh có vườn hoa,...

- Một số HS giới thiệu nơi ở của gia đình mình trước lớp. Tùy khả năng, HS có thể mô tả về đặc điểm ngôi nhà của mình ở các mức độ khác nhau, nhưng cần nói được địa chỉ và kiểu nhà.

Lưu ý: Nếu HS chưa làm việc cặp đôi được, GV có thể tổ chức hoạt động cả lớp để hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu.

b) Giới thiệu một số kiểu nhà phổ biến

GV treo hình một số kiểu nhà đặc trưng và một số hình có kiểu nhà thường có ở địa phương.

Hoạt động cả lớp:

- HS quan sát hình ảnh, nói tên các kiểu nhà mình biết. GV giới thiệu thêm những kiểu nhà HS chưa biết và một số đặc điểm xung quanh nhà, giúp HS nói được các kiểu nhà: nhà cao tầng; nhà thấp tầng; nhà sân; nhà mái ngói,...

Sách giáo viên 17

Quá trình tổ chức, GV lưu ý một số điểm sau:

- + Kiến thức cần khám phá gồm có hai nội dung riêng biệt: đặc điểm các loại nhà và các đồ dùng có trong nhà. Vì vậy GV cần chốt từng nội dung riêng biệt.
- + Tùy trình độ, trong mỗi nội dung của hoạt động khám phá, HS có thể làm việc cá nhân hoặc chia sẻ cặp đôi, nhóm để bổ sung kiến thức cho nhau; Quan sát và làm việc với hình ảnh trước và liên hệ các loại nhà của HS sau hoặc ngược lại.
- + GV gợi ý cho HS tương tác (quan sát) với hình ảnh để biết được nội dung câu trả lời của hai nhân vật trong hình. Tùy trình độ của HS, GV đặt thêm một số câu hỏi (trong nhóm hoặc cả lớp) để HS đạt được mục tiêu hoạt động.
- + GV tổ chức cho HS tương tác theo cặp và mở rộng dần nhóm lớn đến hoạt động cả lớp để tìm hiểu được về các loại nhà trong hình, nhà ở địa phương; các đồ dùng ở trong hình, các đồ dùng gia đình thường có ở địa phương.
- + GV gợi ý để HS nhận xét được việc sắp xếp các đồ dùng trong gia đình theo các khu vực hoặc phòng chức năng.
- **Hoạt động luyện tập:** Ở bài này, luyện tập mang tính thực hành, củng cố một phần kiến thức được hình thành ở hoạt động khám phá, đồng thời hình thành ý thức, kĩ năng tự phục vụ – sắp xếp đồ dùng cá nhân đúng chỗ.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HD3: Cùng chơi "Dọn nhà".

a) Nhận xét về vị trí các đồ dùng ở trong hình

Hoạt động cặp đôi:

- Từng cặp HS quan sát hình 5 và chỉ rõ những đồ dùng chưa được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng.
- HS so sánh và chia sẻ những phát hiện của mình với bạn trong nhóm.
- Một số HS lên bảng nói tên và chỉ vị trí những đồ dùng các em phát hiện ra chưa để đúng chỗ. GV hướng dẫn HS cách quan sát để HS tìm ra nhanh và không bỏ sót các đồ dùng đó như:
 - + Quả bóng để giữa nhà.
 - + Giày, dép để mỗi nơi một chiếc.
 - + Cặp sách để ở ghế ngồi bàn uống nước.
 - + Quần để trên ghế ngồi bàn uống nước.
 - + Áo để trên giường.
 - + Sách để trên bàn uống nước.
 - + Ghế ngồi bị đổ.

b) Sắp xếp các đồ dùng vào chỗ phù hợp

GV sử dụng thẻ hình có gắn nam châm để HS thực hiện sắp xếp.

Hoạt động nhóm 4:

- Từng nhóm HS quan sát hình 5, thực hiện theo yêu cầu của GV: Sắp xếp, di chuyển các đồ dùng về chỗ phù hợp. Tùy theo khả năng, HS có thể chỉ sắp xếp được một số đồ dùng quen thuộc. GV có thể gợi ý HS vị trí thích hợp của các đồ dùng khác như quả bóng (đá).
- HS cũng nhau chơi trò chơi, thi đua theo nhóm, di chuyển, sắp xếp các đồ dùng trên hình. GV động viên, khen ngợi đội xếp được nhiều đồ dùng và nhanh nhất.

c) Chia sẻ về sự cần thiết của việc tự sắp xếp đồ dùng của bản thân

Hoạt động cả lớp:

- HS nêu được một số nhận xét về căn phòng đã được xếp, dọn sau khi kết thúc trò chơi "Dọn nhà".

Cùng chơi "Dọn nhà".

- Hãy chỉ ra những đồ dùng nào để chưa đúng chỗ.
- Nói vị trí phù hợp của chúng.

Chúng mình nhớ sắp xếp các đồ dùng gọn gàng, ngăn nắp để nơi chúng thuộc về nhé.

- + Các đồ dùng xếp gọn gàng, ngăn nắp, không bị lộn lộn, lung tung.
- + Căn phòng sạch, đẹp, gọn gàng....
- + Dễ nhìn, dễ tìm các đồ dùng khi cần thiết....
- HS liên hệ với việc làm thường ngày ở nhà và trả lời câu hỏi: Ở nhà, em có thường xuyên sắp xếp các đồ dùng của mình không? Chúng mình có cần sắp xếp đồ dùng của bản thân gọn gàng, ngăn nắp hay không? Vì sao? Chúng mình có thể làm gì để giữ ngôi nhà gọn gàng, ngăn nắp?
- HS chia sẻ các ý kiến về sự cần thiết trong việc tự sắp xếp đồ dùng của bản thân. GV có thể đưa ra lời khích lệ để HS hình thành ý thức tự phục vụ, xây dựng nền nếp, thói quen ngăn nắp như: tự sắp xếp quần, áo, giày, dép, sách, vở,... là những đồ dùng của bản thân vào đúng nơi, đúng chỗ.
- HS thực hiện việc sắp xếp các đồ dùng của bản thân ở nhà ngăn nắp, gọn gàng.
- HS chia sẻ với các bạn, với GV về cảm xúc của mình sau khi thực hiện sắp xếp gọn gàng đồ dùng của bản thân ở nhà.

18 Tự nhiên và Xã hội 1

Khi tổ chức hoạt động luyện tập mang tính thực hành, GV lưu ý một số điểm sau:

- + GV cần chuẩn bị hình ảnh di rời được của một số đồ vật có trong gia đình ở hoạt động 4.
- + Yêu cầu HS nhắc lại một số đồ dùng, thiết bị trong gia đình và vị trí thường có của chúng trong ngôi nhà.
- + Cho HS cùng nhận xét về hình ảnh căn phòng ở hoạt động 4.
- + Tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, chia sẻ cách sắp xếp các đồ dùng.
- + Tổ chức giữa các nhóm chia sẻ ý kiến về cách sắp xếp và lí do cần sắp xếp đồ dùng đúng chỗ.
- + Chia sẻ cảm xúc sau khi chơi trò chơi để giúp HS hình thành thái độ, ý thức tự phục vụ.
- + Yêu cầu HS vận dụng vào việc dọn dẹp đồ dùng cá nhân ở gia đình.

2. HƯỚNG DẪN DẠNG BÀI THỰC HÀNH QUAN SÁT

Dạng bài Thực hành quan sát gồm ba hoạt động chính:

- **Chuẩn bị:** Địa điểm quan sát, nội dung quan sát, các đồ dùng cần thiết phục vụ hoạt động thực hành, các đồ dùng bảo hộ.

- **Thực hành quan sát:** HS thực hiện theo các nhiệm vụ được phân công, làm việc theo nhóm, đảm bảo an toàn của bản thân khi hoạt động ngoài thực tế.
- **Báo cáo kết quả quan sát:** Các kết quả quan sát được thể hiện bằng sản phẩm cụ thể.

Đây là dạng bài hướng đến những năng lực của môn học đó là: quan sát, thu thập thông tin, trình bày kết quả thu thập được.

Các cấu phần của dạng bài này có thể có rải rác ở một số hoạt động trong các bài.

Ví dụ: Hướng dẫn tổ chức dạy học Bài 31. Thực hành quan sát bầu trời

Bài 31
Thực hành
quan sát bầu trời

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Quan sát và ghi chép được một số biểu hiện của thời tiết (bầu trời, đám mây,...).
- Nói hoặc vẽ được bầu trời và cảnh vật đã quan sát thực tế.
- Có ý thức bảo vệ mắt, không nhìn trực tiếp vào Mặt Trời.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Kính đen hoặc tấm nhựa đen.
- Phiếu quan sát (số lượng theo số HS).
- Địa điểm quan sát an toàn, phù hợp.

Chuẩn bị của HS:

- Giấy, bút vẽ, bút màu.

Bài 31 **Thực hành**
quan sát bầu trời

1 Chuẩn bị quan sát ngoài lớp học:

- Bạn cần chuẩn bị gì khi học ngoài lớp học?
- Bạn cần lưu ý điều gì khi quan sát bầu trời?

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CHUẨN BỊ

HD1: Chuẩn bị quan sát ngoài lớp học.

Hoạt động cặp đôi:

- Nhóm thảo luận và trả lời câu hỏi: **Để việc học tập ngoài lớp học hiệu quả và an toàn:**
 - + Bạn cần chuẩn bị gì khi học ngoài lớp học?
 - + Bạn cần lưu ý điều gì khi quan sát bầu trời?
 - + Để không ảnh hưởng đến việc học tập của các lớp khác, các bạn cần phải làm gì?

Hoạt động cả lớp:

GV chiếu hoặc treo hình 1, 2 để cả lớp cùng theo dõi.

- Đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi trước lớp. Nhóm khác có thể bổ sung câu trả lời, HS nói được:

- + Nhớ nhiệm vụ học tập khi ra ngoài trời quan sát; cầm theo phiếu và bút chì.
- + Không được nhìn trực tiếp vào Mặt Trời (có thể sử dụng kính đen để quan sát Mặt Trời).
- + Xếp hàng đôi, trật tự đi ra ngoài lớp học; không đùa nghịch, chú ý lắng nghe hướng dẫn của thầy/cô giáo.
- HS lắng nghe GV hướng dẫn nhiệm vụ khi ra ngoài trời quan sát:
- + Quan sát bầu trời, đám mây, có Mặt Trời/ mưa,... (theo phiếu quan sát).
- + Quan sát cảnh vật xung quanh: sân trường, cây cối, mọi vật.
- + Gợi ý cho HS biết cách đặt câu hỏi khi quan sát. Ví dụ: *Bạn có nhìn thấy Mặt Trời không? Mây có màu gì?...*

Sách giáo viên 111

– **Hoạt động chuẩn bị:**

Ở bài này, GV cần lưu ý công tác chuẩn bị cho HS như sau:

- + Theo dõi thời tiết: Vì thực hành quan sát diễn ra ngoài trời nên GV cần theo dõi dự báo thời tiết, đảm bảo cho HS tham gia hoạt động trong điều kiện thời tiết tốt nhất. Ở bài này, thời tiết lí tưởng là nắng nhẹ, có mây.

- + Chuẩn bị địa điểm quan sát: GV cần tìm hiểu địa điểm trước khi dẫn HS đến quan sát, đảm bảo rằng nơi quan sát thuận lợi, có các đối tượng quan sát cần thiết. Ở bài này cần tìm khoảng trống để có thể nhìn thấy Mặt Trời ở hướng Đông.
- + Chuẩn bị các điều kiện để quan sát hiệu quả: GV chuẩn bị phiếu quan sát, trong đó có gợi ý nội dung quan sát; kính quan sát bầu trời (nếu có). Giúp HS làm quen với nội dung phiếu quan sát, đảm bảo HS biết được công việc của mình.
- + Nhắc nhở HS giữ an toàn khi hoạt động ngoài thực tế như: không đi ra khỏi khu vực được phân công, không gây mất trật tự; làm quen và sử dụng kính quan sát (nếu có).
- *Hoạt động thực hành quan sát*: HS thực hiện theo các nhiệm vụ được phân công theo nhóm.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG QUAN SÁT THỰC TẾ BẦU TRỜI

HD2: Quan sát bầu trời.

Hoạt động nhóm ở sân trường:

- Từng nhóm HS đứng/ngồi ghế ở vị trí cụ thể của sân trường (nếu nắng thì cho HS đứng dưới tán cây. GV nên đánh số trước vị trí của các nhóm ở sân trường: nhóm 1 ở vị trí ghi số 1, nhóm 2 ở vị trí ghi số 2,...).
- HS quan sát bầu trời thông qua hệ các câu hỏi:
 - + Nhìn lên bầu trời bạn có thấy Mặt Trời không?
 - + Bầu trời hôm nay trong xanh hay xám xịt?
 - + Trời hôm nay nhiều mây hay ít mây? Những đám mây đó có màu gì?

2 Quan sát bầu trời:

- Quan sát theo nội dung trong phiếu.
- Nói với các bạn những gì quan sát được.



Các bạn nhớ:

- Xếp hàng đôi, trật tự đi ra ngoài lớp học.
- Chú ý lắng nghe hướng dẫn của thầy, cô giáo.
- Không được nhìn trực tiếp vào Mặt Trời.
- Ghi nhớ để điền vào phiếu quan sát.

HD3: Hoàn thành phiếu.

Hoạt động nhóm 4 hoặc nhóm 6 trong lớp học:

- Nhóm thảo luận những điều quan sát được về bầu trời và cảnh vật xung quanh.
- Thư kí của nhóm điền thông tin vào phiếu quan sát của nhóm.

- + Bạn có nhìn thấy ánh nắng vàng hoặc những hạt mưa rơi không?
- + Sân trường, cây cối, mọi vật,... lúc đó khô ráo hay ướt át.
- + ...
- Cá nhân điền những điều đã quan sát được vào phiếu quan sát.

Lưu ý: Trong quá trình HS quan sát, GV đến từng nhóm hướng dẫn và hỗ trợ kịp thời.

– *Báo cáo kết quả quan sát:* Các kết quả quan sát được thể hiện bằng sản phẩm cụ thể: phiếu quan sát và tranh vẽ.

204

GV lưu ý một số điểm khi tổ chức cho HS chia sẻ kết quả quan sát:

- + Có nội dung quan sát phong phú, đa dạng.
- + Tạo cơ hội, tính sáng tạo cho HS (Đáp ứng chương trình mới – năng lực sáng tạo). Sản phẩm mang tính mở. GV khuyến khích HS mô tả những gì mình quan sát được và tôn trọng các kết quả quan sát khác nhau.
- + Trong quá trình trình bày và báo cáo sản phẩm tạo cơ hội giao lưu (hỏi – trả lời) cơ hội trình bày nhằm giúp HS phát triển năng lực giao tiếp. GV có thể sử dụng kĩ thuật phòng tranh ở hoạt động này.
- + Lưu ý đến sự tương đồng giữa các hiện tượng thời tiết với đặc điểm của các yếu tố (màu mây, màu bầu trời,...) để HS có thể củng cố thêm về các dấu hiệu của thời tiết.

3. HƯỚNG DẪN DẠNG BÀI ÔN TẬP CHỦ ĐỀ

Mục đích bài Ôn tập chủ đề là tạo cơ hội cho HS hệ thống được những gì đã học được qua chủ đề và minh chứng bằng các sản phẩm HS đã làm.

Bài Ôn tập chủ đề cấu trúc gồm ba nhóm hoạt động chính:

- Giới thiệu những gì HS đã học được từ chủ đề dưới dạng sơ đồ nội dung: GV hệ thống kiến thức của chủ đề bằng sơ đồ nội dung. GV sử dụng sơ đồ nội dung để tổ chức cho HS trình bày các nội dung chính của chủ đề. Các hình thức tổ chức ở phần này rất đa dạng, tùy theo yêu cầu cần đạt gắn với nội dung của chủ đề và mức độ thành thạo kĩ năng, phát triển năng lực mà HS có thể trình bày bằng lời nói, hình ảnh, sản phẩm làm được ở chủ đề.
- Xử lí tình huống liên quan đến chủ đề: Các tình huống ở bài ôn tập chủ đề cao hơn tình huống trong các bài hình thành kiến thức, đòi hỏi huy động nhiều kiến thức, kĩ năng hơn vào xử lí tình huống (giải quyết vấn đề).
- Đánh giá những việc HS đã thực hiện trong chủ đề: bao gồm cả sự tham vào các hoạt động học và vận dụng thực tiễn.

Ví dụ: Hướng dẫn dạy học Bài 21. Ôn tập chủ đề Thực vật và động vật

- *Nhóm hoạt động thứ nhất:* Hệ thống kiến thức của chủ đề.

+ Hoạt động 1 và 2 nhằm để hệ thống kiến thức của chủ đề.

Bài 21

Ôn tập chủ đề

Thực vật và động vật

Bài 21

Ôn tập chủ đề

Thực vật và động vật

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày và sắp xếp được cây và con vật vào sơ đồ cho sẵn; giới thiệu được về một cây hoặc một con vật mình biết hoặc yêu thích.
- Đưa ra được cách xử lí tình huống an toàn cho bản thân.
- Làm được một sản phẩm về chủ đề (tranh vẽ, sưu tập về cây, con vật; hoạt động chăm sóc, bảo vệ cây, con vật;...).
- Nhận xét được những việc đã làm liên quan đến tìm hiểu, chăm sóc cây, con vật và tự bảo vệ bản thân phòng tránh con vật gây nguy hiểm.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

- 6 thẻ hình cây, con vật có ích hoặc gây nguy hiểm.

Chuẩn bị của HS:

- Sản phẩm tự sưu tầm (tranh ảnh, tranh vẽ, cây, con vật) về chủ đề.
- Dây kẹp để treo, đính sản phẩm (theo nhóm).

1 Trưng bày và giới thiệu sản phẩm về chủ đề.

2 Chọn hình vào nhóm phù hợp.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động cả lớp:

HS cùng hát bài hát về cây hoặc con vật.

Lưu ý: GV có thể chọn tình huống khác phù hợp để tổ chức hoạt động khởi động.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HD1: Trưng bày và giới thiệu sản phẩm về chủ đề.

Hoạt động nhóm 4:

- HS lựa chọn một sản phẩm mình thích trong bộ sưu tập của cá nhân để giới thiệu trong nhóm.
- Từng nhóm HS tạo thành một sản phẩm của nhóm. Sản phẩm của nhóm được sắp xếp theo:
 - + Hình ảnh thực vật.
 - + Hình ảnh động vật.
 - + Các sản phẩm sáng tạo: tự vẽ hay cắt, dán.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HD2: Trưng bày và giới thiệu sản phẩm về chủ đề.

Hoạt động nhóm 4:

- HS lựa chọn một sản phẩm mình thích trong bộ sưu tập của cá nhân để giới thiệu trong nhóm.
- Từng nhóm HS tạo thành một sản phẩm của nhóm. Sản phẩm của nhóm được sắp xếp theo:
 - + Hình ảnh thực vật.
 - + Hình ảnh động vật.
 - + Các sản phẩm sáng tạo: tự vẽ hay cắt, dán.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động cả lớp:

HS cùng hát bài hát về cây hoặc con vật.

Lưu ý: GV có thể chọn tình huống khác phù hợp để tổ chức hoạt động khởi động.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HD1: Trưng bày và giới thiệu sản phẩm về chủ đề.

Hoạt động nhóm 4:

- HS lựa chọn một sản phẩm mình thích trong bộ sưu tập của cá nhân để giới thiệu trong nhóm.
- Từng nhóm HS tạo thành một sản phẩm của nhóm. Sản phẩm của nhóm được sắp xếp theo:
 - + Hình ảnh thực vật.
 - + Hình ảnh động vật.
 - + Các sản phẩm sáng tạo: tự vẽ hay cắt, dán.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động cả lớp:

HS cùng hát bài hát về cây hoặc con vật.

Lưu ý: GV có thể chọn tình huống khác phù hợp để tổ chức hoạt động khởi động.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HD2: Trưng bày và giới thiệu sản phẩm về chủ đề.

Hoạt động nhóm 4:

- HS lựa chọn một sản phẩm mình thích trong bộ sưu tập của cá nhân để giới thiệu trong nhóm.
- Từng nhóm HS tạo thành một sản phẩm của nhóm. Sản phẩm của nhóm được sắp xếp theo:
 - + Hình ảnh thực vật.
 - + Hình ảnh động vật.
 - + Các sản phẩm sáng tạo: tự vẽ hay cắt, dán.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động cả lớp:

HS cùng hát bài hát về cây hoặc con vật.

Lưu ý: GV có thể chọn tình huống khác phù hợp để tổ chức hoạt động khởi động.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HD1: Trưng bày và giới thiệu sản phẩm về chủ đề.

Hoạt động nhóm 4:

- HS lựa chọn một sản phẩm mình thích trong bộ sưu tập của cá nhân để giới thiệu trong nhóm.
- Từng nhóm HS tạo thành một sản phẩm của nhóm. Sản phẩm của nhóm được sắp xếp theo:
 - + Hình ảnh thực vật.
 - + Hình ảnh động vật.
 - + Các sản phẩm sáng tạo: tự vẽ hay cắt, dán.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động cả lớp:

HS cùng hát bài hát về cây hoặc con vật.

Lưu ý: GV có thể chọn tình huống khác phù hợp để tổ chức hoạt động khởi động.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HD2: Trưng bày và giới thiệu sản phẩm về chủ đề.

Hoạt động nhóm 4:

- HS lựa chọn một sản phẩm mình thích trong bộ sưu tập của cá nhân để giới thiệu trong nhóm.
- Từng nhóm HS tạo thành một sản phẩm của nhóm. Sản phẩm của nhóm được sắp xếp theo:
 - + Hình ảnh thực vật.
 - + Hình ảnh động vật.
 - + Các sản phẩm sáng tạo: tự vẽ hay cắt, dán.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động cả lớp:

HS cùng hát bài hát về cây hoặc con vật.

Lưu ý: GV có thể chọn tình huống khác phù hợp để tổ chức hoạt động khởi động.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HD1: Trưng bày và giới thiệu sản phẩm về chủ đề.

Hoạt động nhóm 4:

- HS lựa chọn một sản phẩm mình thích trong bộ sưu tập của cá nhân để giới thiệu trong nhóm.
- Từng nhóm HS tạo thành một sản phẩm của nhóm. Sản phẩm của nhóm được sắp xếp theo:
 - + Hình ảnh thực vật.
 - + Hình ảnh động vật.
 - + Các sản phẩm sáng tạo: tự vẽ hay cắt, dán.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động cả lớp:

HS cùng hát bài hát về cây hoặc con vật.

Lưu ý: GV có thể chọn tình huống khác phù hợp để tổ chức hoạt động khởi động.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HD2: Trưng bày và giới thiệu sản phẩm về chủ đề.

Hoạt động nhóm 4:

- HS lựa chọn một sản phẩm mình thích trong bộ sưu tập của cá nhân để giới thiệu trong nhóm.
- Từng nhóm HS tạo thành một sản phẩm của nhóm. Sản phẩm của nhóm được sắp xếp theo:
 - + Hình ảnh thực vật.
 - + Hình ảnh động vật.
 - + Các sản phẩm sáng tạo: tự vẽ hay cắt, dán.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động cả lớp:

HS cùng hát bài hát về cây hoặc con vật.

Lưu ý: GV có thể chọn tình huống khác phù hợp để tổ chức hoạt động khởi động.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HD1: Trưng bày và giới thiệu sản phẩm về chủ đề.

Hoạt động nhóm 4:

- HS lựa chọn một sản phẩm mình thích trong bộ sưu tập của cá nhân để giới thiệu trong nhóm.
- Từng nhóm HS tạo thành một sản phẩm của nhóm. Sản phẩm của nhóm được sắp xếp theo:
 - + Hình ảnh thực vật.
 - + Hình ảnh động vật.
 - + Các sản phẩm sáng tạo: tự vẽ hay cắt, dán.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động cả lớp:

HS cùng hát bài hát về cây hoặc con vật.

Lưu ý: GV có thể chọn tình huống khác phù hợp để tổ chức hoạt động khởi động.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HD2: Trưng bày và giới thiệu sản phẩm về chủ đề.

Hoạt động nhóm 4:

- HS lựa chọn một sản phẩm mình thích trong bộ sưu tập của cá nhân để giới thiệu trong nhóm.
- Từng nhóm HS tạo thành một sản phẩm của nhóm. Sản phẩm của nhóm được sắp xếp theo:
 - + Hình ảnh thực vật.
 - + Hình ảnh động vật.
 - + Các sản phẩm sáng tạo: tự vẽ hay cắt, dán.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động cả lớp:

HS cùng hát bài hát về cây hoặc con vật.

Lưu ý: GV có thể chọn tình huống khác phù hợp để tổ chức hoạt động khởi động.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN T

+ GV lưu ý một số vấn đề khi hướng dẫn, tổ chức hoạt động:

* Hoạt động 1: GV cần hướng dẫn HS thu thập được các sản phẩm trưng bày là sản phẩm của HS đã thực hiện trong các bài 16, 17, 18. Tùy khả năng HS có thể có một hay nhiều sản phẩm. GV khuyến khích HS thu thập từ các sản phẩm cá nhân hoặc có thể sử dụng sản phẩm nhóm để cùng trình bày, chia sẻ cảm nhận về các sản phẩm,...

* Hoạt động 2: GV hướng dẫn HS sử dụng các thẻ từ, hình ảnh rời để HS sắp xếp vào hai nhóm phù hợp.

– Nhóm hoạt động thứ hai: Xử lý tình huống liên quan đến chủ đề.

Hoạt động cả lớp:

- Đại diện từng nhóm trưng bày và giới thiệu sản phẩm của nhóm mình trước lớp. Giới thiệu được thông tin cơ bản: tên cây, con vật, đặc điểm bên ngoài của chúng.
- HS trong lớp có thể hỏi thêm thông tin về các cây và con vật trong sản phẩm trình bày của nhóm bạn:
 - + Con vật tên là gì? Có ích lợi gì? Có gây nguy hiểm không?
 - + Cây tên là gì? Có ích lợi gì? Điều gì xảy ra nếu chạm vào?
- Các nhóm đánh giá, nhận xét nhóm có sản phẩm ấn tượng, đa dạng hình ảnh nhất.

Cách tổ chức khác:

- HS trưng bày sản phẩm của nhóm như ở hội chợ. HS trong lớp đi tham quan sản phẩm trong "Hội chợ".
- Tại mỗi sản phẩm trưng bày, nhóm phân công người phụ trách giới thiệu sản phẩm.
- Sau phần tham quan, HS chia sẻ nhận xét nhóm có sản phẩm đa dạng, ấn tượng nhất,...

HD2: Chọn hình nào nhóm phù hợp.

Hoạt động cặp đôi:

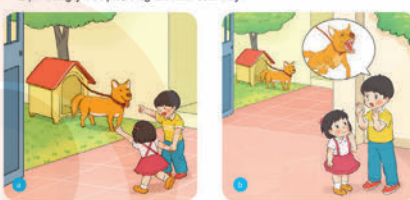
- HS quan sát và đọc tên các nhóm trong sơ đồ.
- HS quan sát hình, nói được tên các cây, con vật thuộc nhóm "Có ích đối với con người" hay "Gây nguy hiểm đối với con người".
- Từng cặp HS so sánh kết quả sắp xếp hình ảnh. HS có thể cùng bạn trao đổi, giải thích thêm các thông tin về cây, con vật mà mình chưa biết.
- HS liệt kê thêm các cây, con vật khác nữa và xếp chúng vào nhóm:
 - + Cây và con vật có ích, dùng làm thức ăn: cây rau cải, cây dưa (quả dưa), trà hoa hồng, gà, lợn, tôm,...
 - + Cây và con vật có ích, dùng trang trí, làm cảnh: cá cảnh, các loại hoa, các loại cây cảnh,...
 - + Con vật có thể gây nguy hiểm đối với con người: nuôi, cắn, chó, mèo, chuột,...

3 Xử lý tình huống.

– Quan sát tình huống sau:



– Bạn đồng ý với phương án nào sau đây?



TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HD3: Xử lý tình huống.

a) Mô tả tình huống

Hoạt động cặp đôi:

- Từng nhóm HS quan sát hình mô tả tình huống, trả lời câu hỏi:
 - + Bạn nhỏ và em gái đang làm gì? Em gái muốn điều gì?
 - + Đây có phải con chó của hai anh em hay của một gia đình khác?
- HS quan sát hình mô tả tình huống, theo gợi ý của GV, nói được:
 - + Bạn nhỏ và em gái đi ngang qua cổng một ngôi nhà. Em gái muốn chơi với con chó.
 - + Con chó là của một gia đình mà họ đi ngang qua.

78 Tự nhiên và Xã hội 1

GV có thể lựa chọn tình huống gợi ý của SGK hoặc tự xây dựng tình huống gần với thực tế ở địa phương. Khi tổ chức cho HS xử lý tình huống, cần lưu ý một số vấn đề sau:

- + Giúp HS phân tích tình huống (xác định vấn đề) bằng các câu hỏi gợi mở để HS nhận biết nội dung tình huống và biết nhiệm vụ cần làm gì.
- + GV để HS chủ động đưa ra phương án, hoặc lựa chọn phương án cho sẵn nhưng cần khuyến khích HS giải thích "tại sao".

Qua hai nhóm hoạt động, GV có khả năng đánh giá HS thu nhận được những gì từ chủ đề và vận dụng kiến thức, kĩ năng đó như thế nào.

– *Nhóm hoạt động thứ ba: Đánh giá những việc HS đã thực hiện trong chủ đề.*

72

Bạn đã thực hiện những việc nào dưới đây?








b) Xử lý tình huống

Hoạt động cặp đôi:

- + HS quan sát và trao đổi với nhau để thấy được rằng: phương án a) hai anh em đi vào chơi với con chó; phương án b) anh đang mô tả cho em sự nguy hiểm của con chó. HS đưa ra và lí giải cho phương án trả lời.

Hoạt động cả lớp:

- HS lên trình bày trước lớp phương án lựa chọn của mình (cách xử lí của mình).
- Nếu HS lựa chọn phương án a), GV có thể đặt thêm một số câu hỏi:
 - + Theo em, một con chó sẽ phản ứng như thế nào với người lạ?
 - + Em có chắc chắn là một con chó sẽ thân thiện, hiền lành khi có người lạ tiến đến gần không?
 - + ...

- Nếu HS chọn phương án b), HS đưa ra lời giải thích cho lựa chọn của mình: Con chó có thể xô lên, cắn hai anh em, gây nguy hiểm.

HĐ4: Bạn đã thực hiện những việc nào dưới đây?

Hoạt động cặp đôi:

- HS quan sát hình, nói được việc làm của các bạn trong từng hình:
 - + Hình 4: Tưới nước cho hoa.
 - + Hình 5: Vẽ một con vật quan sát hoặc yêu thích (làm sản phẩm).
 - + Hình 6: Treu chọc vật nuôi.
 - + Hình 7: Chăm sóc vườn rau của lớp.
 - + Hình 8: Ngủ nằm màn tránh muỗi đốt.
 - + Hình 9: Đưa vật nuôi đi tiêm phòng, khám bác sĩ.

- HS tự nhận xét đã thực hiện được những việc nào giống như việc của các bạn trong hình, việc nào chưa thực hiện và nêu lí do chưa thực hiện.

Hoạt động cả lớp:

- Một số HS kể trước lớp những việc mình đã thực hiện giống các bạn nhỏ trong hình.
 - + GV khen ngợi các việc làm tốt nếu các bạn thực hiện những việc: chăm sóc cây trồng, vẽ một sản phẩm về cây hoặc con vật mình thích, mắc màn khi đi ngủ để tránh muỗi đốt, nhắc nhở người thân tiêm phòng cho vật nuôi,...
 - + GV cần nhắc nhở các việc làm chưa đúng nếu các bạn đã từng có hành động: treu chọc vật nuôi,...
- HS chia sẻ và rút kinh nghiệm những hành động mình làm chưa đúng việc làm/hành động đó "không đẹp" hoặc gây tổn hại với cây và con vật.
- HS kể thêm các việc khác tương tự như hành động của các bạn nhỏ trong hình. GV khuyến khích HS làm các việc phù hợp với bản thân, tham gia nhiều hoạt động để làm ra sản phẩm lưu giữ được.

Sách giáo viên 79

Hoạt động này giúp HS tự đánh giá việc đã làm và đánh giá cả sự tham gia thực hiện các nhiệm vụ học tập. GV cần lưu ý một số vấn đề khi tổ chức hoạt động:

- + GV giúp HS hiểu nội dung gợi ý của từng hình.
- + HS tự đánh giá việc thực hiện của bản thân. Không bắt buộc HS thực hiện hết các nội dung theo hình.
- + GV cùng HS phân tích việc HS thực hiện đã phù hợp chưa? Tìm hiểu lí do những việc HS chưa thực hiện được. Kết quả của đánh giá việc thực hiện có thể khác biệt giữa các HS.

PHẦN BA

CÁC NỘI DUNG KHÁC

1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN

1.1. Cấu trúc sách giáo viên

Cấu trúc SGK *Tự nhiên và Xã hội 1* ngoài các phần thông thường của một cuốn sách như: Tên sách; mục lục; phần một. Giới thiệu chung; phần hai. Hướng dẫn tổ chức hoạt động học, SGK lần này bổ sung một số chi tiết mới, được thiết kế khoa học, đưa tới một cái nhìn tổng thể cho người sử dụng. Chi tiết mỗi phần như sau:

Phần một. Giới thiệu chung về môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1

Trong phần này giới thiệu:

- Mục tiêu dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, trong đó đề cập tới các mục tiêu dạy học theo hướng phát triển năng lực. Đây là điểm mới của Hướng dẫn GV dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 1 theo chương trình 2018.
- Chương trình môn học, yêu cầu cụ thể cần đạt của các chủ đề.
- SGK và các tài liệu bổ trợ môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1.
- Giới thiệu chung về phương pháp dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1.
- Đánh giá trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1.

Phần hai. Hướng dẫn tổ chức hoạt động học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1

Phần này được hướng dẫn theo 6 chủ đề tương ứng với 6 chủ đề trong SGK. Mỗi chủ đề có trang chủ đề và các gợi ý kế hoạch bài học. Cụ thể:

– Trang chủ đề SGK *Tự nhiên và Xã hội 1* gồm có:

- + Tên chủ đề.
- + Thời gian; Tuần; Thời lượng chủ đề.
- + Mục tiêu chủ đề.
- + Năng lực hướng tới của chủ đề.
- + Thuật ngữ chuyên môn của chủ đề.
- + Bảng ma trận Kế hoạch dạy học của chủ đề.

Trang chủ đề trong đó đưa ra: các năng lực cần hướng tới của chủ đề, thuật ngữ chuyên môn và tư liệu dạy học, là những điểm mới của sách hướng dẫn GV.

Mục tiêu của chủ đề

Chủ đề

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Thời gian: Học kì 1; Tuần: 11 – 15;
Thời lượng: 10 tiết

1. MỤC TIÊU

- Nhận biết và mô tả được đặc điểm về quang cảnh xung quanh nơi sống của mình.
- Nhận biết và nói được tên, lợi ích của một số công việc của người dân trong cộng đồng.
- Nhận biết và nêu được ý nghĩa của một số biển báo và đèn tín hiệu giao thông.
- Kể được một số hoạt động thường ngày của người dân và hoạt động trong các dịp lễ hội (Tết năm mới).
- Thể hiện sự tham gia vào một số hoạt động tại nơi mình sống và cảm nhận sự gần gũi với cộng đồng.
- Thể hiện sự quý trọng bản thân, người khác và thực hiện quy tắc an toàn khi tham gia giao thông tại cộng đồng.

2. NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Lắng nghe bạn và nói được (gật, bấu tay) về quang cảnh địa phương, công việc của những người xung quanh, công việc yêu thích, hoạt động yêu thích trong dịp Tết, làm việc nhóm trong một số hoạt động học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách xử lý phù hợp trong những tình huống (gặp đười, liên quan đến an toàn ở trên đường và giữ gìn cộng đồng nơi sống sạch, đẹp).
- Năng lực nhận thức khoa học: Nhận biết bản thân là một phần trong cộng đồng; mô tả được các sự vật tự nhiên và hiện tượng xã hội ở cộng đồng, nhận biết được ý nghĩa của đèn tín hiệu giao thông và một số biển báo giao thông; phân biệt được công việc của những người dân trong cộng đồng; so sánh, phân loại được một số sự vật, hiện tượng trong cộng đồng (quang cảnh, hoạt động của người dân) theo một số tiêu chí đơn giản.

42 – Tự nhiên và Xã hội 1

CHƯƠNG 1

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

BỘN SẼ HỌC

- Nơi chúng ta sống
- Người dân trong cộng đồng
- An toàn trên đường đi
- Tết năm mới
- Ôn tập chủ đề 3

Kế hoạch dạy học các bài

5. KẾ HOẠCH DẠY HỌC			
BÀI/ Số tiết	Nội dung dạy học	Kĩ năng	Ghi chú/PPDH
11 Nơi chúng ta sống (2 tiết)	- Quang cảnh và một số công trình công cộng nơi mình sống: cây xanh, ruộng, vườn, nhà ở, trường học, cửa hàng, chợ, vườn hoa, đường phố, một số phương tiện giao thông... - Tình cảm, gắn bó với nơi mình sống thông qua việc tham gia một số hoạt động chung trong cộng đồng.	- Quan sát hình ảnh. - Giao tiếp (hỏi và trả lời/biểu đạt khi mô tả về quang cảnh nơi mình sinh sống, nơi mình yêu thích hay các hoạt động tham gia trong cộng đồng).	- Quan sát. - Liên hệ thực tế. - Trao đổi, hoạt động.
12 Người dân trong cộng đồng (2 tiết)	- Một số công việc của người dân trong cộng đồng: làm nông nghiệp, đi biển, bán hàng, dạy học, khám bệnh, làm về sinh môi trường, chăm sóc cảnh quan, môi trường... - Lợi ích của mỗi công việc mang lại cho người dân ở địa phương. - Một số hoạt động của HS giúp ích cho cộng đồng.	- Quan sát hình ảnh. - Giao tiếp/biểu đạt: Giới thiệu được một số công việc của người dân trong cộng đồng và lợi ích của các công việc đó; chia sẻ về hoạt động đã làm để giúp ích cho cộng đồng.	- Liên hệ thực tế. - Quan sát hình ảnh. - Lắng nghe, trao đổi và chia sẻ.
13 An toàn trên đường (2 tiết)	- Một số tình huống nguy hiểm xảy ra trên đường đi và cách phòng tránh tại nạn khi đi bộ trên đường và đi qua đường sắt... - Ý nghĩa một số biển báo, biển báo dành cho người đi bộ, biển báo nguy hiểm... và đèn tín hiệu giao thông. - Thực hành đi bộ qua đường theo mô hình.	- Quan sát hình ảnh. - Liên hệ thực tế đi đường hằng ngày. - Giao tiếp/biểu đạt: Hỏi và trả lời về các tình huống trên đường đi, ý nghĩa của đèn tín hiệu giao thông và một số biển báo giao thông. - Thực hành đi bộ an toàn theo mô hình.	- Liên hệ thực tế. - Quan sát hình ảnh. - Trao đổi, hoạt động. - Xử lý tình huống. - Thực hành đi bộ theo mô hình.
14 Tết năm mới (2 tiết)	- Một số công việc chuẩn bị cho ngày Tết: đi chợ Tết, chuẩn bị món ăn ngày Tết, trang trí nhà cửa... - Một số hoạt động của Tết ở địa phương: các hoạt động chúc Tết, thăm hỏi, các hoạt động vui chơi... hoặc lễ hội khác. - Một số hoạt động HS đã tham gia trong dịp Tết năm mới và cảm xúc khi tham gia hoạt động đó.	- Quan sát hình ảnh. - Giao tiếp: Hỏi và trả lời về ngày Tết, mô tả được một số công việc hoạt động trước và trong dịp Tết. - Tạo được sản phẩm: cắt, dán, vẽ... về chủ đề ngày Tết.	- Quan sát hình ảnh và liên hệ thực tế. - Làm việc nhóm. - Thực hành làm sản phẩm về ngày Tết năm mới.
15 Ôn tập chủ đề 3 (2 tiết)	- Quang cảnh làng xóm, đường phố ở nơi HS sống: cây xanh, ruộng, vườn, nhà ở, chợ, công viên, đường phố, phương tiện giao thông... - Một số hoạt động của người dân trong cộng đồng: những công việc diễn ra hằng ngày, hoạt động trong dịp lễ hội truyền thống (Tết năm mới). - An toàn trên đường đi: An toàn khi đi bộ trên đường.	- Quan sát hình ảnh. - Giao tiếp: Giới thiệu được sản phẩm đã thực hiện trong chủ đề. - Trình bày, sắp xếp hình ảnh theo một số tiêu chí. - Đưa ra quyết định để giải quyết một số tình huống liên quan đến nội dung chủ đề.	- Quan sát hình ảnh. - Xử lý tình huống. - Làm việc nhóm. - Trao đổi, hoạt động.

Sách giáo viên 43

Năng lực hướng tới của chủ đề

Thuật ngữ trong chủ đề

– Kế hoạch bài học:

Kế hoạch bài học được thiết kế cho từng bài, theo cách hướng dẫn tổ chức các hoạt động học tập tương ứng với hoạt động trong SGK. *Mỗi kế hoạch bài học của SGK sẽ có phần nhúng SGK của bài học đó vào.* Đây là điểm mới của Hướng dẫn dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 giúp GV thuận tiện tra cứu, so sánh, đối chiếu khi cụ thể hoá hoặc điều chỉnh từ kế hoạch bài học gợi ý trong sách thành kế hoạch bài học cho riêng đối tượng HS của lớp mình, trường mình. Mỗi kế hoạch bài học thường có các mục:

+ Yêu cầu cần đạt của bài học.

+ Đồ dùng dạy học.

+ Tổ chức các hoạt động dạy học, trong đó hướng dẫn tổ chức theo bốn hoạt động lớn: Tổ chức hoạt động khởi động; Tổ chức hoạt động khám phá; Tổ chức hoạt động luyện tập; Tổ chức hoạt động vận dụng: Phần này có thể để chung hoặc tách riêng với phần luyện tập tùy mỗi bài.

Mỗi hoạt động học thường có ba bước: mục tiêu; các bước tiến hành; kết quả. Đó là những gợi ý các hoạt động (cá nhân, cặp đôi, nhóm) của HS, xen kẽ là những gợi ý, dẫn dắt của GV.

Phần YCCĐ, chuẩn bị đồ dùng dạy học - viết cho GV

Phần nhúng SGK

Phần gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học - viết cho GV

Unit 13 An toàn trên đường đi

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được một số tình huống nguy hiểm trên đường đi và cách phòng tránh.
- Nêu được ý nghĩa của một số biển báo, đèn tín hiệu giao thông.
- Thực hành đi bộ an toàn trên phố.
- Thực hành được các an toàn với ô tô.
- Chơi và vận động trên và bên lề vỉa hè và an toàn khi an toàn trên đường đi.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Videos bài hát "An toàn giao thông", sáng tác nhạc ở Tiểu học Trung.
- Tranh vẽ mô phỏng các tình huống nguy hiểm trên đường đi.
- Một số biển báo giao thông thường gặp ở địa phương.
- Bìa cứng để dán các tài liệu.

Chuẩn bị của HS:

- Đồ chơi và vật dụng gần gũi, màu sắc, kích thước.

1. TO CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động khởi động:

- HS xem video bài hát "An toàn giao thông".
- GV nêu câu hỏi:
- Đèn tín hiệu giao thông được thiết kế trong bài hát có ý nghĩa gì?
- Bên lề đường biển báo khu vực đường đi bộ an toàn trên đường đi?
- Hỏi tín hiệu của biển báo khu vực đường đi bộ an toàn?
- GV cần viết vào bài học.

Unit 13 An toàn trên đường đi

TO CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động khởi động:

- HS xem video bài hát "An toàn giao thông".
- GV nêu câu hỏi:
- Đèn tín hiệu giao thông được thiết kế trong bài hát có ý nghĩa gì?
- Bên lề đường biển báo khu vực đường đi bộ an toàn trên đường đi?
- Hỏi tín hiệu của biển báo khu vực đường đi bộ an toàn?
- GV cần viết vào bài học.

Unit 13 An toàn trên đường đi

TO CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động khởi động:

- HS xem video bài hát "An toàn giao thông".
- GV nêu câu hỏi:
- Đèn tín hiệu giao thông được thiết kế trong bài hát có ý nghĩa gì?
- Bên lề đường biển báo khu vực đường đi bộ an toàn trên đường đi?
- Hỏi tín hiệu của biển báo khu vực đường đi bộ an toàn?
- GV cần viết vào bài học.

1.2. Những lưu ý khi sử dụng sách giáo viên

Để khai thác và sử dụng SGK hiệu quả nhất, GV cần lưu ý một số điểm sau:

- Những nội dung trong SGK chỉ là gợi ý, không bắt buộc tất cả GV làm theo.
- Khi sử dụng các bài hướng dẫn cần nghiên cứu trang chủ đề để hình dung các nội dung của chủ đề, cách phân chia kiến thức trong từng bài, con đường hình thành kiến thức, kĩ năng và năng lực hướng tới của chủ đề.
- Phân phối lại kế hoạch dạy học của các chủ đề, hoặc trong mỗi chủ đề nếu cần thiết, để phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học và trình độ HS của mình.
- Địa phương hoá những nội dung, vật liệu học tập được gợi ý trong chủ đề để đảm bảo kiến thức, nội dung bài học gần gũi, thiết thực với HS.

2. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH BỔ TRỢ

2.1. Cấu trúc vở bài tập

Vở bài tập được cấu trúc gồm các phần sau:

- Phần đầu – Phần chung: Giới thiệu tên sách, hướng dẫn sử dụng sách, mục lục của sách. Mục đích là cung cấp cái nhìn tổng quát về các nội dung chính của sách, hướng dẫn cách làm một số dạng bài tập.
- Phần hai – Phần nội dung các bài tập: Các bài tập được cấu trúc tương ứng với các chủ đề, các bài học trong SGK. Trong mỗi bài có khoảng 2 đến 3 bài luyện tập, thực hành. Các bài tập được thiết kế ở các dạng khác nhau, có gợi ý ví dụ trước mỗi dạng bài để HS có thể tự học.

2.2. Hướng dẫn sử dụng vở bài tập

Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 1 được biên soạn cùng với SGK Tự nhiên và Xã hội 1 nhằm giúp HS có cơ hội được củng cố, khắc sâu kiến thức, rèn luyện và thể hiện nhiều hơn các kĩ năng đã học được ở trường, hướng đến hình thành và phát triển năng lực của mình. Sách được dùng để HS tự học, tự đánh giá và học với sự giúp đỡ của người lớn.

Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 1 được biên soạn theo các bài bám sát các chủ đề và bài học trong SGK. Mỗi bài thường có 2 đến 3 bài tập giúp HS thực hiện các hoạt động đọc lập trong và sau giờ học ở trường.

Theo hướng dẫn của vở bài tập, với một số nội dung cho sẵn, HS có thể đánh dấu, nối, điền số, viết chữ để luyện tập, mở rộng thêm kiến thức đã học của mình. Với những nội dung mở, HS thực hiện các hoạt động thực hành, vẽ, cắt, dán,... để thỏa sức sáng tạo, xây dựng sản phẩm, thể hiện các khả năng của mình.

Ví dụ 1: Bài tập yêu cầu HS “Đánh dấu × vào ô trống dưới những đồ dùng có trong lớp học”. HS sẽ quan sát những cơ sở vật chất thực tế có trong lớp học và đánh dấu phù hợp vào ô trống. Như vậy HS trong một lớp sẽ có kết quả tương đương nhau.

1

Đánh dấu X vào ☐ những đồ dùng có trong lớp học của bạn.

			
☐	☐	☐	☐
			
☐	☐	☐	☐
			
☐	☐	☐	☐

Ví dụ 2: Theo yêu cầu của bài tập, HS thể hiện các cây khác nhau, như vậy HS sẽ phát triển năng lực quan sát và sáng tạo.

1

Vẽ cây.

Vẽ một cây bạn thích, nối các bộ phận của cây với ô chữ cho phù hợp.

Tên cây:

Hoa

Quả

Lá

Thân

Rễ

Ví dụ 3: Theo yêu cầu của bài tập, khi HS thực hiện các hoạt động vệ sinh cá nhân hằng ngày, các em sẽ đánh dấu vào những việc mình đã thực hiện. Qua đó các em tự đánh giá được việc thực hành của mình, ý thức rèn luyện bản thân, chăm sóc sức khỏe.

2

Viết và thực hiện:

- Viết thêm vào bảng các việc làm để giữ vệ sinh cơ thể cho phù hợp với thời gian.

- Đánh dấu X các việc đã làm vào các ngày trong tuần.

Các việc làm để giữ vệ sinh hằng ngày		Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
	Rửa mặt							
	Chải răng							
	Thay quần áo							
	Tắm							

Vở bài tập thiết kế một số hoạt động để thầy, cô giáo và cha mẹ HS có thể đồng hành cùng các em. Từ đó hiểu thêm khả năng của con, em mình và có hỗ trợ phù hợp.

Ví dụ: Ở bài 17. Các bộ phận của cây, Bài tập số 2, cha mẹ HS sẽ cùng chuẩn bị một số vật liệu sẵn có trong tự nhiên như lá cây, cành cây khô và hướng dẫn HS tạo nên sản phẩm.

Bài 17: Các bộ phận của cây

1 Vẽ cây.
Vẽ một cây bạn thích, nối các bộ phận của cây với ô chữ cho phù hợp.

Tên cây:

Hoa

Quả

Lá

Thân

Rễ

2 Làm tranh từ hoa và các bộ phận của cây.

a) Chuẩn bị các nguyên, vật liệu:

- Cánh hoa của một số loại hoa có màu sắc tươi sáng; các loại lá kích cỡ vừa phải, có hình dạng khác nhau; bút màu và keo dính.
- Làm khô (ép khô) hoa, lá đã chuẩn bị, cố gắng giữ nguyên hình dạng của cánh hoa và lá hoa đến khi khô.

b) Tạo sản phẩm:

- Lựa chọn hai nhóm cây trong hình dưới, dán cánh hoa và lá vào các vị trí trên hình cho phù hợp.
- Cắt, xé, dán, vẽ thêm các bộ phận khác của cây và tô màu để có một bức tranh đẹp.

Lưu ý:

- Sách bổ trợ dành cho HS khi học tập môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 là vở bài tập. Tài liệu này được coi là phương tiện, giúp HS củng cố và thực hiện các hoạt động học tập ở trên lớp thông qua các dạng bài tập đa dạng.
- Vở bài tập chỉ là tài liệu tham khảo, gợi ý cho GV cách tổ chức các hoạt động tự học. Do đó, GV không nên coi vở bài tập là phương tiện duy nhất, cách tốt nhất để tổ chức hoạt động cho HS. Tùy theo điều kiện thực tế của từng trường, của địa phương, GV có thể thiết kế các mẫu phiếu cho HS sử dụng,...

3. HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

3.1. Cấu trúc tài liệu giáo dục địa phương

Mỗi cuốn tài liệu giáo dục địa phương gồm 8 chủ đề, mỗi chủ đề có thời lượng 4 tiết. Nội dung mỗi chủ đề gồm 4 phần: (1) Giới thiệu; (2) Tìm hiểu; (3) Nhận biết; (4) Trải nghiệm. Mỗi chủ đề này được thiết kế dưới dạng các hoạt động dạy - học, nhằm đạt được các yêu cầu đề ra và phát triển năng lực của HS.

Mỗi lớp dành 3 tiết đánh giá trong mỗi năm học, tổng thời lượng cả năm là 35 tiết.

Đề cương khung các chủ đề ở các cấp học:

Chủ đề	Cấp Tiểu học	Cấp THCS	Cấp THPT
1	Nghệ thuật/ngành truyền thống.	Bảo tồn, phát huy giá trị di sản.	Nguồn lực trong phát triển kinh tế.
2	Món ăn đặc sắc.	Ẩm thực truyền thống.	Thế mạnh trong phát triển kinh tế địa phương.
3	Sản vật địa phương.	Danh lam thắng cảnh.	Nhu cầu nhân lực ở địa phương.
4	Cảnh sắc quê em.	Tài nguyên môi trường.	Nghề truyền thống.
5	Di tích lịch sử văn hóa.	Lịch sử phát triển của địa phương.	Ngành nghề địa phương có nhu cầu.
6	Tri thức bản địa.	Hệ sinh thái động – thực vật.	Những điều kiện cần thiết để tham gia lao động.
7	Những con người làm rạng danh vùng đất.	Cộng đồng dân cư.	Những điều kiện đảm bảo cho người lao động.
8	Văn hóa ứng xử.	Ứng xử với môi trường sống.	Những điều cần biết trong lựa chọn nghề phù hợp với bản thân.

3.2. Cơ hội tích hợp trong sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm

Tự nhiên và Xã hội là một môn học cung cấp cho HS những hiểu biết nền tảng khoa học ban đầu, cơ bản về tự nhiên và xã hội. Chính vì điều đó, môn học coi trọng việc tổ chức cho HS trải nghiệm thực tế, tạo cho HS cơ hội tìm hiểu, khám phá thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh, vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học vào thực tiễn, học cách ứng xử phù hợp với tự nhiên và xã hội.

Trên cơ sở đó, SGK *Tự nhiên và Xã hội 1* được biên soạn trên cơ sở tạo cho GV và HS những cơ hội để tích hợp với môn Hoạt động trải nghiệm 1. Những bài học ở từng chủ đề trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 có thể tích hợp với các chủ đề của môn Hoạt động trải nghiệm lớp 1 được trình bày trong bảng dưới đây:

Các chủ đề và bài học Tự nhiên và Xã hội 1		Hoạt động trải nghiệm 1	
Chủ đề	Bài học	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt
Gia đình	Gia đình của em.	Hoạt động khám phá bản thân.	Thể hiện được một số biểu hiện cảm xúc và hành vi yêu thương phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp thông thường.
	Nơi gia đình chung sống.	Hoạt động	Biết tham gia sắp xếp nhà cửa gọn gàng.
	Ở nhà an toàn.	chăm sóc gia đình.	Biết cách sử dụng một số dụng cụ gia đình một cách an toàn.
Nhà trường	Thành viên trong trường học.	Hoạt động xây dựng nhà trường.	– Làm quen được với bạn mới, thể hiện sự thân thiện với bạn bè, thầy cô.
	Hoạt động khi đến lớp.		– Nhận biết được những việc nên làm vào giờ học, những việc nên làm vào giờ chơi và thực hiện được những việc đó.

Các chủ đề và bài học Tự nhiên và Xã hội 1		Hoạt động trải nghiệm 1	
Chủ đề	Bài học	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt
Cộng đồng địa phương	Nơi chúng mình sinh sống. Người dân trong cộng đồng. Tết và lễ hội năm mới.	Hoạt động xây dựng cộng đồng.	Tham gia một số hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi.
	Nơi chúng mình sống.	Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.	Giới thiệu được với bạn bè, người thân về vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên nơi mình sinh sống.
	Nơi chúng mình sống. Người dân trong cộng đồng.	Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường.	Thực hiện được một số việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi để bảo vệ môi trường xung quanh luôn sạch, đẹp.
Con người và sức khỏe	Giữ vệ sinh cơ thể. Bảo vệ các giác quan. Chăm sóc cơ thể khỏe mạnh. Bảo vệ cơ thể an toàn.	Hoạt động rèn luyện bản thân.	– Thực hiện được một số việc tự chăm sóc bản thân phù hợp với lứa tuổi. – Nêu được những hành động an toàn, không an toàn khi vui chơi và thực hiện được một số hành vi tự bảo vệ.
Trái Đất và bầu trời	Thời tiết.		Thực hiện được một số việc tự chăm sóc bản thân phù hợp với lứa tuổi.

MỤC LỤC

TÊN BÀI	Trang
A – GIỚI THIỆU CHUNG VỀ BỘ SÁCH GIÁO KHOA CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC	3
1. Những vấn đề cơ bản của sách giáo khoa phát triển năng lực	3
2. Định hướng phát triển bộ sách giáo khoa Cùng học để phát triển năng lực	3
3. Cấu trúc sách giáo khoa và tài liệu tham khảo bổ trợ	4
4. Những đặc trưng của bộ sách giáo khoa Cùng học để phát triển năng lực	5
B – TÀI LIỆU TẬP HUẤN DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC LỚP 1	6
TÀI LIỆU TẬP HUẤN MÔN TOÁN	6
Phần một: HƯỚNG DẪN CHUNG	6
Phần hai: GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI	43
Phần ba: CÁC NỘI DUNG KHÁC	53
TÀI LIỆU TẬP HUẤN MÔN TIẾNG VIỆT	55
Phần một: HƯỚNG DẪN CHUNG	55
Phần hai: GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI	118
Phần ba: CÁC NỘI DUNG KHÁC	126

TÀI LIỆU TẬP HUẤN MÔN ĐẠO ĐỨC	128
Phần một: HƯỚNG DẪN CHUNG	128
Phần hai: GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI	161
Phần ba: CÁC NỘI DUNG KHÁC	165
TÀI LIỆU TẬP HUẤN MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI	168
Phần một: HƯỚNG DẪN CHUNG	168
Phần hai: GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI	198
Phần ba: CÁC NỘI DUNG KHÁC	209

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHAN XUÂN THÀNH

Biên tập nội dung: NGUYỄN THỊ THANH - NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO - PHẠM LAN ANH
NGUYỄN THỊ MINH ĐỨC - NGUYỄN HỒNG ÁNH - ĐỖ THỊ BÍCH LIÊN

Biên tập mỹ thuật: BÙI QUANG TUẤN

Thiết kế sách: NGUYỄN THỊ THU HÀ

Trình bày bìa: BÙI QUANG TUẤN

Sửa bản in: NGUYỄN THỊ THANH - NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO - PHẠM LAN ANH
NGUYỄN THỊ MINH ĐỨC - NGUYỄN HỒNG ÁNH - ĐỖ THỊ BÍCH LIÊN

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ sách điện tử và tập huấn qua mạng:

- Sách điện tử: nxbgd.vn/sachdientu hoặc sgkphattriennangluc.vn

- Tập huấn online: nxbgd.vn/taphuan hoặc sgkphattriennangluc.vn/taphuan

**Bản quyền © (2019) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội.**

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội.

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN DẠY HỌC THEO SÁCH GIÁO KHOA MỚI CÁC MÔN
TOÁN - TIẾNG VIỆT - ĐẠO ĐỨC - TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI LỚP 1
BỘ SÁCH CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC**

Mã số: 81741A0

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB: 228-2020/CXBIPH/4-48/GD.

Số QĐXB: /QĐ - GD - HN ngày ... tháng ... năm 2020

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 2020

Mã số ISBN: 978-604-0-20891-0